

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Lu-ca

Chương 1 - 13

Warren W.
Wiersbe

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Lu-ca

Chương 1 - 13

Warren W.
Wiersbe

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

Be Compassionate

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

LỜI GIỚI THIỆU

Nhà triết học lập dị Friedrich Nietzsche cho rằng lòng thương xót làm hạ giá trị con người vì khi tỏ lòng thương xót người khác là người ta đã đánh mất đi quyền lực. Hitler ra đời cũng đã đi theo triết lý đó. Ông ta đã khinh bỉ và sống tách rời người khác, đặc biệt những người yếu đuối, cô thế, tật nguyền. Chính Hitler cũng đã thực hiện kế hoạch nhằm loại trừ họ.

Trái với những con người như Nietzsche hoặc Hitler, Chúa Giê-xu bày tỏ lòng thương xót đối với mọi hạng người trong xã hội. Người tội lỗi, kẻ bị ruồng bỏ, người tuyệt vọng, kẻ vỡ lòng, phụ nữ, trẻ em... khi tìm gặp Ngài đều được đáp ứng nhu cầu. Ngài tự xưng là Con Người, một danh hiệu mà Ngài ưa thích, nói lên sự đồng cảm của Ngài đối với mọi người trong xã hội.

Với tập giải nghĩa này, Warren W. Wiersbe, một mục sư và giáo sư danh tiếng, sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn lòng thương xót của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua Con Người Giê-xu, và nhờ đó chúng ta được khích lệ bày tỏ lòng thương xót những kẻ khốn cùng bằng những việc làm cụ thể.

Được phép của nhà xuất bản SP Publications, Inc., Văn Phẩm Nguồn Sống sẽ lần lượt dịch, hiệu đính và ấn hành trọn bộ giải nghĩa Kinh Thánh Tân Cựu Ước của Warren W. Wiersbe để đáp ứng nhu cầu học hỏi Lời Chúa của các tôi tớ con cái Chúa. Chúng tôi ước ao được sự đón nhận và đóng góp ý kiến của tất cả quý vị.

Văn Phẩm Nguồn Sống
Tháng 3, 2000

MỤC LỤC

1. Tin Mừng (Lu-ca 1)	5
2. Chúa Đã Đến (Lu-ca 2)	21
3. Đây Là Con Đức Chúa Trời (Lu-ca 3,4)	37
4. Chúa Giê-xu, Đấng Biến Đổi Con Người (Lu-ca 5)	55
5. Mọi Sự Đều Mới! (Lu-ca 6)	69
6. Thương Xót Bằng Hành Động (Lu-ca 7)	85
7. Những Bài Học Về Đức Tin (Lu-ca 8)	100
8. Chúc Vụ Muôn Mặt (Lu-ca 9)	116
9. Cơ Đốc Nhân Làm Gì Giữa Thế Gian (Lu-ca 10)	133
10. Những Bài Học Cho Đời Sống (Lu-ca 11)	147
11. Hỡi Anh Em, Hãy Coi Chừng (Lu-ca 12)	164
12. Hỏi Và Đáp (Lu-ca 13)	180

DÀN BÀI PHÚC ÂM LU-CA

Chủ đề: Những Hành Trình Của Chúa Cứu Thế
Như Là Con Người

Câu căn bản : *Lu-ca* 19:10

- I. HÀNH TRÌNH TỪ TRỜI XUỐNG ĐẤT-
1:5-4:13
 1. Báo Tin Chúa Giáng Sinh, 1:5-56
 2. Những Trẻ Thơ Được Sinh Ra, 1:57-2:20
 3. Thời Thơ Ấu Và Niên Thiếu, 2:21-52
 4. Chịu Báp-têm Và Cám Dỗ, 3:1-4:13

- II. HÀNH TRÌNH KHẮP XỨ GA-LI-LÊ-
4:14-9:17

- III. HÀNH TRÌNH ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM-
9:18-19:27

- IV. CHỨC VỤ TẠI GIÊ-RU-SA-LEM-
19:28-24:53

Tin Mừng

Lu-ca 1

Nếu có ai từng viết một cuốn sách đầy những tin vui cho mọi người thì người ấy chính là y sĩ Lu-ca. Thông điệp chính yếu của ông là: “Con Người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất” (*Lu-ca* 19:10). Ông trình bày Chúa Giê-xu Christ, Con Người đầy lòng thương xót đã đến giữa tội nhân, yêu thương, giúp đỡ và chết thay cho họ.

Qua Phúc Âm này, bạn sẽ gặp những cá nhân cũng như đoàn dân, đàn ông, phụ nữ, trẻ con, người nghèo, kẻ giàu, tội nhân lẫn thánh đồ. Đây là sách chứa một thông điệp dành cho mọi người, bởi Lu-ca nhấn mạnh đặc tính phổ quát của Chúa Giê-xu và sự cứu rỗi của Ngài. “... Phúc Âm sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân” (*Lu-ca* 2:10).

Y sĩ Lu-ca chỉ được nhắc đến 3 lần trong Thánh Kinh Tân Ước: *Cô-lô-se* 4:14; *II Ti-mô-thê* 4:11; *Phi-lê-môn* 24. Ông viết sách *Công Vụ* và đồng hành với Phao-lô (so sánh *Lu-ca* 1:1-4 với *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:1), chú ý những từ “chúng ta” ở *Công Vụ Các Sứ Đồ* 16:10-17; 20:4-15; 21:1-18; 27:1-28:16). Có thể ông là người ngoại theo học nghề thầy thuốc nên không có gì ngạc nhiên khi ông mở đầu sách bằng câu chuyện chi tiết về sự ra đời của hai con trẻ “đặc biệt” và nhấn mạnh về sự cảm thông của Đấng Christ đối với người bất hạnh! Ông viết với tinh thần nghiêm túc của một sử gia và

6 / Lu-ca

tấm lòng bác ái của người thầy thuốc.

Phúc Âm Lu-ca được viết cho Thê-ô-phi-lơ (“người yêu Đức Chúa Trời”), có lẽ là một quan chức La Mã đã tin Chúa Giê-xu và bây giờ cần được củng cố niềm tin. Thê-ô-phi-lơ có thể đã tìm kiếm lẽ thật sau khi nghe về Phúc Âm, vì *Lu-ca* 1:4 viết “để ông biết những điều mình đã học là chắc chắn”.

Cuộc đời và thông điệp của Chúa Giê-xu gây ảnh hưởng lớn nên có nhiều sách viết về Ngài, nhưng không phải mọi sách đều đáng tin cậy. Lu-ca viết sách này cốt để người đọc biết một sự kiện chính xác về cuộc đời, chức vụ và thông điệp của Chúa Giê-xu. Lu-ca thận trọng thu thập các sự kiện, chứng cứ, lắng nghe người giảng đạo và nhất là có sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh (*Giăng* 3:31; 19:11) – Ấy chính là sự hà hơi của Thánh Linh Đức Chúa Trời trên thông điệp của ông.

Qua chương 1, Lu-ca cho ta biết thông điệp kỳ diệu từ Đức Chúa Trời đã đến với mọi tầng lớp khác nhau như thế nào và được hưởng ứng ra sao. Bạn sẽ thấy có bốn thái độ đáp ứng khác nhau.

1. Vô Tín

Lu-ca 1:5-25

⁵ Trong đời Hê-rốt, vua nước Giu-đê, có một thầy tế lễ, về ban A-bi-a, tên là Xa-cha-ri; vợ người là Ê-li-sa-bét, thuộc về chi phái A-rôn. ⁶ Cả hai đều là công bình trước mặt Đức Chúa Trời, vâng giữ mọi điều răn và lễ nghi của Chúa một cách không chỗ trách được. ⁷ Hai người không có con, vì Ê-li-sa-bét son sẻ, và cả hai đều cao tuổi.

⁸ Vả, Xa-cha-ri cứ theo thứ tự trong ban mình mà làm chức tế lễ trước mặt Đức Chúa Trời. ⁹ Khi đã bắt thăm theo lệ các thầy cả lập ra rồi, thì người được gọi vào nơi thánh của Chúa để dâng hương. ¹⁰ Đương giờ dâng hương, cả đoàn dân đông đều ở ngoài cầu nguyện. ¹¹ Bấy giờ có một thiên sứ của Chúa hiện ra cùng Xa-cha-ri, đứng bên hữu bàn thờ xông hương. ¹² Xa-cha-ri thấy, thì bối rối sợ hãi. ¹³ Nhưng thiên sứ nói cùng người rằng: Hỡi Xa-cha-ri, đừng sợ, vì lời cầu nguyện người đã được nhậm rồi. Ê-li-sa-bét, vợ người, sẽ sanh một con trai, người khá đặt tên là Giăng. ¹⁴ Con trai đó sẽ làm cho người vui mừng hơn hờ, và nhiều kẻ sẽ mừng rỡ về sự sanh người ra. ¹⁵ Vì người sẽ nên tôn trọng trước mặt Chúa; không uống rượu hay là giống gì làm cho say, và sẽ được đầy dẫy

Đức Thánh Linh từ khi còn trong lòng mẹ. ¹⁶ Người sẽ làm cho nhiều con trai Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Chúa, là Đức Chúa Trời của họ; ¹⁷ chính người lại sẽ lấy tâm thần quyền phép Ê-li mà đi trước mặt Chúa, để đem lòng cha trở về con cái, kẻ loạn nghịch đến sự khôn ngoan của người công bình, đặt sửa soạn cho Chúa một dân sẵn lòng. ¹⁸ Xa-cha-ri thưa rằng: Bởi sao tôi biết được điều đó? Vì tôi đã già, vợ tôi đã cao tuổi rồi. ¹⁹ Thiên sứ trả lời rằng: Ta là Gáp-ri-ên, đứng trước mặt Đức Chúa Trời; Ngài đã sai ta đến truyền cho ngươi và báo tin mừng này. ²⁰ Nay, ngươi sẽ câm, không nói được cho đến ngày nào các điều ấy xảy ra, vì ngươi không tin lời ta, là lời đến kỳ sẽ ứng nghiệm.

²¹ Bấy giờ, dân chúng đợi Xa-cha-ri, và lấy làm lạ, vì người ở lâu trong nơi thánh. ²² Khi Xa-cha-ri ra, không nói với chúng được, thì họ mới hiểu rằng người đã thấy sự hiện thấy gì trong đền thánh; người ra dấu cho họ, mà vẫn còn câm. ²³ Khi những ngày về phần việc mình đã trọn, người trở về nhà. ²⁴ Khi ít lâu, vợ người là Ê-li-sa-bét chịu thai, ẩn mình đi trong năm tháng, mà nói rằng: ²⁵ Ấy là ơn Chúa đã làm cho tôi, khi Ngài đã đoái đến tôi, để cất sự xấu hổ tôi giữa mọi người.

Có một ngày thật đen tối đến với dân tộc Y-sơ-ra-ên. Dân chúng không nhận được lời tiên tri nào từ Đức Chúa Trời trong 400 năm kể từ lúc Ma-la-chi nói về tiên tri Ê-li (*Ma-thi-ơ* 4:5-6). Những người lãnh đạo thuộc linh thời bấy giờ bị bắt bớ bởi truyền thống cố hữu, sự bại hoại của xã hội và bởi bạo chúa Hê-rốt - kẻ từng xử tử một trong chín (hoặc mười) người vợ mình không có lý do chính đáng. Dẫu ngày ấy đen tối ra sao, Đức Chúa Trời vẫn luôn có những con người biết dẫn thân và vâng phục.

Một thầy tế lễ trung tín (Lu-ca 1:5-7). Xa-cha-ri (“Đức Giê-hô-va nhớ đến”) và Ê-li-sa-bét (nghĩa là “Đức Chúa Trời là giao ước tôi”) là cặp vợ chồng tin kính thuộc dòng tế lễ. Các thầy tế lễ được phân thành hai mươi bốn ban thứ (*I Sử Ký* 24:1-31) và mỗi thầy tế lễ sẽ phục vụ trong đền thờ suốt hai tuần lễ trong năm. Dù quanh họ đầy đầy sự vô tín, Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét vẫn trung tín vâng theo lời Đức Chúa Trời trong cách sống mẫu mực. Nỗi khổ duy nhất của họ là không có con nối tự nên đã kiên trì cầu nguyện cho nan đề này. Họ đâu ngờ Đức Chúa Trời sẽ nhậm lời và ban cho họ không phải một thầy tế lễ, nhưng là một tiên tri! Đó không phải là tiên tri bình thường, vì con họ sẽ là sứ giả dọn đường cho Đấng Rất

8 / Lu-ca

Cao!

Một thầy tế lễ kinh hãi (Lu-ca 1:8-17). Theo lệ, các thầy tế lễ bắt thăm để xem ai sẽ lãnh nhiệm vụ gì và Xa-cha-ri được chọn để dâng hương trong nơi thánh. Vinh dự đặc biệt này dành cho thầy tế lễ chỉ một lần duy nhất trong đời. Việc dâng hương được thực hiện khoảng 3 giờ chiều mỗi ngày, trước của lễ buổi sáng và sau của lễ buổi chiều. Có lẽ, Xa-cha-ri được dâng hương vào buổi chiều.

Nếu để ý, chắc bạn sẽ thấy Đức Chúa Trời thường nói với con cái Ngài cũng như kêu gọi họ lúc họ đang bận rộn với công việc thường nhật. Chẳng hạn, Môi-se và Đa-vít đang chăn chiên, Ghi-đê-ôn đang đập lúa, Phi-e-rơ cùng các bạn chài đang vá lưới lúc Chúa Giê-xu gọi họ. Thật khó điều khiển chiếc xe khi máy của nó không hoạt động!

Chúng ta bận rộn - chính là lúc Đức Chúa Trời khởi sự dẫn dắt chúng ta. Lu-ca nói về các thiên sứ 23 lần trong Phúc Âm này, thực ra, có rất nhiều thiên sứ (*Khải Thị 5:11*) chứ không chỉ 2 thiên sứ thường được nói đến trong Kinh Thánh như Mi-ca-ên và Gáp-ri-ên (*Đa-ni-ên 10:13,21; 12:1; Giu-đe 1:9; Khải Thị 12:7; Đa-ni-ên 8:16; 9:21; Lu-ca 1:19,26*). Khi Thiên sứ Gáp-ri-ên xuất hiện bên bàn thờ xông hương, Xa-cha-ri rất hoảng sợ vì sự hiện diện của thiên sứ có thể là sự đoán phạt của Chúa.

Lời phán “Đừng sợ!” được ghi lại nhiều lần trong Phúc Âm Lu-ca (*Lu-ca 1:13, 30; 2:10; 5:10; 8:50; 12:7,32*). Bạn hình dung xem, hẳn Xa-cha-ri xúc động biết bao khi nghe rằng vợ chồng ông sẽ có một con trai! “Sự vui mừng” cũng là chủ đề chính trong Phúc Âm Lu-ca, được nhắc đến ít nhất 19 lần. Tin tức tốt lành thực sự đem đến “sự vui mừng”!

Thiên sứ Gáp-ri-ên cho Xa-cha-ri biết phải đặt tên con trẻ là Giăng (nghĩa là “Đức Giê-hô-va hay thương xót”) và dâng nó cho Đức Chúa Trời để làm một Na-xi-rê trọn đời (*Dân Số Ký 6:1-21*). Con trẻ này sẽ đầy dẫy Đức Thánh Linh trước khi ra đời (*Lu-ca 1:41*), sẽ là tiên tri của Đức Chúa Trời nói cho

dân Y-sơ-ra-ên biết về Con Độc Sinh (*Giăng* 1:15-34). Đức Chúa Trời sẽ dùng chức vụ của Giăng để khiến lòng nhiều người trở lại cùng Chúa của họ như tiên tri Ê-sai đã báo trước (*Ê-sai* 40:1-5).

Một thầy tế lễ thiếu đức tin (Lu-ca 1:18-22). Có lẽ bạn nghĩ rằng sự hiện diện của thiên sứ cùng với thông điệp từ Đức Chúa Trời có thể củng cố niềm tin của Xa-cha-ri. Tiếc thay, không phải vậy. Thay vì tin nơi Đức Chúa Trời, thầy tế lễ này chỉ nhìn thấy thực trạng của chính mình và vợ, rồi cho rằng chuyện sinh con không thể xảy ra. Ông cần có sự bảo đảm nào đó, có thể là một dấu hiệu từ Đức Chúa Trời chứ không chỉ ở lời nói suông của Gáp-ri-ên một sứ giả của Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên đây là sự vô tín là điều Đức Chúa Trời không thể chấp nhận. Xa-cha-ri thực sự đang chất vấn Đức Chúa Trời về khả năng thực thi lời hứa của Ngài! Ông há dễ quên điều Đức Chúa Trời đã làm cho Áp-ra-ham và Sa-ra sao? (*Sáng Thế Ký* 18:9-15; *Rô-ma* 4:18-25). Phải chăng ông cho rằng những giới hạn về thể chất của chính mình có thể ngăn trở Đức Chúa Trời toàn năng? Tuy nhiên trước khi phê phán Xa-cha-ri, chúng ta nên nhìn lại chính mình xem đức tin của chúng ta đang ở mức độ nào.

Đức tin đáng được chúc phước, còn sự vô tín phải bị lên án, Vì vậy Xa-cha-ri bị câm (có thể điếc -*Lu-ca* 1:62) cho đến khi lời tiên tri được thực hiện. “Ta đã tin, cho nên ta nói” (*II Cô-rinh-tô* 4:13), nhưng Xa-cha-ri không tin nên ông không thể nói được. Đức Chúa Trời quả đã ban cho ông một “dấu hiệu” đặc biệt chỉ mình ông biết, hầu ông có thể sống với dấu hiệu ấy suốt 9 tháng sau đó.

Thầy tế lễ được ưu đãi. Xa-cha-ri chắc đã trải qua thời gian căng thẳng khó hoàn thành tuần lễ nhiệm vụ của mình, chẳng những vì tật nguyên, nhưng còn vì xúc động mãnh liệt (*Lu-ca* 1:23-25). Ông hầu như không thể chờ đợi được nữa, mong sao trở về “miền núi” (*Lu-ca* 1:39) nơi ông sống để thuật cho vợ

10 / Lu-ca

nghe tin mừng này.

Đức Chúa Trời thành tín với lời hứa của Ngài: Ê-li-sa-bét mang thai một con trai ở tuổi già. “Chẳng có sự gì là khó quá cho Ngài cả” (*Giê-rê-mi* 32:17). Dường như bị dân chúng tò mò soi mói nên Ê-li-sa-bét buộc phải ẩn mình, ngay những lúc ca ngợi Chúa về sự thương xót của Ngài. Bà không chỉ có một con trai nhưng sự ra đời của con bà là chứng cứ *Đáng Mết-si-a sắp đến!* Quả là những ngày vui mừng!

2. Đức Tin

Lu-ca 1: 26-38

²⁶ Đến tháng thứ sáu, Đức Chúa Trời sai thiên sứ Gáp-ri-ên đến thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê, ²⁷ tới cùng một người nữ đồng trinh tên là Ma-ri, đã hứa gả cho một người nam tên là Giô-sép, về dòng vua Đa-vít. ²⁸ Thiên sứ vào chỗ người nữ ở, nói rằng: Hỡi người được ơn, mừng cho người; Chúa ở cùng người. ²⁹ Ma-ri nghe nói thì bối rối, tự hỏi rằng lời chào ấy có nghĩa gì. ³⁰ Thiên sứ bèn nói rằng: Hỡi Ma-ri, đừng sợ, vì người đã được ơn trước mặt Đức Chúa Trời. ³¹ Nay, người sẽ chịu thai và sanh một con trai mà đặt tên là Jêsus. ³² Con trai ấy sẽ nên tôn trọng, được xưng là Con của Đấng Rất Cao; và Chúa, là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít là tổ phụ Ngài. ³³ Ngài sẽ trị vì đời đời nhà Gia-cốp, nước Ngài vô cùng. ³⁴ Ma-ri bèn thưa rằng: Tôi chẳng hề nhận biết người nam nào, thì làm sao có được sự đó? ³⁵ Thiên sứ truyền rằng: Đức Thánh Linh sẽ đến trên người, và quyền phép Đấng Rất Cao sẽ che phủ người dưới bóng mình, cho nên con thánh sanh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời. ³⁶ Kìa, Ê-li-sa-bét, bà con người, cũng đã chịu thai một trai trong lúc già nua; người ấy vốn có tiếng là son, mà nay cứu mang được sáu tháng rồi. ³⁷ Bởi vì không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được. ³⁸ Ma-ri thưa rằng: Tôi đây là tôi tớ Chúa; xin sự ấy xảy ra cho tôi như lời người truyền! Đoạn thiên sứ lìa khỏi Ma-ri.

Khi Ê-li-sa-bét mang thai được 6 tháng, thiên sứ Gáp-ri-ên một lần nữa loan tin về sự ra đời của con trẻ kế tiếp cho nữ đồng trinh Ma-ri ở Na-xa-rét. Ít ra, thiên sứ này đã xuất hiện ở nhiều nơi khác nhau đến với những con người khác nhau: cụ già, thiếu phụ, thầy tế lễ, con cháu Đa-vít, kẻ vô tín, người tin kính, đền thờ, Giê-ru-sa-lem, Na-xa-rét.

Người dân trong vùng Giu-đê rất khinh thường người Do Thái ở Ga-li-lê, cho rằng dân vùng này vi phạm luật pháp vì

tiếp xúc với những người ngoại giáo (*Ma-thi-ơ* 4:15). Họ đặc biệt khinh khi người ở Na-xa-rét (*Giăng* 1:45-46). Dầu vậy bởi ân sủng, Đức Chúa Trời đã chọn một nữ đồng trinh từ Na-xa-rét xứ Ga-li-lê để làm mẹ Đấng Mết-si-a của lời hứa.

Khi sự kiện này xảy đến với Ma-ri, người ta thiên về hai thái cực: hoặc quá ca tụng bà đến nỗi Chúa Giê-xu chỉ chiếm vị trí phụ (*Lu-ca* 1:32), hoặc không để tâm đến bà và thiếu sự tôn trọng đối với bà (*Lu-ca* 1:48). Khi Ê-li-sa-bét đầy dẫy Đức Thánh Linh đã gọi bà là “Mẹ Chúa tôi” (*Lu-ca* 1:43), lý do đó đủ để thấy bà đáng được tôn trọng.

Ta biết gì về Ma-ri? Bà là nữ đồng trinh Do Thái thuộc đại tộc Giu-đa, con cháu vua Đa-vít (*Ê-sai* 7:14). Bà đã hứa hôn với người thợ mộc ở Na-xa-rét tên là Giô-sép (*Ma-thi-ơ* 13:55) và rõ ràng cả hai đều rất nghèo (*Lu-ca* 2:24; *Lê-vi Ký* 12:8). Giữa vòng dân Do Thái thời bấy giờ, hứa hôn cũng có giá trị như hôn nhân và chỉ có thể chấm dứt bằng cách ly hôn. Hai người mới hứa hôn đã được công nhận là vợ chồng rồi (so sánh *Ma-thi-ơ* 1:19 và *Lu-ca* 2:5). Vì những người nữ Do Thái lấy chồng rất sớm, nên có thể khi thiên sứ hiện đến với Ma-ri, nàng là thiếu nữ mới lớn.

Sự ngạc nhiên của Ma-ri (*Lu-ca* 1:26-33). Đọc kỹ lời chào mừng của thiên sứ Gáp-ri-ên, bạn có thể hiểu rõ lý do Ma-ri bối rối sợ sệt. “Hỡi người được ơn, mừng cho người, Chúa ở cùng người”. Nhiều cổ bản Hy Lạp không có câu: “người có phước trong đám đàn bà” (mà bạn tìm thấy ở đây trong *Lu-ca* 1:42). Vì sao thiên sứ đến chào mừng Ma-ri? Bà được ơn Đức Chúa Trời ở phương diện nào? Chúa ở cùng bà ra sao?

Lời đáp của Ma-ri bày tỏ sự khiêm cung thành tâm của bà trước Đức Chúa Trời. Bà chưa bao giờ dám nghĩ đến chuyện gặp một thiên sứ để nhận những đặc ân thiên thưởng ấy. Bà tự nghĩ mình chẳng có gì xứng đáng. Nếu bà khác biệt với tất cả những người nữ Do Thái khác như một số nhà thần học tuyên bố, có lẽ lúc ấy bà sẽ nói với thiên sứ rằng: “Ô, thời điểm đã đến! Ta đang đợi người đây!” Nhưng không, mọi sự

12 / Lu-ca

xảy đến thật quá ngạc nhiên đối với bà.

Thiên sứ Gáp-ri-ên báo cho bà tin mừng: bà sẽ làm mẹ Đấng Mết-si-a của lời hứa, Đấng bà sẽ đặt tên là Giê-xu (“Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi”; *Ma-thi-ơ* 1:21). Bạn hãy để ý rằng thiên sứ Gáp-ri-ên khẳng định cả thần tính nhân tính của Chúa Giê-xu: là Con Ma-ri Ngài là người, là Con của Đấng Rất Cao (*Lu-ca* 1:32), Ngài là Con Đức Chúa Trời (*Lu-ca* 1:35). “Vì có một con trẻ sinh cho chúng ta (thần tính của Ngài) tức là một con trai ban cho chúng ta (thần tính Ngài)...” (*Ê-sai* 9:5). Lời xác nhận này chỉ về sự vĩ đại của Con (*Lu-ca* 1:15) chứ không phải của mẹ. Ngài sẽ là một Vị Vua nối ngôi Đa-vít và cai trị Y-sơ-ra-ên đời đời! Nếu giải thích theo nghĩa đen lời Gáp-ri-ên nói trong *Lu-ca* 1:30-31, ta cũng phải giải thích theo nghĩa đen lời thiên sứ ấy nói trong *Lu-ca* 1:32-33. Vị này muốn nói đến giao ước Đức Chúa Trời lập với Đa-vít (*II Sa-mu-ên* 7:1-29) và vương quốc của Ngài hứa với dân Y-sơ-ra-ên (*Ê-sai* 9:1-7, 11-12, 61, 66; *Giê-rê-mi* 33:1-26).

Chúa Giê-xu đến thế gian để cứu rỗi con người, đồng thời thực hiện lời hứa Đức Chúa Trời đối với tổ phụ dân Do Thái (*Rô-ma* 15:8). Hôm nay, Ngài đang ngự trên thiên đàng (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:29-36) không phải trên ngôi Đa-vít. Sẽ có một ngày, Ngài tái lâm để lập vương quốc công bình trên đất và làm trọn những lời hứa này.

Sự thuận phục của Ma-ri (*Lu-ca* 1:34-38). Bà biết điều sẽ xảy đến nhưng không rõ bằng cách nào. Câu hỏi của bà trong câu 34 không phải chứng cứ của sự vô tín (*Lu-ca* 1:18). Ngược lại, đó chính là sự bày tỏ đức tin. Bà tin vào lời hứa Đức Chúa Trời, nhưng không hiểu cách hành động của Ngài. Làm sao trinh nữ có thể sinh con?

Trước tiên Gáp-ri-ên giải thích rằng sự kiện này là một phép lạ do Thánh Linh Đức Chúa Trời hành động. Giô-sép chồng hứa của Ma-ri không phải là cha đứa trẻ (*Ma-thi-ơ* 1:18-25), dù theo luật pháp Chúa Giê-xu được công nhận là con trai Giô-sép (*Lu-ca* 3:23; 4:22; *Giăng* 1:45; 6:42). Có thể ai đó

nghĩ rằng Ma-ri không chung thủy với Giô-sép và Chúa Giê-xu là “con ngoại tình” (*Giăng* 8:41). Đây là nỗi đau Ma-ri phải mang suốt đời (*Lu-ca* 2:35).

Thiên sứ Gáp-ri-ên cho biết rõ rằng con trẻ sinh ra sẽ là “Con Thánh” không mang bản chất tội lỗi của con người. Chúa Giê-xu là Đấng chẳng biết tội lỗi (*II Cô-rinh-tô* 5:21), chưa từng phạm tội (*I Phi-e-rơ* 2:22) và trong Ngài không có tội lỗi (*I Giăng* 3:5). Thân thể được sắm sẵn cho chính Ngài bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ* 10:5), Đấng “che phủ” Ma-ri dưới bóng mình. Từ “che phủ” này được áp dụng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở nơi Chí Thánh trong đền tạm và đền thờ của người Do Thái (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 40:35). Bụng của Ma-ri đã trở thành nơi chí thánh cho Con Đức Chúa Trời!

Thiên sứ chấm dứt thông điệp với lời khích lệ Ma-ri: Ê-li-sa-bét người bà con của bà cũng đang chịu thai, chứng tỏ “không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được”. Đức Chúa Trời đã phán với Áp-ra-ham lời tương tự khi cho ông biết về sự ra đời của Y-sác (*Sáng Thế Ký* 18:14). Đức Chúa Trời chúng ta có thể làm được mọi sự, điều này được chứng minh qua Gióp (*Gióp* 42:2); Giê-rê-mi (*Giê-rê-mi* 32:17), Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ* 19:26). Đức Chúa Trời thực hiện chương trình Ngài bằng quyền năng của Lời Ngài phán (*Thi Thiên* 33:9).

Đáp ứng đức tin của Ma-ri là thuận phục, hiến dâng bản thân để trở thành một đầy tớ sẵn sàng cho “tôi tớ Đức Chúa Trời”. Bà kinh nghiệm ơn Đức Chúa Trời (*Lu-ca* 1:30), tin nơi Lời Ngài nên bà được Đức Thánh Linh sử dụng để thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời. “Tôi tớ” là chức phận thấp nhất được Ma-ri sử dụng để bày tỏ mức độ bà tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Bà hoàn toàn thuộc về Chúa: thể xác (*Lu-ca* 1:38), linh hồn (*Lu-ca* 1:46) và tâm thần (*Lu-ca* 1:47). Thật là một tấm gương đáng để chúng ta noi theo! (*Rô-ma* 12:1-2).

3. Vui Mừng

Lu-ca 1: 39-56

³⁹ Trong những ngày đó, Ma-ri chờ dậy, lật đật đi trong miền núi, đến một thành về xứ Giu-đa, ⁴⁰ vào nhà Xa-cha-ri mà chào Ê-li-sa-bét. ⁴¹ Vả, Ê-li-sa-bét vừa nghe tiếng Ma-ri chào, con nhỏ ở trong lòng liền nhảy nhót; và Ê-li-sa-bét được đầy Đức Thánh Linh, ⁴² bèn cất tiếng kêu rằng: Người có phước trong đám đàn bà, thai trong lòng người cũng được phước. ⁴³ Nhân đâu ta được sự về vang này, là mẹ Chúa ta đến thăm ta? ⁴⁴ Bởi vì tai ta mới nghe tiếng người chào, thì con nhỏ ở trong lòng ta liền nhảy mừng. ⁴⁵ Phước cho người đã tin, vì lời Chúa truyền cho sẽ được ứng nghiệm! ⁴⁶ Ma-ri bèn nói rằng:

Linh hồn tôi ngợi khen Chúa,

⁴⁷ Tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi,

⁴⁸ Vì Ngài đã đoái đến sự hèn hạ của tôi tớ Ngài.

Này, từ rày về sau, muôn đời sẽ khen tôi là kẻ có phước;

⁴⁹ Bởi Đấng Toàn năng đã làm các việc lớn cho tôi.

Danh Ngài là thánh,

⁵⁰ Và Ngài thương xót kẻ kính sợ Ngài từ đời này sang đời kia.

⁵¹ Ngài đã dùng cánh tay mình để tỏ ra quyền phép;

Và phá tan mưu của kẻ kiêu ngạo toan trong lòng.

⁵² Ngài đã cách người có quyền khỏi ngôi họ,

Và nhắc kẻ khiêm nhượng lên

⁵³ Ngài đã làm cho kẻ đói được đầy thức ngon,

Và đuổi kẻ giàu về tay không.

⁵⁴ Ngài đã vừa giúp Y-sơ-ra-ên, tôi tớ Ngài,

Và nhớ lại sự thương xót mình

Đối với Áp-ra-ham cùng con cháu người luôn luôn,

⁵⁵ Như Ngài đã phán cùng tổ phụ chúng ta vậy.

⁵⁶ Ma-ri ở với Ê-li-sa-bét chừng ba tháng, rồi trở về nhà mình.

Khi Ma-ri biết mình sắp làm mẹ và người bà con Ê-li-sa-bét sẽ sinh con trong vòng ba tháng, bà muốn đi thăm Ê-li-sa-bét để cùng chia sẻ niềm vui. “Sự vui mừng” là chủ đề chính của phân đoạn này, bạn sẽ thấy có ba người vui mừng trong Chúa.

Trước tiên là sự vui mừng của Ê-li-sa-bét (Lu-ca 1:39-45).

Khi Ma-ri bước vào nhà, Ê-li-sa-bét nghe lời chào của bà, liền được Thánh Linh cảm động và được cho biết lý do Ma-ri đến. Bà sử dụng nhiều lần từ “phước”. Để ý rằng bà không nói Ma-ri có phước *trên hết* những người nữ, nhưng nói Ma-ri có

phước trong đám người nữ, và thật sự như thế. Trong khi đó, chúng ta không muốn quy cho Ma-ri những điều chỉ thuộc về Đức Chúa Trời, cũng không muốn đánh giá thấp vị trí của bà trong chương trình Đức Chúa Trời.

Điều Ê-li-sa-bét muốn nhấn mạnh là đức tin của Ma-ri: “Phước cho người đã tin” (*Lu-ca* 1:45). Chúng ta được cứu “nhờ ân sủng, bởi đức tin” (*Ê-phê-sô* 2:8,9). Ma-ri kinh nghiệm quyền năng Đức Chúa Trời bởi bà đã tin nơi Lời phán của Ngài.

Kể đến là sự vui mừng của Giăng - con trẻ sắp sinh ra (*Lu-ca* 1:41,44). Có thể đây chính là thời điểm Giăng được đầy dẫy Đức Thánh Linh như lời thiên sứ báo trước (*Lu-ca* 1:15). Ngay cả trước khi ra đời, Giăng đã vui mừng trong Chúa Giê-xu, và tiếp tục vui mừng suốt thời gian thi hành chức vụ trên đất (*Giăng* 3:29-30). Là Giăng Báp-tít ông có đặc quyền lớn lao được giới thiệu Đấng Cứu Thế cho dân tộc Do Thái.

Người vui mừng thứ ba là Ma-ri (*Lu-ca* 1:46-56). Niềm hân hoan tràn ngập khiến bà bật lên lời ca tụng Chúa. Đầy dẫy Đức Thánh Linh sẽ khiến chúng ta có thể vui mừng ngợi ca Chúa trong cuộc sống (*Ê-phê-sô* 5:18-20) và sự đầy dẫy Lời Chúa cũng khiến chúng ta vui mừng như thế (*Cô-lô-se* 3:16-17). Bài ca của Ma-ri chứa đựng những lời trích dẫn được chép trong Thánh Kinh Cựu Ước, đặc biệt ở sách *Thi Thiên* và bài ca của An-ne trong *I Sa-mu-ên* 2:1-10. Ma-ri giấu Lời Chúa trong lòng và biến nó thành bài ca.

Bài ca này được gọi là “Bài Ca Tôn Ngợi” (The Magnificat), do câu La-tinh “Magnificat anima mea Dominum” (Linh hồn tôi tôn ngợi Chúa) dịch câu *Lu-ca* 1:46 mà ra. Niềm khao khát mãnh liệt của bà là được ca tụng Chúa. Bà sử dụng những từ Ngài đã... nhiều lần khi kể lại những ơn phước Ngài đã ban cho ba người.

Điều Đức Chúa Trời đã làm cho Ma-ri (*Lu-ca* 1:46-49). Trước tiên, Ngài cứu rỗi bà (*Lu-ca* 1:47). Điều này cho thấy Ma-ri là một tội nhân giống như chúng ta, cần phải tin nhận

Chúa để được sự sống đời đời. Không chỉ cứu rỗi bà, Đức Chúa Trời còn chọn bà làm mẹ Đấng Christ (*Lu-ca* 1:48). Ngài “đoái đến” bà, nghĩa là Ngài lưu tâm đến bà và ban ơn cho bà. Có nhiều người có thể được Đức Chúa Trời chọn, nhưng Ngài đã chọn Ma-ri! Đức Chúa Trời thật đã bày tỏ ân sủng Ngài trên bà (*I Cô-rinh-tô* 1:26-28).

Đức Chúa Trời không chỉ lưu tâm đến Ma-ri, Ngài còn bày tỏ quyền năng Ngài trên bà (*Lu-ca* 1:49). Ma-ri không thể không ngợi khen “Đấng toàn năng đã làm các việc lớn cho tôi” (*Lu-ca* 8:39; *I Sa-mu-ên* 12:24; *II Sa-mu-ên* 7:21-23; *Thi Thiên* 126:2-3). Ma-ri tin Đức Chúa Trời và đầu phục ý muốn Ngài, nên Ngài đã thực hiện một phép lạ trong cuộc đời bà và sử dụng bà để đưa Đấng Cứu Thế vào trần gian.

Điều Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta (*Lu-ca* 1:50-53). Trong đoạn ca kế tiếp, Ma-ri nhắc đến tất cả những người kính sợ Chúa trải các đời. Chúng ta đều được Chúa thương xót và kinh nghiệm sự cứu giúp của Ngài. Ma-ri kể ra ba nhóm người được Đức Chúa Trời thương xót: người cô thế (*Lu-ca* 1:51), người khiêm nhường (*Lu-ca* 1:52) và người đói khát (*Lu-ca* 1:53).

Người dân thời bấy giờ hầu như đều bất lực trước công lý và dân quyền. Họ đói khát, bị hà hiếp và bị nhục chí (*Lu-ca* 4:16-19), vô phương chống lại cường quyền. Tổ chức bí mật của những nhà ái quốc cực đoạn Do Thái gọi là “những kẻ nhiệt tình” đã dùng bạo lực để chống đối La Mã, nhưng các hoạt động của họ chỉ làm cho thực trạng càng thêm tồi tệ.

Ma-ri thấy Chúa đảo lộn tất cả mọi sự: người yếu đuối trỗi phước kẻ mạnh, người khiêm nhường đỗi kẻ kiêu ngạo, những người tầm thường được tôn cao, người đói khát được no đủ, kẻ giàu có thành ra tay không. Ân sủng của Đức Chúa Trời hành động ngược với tư tưởng và quy lệ của thế gian (*I Cô-rinh-tô* 1:26-28). Hội Thánh cũng giống như những nhóm người đã tụ tập quanh Vua Đa-vít (*I Sa-mu-ên* 22:2).

Điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên (*Lu-ca*

1:54-55). “Ngài sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (*Ma-thi-ơ* 1:21). Dẫu ở tình trạng thiếu thốn cơ cực, dân Y-sơ-ra-ên vẫn là tôi tớ Đức Chúa Trời, Ngài sẽ giúp họ thực hiện ý muốn Ngài. Đức Chúa Trời bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên, Ngài sẽ nhớ lại sự thương xót và thực hiện lời hứa Ngài (*Thi Thiên* 98:1-3; *Sáng Thế Ký* 12:1-3; 17:19; 22:18; 26:4; 28:14).

Ma-ri ở với Ê-li-sa-bét cho đến khi Giăng ra đời, sau đó bà trở lại Na-xa-rét. Vào lúc này, việc Ma-ri có thai đã rõ ràng và miệng đời đã bắt đầu xâm xì. Bà xa gia đình đã ba tháng; và người ta có thể thắc mắc vì sao bà ra đi vội vã như thế? Lúc ấy Đức Chúa Trời đem tin mừng đến cho Giô-sép và chỉ dạy ông những gì phải làm (*Ma-thi-ơ* 1:18-25).

4. Ca Ngợi

Lu-ca 1: 57-80

⁵⁷ Bấy giờ, đến ngày mãn nguyệt, Ê-li-sa-bét sanh được một trai. ⁵⁸ Xóm giềng bà con nghe Chúa tỏ ra sự thương xót cả thể cho Ê-li-sa-bét, thì chia vui cùng người. ⁵⁹ Qua ngày thứ tám, họ đều đến để làm lễ cắt bì cho con trẻ; và đặt tên là Xa-cha-ri theo tên của cha. ⁶⁰ Nhưng mẹ nói rằng: Không! Phải đặt tên con là Giăng. ⁶¹ Họ nói: Trong bà con người không ai có tên đó. ⁶² Họ bèn ra dấu hỏi cha muốn đặt tên gì cho con. ⁶³ Xa-cha-ri biểu lấy bảng nhỏ, và viết rằng: Giăng là tên nó. Ai nấy đều lấy làm lạ. ⁶⁴ Tức thì miệng người mở ra, lưỡi được thông thả, nói và ngợi khen Đức Chúa Trời. ⁶⁵ Hết thầy xóm giềng đều kinh sợ, và người ta nói chuyện với nhau về mọi sự ấy khắp miền núi xứ Giu-đê. ⁶⁶ Ai nghe cũng ghi vào lòng mà nói rằng: Ấy vậy, con trẻ đó sẽ ra thể nào? Vì tay Chúa ở cùng con trẻ ấy.

⁶⁷ Bấy giờ, Xa-cha-ri, cha con trẻ ấy, được đầy dẫy Đức Thánh Linh, thì nói tiên tri rằng:

⁶⁸ Ngợi khen Chúa, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên,
Vì đã thăm viếng và chuộc dân Ngài,

⁶⁹ Cùng sanh ra cho chúng tôi trong nhà Đa-vít, tôi tớ Ngài,
Một Đấng Cứu Thế có quyền phép!

⁷⁰ Như lời Ngài đã dùng miệng các thánh tiên tri phán từ thuở trước,

⁷¹ Ngài cứu chúng tôi khỏi kẻ thù và tay mọi người ghen ghét chúng tôi;

⁷² Ngài tỏ lòng thương xót đến tổ tông chúng tôi,
Và nhớ lại lời giao ước thánh của Ngài,

⁷³ Theo như Ngài đã thề với Áp-ra-ham là tổ phụ chúng tôi,

- ⁷⁴ Mà hứa rằng khi chúng tôi đã được cứu khỏi tay kẻ nghịch thù,
Ngài sẽ ban ơn lành cho chúng tôi, trước mặt Ngài,
⁷⁵ Lấy sự thánh khiết và công bình mà hầu việc Ngài, trọn đời mình
không sợ hãi gì hết.
⁷⁶ Hỡi con trẻ, người ta sẽ kêu con là tiên tri của Đấng Rất Cao;
Con sẽ đi trước mặt Chúa, dọn đường Ngài,
⁷⁷ Để cho dân Ngài bởi sự tha tội họ mà biết sự rồi.
⁷⁸ Vì Đức Chúa Trời chúng tôi động lòng thương xót,
Và mặt trời mọc lên từ nơi cao thăm viếng chúng tôi,
⁷⁹ Để soi những kẻ ngồi chỗ tối tăm và trong bóng sự chết,
Cùng đưa chân chúng tôi đi đường bình an.

⁸⁰ Vả, con trẻ ấy lớn lên, tâm thần mạnh mẽ, ở nơi đồng vắng cho đến ngày tỏ
mình ra cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Đức Chúa Trời ban phước dồi dào trên Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét. Ngài ban cho ông bà một con trai như Ngài đã hứa. Ông bà đặt tên con là “Giăng” theo lời Đức Chúa Trời. Dân Do Thái xem con trẻ là sự ban cho của Đức Chúa Trời và “là cơ nghiệp bởi Đức Giê-hô-va mà ra” (*Thi Thiên* 127:3-5; 128:1-3). Thật như vậy! Họ không theo tập tục phá thai hoặc bỏ rơi con như dân ngoại bang thường làm. Chỉ riêng con số 1.500.000 thai nhi bị phá bỏ hằng năm ở Mỹ đủ để bạn thấy chúng ta đã đi xa khỏi luật pháp Đức Chúa Trời chừng nào!

Tiến sĩ E. T. Sullivan nói rằng: “Sức mạnh vĩ đại nhất trên thế giới không phải là những trận động đất hay sấm sét - mà chính là những con trẻ”.

Theo lệ, con trai sẽ được đặt tên theo cha hay người trong gia đình. Khi Ê-li-sa-bét khẳng định tên con là *Giăng*, bà con hàng xóm đều lấy làm lạ. Xa-cha-ri viết trên tấm bảng: “Tên nó là Giăng” và đồng ý như vậy. Tức thì Đức Chúa Trời mở miệng ông. Bài ca tụng của Xa-cha-ri cho chúng ta bốn bức tranh xinh đẹp về ý nghĩa Chúa Giê-xu trên thế gian:

Cửa ngục tù rộng mở (Lu-ca 1:68): Từ “*cứu chuộc*” có nghĩa như giải thoát bằng cách trả một món tiền. Có thể dùng từ này để chỉ việc thả tù nhân, hoặc giải phóng nô lệ. Chúa Giê-xu Christ đến thế gian để giải thoát cho những kẻ bị giam

cầm (*Lu-ca* 4:19), cứu những ai trong xiềng xích tội lỗi và sự chết (*Ê-phê-sô* 1:7; *I Phi-e-rơ* 1:18-21).

Bức tranh thắng trận (*Lu-ca* 1:69-75): Trong Kinh Thánh “sừng” là biểu tượng của sức mạnh và chiến thắng (*I Các Vua* 22:11; *Thi Thiên* 89:17,24). Đây là bức tranh mô tả một đội quân sắp bị thất thủ, nhưng sau đó có sự cứu giúp đã đánh bại kẻ thù. Ở bức tranh trước, những kẻ bị cầm được tha. Nhưng ở bức tranh này, kẻ thù bị đánh bại hoàn toàn nên không thể bắt giữ thêm tù nhân nào. Nó có nghĩa là sự toàn thắng của con dân Đức Chúa Trời.

Từ cứu chuộc (*Lu-ca* 1:69,71) hàm nghĩa “khoẻ khoắn, mạnh mẽ”. Dù kẻ bị giam cầm ở tình trạng nào đi nữa, Đấng “cứu rỗi” vẫn đem đến cho họ một sự mạnh mẽ, vững vàng thuộc linh. Khi tin nhận Chúa Giê-xu Christ là Đấng Cứu Thế, bạn được giải thoát khỏi quyền Sa-tan để bước vào vương quốc của Đức Chúa Trời, được cứu rỗi và được tha thứ (*Cô-lô-se* 1:12-14).

Đấng Cứu Thế từ đâu đến? Ngài sinh ra từ nhà Đa-vít (*Lu-ca* 1:69) là Vị Vua chiến thắng mọi kẻ thù. Đức Chúa Trời phán trước rằng Đấng Cứu Thế sẽ là người Do Thái (*Sáng Thế Ký* 12:1-3), dòng Giu-đa (*Sáng Thế Ký* 49:10) con cháu Đa-vít (*II Sa-mu-ên* 7:12-16), sinh trong thành Đa-vít (Bết-lê-hem-*Mi-chê* 5:1). Cả Ma-ri và Giô-sép cũng thuộc dòng Giu-đa (*Lu-ca* 1:27; *Ma-thi-ơ* 1:20). Sự hiện diện của Đấng Cứu Thế trên trần gian vốn gắn liền với giao ước Đức Chúa Trời lập cùng dân Ngài (*Lu-ca* 1:72) và được các tiên tri báo trước (*Lu-ca* 1:70).

Hãy nhớ rằng chiến thắng này đem lại sự thánh hóa và tinh thần phục vụ (*Lu-ca* 1:74-75). Đức Chúa Trời giải thoát chúng ta không phải để chúng ta đi theo ý riêng mình (vì đó sẽ lại là xiềng xích) nhưng làm theo ý muốn Ngài và vui mừng trong sự tự do Ngài ban.

Bức tranh về “sự tha nợ” (*Lu-ca* 1:76-77): “Tha” nghĩa là cất đi, xóa đi món nợ. Chúng ta đều mắc nợ Đức Chúa Trời -

vì phạm luật pháp Ngài và không sống theo tiêu chuẩn Ngài (*Lu-ca* 7:40-50). Hơn thế nữa chúng ta bị phá sản thuộc linh; không thể trả nổi món nợ. Nhưng Đức Chúa Giê-xu đã đến và trả nợ thay cho chúng ta (*Giăng* 1:29; *Thi Thiên* 103:12).

Bức tranh “bình minh của một ngày mới” (*Lu-ca* 1:78-79). Bình minh nghĩa là lúc mặt trời mọc. Chúa Giê-xu đến khi mọi người đang ở nơi tối tăm, trong bóng sự chết cùng sự khốn khó vây quanh. Nhưng Ngài đem đến sự sáng, sự sống và bình an. Đây là bình minh của một ngày mới vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ lòng thương xót vô biên của Ngài (*Ma-thi-ơ* 4:16)

Thầy tế lễ Xa-cha-ri không nói được suốt chín tháng, nhưng ông đã bù đắp sự yên lặng bấy lâu ấy khi bật lên bài ca tụng này cho Đức Chúa Trời! Ông vui mừng khôn xiết vì con ông được Đức Chúa Trời chọn để dọn đường cho Đấng Christ (*Ê-sai* 40:1-3; *Ma-la-chi* 3:1). Giăng là tiên tri của Đấng Rất Cao (*Lu-ca* 1:76), rao cho dân Y-sơ-ra-ên biết về Con của Đấng Rất Cao (*Lu-ca* 1:32) Đấng được hoài thai trong bụng Ma-ri bởi quyền năng Đấng Rất Cao (*Lu-ca* 1:35).

Thay vì hưởng một cuộc sống an nhàn với tư cách thầy tế lễ, Giăng sống nơi đồng vắng, nghiêm khắc với bản thân về thuộc linh lẫn thuộc thể, chờ đợi ngày Đức Chúa Trời sai ông dọn lòng dân Y-sơ-ra-ên đón Đấng Christ. Những người như Si-mê-ôn và An-ne (*Lu-ca* 2:25-38) đã chờ đợi ngày này từ nhiều năm. Ngày ấy sẽ chóng đến!

Hôm nay Đức Chúa Trời đang kêu gọi chúng ta tin nhận Phúc Âm của Ngài. Những ai tin đều kinh nghiệm sự vui mừng trong Ngài vẫn mong muốn ngợi khen Ngài. Nếu chỉ nói Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Thế, có lẽ vẫn chưa đầy đủ ý nghĩa. Chúng ta phải đồng thanh với Ma-ri rằng: “Tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi” (*Lu-ca* 1:47).

Chúa Đã Đến

Lu-ca 2

Có lẽ đây là chương quen thuộc và được ưa chuộng nhất trong sách Lu-ca. Vào đêm Giáng Sinh hằng năm, tôi và vợ tôi thường đọc chung 21 câu đầu của đoạn này. Giờ đây các con đã khôn lớn, chúng tôi vẫn đọc... Câu chuyện xảy ra đã lâu, nhưng sao cứ mới mẻ khiến con cái Đức Chúa Trời chẳng bao giờ chán đọc!

Y sĩ Lu-ca giới thiệu với chúng ta ba nét đại cương về những năm trên đất của Chúa Cứu Thế Giê-xu:

1. Hài Nhi Mới Sinh

Lu-ca 2: 1-20

¹ Lúc ấy, Sê-sa Au-gút-tơ ra chiếu chỉ phải lập sổ dân trong cả thiên hạ. ² Việc lập sổ dân này là trước hết, và nhằm khi Qui-ri-ni-u làm quan tổng đốc xứ Sy-ri. ³ Ai nấy đều đến thành mình khai tên vào sổ.

⁴ Vì Giô-sép là dòng dõi nhà Đa-vít, cho nên cũng từ thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê, lên thành Đa-vít, gọi là Bết-lê-hem, xứ Giu-dê, ⁵ để khai vào sổ tên mình và tên Ma-ri, là người đã hứa gả cho mình, đương có thai. ⁶ Đang khi hai người ở nơi đó, thì ngày sanh đẻ của Ma-ri đã đến. ⁷ Người sanh con trai đầu lòng, lấy khăn bọc con mình, đặt nằm trong máng cỏ, vì nhà quán không có đủ chỗ ở.

⁸ Và, cũng trong miền đó, có mấy kẻ chăn chiên trú ngoài đồng, thức đêm canh giữ bầy chiên. ⁹ Một thiên sứ của Chúa đến gần họ, và sự vinh hiển của Chúa chói lòa xung quanh, họ rất sợ hãi. ¹⁰ Thiên sứ bèn phán rằng: Đừng sợ chi; vì

này, ta báo cho các người một tin lành, sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân; ¹¹ ấy là hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các người một Đấng Cứu Thế, là Christ, là Chúa. ¹² Đây là dấu cho các người nhìn nhận Ngài: Các người sẽ gặp một con trẻ bọc bằng khăn, nằm trong máng cỏ. ¹³ Bỗng chúc có muôn vàn thiên binh với thiên sứ đó ngự khen Đức Chúa Trời rằng:

¹⁴ Sáng danh Chúa trên các tầng trời rất cao,
Bình an dưới đất, ân trạch cho loài người!

¹⁵ Sau khi các thiên sứ lia họ lên trời rồi, bọn chăn chiên nói với nhau rằng: Chúng ta hãy tới thành Bết-lê-hem, xem việc đã xảy đến mà Chúa cho chúng ta hay. ¹⁶ Vậy, họ vội vàng đi đến đó, thấy Ma-ri, Giô-sép, và thấy con trẻ đang nằm trong máng cỏ. ¹⁷ Đã thấy vậy, họ bèn thuật lại những lời thiên sứ nói về con trẻ đó. ¹⁸ Ai nấy nghe chuyện bọn chăn chiên nói, đều lấy làm lạ. ¹⁹ Còn Ma-ri thì ghi nhớ mọi lời ấy và suy nghĩ trong lòng. ²⁰ Bọn chăn chiên trở về, làm sáng danh và ngợi khen Đức Chúa Trời về mọi điều mình đã nghe và thấy y như lời đã bảo trước cùng mình.

“Yếu như một em bé”, cách nói thông thường ấy lại không đúng với Hài nhi Giê-xu trong máng cỏ. Theo cách nói loài người Ngài cũng yếu ớt như bất cứ em bé nào, nhưng đối với cõi trời Ngài là trung tâm quyền lực.

Sự Giáng sinh của Hài nhi Giê-xu đã khiến Giô-sép và Ma-ri đến thành Bết-lê-hem (Lu-ca 2:1-7). Sê-sa Au-gút-tơ cai trị thời bấy giờ, nhưng chính Đức Chúa Trời đã thực hiện chương trình Ngài khi sử dụng sắc lệnh của Sê-sa để đưa Giô-sép và Ma-ri đi 80 dặm từ Na-xa-rét đến Bết-lê-hem để Lời Ngài được ứng nghiệm. Vì mục đích quân sự và thuế khóa, cứ 14 năm một lần La Mã lại có cuộc kiểm tra dân số. Mỗi người nam Do Thái phải trở về quê quán mình để khai họ tên, nghề nghiệp, tài sản và gia đình. Khi Ma-ri nói: “xin sự ấy xảy ra cho tôi như lời người truyền!” (*Lu-ca 1:38*) cũng là lúc cuộc đời bà góp phần vào sự ứng nghiệm của lời tiên tri. Đức Chúa Trời phán rằng Chúa Cứu Thế sẽ là một Con Người, không phải thiên sứ (*Sáng Thế Ký 3:15; Hê-bơ-rơ 2:16*), là người Do Thái chứ không phải người ngoại (*Sáng Thế Ký 12:1-3; Dân Số Ký 24:17*). Ngài thuộc dòng Giu-đa (*Sáng Thế Ký 49:10*), con cháu vua Đa-vít (*II Sa-mu-ên 7:1-17*), sinh bởi một nữ đồng trinh (*Ê-sai 7:14*) trong thành Bết-lê-hem, tức thành Đa-vít (*Mi-*

chê 5:2).

Mọi sự đã ứng nghiệm như lời Kinh Thánh, như vậy Sê-sa hoàn toàn không biết mình đã đóng một vai trò quan trọng. A. T. Pierson từng nói: “Lịch sử là câu chuyện của Ngài” (History is His story). Tổng thống James A. Garfield lại gọi lịch sử là “cuộn sách tiên tri được mở ra”. Khi Lời Chúa chiếm hữu đời sống chúng ta, những biến cố lịch sử sẽ giúp chúng ta làm trọn ý muốn Ngài. Ngài phán: “Ta sẽ tỉnh thức, giữ lời phán ta đừng làm trọn” (*Giê-rê-mi* 1:12).

Ma-ri và Giô-sép tuy là vợ chồng, nhưng không ăn ở cùng nhau cho đến khi Chúa Giê-xu sinh ra, Ma-ri chỉ là “vị hôn thê” của Giô-sép (*Ma-thi-ơ* 1:18-25). Có lẽ đối với Ma-ri, cuộc hành trình này thật là một thử thách đối với bà, nhưng bà vui mừng được thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời và điều chắc chắn là bà cũng cảm thấy nhẹ nhõm khi tránh được những lời đàm tiếu ở Na-xa-rét.

Các bà mẹ thời đó bọc trẻ sơ sinh bằng một giải vải dài để tay chân chúng được an toàn. “Máng cỏ” được nói đến ở *Lu-ca* 2:7,12,16 có thể là máng ăn của gia súc hoặc khoảng đất được rào lại để nuôi gia súc. Ngày nay khi qua vùng Đất Thánh (The Holy Land), bạn sẽ thấy những máng gia súc bằng đá thời xưa, có lẽ Hài nhi Giê-xu đã nằm trong một máng cỏ như thế. Nhiều học giả cho rằng Chúa chúng ta sinh ra trong một hang đá, nơi ẩn náu của thú vật, không phải là chuồng gỗ như bạn thấy ngày nay.

“Bết-lê-hem” nghĩa là “nhà bánh”. Thật lý thú khi Đấng ban “Bánh của sự sống” chọn nơi đây để giáng trần. (*Giăng* 6:35). Bết-lê-hem là một địa danh lịch sử. Ra-chên qua đời tại đây. Bên-gia-min sinh ra nơi đây (*Sáng Thế Ký* 35:16-20; *Ma-thi-ơ* 2:16-18), hôn nhân của Ru-tơ diễn ra ở đây, Đa-vít lập được nhiều chiến công cũng ở đây. Đáng chú ý là tên *Bên-gia-min* “Con trai tay hữu” và tên *Đa-vít* (“người yêu dấu”). Cả hai tên này được áp dụng cho Chúa chúng ta, vì Ngài là Con yêu dấu (*Lu-ca* 3:22) tại bên hữu Đức Chúa Trời (*Thi*

Thiên 110:1).

Sự giáng sinh của Chúa Giê-xu tác động đến các thiên sứ trên trời (Lu-ca 2:8-14). Hẳn các vị ấy sửng sốt biết bao khi thấy Đấng sáng tạo giáng sinh như một vật thọ tạo! Ngôi Lời đã trở nên một con trẻ yên lặng! Lời giải thích rõ ràng nhất về sự kiện này được viết trong II Cô-rinh-tô 8:9. Đáp ứng tốt nhất của tấm lòng chúng ta phải được thể hiện qua sự ngợi khen là kinh ngạc và tôn thờ. “Sự mầu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm: Đấng đã được tỏ ra trong xác thịt...” (Ti-mô-thê 3:16).

Lời công bố đầu tiên về sự giáng sinh của Đấng Christ được thiên sứ chuyển đến cho những người chăn chiên vô danh. Tại sao là những người chăn chiên mà không phải các thầy tế lễ hay các học giả tôn giáo? Khi đến với những người chăn chiên, thiên sứ bày tỏ cho họ biết ân sủng của Đức Chúa Trời đối với loài người. Họ thật sự là những kẻ bị ruồng bỏ trong Y-sơ-ra-ên. Công việc của họ không những khiến họ bị ô uế về mặt nghi thức mà còn cầm chân họ không đến được đền thờ trong vài tuần lễ liền nên không thể thực hiện nghi thức tinh sạch được. Đức Chúa Trời không gọi người giàu có hay kẻ thế lực, Ngài gọi người nghèo khổ và kẻ thấp hèn (*I Cô-rinh-tô 1:26-29, Lu-ca 1:51-53*).

Đấng Christ đã đến với tư cách “Người Chăn Chiên hiền lành” (*Giăng 10:1-30*) và “Chiên Con Đức Chúa Trời” gánh thay tội lỗi thế gian (*Giăng 1:29*). Có thể những người chăn chiên này đang canh giữ bầy chiên được dùng làm của tế lễ trong đền thờ. Điều này rất có ý nghĩa khi tin mừng về Người Chăn Chiên và Chiên Con của Đức Chúa Trời được loan báo trước tiên cho những kẻ chăn khiêm nhường này.

Những người chăn chiên đâu dễ bị đánh lừa! Họ là những con người thực dụng, ít khi làm việc gì bằng trí tưởng tượng. Nếu họ nói rằng họ đã thấy thiên sứ, đi tìm và gặp Đấng Christ, bạn chắc sẽ tin. Đức Chúa Trời đã chọn những kẻ lao khổ để làm những chứng nhân đầu tiên nói cho mọi người

biết: Con Đức Chúa Trời đã đến thế gian!

Trước tiên, một thiên sứ (Gáp-ri-ên?) loan tin mừng, sau đó muôn vàn thiên sứ đồng thanh ngợi khen Đức Chúa Trời. Từ hàng bao thế kỷ, đây là lần đầu tiên, sự vinh hiển Đức Chúa Trời đã tái hiện trên đất. Nếu các gã chần can đảm kia còn sợ hãi về những điều mắt thấy tai nghe, bạn càng có cơ sở biết chắc đây là sự thật!

“Đừng sợ!” là một trong những chủ đề chính của câu chuyện Giáng Sinh này (*Lu-ca* 1:13,30,74; *Ma-thi-ơ* 1:20). Nguyên văn thiên sứ nói rằng: “Đừng sợ chi, vì này ta báo cho các người một Phúc Âm, sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân”. Từ thiên sứ dùng có nghĩa là “công bố tin lành”; một từ được *Lu-ca* sử dụng trong cả Phúc Âm của ông và sách *Công Vụ*. Ta thấy *Lu-ca* nhấn mạnh về một Phúc Âm cho cả thế giới, cho mọi người chứ không riêng gì dân Do Thái.

Phúc Âm ấy là gì? Đức Chúa Trời không sai một tinh binh, một quan án hay một nhà cải cách, nhưng Ngài ban xuống một Đấng Christ để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của nhân loại. Đó là thông điệp hòa bình cho một thế giới từng nếm trải quá nhiều mùi chiến tranh. Nền hòa bình của Rô-ma (*Pax Romana*) được nhiều người biết đến có hiệu lực từ năm 27 TC, thế nhưng “không có chiến tranh” đâu có nghĩa là “có hoà bình”.

Triết gia trường phái khắc kỷ Epictetus nói rằng: “Hoàng đế có thể đem hòa bình đến cho xứ sở bị chiến tranh, nhưng không thể đem hòa bình đến cho lòng giận dữ, sầu khổ, đổ kỵ. Ông không thể ban sự bình an trong tâm hồn mà con người khao khát hơn cả sự hòa bình bề ngoài”.

Từ Do Thái “*shalom*” (hoà bình) có nghĩa cao hơn một hiệp định ngưng bắn, đình chiến. Nó có nghĩa hạnh phúc, thịnh vượng, an ninh, toàn vẹn, hoàn hảo. Nó liên quan đến con người nhiều hơn hoàn cảnh. Cuộc sống vốn khó khăn, xưa nay vẫn thế. Thuế cao, nạn thất nghiệp gia tăng, đạo đức con người cứ xuống dốc, bộ máy quân sự được kiểm soát chặt chẽ. Luật pháp La Mã, triết học Hy Lạp và cả Do Thái giáo

cũng không thể đáp ứng được nhu cầu trong tâm hồn con người. Chính lúc ấy, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến thế gian!

Trong sự tạo dựng vũ trụ thiên sứ đã ca ngợi Đức Chúa Trời (*Gióp* 38:7), giờ đây họ lại ngợi khen Ngài vào khởi điểm của sự tạo dựng mới. Mục đích của kế hoạch cứu rỗi là “để ngợi khen Đức Chúa Trời” (*Ê-phê-sô* 1:6,12,14). Vinh hiển Đức Chúa Trời từng ngự trong đền tạm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 40:34) và đền thờ (*II Sử Ký* 7:1-3), nhưng đã vắng bóng một thời gian dài bởi tội lỗi dân chúng (*I Sa-mu-ên* 4:21; *Ê-xê-chi-ên* 8:4; 9:3; 10:4,18; 11:22-23). Giờ đây, vinh hiển của Đức Chúa Trời lại tái hiện trên đất trong thân vị Con Ngài (*Giăng* 1:14). Máng cỏ thấp hèn kia lại là nơi chí thánh bởi Chúa Giê-xu đã ngự vào!

Sự Giáng sinh của Chúa Giê-xu đã lôi cuốn các gã chăn chiên ngoài đồng (*Lu-ca* 2:15-20). “Chúng ta hãy tới thành Bết-lê-hem”, lời nói này chứng tỏ họ đang ở xa Bết-lê-hem. Tuy vậy, họ vẫn chấp nhận lên đường tìm Đấng Christ mới sinh ra. Hẳn họ phải nhờ người khác chăn hộ đàn chiên khi vội vã đến Bết-lê-hem. Halford Luccock gọi hành trình này là “Sự vội vã đi dự lễ Giáng Sinh đầu tiên”, dĩ nhiên nó chẳng giống với việc tấp nập sắm sửa lễ Giáng Sinh như chúng ta thấy ngày nay!

Động từ *thấy* ở *Lu-ca* 2:16; nghĩa là “đã gặp được sau khi tìm kiếm”. Các gã chăn chiên biết điều họ đang tìm kiếm: “một con trẻ bọc bằng khăn, nằm trong máng cỏ”. Và họ đã gặp Ngài! Họ thờ lạy Ngài, ngợi khen về ân sủng, sự nhân từ cùng sự mầu nhiệm Ngài đã bày tỏ cho họ.

Những gã chăn chiên ấy là những gương tốt cho chúng ta noi theo hôm nay. Họ đã đón nhận thông điệp từ Đức Chúa Trời bằng đức tin, hưởng ứng bằng thái độ vâng phục nhanh chóng. Sau khi gặp Con Trẻ, họ loan báo tin mừng cho người khác: “Làm sáng danh và ngợi khen Đức Chúa Trời”. *Họ thật đã thế chỗ các thiên sứ!* (*Lu-ca* 2:13-14). Sau đó, họ trở lại với

công việc thường nhật của mình. Công việc chẳng có gì thay đổi, nhưng giờ đây họ là những con người được đổi mới!

Có lẽ vì lý do nào đó, những gã chần chừ không được phép làm chứng trước pháp luật. Tuy vậy, Đức Chúa Trời đã sử dụng những gã chần chừ hèn mọn để làm chứng nhân đầu tiên, minh chứng rằng lời tiên tri đã ứng nghiệm, Đấng Christ đã sinh ra. Các thiên sứ chưa từng kinh nghiệm được ân sủng của Đức Chúa Trời vì vậy họ không thể làm chứng như chúng ta. Nói cho người khác về Đấng Christ là nghĩa vụ cấp bách và là đặc quyền lớn lao. Tín hữu chúng ta phải trung tín!

2. Con Trẻ

Lu-ca 2: 21-38

²¹ Đến ngày thứ tám, là ngày phải làm phép cắt bì cho con trẻ, thì họ đặt tên là Jêsus, là tên thiên sứ đã đặt cho, trước khi chịu cứu mang trong lòng mẹ.

²² Khi đã hết những ngày tinh sạch rồi, theo luật pháp Môi-se, Giô-sép và Ma-ri đem con trẻ lên thành Giê-ru-sa-lem để dâng cho Chúa, ²³ như đã chép trong luật pháp Chúa rằng: Hễ con trai đầu lòng, phải dâng cho Chúa, ²⁴ lại dâng một cặp chim cu, hoặc chim bồ câu con, như luật pháp Chúa đã truyền.

²⁵ Vả, trong thành Giê-ru-sa-lem có một người công bình đạo đức, tên là Si-mê-ôn, trông đợi sự yên ủi dân Y-sơ-ra-ên, và Đức Thánh Linh ngự trên người.

²⁶ Đức Thánh Linh đã bảo trước cho người biết mình sẽ không chết trước khi thấy Đấng Christ của Chúa. ²⁷ Vậy người cảm bởi Đức Thánh Linh vào đến thờ, lúc có cha mẹ đem con trẻ là Jêsus đến, để làm trọn cho Ngài các thường lệ mà luật pháp đã định, ²⁸ thì người bỗng ẵm con trẻ, mà ngợi khen Đức Chúa Trời rằng:

²⁹ Lạy Chúa, bây giờ xin Chúa cho tôi tớ Chúa được qua đời bình an, theo như lời Ngài;

³⁰ Vì con mắt tôi đã thấy sự cứu vớt của Ngài,

³¹ Mà Ngài đã sắm sửa đặng làm ánh sáng trước mặt muôn dân,

³² Soi khắp thiên hạ,

Và làm vinh hiển cho dân Y-sơ-ra-ên là dân Ngài.

³³ Cha mẹ con trẻ lấy làm lạ về mấy lời người ta nói về con. ³⁴ Si-mê-ôn bèn chúc phước cho hai vợ chồng, nói với Ma-ri, mẹ con trẻ rằng: Đây, con trẻ này đã định làm một cơ cho nhiều người trong Y-sơ-ra-ên vấp ngã hoặc dấy lên, và định làm một dấu gây nên sự cãi trả; ³⁵ còn phần người, có một thanh gươm sẽ đâm thấu qua lòng người. Ấy vậy tư tưởng trong lòng nhiều người sẽ được bày tỏ.

³⁶ Lại có bà tiên tri An-ne, con gái của Pha-nu-ên, về chi phái A-se, đã cao tuổi lắm. Từ lúc còn đồng trinh đã ở với chồng được bảy năm; ³⁷ rồi thì ở góa. Bấy giờ đã tám mươi bốn tuổi, chẳng hề ra khỏi đền thờ, cứ đêm ngày hầu việc Đức Chúa Trời, kiêng ăn và cầu nguyện. ³⁸ Một lúc ấy, người cũng thành linh đến đó, ngợi khen Đức Chúa Trời, và nói chuyện về con trẻ với mọi người trông đợi sự giải cứu của thành Giê-ru-sa-lem.

Đến đây Y sĩ Lu-ca cho ta thấy có ba cuộc gặp gỡ quan trọng trong đền thờ Giê-ru-sa-lem: Con trẻ Giê-xu gặp Môi-se (*Lu-ca* 2:21-24), Si-mê-ôn (*Lu-ca* 2:25-35) và An-ne (*Lu-ca* 2:36-38).

Môi-se (*Lu-ca* 2:21-24). Ta thấy từ “luật pháp” được nhắc đến năm lần trong *Lu-ca* 2:24-40. Chúa Giê-xu đến để giải phóng dân Ngài khỏi sự trói buộc của luật pháp, nhưng Ngài “sinh ra dưới luật pháp” và vâng phục luật pháp (*Ga-la-ti* 4:1-7). Ngài không đến để phá bỏ luật pháp nhưng để làm trọn luật pháp (*Ma-thi-ơ* 5:17,18).

Cha mẹ Chúa Giê-xu vâng theo luật pháp bằng cách cho con trẻ chịu phép cắt bì sau khi sinh tám ngày. Đó là dấu hiệu của giao ước Đức Chúa Trời lập cùng Áp-ra-ham (*Sáng Thế Ký* 17:1-27), mỗi người nam phải chịu phép cắt bì để bày tỏ niềm tin. Người Do Thái rất tự hào mình là dân của giao ước Đức Chúa Trời, họ đã ngạo nghễ gọi những người ngoại là “người không chịu cắt bì” (*Ê-phê-sô* 2:11-12). Tiếc thay, phép cắt bì đã trở thành một nghi thức trống rỗng cho vô số người Do Thái, vì họ không nhận thức được một chân lý thuộc linh quan trọng hàm chứa trong đó (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 10:15-20; *Rô-ma* 2:28-29). Donald Grey Barnhouse, một vị mục sư kiêm tác giả ở Philadelphia nói rằng: “Phép cắt bì Ngài chịu là sự thương khó đầu tiên Ngài gánh thay ta”. Phép cắt bì tượng trưng cho công việc Đấng Christ thực hiện trên thập tự giá để đối phó với bản tính tội lỗi của chúng ta (*Cô-lô-se* 2:10-11; *Phi-líp* 3:1-3; *Ga-la-ti* 6:15). Vâng lời Đức Chúa Trời, Ma-ri và Giô-sép đặt tên Ngài là GIÊ-XU, nghĩa là “Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi” (*Ma-thi-ơ* 1:21).

Phép cắt bì chỉ là nghi thức đầu tiên. Khi con trẻ được 40 ngày Ma-ri và Giô-sép phải đến đền thờ để làm lễ chuộc tội như đã được mô tả trong *Lê-vi Ký* 12:1-8. Họ cũng phải “chuộc” con trẻ vì là con đầu lòng của Ma-ri (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 13:1-12). Họ phải trả 5 siếc-lơ để chuộc “Đấng Cứu chuộc”, Đấng một ngày kia sẽ cứu chúng ta bằng huyết báu Ngài (*I Phi-e-rô* 1:18,19). Cửa lễ đơn sơ họ dâng lên chứng tỏ họ quá nghèo, không thể dâng nổi một con chiên con (*II Cô-rinh-tô* 8:9). Nhưng chính Chúa Giê-xu là Chiên Con!

Mối liên hệ giữa Chúa chúng ta với luật pháp đóng vai trò quan trọng trong nhiệm mạng cứu chuộc của Ngài. Ngài sinh ra dưới luật pháp (*Ga-la-ti* 4:4), mặc dù lên án những truyền thống tôn giáo của con người, Ngài vẫn vâng phục trọn vẹn luật pháp của Đức Chúa Trời (*Giăng* 8:46). Ngài mang sự rửa sả của luật pháp vì chúng ta (*Ga-la-ti* 3:13) và buông tha chúng ta khỏi ách nô lệ (*Ga-la-ti* 5:1).

Si-mê-ôn (*Lu-ca* 2:25-35). Cũng như Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét, Si-mê-ôn và An-ne là những người trung tín còn sót lại trong dân Do Thái nản tìm kiếm *Đấng Mết-si-a* (*Ma-la-chi* 3:16). Vì Si-mê-ôn sẵn sàng mong muốn được chết (*Lu-ca* 2:29) nên người ta thường nghĩ rằng ông rất già, nhưng không có chỗ nào trong Kinh Thánh chứng tỏ điều ấy. Người ta cho rằng lúc ấy ông được 113 tuổi, nhưng đó cũng chỉ là lời truyền khẩu.

“Sự yên ủi của Y-sơ-ra-ên” nghĩa là hy vọng về *Đấng Mết-si-a*. Một trong những lời cầu nguyện theo truyền thống của dân Do Thái là: “Xin cho con nhìn thấy sự yên ủi của Y-sơ-ra-ên”. Lời cầu nguyện ấy của Si-mê-ôn được nhậm khi ông gặp Chúa Giê-xu Christ trong đền thờ. Ông là người được Thánh Linh Đức Chúa Trời dắt dẫn, được dạy dỗ bởi Lời Ngài, vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời. Vì vậy, ông được đặc quyền nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Đối với con người được nhìn thấy sự cứu rỗi (tức Chúa Giê-xu Christ) trước khi qua đời thật có ý nghĩa biết bao!

Qua *Lu-ca* 2:29-32, ta thấy sự đáp ứng của Si-mê-ôn khi gặp Chúa Giê-xu. Đây là bài ca Giáng Sinh thứ năm và cuối cùng trong sách *Lu-ca* (*Ê-li-sa-bét Lu-ca* 1:42-45; *Ma-ri* 1:46-56; *Xa-cha-ri* 1:67-79; các thiên sứ 2:13-14). Trước hết, đây là một bài ca tôn thờ, ông chúc tụng Đức Chúa Trời vì đã giữ lời hứa Ngài và ban Đấng Christ. Ông nức lòng ngợi khen Đức Chúa Trời bởi Ngài ban cho ông đặc ân được nhìn thấy Đấng Christ.

Bài ca của ông cũng là một bài ca cứu rỗi: “Vì con mắt tôi đã thấy sự cứu vớt của Ngài” (*Lu-ca* 2:30). Giờ đây, ông sẵn sàng được chết! “Sự qua đời” theo tiếng Hy Lạp mang nhiều ý nghĩa, mỗi ý nghĩa đều cho ta biết về sự chết của người tin Chúa. Nó có nghĩa như: giải thoát tù nhân, nhổ neo một con tàu và ra khơi, hạ trại (*II Cô-rinh-tô* 5:1-8; *Ma-thi-ơ* 11:28-30). Con cái Đức Chúa Trời chẳng hề khiếp hãi sự chết thể xác, bởi nó giúp ta thoát khỏi những gánh nặng của đời này và dặt ta vào cõi phước hạnh của đời sau.

Bài ca của Si-mê-ôn cũng là bài ca *truyền giáo*, một điều bất thường đối với người Do Thái mộ đạo trong đền thờ. Si-mê-ôn thấy sự cứu rỗi lớn lao này sẽ được loan truyền cho dân ngoại. Chúa Giê-xu phục hồi sự vinh hiển cho Y-sơ-ra-ên và đem ánh sáng đến cho dân ngoại hầu mọi người đều được cứu (*Lu-ca* 2:10). Hãy nhớ rằng sự thương xót của *Đấng Christ* đối với cả thế gian là một trong những chủ đề chính của Phúc Âm *Lu-ca*.

Si-mê-ôn dứt lời khen ngợi và bắt đầu nói tiên tri (*Lu-ca* 2:34-35). Trong lời tiên tri này chứa đựng ba hình ảnh có ý nghĩa: Hòn đá, dầu lạ và thanh gươm.

“Đá” là hình ảnh về Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh Cựu Ước (*Sáng Thế Ký* 49:24; *Thi Thiên* 18:2; 71:3; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 32:31). *Đấng Christ* sẽ là “Đá góc nhà bị bỏ ra” (*Thi Thiên* 118:22, *Lu-ca* 20:17-18; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:11) và dân Y-sơ-ra-ên sẽ vấp ngã vì cơ Ngài (*Ê-sai* 8:14; *Rô-ma* 9:32). Vì cơ Chúa Giê-xu, nhiều người trong Y-sơ-ra-ên sẽ bị

lên án và được rỗi. Đến hôm nay, dân Y-sơ-ra-ên vẫn vấp ngã bởi cơ thập tự giá (*I Cô-rinh-tô* 1:23), họ không hiểu rằng Chúa Giê-xu chính là Hòn Đá của họ (*I Phi-e-rơ* 2:1-6).

“Dấu lạ” nghĩa là “phép lạ”, không thiên nhiều về sự bày tỏ quyền năng, nhưng có ý nghĩa như “sự mạc khải về chân lý trên trời”. Trong Phúc Âm Giảng, những phép lạ của Chúa Giê-xu được gọi là “dấu lạ” vì chúng bày tỏ những chân lý đặc biệt về Ngài (*Giăng* 20:30,31). Chúa Giê-xu chính là phép lạ của Đức Chúa Trời. Vậy mà thay vì ca tụng Ngài, con người đã chống đối và phạm thượng với Ngài. Sự giáng sinh của Ngài là một phép lạ, nhưng lại bị con người vu cáo và biếm nhẽ (*Giăng* 8:41). Họ cho rằng những phép lạ Ngài làm bởi quyền phép của Sa-tan (*Ma-thi-ơ* 12:22-24) và phẩm cách Ngài đáng ngờ (*Giăng* 8:48,52; 9:16,24). Họ nhạo báng sự chết của Ngài (*Thi Thiên* 22:6-8; *Ma-thi-ơ* 27:39-44) và làm chứng dối về sự sống lại của Ngài (*Ma-thi-ơ* 27:62-66). Hôm nay con người vẫn khích bác sự tái lâm của Ngài (*II Phi-e-rơ* 3:1-18).

Cách con người nói về Chúa Giê-xu là bằng chứng những gì họ suy nghĩ trong lòng. Ngài không chỉ là “Đá cứu rỗi”, “Đá phán xét” (*Đa-ni-ên* 2:34,45) nhưng còn là “Đá gây cơ vấp phạm” phơi bày bản chất con người. “Về Đấng Christ, các người nghĩ thế nào?” (*Ma-thi-ơ* 22:42) vẫn luôn là câu hỏi ý nghĩa nhất để mọi người trả lời (*I Giăng* 4:1-3).

Hình ảnh “thanh gươm” chỉ dành riêng cho Ma-ri, nói về sự đau khổ, buồn rầu bà phải mang lấy khi làm mẹ Đấng Christ. (Điều này cho thấy có lẽ khi Chúa Giê-xu khởi sự chức vụ Ngài ba mươi năm sau, Giô-sép đã chết, nếu không ông hẳn phải được nhắc đến). “Thanh gươm” theo tiếng Hy Lạp là loại gươm lớn như Gô-li-át đã sử dụng (*I Sa-mu-ên* 17:51).

Trong suốt đời sống và chức vụ của Chúa, Ma-ri càng lúc càng buồn rầu cho đến một ngày khi bà đứng bên thập tự giá để chứng kiến Chúa chịu đau đớn và tắt hơi (*Giăng* 19:25-27). Chúng ta không đánh giá thấp sự dấn thân của Ma-ri, nhưng nỗi đau riêng của bà không thể góp phần gì trong công tác

cứu chuộc của Đấng Christ. Chỉ mình Ngài mới có thể chết thay cho tội lỗi của thế gian (*I Ti-mô-thê* 2:5-6).

Ma-ri và Giô-sép hiểu được kế hoạch vĩ đại của Đức Chúa Trời đối với Con Trẻ kỳ diệu này ở mức độ nào? Chúng ta không thể biết được, nhưng chắc chắn ta biết Ma-ri ghi nhớ mọi điều và suy nghĩ trong lòng (*Lu-ca* 2:19,51). Ma-ri tìm kiếm một khuôn thước nào đó hầu có thể giúp bà hiểu ý muốn Đức Chúa Trời. Đôi lúc bà không hiểu ý Ngài (*Mác* 3:31-35), nên càng thêm buồn rầu. Ma-ri được nhắc đến lần cuối cùng trong Kinh Thánh khi bà ở Phòng Cao cầu nguyện với các tín hữu khác (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:14).

An-ne (*Lu-ca* 2:36-38). Tên bà nghĩa là “ân sủng”, bà là một góa phụ cao tuổi có đời sống tin kính. Trong Phúc Âm Lu-ca có bốn mươi ba chi tiết nói về phụ nữ và có ba góa phụ được nhắc đến trong số mười hai góa phụ trong Kinh Thánh (*Lu-ca* 2:36-40; 7:11-15; 21:1-4; xem 18:1-8). Hiểu được tấm lòng của một thầy thuốc qua cách trình bày của *Lu-ca* không có gì khó!

Thời ấy, các goá phụ chẳng được sống bình yên. Họ thường bị quên lãng, bị hà hiếp mặc dù đây là vấn đề có trong điều răn của luật pháp (*Ê-xê-chi-ên* 22:25; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 10:17-18; 14:29; *Ê-sai* 1:17). *An-ne* dâng mình phục vụ Đức Chúa Trời, kiêng ăn và cầu nguyện. Bà rời khỏi đại tộc A-se, ở luôn trong đền thờ, chờ đợi Đấng Mết-si-a của lời hứa Đức Chúa Trời (xem *I Ti-mô-thê* 5:3-16). Đức Chúa Trời định thời gian luôn hoàn hảo chính xác. *An-ne* chợt đến vừa khi Si-mê-ôn ngồi khen Chúa về Con Trẻ Giê-xu, nên bà cũng dự phần vào bài ca! Ôi, tôi thích được nghe những vị cao tuổi này hát ngợi khen Chúa trong đền thờ biết bao! Sự ngợi khen của họ được Thánh Linh cảm động và được Đức Chúa Trời hài lòng. Không chỉ ngợi khen, *An-ne* còn loan tin mừng này cho những người tin kính khác đang đợi trông sự cứu chuộc của Y-sơ-ra-ên. Niềm hoan hỉ bắt đầu lan rộng khi ngày càng có nhiều người nghe Phúc Âm.

An-ne là nữ tiên tri, bà được sự ban cho đặc biệt để rao truyền và giải nghĩa thông điệp từ Đức Chúa Trời. Trong Kinh Thánh cũng có các nữ tiên tri khác như: Mi-ri-am (*Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20*); Đê-bô-ra (*Các Quan Xét 4:4*) Hun-đa (*II Các Vua 22:14*) Nô-a-đa (*Nê-hê-mi 6:14*), vợ của Ê-sai (*Ê-sai 8:3*). Nhà truyền giáo Phi-líp cũng có bốn người con gái là nữ tiên tri (*Công Vụ Các Sứ Đồ 21:8-9*).

3. Thời Niên Thiếu

Lu-ca 2:39-52

³⁹ Khi Giô-sép và Ma-ri đã làm trọn mọi việc theo luật pháp Chúa rồi, thì trở về thành của mình là Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê. ⁴⁰ Con trẻ lớn lên, và mạnh mẽ, được đầy dẫy sự khôn ngoan, và ơn Đức Chúa Trời ngự trên Ngài.

⁴¹ Vả, hằng năm đến ngày lễ Vượt Qua, cha mẹ Đức Chúa Jê-sus thường đến thành Giê-ru-sa-lem. ⁴² Khi Ngài lên mười hai tuổi, theo lệ thường ngày lễ, cùng lên thành Giê-ru-sa-lem. ⁴³ Các ngày lễ qua rồi, cha mẹ trở về, con trẻ là Jê-sus ở lại thành Giê-ru-sa-lem, mà cha mẹ không hay chi hết. ⁴⁴ Hai người tưởng rằng Ngài cũng đồng đi với bạn đi đường, đi tót một ngày, rồi mới tìm hỏi trong đám bà con quen biết; ⁴⁵ nhưng không thấy Ngài, bèn trở lại thành Giê-ru-sa-lem mà tìm. ⁴⁶ Khỏi ba ngày, gặp Ngài tại trong đền thờ đang ngồi giữa mấy thầy thông thái, vừa nghe vừa hỏi. ⁴⁷ Ai nấy nghe, đều lạ khen về sự khôn ngoan và lời đối đáp của Ngài. ⁴⁸ Khi cha mẹ thấy Ngài, thì lấy làm lạ, và mẹ hỏi rằng: Hỡi con, sao con làm cho hai ta thế nầy? Nầy, cha và mẹ đã khó nhọc lắm mà tìm con. ⁴⁹ Ngài thưa rằng: Cha mẹ kiếm tôi làm chi? Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao? ⁵⁰ Nhưng hai người không hiểu lời Ngài nói chi hết.

⁵¹ Đoạn, Ngài theo về thành Na-xa-rét và chịu lụy cha mẹ. Mẹ Ngài ghi các lời ấy vào lòng.

⁵² Đức Chúa Jê-sus khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta.

Sau khi làm trọn mọi điều của luật pháp, Ma-ri và Giô-sép trở về Na-xa-rét nơi sẽ là quê hương của Chúa Giê-xu cho đến khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ. Có nhiều người Do Thái mang tên Giê-xu (*Giô-suê*) nên Chúa Giê-xu được gọi là “Giê-xu ở Na-xa-rét” (*Công Vụ Các Sứ Đồ 2:22*). Môn đồ của Chúa Giê-xu được gọi là “những người Na-xa-rét” (*Công Vụ Các Sứ Đồ 24:5*; *Ma-thi-ơ 2:23*). Kẻ thù Ngài đã nhạo báng tên

Ngài và thậm chí quan tòa Phi-lát đã cho treo tên Ngài trên thập tự (*Ma-thi-ơ* 21:11). Tuy vậy, Chúa Giê-xu không hổ thẹn dùng tên này khi Ngài từ trời phán xuống cho Sau-lơ (Phao-lô) (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 22:8). Chúa Giê-xu Christ đã cất lên tận thiên đàng và làm vinh hiển điều con người cho là thấp hèn! (*Giăng* 1:46)

Chúa Giê-xu đã làm gì suốt những năm tháng ẩn dật tại Na-xa-rét. Y sĩ Lu-ca thuật lại rằng cậu bé Giê-xu này đã phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm linh, cách ứng xử (*Lu-ca* 2:40:52). Khi hiện thân làm người, Con Đức Chúa Trời đã từ bỏ mọi quyền hạn của Ngài để đầu phục Cha trên trời cách trọn vẹn (*Phi-líp* 2:1-11). Có những lẽ mầu nhiệm sâu xa ở đây không ai có thể hiểu hoặc giải thích đầy đủ được, chúng ta chỉ có thể đón nhận bằng đức tin mà thôi.

Trong hình hài một cậu bé, Chúa Giê-xu không thực hiện bất kỳ phép lạ nào. Phép lạ đầu tiên Ngài làm là hóa nước thành rượu (*Giăng* 2:1-11). Ngài lao động cùng với Giô-sép trong trại mộc (*Ma-thi-ơ* 13:55; *Mác* 6:3) và vẫn tiếp tục công việc sau khi Giô-sép qua đời. Trong những năm tháng đó, Ma-ri và Giô-sép đã có với nhau những người con khác (*Ma-thi-ơ* 13:55-56; *Giăng* 7:1-10), vì từ ngữ “cho đến khi” trong *Ma-thi-ơ* 1:25 chứng tỏ rằng đôi vợ chồng này đương nhiên đã có những quan hệ thể xác bình thường.

Chỉ có Lu-ca cho ta câu chuyện về những năm thiếu thời của Chúa Giê-xu. Giô-sép và Ma-ri là những người Do Thái mộ đạo, luôn dự lễ Vượt Qua hằng năm ở Giê-ru-sa-lem. Người nam Do Thái được đòi hỏi phải đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Đức Chúa Trời ba lần mỗi năm (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 16:6), nhưng không phải mọi người đều đủ chi phí để đi đến đó. Nếu phải chọn một lễ để đi dự, họ thường chọn lễ Vượt Qua là lễ quan trọng nhất theo lịch Do Thái và thường đi cả gia đình.

Dân chúng đi dự các lễ thờ phượng này theo từng nhóm, phụ nữ và trẻ con đi trước, đàn ông và thanh niên theo sau. Bà

con cùng cả làng đi chung và trông chừng bọn trẻ cho nhau. Ở tuổi mười hai, cậu bé Giê-xu dễ dàng tách khỏi nhóm người này để đi với nhóm khác mà không bị lạc. Giô-sép tưởng cậu bé Giê-xu đi với Ma-ri và những trẻ em khác trong lúc Ma-ri lại cho rằng Ngài đi với Giô-sép và những người đàn ông khác, hoặc với một người bà con.

Họ từ Giê-ru-sa-lem trở về được một ngày đường mới hay Chúa Giê-xu vắng mặt. Họ phải mất một ngày đường trở lại Giê-ru-sa-lem và một ngày nữa mới tìm gặp Ngài. Suốt ba ngày này, Ma-ri và Giô-sép rất “buồn bực” (*Lu-ca* 2:48 “khó nhọc”). Từ ngữ này cũng được dùng để mô tả sự lo lắng của Phao-lô đối với dân Y-sơ-ra-ên hư mất (*Rô-ma* 9:2) cũng như nỗi khốn khổ của những linh hồn hư mất nơi Âm phủ (*Lu-ca* 16:24-25).

Chúng ta cần lưu ý cách diễn đạt của *Lu-ca* trong *Lu-ca* 2:43 “Giô-sép và mẹ Ngài” nguyên văn mang ý nghĩa sự giáng sinh đồng trinh, cách diễn đạt “cha và mẹ” trong *Lu-ca* 2:48 cho thấy Giô-sép được chấp nhận như cha pháp lý của Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 3:23). Nếu dùng *Lu-ca* 2:48, để bác bỏ sự Giáng Sinh đồng trinh của Ngài thì thật là một sự suy diễn quá đáng!

Chúa Giê-xu có ở trong đền thờ trọn thời gian ấy hay không, chúng ta không thể biết. Hẳn ở đó rất an toàn vì Cha trên trời luôn bảo vệ Ngài. Chúng ta thấy khi Giô-sép và Ma-ri gặp được Ngài, Ngài đang ở giữa mấy thầy thông thái để lắng nghe và hỏi. Các thầy đều ngạc nhiên về sự khôn ngoan đối đáp của cậu bé Giê-xu.

Lời trách yêu của Ma-ri được cậu bé Giê-xu đáp lại với vẻ kính trọng lẫn ngạc nhiên: “Cha mẹ kiếm tôi làm chi? Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao?” (*Lu-ca* 2:49). Chúa Giê-xu đã khẳng định chức phận làm Con thiêng thượng và nhiệm vụ Ngài phải làm theo ý Cha trên trời.

Từ “phải” thường được Chúa chúng ta sử dụng: “Ta phải rao Tin Lành” (*Lu-ca* 4:43); “Con người phải chịu nhiều điều khốn khổ” (9:22) “Con người phải bị treo lên” (*Giăng* 3:14).

Ngay ở tuổi mười hai Chúa Giê-xu đã được thúc đẩy bởi sự ràng buộc thiên thượng để thực hiện ý Cha.

Vì Chúa Giê-xu “khôn ngoan càng thêm” (*Lu-ca 2:52*), chúng ta không biết lúc ấy Ngài hiểu được kế hoạch kỳ diệu của Đức Chúa Trời ở mức độ ra sao. Chúng ta không nên nghĩ rằng ở tuổi mười hai Chúa Giê-xu có thể thông suốt mọi sự. Nhưng chắc chắn rằng Ngài đã lớn lên trong sự thông hiểu những lẽ mầu nhiệm khi giao thông với Cha trên trời và được Đức Thánh Linh dạy dỗ.

Điều chắc chắn là Ma-ri và Giô-sép không hiểu gì cả! Đây là một phần nỗi đau do “thanh gươm” Si-mê-ôn đã nói trước (*Lu-ca 2:35*), và chắc chắn nỗi đau ấy sẽ tiếp diễn khi cậu bé Giê-xu trưởng thành. Những năm sau, suốt thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ, gia đình đã không hiểu Ngài (*Lu-ca 8:19-21; Giăng 7:1-5*).

Chúa Giê-xu - Ngài là một tấm gương tuyệt diệu cho người trẻ tuổi noi theo. Ngài lớn lên trong sự phát triển toàn diện (*Lu-ca 2:52*), không hề xao lãng bất cứ nhiệm vụ gì trong đời sống. Điều ưu tiên của Ngài là làm theo ý muốn Cha trên trời (*Ma-thi-ơ 6:33*). Ngài biết lắng nghe (*Lu-ca 2:46*) và đặt câu hỏi chính đáng. Ngài học cách lao động và vâng phục cha mẹ.

Cậu bé Giê-xu đã lớn lên trong một gia đình đông con, trong một thành phố bị coi thường, được nuôi dưỡng bởi cha mẹ nghèo khó. Do Thái giáo đang ở thời kỳ nguội lạnh cùng cực, chính quyền La Mã cai trị trong xứ, xã hội đầy đau khổ. Dầu vậy, khi Ngài rời Na-xa-rét mười tám năm sau đó, Cha trên trời đã phán về Ngài: “Người là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường” (*Lu-ca 3:22*).

Nguyện Cha trên trời cũng có thể nói với chúng ta như thế.

Đây Là Con Đức Chúa Trời!

Lu-ca 3, 4

Napoleon Bonaparte nói rằng: “Nếu Socrates bước vào phòng này, chúng ta phải đứng dậy bày tỏ sự tôn trọng đối với ông. Nhưng nếu Chúa Giê-xu bước vào, ta phải sấp mình xuống thờ lạy Ngài”.

Y sĩ *Lu-ca* hẳn cũng đồng tình với viên tướng người Pháp nổi tiếng này, vì ở hai đoạn đầu của Phúc Âm ông chứng tỏ Chúa Giê-xu Christ ở Na-xa-rét thực sự là Con Đức Chúa Trời. Hãy để ý đến những chứng nhân ông đưa ra, tất cả những người này đều tuyên bố rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời.

1. Giảng Báp-tít

Lu-ca 3:1-20

¹ Năm thứ mười lăm đời Sê-sa Ti-be-rô, – khi Bôn-xơ Phi-lát làm quan tổng đốc xứ Giu-đê, Hê-rốt làm vua chư hầu xứ Ga-li-lê, Phi-líp em vua ấy làm vua chư hầu xứ Y-tu-rê và tỉnh Tra-cô-nít, Ly-sa-ni-a làm vua chư hầu xứ A-by-len, ² An-ne và Cai-phe làm thầy cả thượng phẩm, – thì có lời Đức Chúa Trời truyền cho Giảng, con Xa-cha-ri, ở nơi đồng vắng. ³ Giảng bèn dạo qua hết thảy miền lân cận sông Giô-đanh, giảng dạy phép báp-têm về sự ăn năn để được tha tội, ⁴ như lời đã chép trong sách đấng tiên tri Ê-sai rằng:

Có tiếng kêu la trong đồng vắng:

Hãy dọn đường Chúa, ban bằng các nẻo Ngài.

⁵ Mọi nơi sũng thấp sẽ lấp cho đầy,

Các núi các gò thì bị hạ xuống;

Đường quanh quẹo thì làm cho ngay,

Đường gập ghềnh thì làm cho bằng;

⁶ Và mọi loài xác thịt sẽ thấy sự cứu của Đức Chúa Trời.

⁷ Vậy, Giăng nói cùng đoàn dân đến để chịu mình làm phép báp-têm rằng: Hỡi đồng dôi rần lục, ai đã dạy các người tránh khỏi cơn thịnh nộ ngày sau? ⁸ Thế thì, hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn; và đừng tự nói rằng: Áp-ra-ham là tổ phụ chúng ta; vì ta nói cùng các người, Đức Chúa Trời có thể khiến từ những đá nấy sanh ra con cái cho Áp-ra-ham được. ⁹ Cái búa đã để kể gốc cây; hễ cây nào không sanh trái tốt thì sẽ bị đốn và chụm.

¹⁰ Chúng bèn hỏi Giăng rằng: Vậy thì chúng tôi phải làm gì? ¹¹ Người đáp rằng: Ai có hai áo, hãy lấy một cái cho người không có; và ai có đồ ăn cũng nên làm như vậy. ¹² Cũng có những người thâu thuế đến để chịu phép báp-têm; họ hỏi rằng: Thưa thầy, chúng tôi phải làm gì? ¹³ Người nói rằng: Đừng đòi chi ngoài số luật định. ¹⁴ Quân lính cũng hỏi rằng: Còn chúng tôi phải làm gì? Người nói rằng: Đừng hà hiếp, đừng phỉnh gạt ai hết, nhưng hãy bằng lòng về lương hưởng mình.

¹⁵ Bởi dân chúng vẫn trông đợi, và ai nấy đều tự hỏi trong lòng nếu Giăng phải là Đấng Christ chăng, ¹⁶ nên Giăng cất tiếng nói cùng mọi người rằng: Phần ta làm phép báp-têm cho các người bằng nước; song có một Đấng quyền phép hơn ta sẽ đến, ta không đáng mở dây giày Ngài. Chính Ngài sẽ làm phép báp-têm cho các người bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa. ¹⁷ Tay Ngài sẽ cầm nia mà giê thật sạch sân lúa mình, và thâu lúa mì vào kho; nhưng đốt trấu trong lửa chẳng hề tắt.

¹⁸ Trong khi Giăng rao truyền tin lành, thì cũng khuyên bảo dân chúng nhiều điều nữa. ¹⁹ Song Hê-rốt, vua chư hầu, đã bị Giăng can gián về việc Hê-rô-đia vợ của em mình, cùng về các điều ác vua đã làm, ²⁰ thì lại thêm một điều ác nữa, là bắt Giăng bỏ tù.

Giăng Báp-tít xuất hiện sau thời gian 400 năm dân Y-sơ-ra-ên không được nghe lời tiên tri nào (*Lu-ca* 3:1-2). Sự hiện diện của ông nằm trong kế hoạch hoàn hảo của Đức Chúa Trời, vì mọi sự có liên quan đến Con Đức Chúa Trời luôn đúng thời điểm đã định. (*Ga-la-ti* 4:4; *Giăng* 2:4; 13:1). Năm thứ mười lăm đời Sê-sa Ti-bê-rơ là năm 28 hoặc 29 SC.

Trong 3:1-2 *Lu-ca* nhắc đến bảy người: Sê-sa, quan tổng đốc, ba vua chư hầu và hai thầy tế lễ thượng phẩm. Không ai trong số họ nhận được Lời Đức Chúa Trời phán. Trái lại, thông

diệp của Đức Chúa Trời đã đến với Giăng Báp-tít, một tiên tri Do Thái khiêm nhường!

Giăng Báp-tít xuất hiện thế nào (Lu-ca 3:3). Giăng giống tiên tri Ê-li về phong cách và y phục (*Lu-ca 1:17; Ma-thi-ơ 3:4; II Các Vua 1:8*), Giăng Báp-tít đi qua miền cận sông Giô-danh, giảng dạy và làm phép báp-têm cho mọi người. Ông rao giảng về sự đến của Nước Trời (*Ma-thi-ơ 3:3*) và giục lòng mọi người ăn năn. Nhiều thế kỷ trước, dân Y-sơ-ra-ên đã vượt qua sông Giô-danh để nhận miền đất hứa. Giờ đây Đức Chúa Trời kêu gọi họ ăn năn tội lỗi để bước vào Vương quốc thuộc linh của Ngài.

Cần nhớ rằng ngoài việc giảng dạy chống lại tội lỗi, Giăng cũng rao truyền Phúc Âm. Giăng tuyên bố Chúa Giê-xu là “Chiên Con Đức Chúa Trời” (*Giăng 1:29*) và kêu gọi mọi người tin nhận Ngài. Giăng chỉ là người phù rể trong “tiệc cưới”, còn Chúa Giê-xu mới chính là “Chàng Rể” (*Giăng 3:25-30*). Giăng vui mừng vì có cơ hội giới thiệu mọi người cho *Đấng Christ* và rồi lui vào hậu trường.

Điểm đặc biệt trong chức vụ của Giăng là làm phép báp-têm (*Giăng 1:25-28; Lu-ca 20:1-8*). Phép báp-têm chẳng có gì lạ đối với người dân Do Thái, bởi người Do Thái vẫn làm báp-têm cho người ngoại cải đạo. Nhưng Giăng lại làm báp-têm cho chính người Do Thái, thật là điều không bình thường! *Công Vụ Các Sứ Đồ 19:1-5* giải thích rằng phép báp-têm của Giăng nhìn tới Đấng Mết-si-a sẽ đến, còn phép báp-têm của Cơ Đốc nhân thì nhìn lui về công tác cứu chuộc đã hoàn tất của *Đấng Christ*.

Tuy nhiên, có điều còn vượt hơn phép báp-têm của Giăng. Đó là phép báp-têm mà *Đấng Christ* sẽ thực hiện (*Lu-ca 3:16*). Ngài sẽ làm phép báp-têm cho người tin nhận bằng Thánh Linh, và điều này được bắt đầu vào ngày Lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ 1:5; 2:1-4*). Hôm nay, khi một tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu, người ấy sẽ được báp-têm bởi Đức Thánh Linh để hiệp làm một thân trong *Đấng Christ* (*I Cô-rinh-tô 12:13*).

“Báp-têm bằng lửa là gì? Đó chẳng phải là những “lưỡi lửa” ở lễ Ngũ Tuần, vì lưỡi lửa qua đầu người không thể được gọi là một phép báp-têm. Dấu hiệu “lửa” Giảng sử dụng trong *Lu-ca* 3:9, 17 cho thấy ông muốn nói về sự *đoán phạt* chứ không phải là phước hạnh. Vào năm 70 SC, dân tộc này đã nếm trải một báp-têm bằng lửa khi hoàng đế Titus và quân đội La Mã dày xéo Giê-ru-sa-lem, làm mọi người bị tan lạc. Tất cả những kẻ vô tín cũng sẽ nếm mùi báp-têm của sự đoán phạt trong hồ lửa đời đời (*Khải Thị* 20:11-16).

Tại sao Giảng Báp-tít xuất hiện (Lu-ca 3:4-20). Những minh hoạ trong đoạn này sẽ giúp ta hiểu chức vụ Đức Chúa Trời giao phó cho Giảng.

Trước hết, Giảng Báp-tít là “tiếng kêu trong hoang dã” (*Lu-ca* 3:4; *Ê-sai* 40:1-5; *Giăng* 1:23). Ông giống như sứ giả đi trước đoàn diễu hành của hoàng gia để dọn đường tiếp đón nhà vua. Về thuộc linh, dân Y-sơ-ra-ên đang sống trong “hoang dã” của sự vô tín, những con đường dẫn đến lễ thật thuộc linh đã bị cong queo và xuống cấp, sự sa ngã của chức tế lễ (thay vì chỉ có một thầy tế lễ cả, bấy giờ đã có hai thầy tế lễ cả), sự giả hình về pháp luật của các học giả tôn giáo và người Phari-si đã làm suy yếu thuộc linh của dân tộc này. Họ thực sự cần được nghe tiếng nói từ Đức Chúa Trời và Giảng chính là tiếng nói đáng tin cậy ấy.

Nhiệm vụ của Giảng là dọn lòng người tiếp *Đấng Christ* và bày tỏ cho họ về Ngài (*Lu-ca* 1:16-17, 76-77; *Giăng* 1:6-8, 15-34). Ông khiển trách tội lỗi và rao truyền sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, vì nếu không có sự nhận biết về tội lỗi, sẽ không có sự hối cải.

Giảng cũng được so sánh với người nông dân đốn chặt những cây vô dụng (*Lu-ca* 3:9) và tách lúa khỏi trấu (*Lu-ca* 3:17). Giống như những tội nhân “có đạo” hôm nay, nhiều người Do Thái nghĩ rằng họ được định sẵn ở thiên đàng đơn giản chỉ vì họ là con cháu Áp-ra-ham (*Giăng* 8:31-34; *Rô-ma* 4:12-17; *Ga-la-ti* 3:26-29). Giảng nhắc nhở họ rằng Đức Chúa

Trời xét mọi sự đến tận gốc, và không khoan nhượng với kẻ chỉ mang danh nghĩa tôn giáo chứ không hề sinh trái tốt. Trong kỳ phán xét cuối cùng, người tin Chúa thật (lúa mì) sẽ được Đức Chúa Trời nhóm lại, còn tội nhân hư mất (trấu) sẽ bị đốt nơi hồ lửa.

Trong *Lu-ca* 3:7, Giảng mô tả những tội nhân cây công bình riêng của mình như loài rắn trườn ra khỏi đám cỏ khi có một ngọn lửa đang đến gần. Chúa Giê-xu cũng từng so sánh người Pha-ri-si với loài rắn lục (*Ma-thi-ơ* 23:33), vì sự công bình riêng và lòng vô tín đã khiến họ trở thành con cái ma quỷ (*Giăng* 8:44-45; *Khải Thị* 20:2). Bi thảm thay, những người lãnh đạo tôn giáo đã từ chối thông điệp của Giảng và không muốn chấp nhận phép báp-têm của Giảng (*Lu-ca* 20:1-8). Không những họ không được hưởng thiên đàng mà còn làm gương xấu và dạy dỗ người ta sai lẽ thật, ngăn trở kẻ khác bước vào thiên đàng.

Giảng Báp-tít cũng là một người thầy (*Lu-ca* 3:12). Ông không chỉ giảng đạo trước công chúng, mà còn có một nhiệm vụ riêng đối với dân tộc ông, cho họ biết cách bày tỏ niềm tin (*Lu-ca* 3:10-14). Ông khuyên họ đừng ích kỷ nhưng phải chia sẻ phước hạnh với người khác (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:44-45; 4:32-37).

Cả những người thu thuế cũng đến với Giảng để được khuyên nhủ. Họ bị những người Do Thái khinh ghét vì họ làm việc cho người La Mã và thường “moi” tiền dân chúng. *Lu-ca* nhấn mạnh việc Chúa Giê-xu làm bạn với những người thu thuế (*Lu-ca* 5:27; 15:1-2; 19:1-10). Giảng không khuyên họ phải chấm dứt công việc, nhưng khuyên họ phải làm việc cách lương thiện.

Tương tự như vậy, quân lính cũng không bị lên án bởi nghề nghiệp của họ. Hơn thế, Giảng khuyên họ phải tự kiểm chế, không dùng quyền hạn mình có để kiếm tư lợi. Có lẽ họ là những quân nhân Do Thái có sự gắn bó với đền thờ hoặc với tòa án của một trong những quan cai trị Do Thái. Dường như

lính La Mã không bao giờ tìm kiếm một tiên tri Do Thái để được sự khuyên răn!

Giăng trung tín trong chức vụ mình, chuẩn bị lòng người để rồi cho họ biết về *Đấng Christ*. Ông khẳng định Giê-xu là “Chúa” (*Lu-ca* 3:4) và là Con Đức Chúa Trời (*Giăng* 1:34). Vì đã can gián vua Hê-rốt về việc quan hệ với Hê-rô-đia, ông đã bị vua cầm tù và cuối cùng bị chém đầu. Dầu vậy, ông đã trung tín hoàn tất nhiệm mạng Đức Chúa Trời giao phó và đã dọn lòng người gặp Đấng Christ - Con Đức Chúa Trời.

2. Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh

Lu-ca 3:21-38

²¹ Vả, khi hết thầy dân chúng đều chịu phép báp-têm, Đức Chúa Jê-sus cũng chịu phép báp-têm. Ngài đương cầu nguyện thì trời mở ra, ²² Đức Thánh Linh lấy hình chim bồ câu ngự xuống trên Ngài; lại có tiếng từ trên trời phán rằng: Người là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường.

²³ Khi Đức Chúa Jê-sus khởi sự làm chức vụ mình thì Ngài có độ ba mươi tuổi. Theo ý người ta tin, thì Ngài là con Giô-sép, Giô-sép con Hê-li, ²⁴ Hê-li con Mát-tát, Mát-tát con Lê-vi, Lê-vi con Mên-chi, Mên-chi con Gia-nê, Gia-nê con Giô-sép, ²⁵ Giô-sép con Ma-ta-thia, Ma-ta-thia con A-mốt, A-mốt con Na-hum, Na-hum con Éch-li, Éch-li con Na-ghê, ²⁶ Na-ghê con Ma-át, Ma-át con Ma-ta-thia, Ma-ta-thia con Sê-mê-in, Sê-mê-in con Giô-sêch, Giô-sêch con Giô-đa, ²⁷ Giô-đa con Giô-a-nan, Giô-a-nan con Rê-sa, Rê-sa con Xô-rô-ba-bên, Xô-rô-ba-bên con Sa-la-thi-ên, Sa-la-thi-ên con Nê-ri, ²⁸ Nê-ri con Mên-chi, Mên-chi con A-đi, A-đi con Cô-sam, Cô-sam con Ên-ma-đan, Ên-ma-đan con Ê-rơ, ²⁹ Ê-rơ con Giê-su, Giê-su con Ê-li-ê-se, Ê-li-ê-se con Giô-rim, Giô-rim con Mát-thát, Mát-thát con Lê-vi, ³⁰ Lê-vi con Si-mê-ôn, Si-mê-ôn con Giu-đa, Giu-đa con Giô-sép, Giô-sép con Giô-nam, Giô-nam con Ê-li-a-kim, Ê-li-a-kim con Mê-lê-a, ³¹ Mê-lê-a con Men-na, Men-na con Mát-ta-tha, Mát-ta-tha con Na-than, Na-than con Đa-vít, ³² Đa-vít con Gie-sê, Gie-sê con Giô-bết, Giô-bết con Bô-ô, Bô-ô con Sa-la, Sa-la con Na-ách-son, Na-ách-son con A-mi-na-đáp, ³³ A-mi-na-đáp con Át-min, Át-min con A-rơ-ni, A-rơ-ni con Éch-rôm, Éch-rôm con Pha-rê, Pha-rê con Giu-đa, ³⁴ Giu-đa con Gia-cốp, Gia-cốp con Y-sác, Y-sác con Áp-ra-ham, Áp-ra-ham con Tha-rê, Tha-rê con Na-cô, ³⁵ Na-cô con Sê-rúc, Sê-rúc con Ra-gao, Ra-gao con Pha-léc, Pha-léc con Hê-be, Hê-be con Sa-la, ³⁶ Sa-la con Cai-nam, Cai-nam con A-bác-sát, A-bác-sát con Sem, Sem con Nô-ê, Nô-ê con La-méc, ³⁷ La-méc con Ma-tu-sê-la, Ma-tu-sê-la con Hê-nóc, Hê-nóc con Gia-rết, Gia-rết con Mê-lê-lê-ên, Mê-

Đây Là Con Đức Chúa Trời / 43

lê-lê-ên con Cai-nam, ³⁸ Cai-nam con Ê-nót, Ê-nót con Sét, Sét con A-đam, A-đam con Đức Chúa Trời.

Ngày kia, sau khi mọi người đã chịu báp-têm, Chúa Giê-xu cũng đến sông Giô-đanh để chịu báp-têm. Lúc đầu, Giăng chối từ (*Ma-thi-ơ* 3:13-15), bởi ông biết rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét là Con của Đức Chúa Trời không cần ăn năn tội lỗi. Vậy tại sao Con thánh khiết của Đức Chúa Trời lại chịu báp-têm?

Trước tiên, Chúa Giê-xu tự đồng hóa với tội nhân bằng phép báp-têm để có thể cứu họ. Phép báp-têm này cũng là sự khởi đầu chức vụ Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:21-22; 10:37-38). Lúc ấy Ngài khoảng 30 tuổi (*Lu-ca* 3:23), giống như những người Do Thái dòng Lê-vi bắt đầu chức vụ họ ở tuổi 30 (*Dân Số Ký* 4:3, 35). Lời Chúa cho biết lý do chính Chúa Giê-xu chịu báp-têm đó là “vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy” (*Ma-thi-ơ* 3:15). Phép báp-têm ấy được thực hiện thế nào? Xin thưa, phép báp-têm ấy phải giống như phép báp-têm Chúa Giê-xu chịu tại sông Giô-đanh. Nhiều học giả Kinh Thánh đã thừa nhận rằng phép báp-têm theo Tân Ước được thực hiện bởi sự ngâm mình toàn thân trong nước là hình ảnh về sự chết, chôn và sống lại. *Phép báp-têm Chúa Giê-xu chịu trong nước là hình ảnh về công tác cứu chuộc của Ngài* (*Lu-ca* 12:50; *Ma-thi-ơ* 20:22). Chính bởi phép báp-têm của sự đau đớn trên thập tự giá, Đức Chúa Trời đã “làm cho trọn mọi việc công bình”. (Từ “chúng ta” trong *Ma-thi-ơ* 3:15 không có nghĩa là Chúa Giê-xu và Giăng. “Chúng ta” có ý nói đến Đức Chúa Cha, Con và Đức Thánh Linh).

Khi Chúa Giê-xu lên khỏi mặt nước, Đức Chúa Cha từ trời phán xuống và tuyên xưng Chúa Giê-xu là Con yêu dấu của Ngài. Đức Thánh Linh hiện đến với Chúa Giê-xu trong hình dạng chim bồ câu. Những ai phủ nhận Chúa Ba Ngôi thật khó lòng giải nghĩa được sự kiện này.

Đây là lần đầu tiên trong ba sự kiện được ghi lại khi Đức Chúa Cha từ trời phán xuống. Lần thứ hai xảy ra khi Chúa

Giê-xu hóa hình (*Lu-ca* 9:28-36) và lần thứ ba xảy ra vào tuần lễ cuối cùng trước khi Chúa Giê-xu lên thập tự (*Giăng* 12:28).

Lu-ca là người duy nhất đề cập đến việc Chúa Giê-xu đang cầu nguyện và đây chỉ là một trong nhiều lần cầu nguyện khác (*Lu-ca* 5:16; 6:12; 9:18,28,29; 11:1; 23:34,46). Là con người toàn vẹn, Chúa Giê-xu phụ thuộc vào Cha trên trời để đáp ứng các nhu cầu của Ngài. Đó chính là lý do Ngài cầu nguyện.

Lu-ca tạm dừng câu chuyện ở đây và cho chúng ta biết về gia phả Chúa Giê-xu. Theo *Ma-thi-ơ*, gia phả này (*Ma-thi-ơ* 1:1-17) được bắt đầu từ Áp-ra-ham đến Chúa Giê-xu, còn Lu-ca lại bắt đầu gia phả từ Chúa Giê-xu ngược về A-đam. *Ma-thi-ơ* nói về gia phả của Giô-sép, là cha nuôi theo luật pháp của Chúa Giê-xu. Lu-ca lại nói về gia phả của Ma-ri, mẹ Ngài. Câu 23 có thể được giải thích: Khi Chúa bắt đầu chức vụ, Ngài độ 30 tuổi, là con Giô-sép. Giô-sép là con Hê-li, Hê-li là tổ tiên của Ma-ri. Ma-ri không được chú ý đến vì phụ nữ không được kể tên trong các gia phả chính thức, mặc dù *Ma-thi-ơ* đã kể ra bốn người phụ nữ (*Ma-thi-ơ* 1:3, 5, 16).

Khi kể gia phả ở đoạn này, Lu-ca muốn nhắc người đọc nhớ rằng Con Đức Chúa Trời cũng là Con Người, được sinh ra trên thế gian và có những nhu cầu, nan đề của con người. Vì Giô-sép và Ma-ri thuộc dòng Đa-vít nên những gia phả này chứng minh rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét có quyền hợp pháp nối ngôi Đa-vít (*Lu-ca* 1:32-33).

3. Sa-tan

Lu-ca 4:1-13

¹ Đức Chúa Jê-sus đầy dẫy Đức Thánh Linh, ở bờ sông Giô-đanh về, thì được Đức Thánh Linh đưa đến trong đồng vắng, ² tại đó, Ngài bị ma quỷ cám dỗ trong bốn mươi ngày. Trong những ngày ấy, Ngài không ăn chi hết, kỳ đã mãn thì Ngài đói. ³ Ma quỷ bèn nói với Ngài rằng: Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi. ⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp: Có chép rằng: Loài người được sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi. ⁵ Ma quỷ đem Ngài lên, cho

Đây Là Con Đức Chúa Trời / 45

xem mọi nước thế gian trong giây phút; ⁶ và nói rằng: Ta sẽ cho người hết thấy quyền phép và sự vinh hiển của các nước đó; vì đã giao cho ta hết, ta muốn cho ai tùy ý ta. ⁷ Vậy, nếu người sắp mình xuống trước mặt ta, mọi sự đó sẽ thuộc về người cả. ⁸ Đức Chúa Jêsus đáp: Có chép rằng: Người phải thờ phượng Chúa, là Đức Chúa Trời người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi. ⁹ Ma quỷ cũng đem Ngài đến thành Giê-ru-sa-lem, để Ngài trên nóc đền thờ, mà nói rằng: Nếu người là Con Đức Chúa Trời, hãy gieo mình xuống đi; ¹⁰ vì có chép rằng:

Chúa sẽ truyền cho thiên sứ gìn giữ người,

¹¹ Các đá ấy sẽ nâng người trong tay,

Kéo người vấp chân nhằm đá nào chăng. ¹² Đức Chúa Jêsus đáp: Có phán rằng: Người đừng thử Chúa, là Đức Chúa Trời người. ¹³ Ma quỷ dùng hết cách cám dỗ Ngài rồi, bèn tạm lìa Ngài.

Ngay kể thù cũng thừa nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. “Nếu người là Con Đức Chúa Trời” (*Lu-ca* 4:3,9) - không phải là một giả định, nhưng là một sự xác nhận. Câu ấy có nghĩa “vì sự kiện người là Con Đức Chúa Trời”. Sa-tan biện luận “Sao người lại đó? Người có thể biến đá thành bánh kia mà!” Sa-tan muốn Chúa Giê-xu bất tuân ý muốn Cha trên trời bằng cách cậy quyền năng mình để làm theo ý riêng.

Vì sao Chúa Giê-xu chịu cám dỗ? Một lý do đó là Cha trên trời hài lòng về Ngài (*Lu-ca* 3:22). Ngài thực sự là Con yêu dấu luôn làm đẹp lòng Cha (*Giăng* 8:29). Qua sự cám dỗ, Ngài cũng vạch trần mưu chước kẻ thù và dạy chúng ta cách đắc thắng khi bị cám dỗ. Kinh nghiệm này giúp Chúa chúng ta chuẩn bị cho chức vụ Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm hay thương xót, hầu cho ta có thể đến với Ngài và cầu xin sự giúp đỡ khi cần để chiến thắng cám dỗ (*Hê-bơ-rơ* 2:16-18; 4:14-16). A-đam đầu tiên bị cám dỗ trong khu vườn xinh đẹp và đã thất bại. Nhưng A-đam sau cùng bị cám dỗ nơi hoang dã hiểm nguy và đã chiến thắng (*Mác* 1:13).

Hôm nay chúng đang sẵn có nguồn sức mạnh thuộc linh Chúa Giê-xu từng sử dụng khi Ngài đương đầu và đánh bại Sa-tan, đó là sự cầu nguyện (*Lu-ca* 3:21), tình yêu của Cha trên trời (3:22), quyền năng Đức Thánh Linh (4:1) và Lời Đức Chúa Trời (“vì có chép rằng...”). Hơn nữa, chúng ta còn có

Đấng Christ đang cầu thay cho ta nơi thiên đàng. Đấng từng đánh bại kẻ thù hoàn toàn. Sa-tan cám dỗ chúng ta làm điều tồi tệ nhất, nhưng Đức Chúa Trời có thể dùng những hoàn cảnh khó khăn này để đem đến cho chúng ta điều tốt đẹp nhất. Cám dỗ là vũ khí Sa-tan dùng để đánh bại chúng ta, nhưng cũng có thể trở thành công cụ để Đức Chúa Trời gây dựng chúng ta (*Gia-cơ* 1:1-8,13-17).

Trong lời cám dỗ đầu tiên, Sa-tan cho rằng có điều gì đó không ổn đối với tình yêu của Cha trên trời, vì “Con yêu dấu” của Ngài đang bị đói! Trong những năm tháng dân Y-sơ-ra-ên bị đói trong đồng vắng, Đức Chúa Trời đã ban bánh từ trời cho họ. Như vậy, chắc chắn Chúa Giê-xu cũng có thể dùng quyền phép của chính Ngài để nuôi và cứu sống Ngài. Sa-tan khôn khéo sử dụng phương cách nó từng nói với Ê-va khi xưa: “Đức Chúa Trời đang giấu người điều gì! Tại sao người không thể ăn *mọi* cây trong vườn? Nếu Ngài thực sự yêu người, Ngài hẳn sẽ chia sẻ mọi điều với người!”

Sự cám dỗ lần này còn tinh vi hơn cả sự cám dỗ Ê-va khi xưa, vì Sa-tan đang muốn Chúa Giê-xu *phân cách thuộc thể khỏi thuộc linh*. Trong đời sống Cơ Đốc nhân, ăn cũng là một hành động thuộc linh, chúng ta có thể ngợi khen Đức Chúa Trời qua thức ăn hằng ngày (*I Cô-rinh-tô* 10:31; *Rô-ma* 14:20-21). Những khi ta xếp loại cho từng lãnh vực khác nhau của đời sống mình bằng các nhãn hiệu “thể chất”, “vật chất”, “tài chánh”, hoặc “thuộc linh”, chắc chắn ta đã đặt Chúa ra ngoài những lãnh vực đúng ra phải thuộc về Ngài. Đấng Christ phải là *đầu mọi sự*, nếu không Ngài chỉ là vô nghĩa (*Ma-thi-ơ* 6:33). Thà bị đói trong ý muốn Đức Chúa Trời còn hơn thỏa mãn theo ý riêng!

Khi Chúa chúng ta trích dẫn *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:3, Ngài nhấn mạnh từ “*loài người*”. Là Con Đức Chúa Trời hằng sống, Ngài có *quyền* làm mọi sự. Nhưng vì là Con Người khiêm nhường, Ngài chỉ có *quyền* làm điều Cha trên trời muốn (xem kỹ *Giăng* 5:17, 30; 8:28; 10:17-18; 15:10, 15). Là “tôi tớ”,

Đây Là Con Đức Chúa Trời / 47

Chúa Giê-xu không sử dụng thần tính để đạt những mục đích tư kỷ (*Phi-líp* 2:5-8). Vì là con người, Ngài cũng biết đói, nhưng Ngài tin Cha trên trời có thể đáp ứng nhu cầu Ngài theo giờ Cha định và theo cách riêng của Chúa.

Bạn và tôi cũng cần bánh cho thân thể mình (*Ma-thi-ơ* 6:11), nhưng ta đừng sống chỉ nhờ bánh thuộc thể không thôi, chúng ta cũng cần lương thực cho “con người bên trong” để đáp ứng nhu cầu tâm linh của mình. Lương thực ấy chính là Lời Đức Chúa Trời (*Giê-rê-mi* 15:16; *Thi Thiên* 119:103; *I Phi-e-rơ* 2:2). Sự tiêu hoá dành cho thân thể, nhưng sự suy gẫm dành cho linh hồn. Khi ta đọc Lời Đức Chúa Trời và suy gẫm lời ấy, ta sẽ nhận được “sức khoẻ thuộc linh” và sức mạnh cho “con người bên trong” hầu có thể vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời.

Chúng ta không rõ vì sao Lu-ca thay đổi thứ tự giữa lần cám dỗ thứ hai và thứ ba, nhưng vì ông không tuyên bố những sự kiện này được viết theo thứ tự, nên ông không hề mâu thuẫn với *Ma-thi-ơ* 4:1-11. Những từ “bèn”, “lại” (*Ma-thi-ơ* 4:5,8) cho thấy thứ tự cám dỗ theo sách *Ma-thi-ơ* là đúng. Dường như trong thứ tự cám dỗ của sách Lu-ca, có một ý tương tự với ý của *I Giăng* 2:16, sự mê tham của xác thịt (đá thành bánh), mê tham của mắt (các nước thế gian và sự vinh hiển) và sự kiêu ngạo của đời (gieo mình xuống từ nóc đền thờ). Tuy nhiên, cũng không có gì chắc chắn Lu-ca có ý như vậy.

Đức Chúa Cha trên trời hứa ban cho Đức Chúa Con mọi nước trên thế gian (*Thi Thiên* 2:7-8) nhưng trước tiên Đức Chúa Con phải chịu đau đớn và chết (*Giăng* 12:23-33; *Khải Thệ* 5:8-10). Sự thương khó phải đi trước sự vinh hiển (*Lu-ca* 24:25-27). Kẻ thù lại hứa cho Ngài các nước thế gian này nếu Ngài quỳ lạy nó, điều này sẽ ngăn trở Ngài bước lên thập tự giá (*Ma-thi-ơ* 16:21-23). Sa-tan lúc nào cũng muốn chiếm vị trí Đức Chúa Trời để được kẻ khác thờ phượng (*Ê-sai* 14:13-14).

Là vua thế gian này, Sa-tan hiện có một số quyền lực được Đức Chúa Trời cho phép (*Giăng* 12:31; 14:30). Sẽ có một ngày nó sẽ chia xẻ quyền lực mình với Antichrist là kẻ cai trị thế giới trong một thời kỳ ngắn (*Khải Thị* 13:1-18). Sa-tan hứa hẹn với Chúa Giê-xu nhiều thứ nhưng với những điều kiện không thể chấp nhận được, nên Đấng Christ đã chối từ.

Một lần nữa, Chúa Giê-xu lại trích dẫn Lời Đức Chúa Trời trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:13. Sa-tan chẳng nói gì về sự phục vụ, nhưng Chúa Giê-xu biết rằng khi chúng ta thờ phượng ai, chúng ta sẽ phục vụ người đó. Phục vụ Chúa là tự do thật, nhưng phục vụ Sa-tan là xiềng xích kinh khiếp. Khuôn mẫu của Đức Chúa Trời là: bắt đầu bằng sự đau đớn và kết thúc bằng vinh quang (*I Phi-e-rơ* 5:10), trong khi khuôn mẫu của Sa-tan khởi đầu bằng vinh quang nhưng kết thúc trong đau đớn. Sa-tan muốn chúng ta đánh đổi giá trị đời đời để nhận lấy sự tạm bợ và chọn “con đường dễ đi”.

Trong đời sống Cơ Đốc nhân, không có “con đường tắt”, cũng không có phương cách dễ dàng để đạt chiến thắng và trưởng thành về thuộc linh. Nếu Con toàn vẹn của Đức Chúa Trời còn phải treo thân trên thập tự trước khi Ngài có thể ngự ngôi vinh hiển, thì môn đệ Ngài đừng mong một lối sống dễ dàng hơn thế! (*Lu-ca* 9:22-26; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 24:22).

Sa-tan muốn thử thách tình yêu Đức Chúa Cha khi nó cám dỗ Chúa Giê-xu hoá đá thành bánh. Nó cũng thử thách hy vọng của Chúa Giê-xu khi hứa hiển cho Ngài các nước trần gian ngoài thập tự giá (*Hê-bơ-rơ* 12:1-3). Sa-tan đặt vấn đề về sự thành tín của Đức Chúa Cha khi cám dỗ Chúa Giê-xu gieo mình từ nóc đền thờ xuống để chứng minh rằng Cha sẽ giữ lời hứa (*Thi Thiên* 91:11-12). Do đó, kẻ thù đã tấn công vào ba đức tính cơ bản của đời sống Cơ Đốc nhân: đức tin, hi vọng, tình yêu thương.

Nóc đền thờ có thể là đỉnh cao ở phía Đông Nam đền thờ, phía trên trũng Kidron. Sa-tan có thể cám dỗ chúng ta ngay trong “Thành Thánh”, ở nơi cao nhất của đền thánh! Theo

gương Chúa Giê-xu, Sa-tan cũng quyết định trưng dẫn Kinh Thánh, nó chọn *Thi Thiên* 91:11-12. Dĩ nhiên, không những nó đã trưng dẫn sai lời hứa mà còn cắt mấy chữ “trong các đường lối người”.

Khi một con cái Chúa sống theo ý muốn Đức Chúa Trời, người ấy có thể biết chắc sự bảo vệ và chăm sóc của Cha trên trời. Nhưng nếu người ấy cố tình tự gây khó khăn rồi trông chờ Đức Chúa Trời giải cứu thì người ấy đang thử Đức Chúa Trời (xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:1-7). Chúng ta thử Đức Chúa Trời khi “buộc” Ngài phải hành động ngược lại với Lời Ngài. Thật nguy hiểm thay khi thử sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời, dù Ngài thực sự là Đấng nhẫn nhục và nhân từ!

Chúa Giê-xu trả lời: “Cũng có lời chép rằng:...” (*Ma-thi-ơ* 4:7) Ngài trưng dẫn *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:16; Ngài *cần nhắc giữa Lời Kinh Thánh này với lời Kinh Thánh khác để bày tỏ rõ ràng ý muốn Đức Chúa Trời*. Nếu bạn tách các câu Kinh Thánh khỏi văn mạch của nó, hoặc các phân đoạn khỏi sự mạch lạc chung của Kinh Thánh, bạn có thể dùng Kinh Thánh để chứng minh hầu hết bất cứ điều gì trái lẽ. Hầu hết các hệ phái sai lạc đều cho rằng đã dựa trên sự dạy dỗ của Kinh Thánh. Tìm kiếm mạng lịnh bằng cách gộp nhặt các câu Kinh Thánh rải rác đây đó, không phải là sống bằng đức tin mà chỉ là sống bằng cơ hội và thử Chúa. “Phàm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi” (*Rô-ma* 14:23), và “đức tin đến bởi” sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (*Rô-ma* 10:17).

Chúa đã chiến thắng và ra khỏi đồng vắng, thế nhưng Sa-tan không chịu đầu hàng. Nó luôn tìm mọi cơ hội cám dỗ Đấng Christ đi ngược lại ý Đức Chúa Cha. Andrew Bonar thật có lý khi nói rằng: “Chúng ta hãy cảnh giác sau chiến thắng cũng như trước khi ra trận”!

4. Kinh Thánh

Lu-ca 4:14-30

¹⁴ Đức Chúa Jêsus được quyền phép Đức Thánh Linh, trở về xứ Ga-li-lê, và danh tiếng Ngài đồn khắp các xứ chung quanh. ¹⁵ Ngài dạy dỗ trong các nhà hội, ai nấy đều khen ngợi Ngài.

¹⁶ Đức Chúa Jêsus đến thành Na-xa-rét, là nơi dưỡng dục Ngài. Theo thói quen, nhằm ngày Sa-bát, Ngài vào nhà hội, đứng dậy và đọc. ¹⁷ Có người trao sách tiên tri Ê-sai cho Ngài, Ngài dở ra, gặp chỗ có chép rằng:

¹⁸ Thần của Chúa ngự trên ta;

Vì Ngài đã xức dầu cho ta để truyền tin lành cho kẻ nghèo;

¹⁹ Ngài đã sai ta để rao cho kẻ bị cầm được tha,

Kẻ mù được sáng,

Kẻ bị hà hiếp được tự do;

Và để đồn ra năm lành của Chúa.

²⁰ Đoạn, Ngài xếp sách, trả lại cho kẻ giúp việc, rồi ngồi xuống; mọi người trong nhà hội đều chăm chỉ ngó Ngài. ²¹ Ngài bèn phán rằng: Hôm nay đã được ứng nghiệm lời Kinh Thánh mà các người mới vừa nghe đó.

²² Ai nấy đều làm chứng về Ngài, lấy làm lạ về các lời đầy ơn lành từ miệng Ngài ra, và nói rằng: Có phải con Giô-sép chăng? ²³ Ngài phán rằng: Chắc các người lấy lời tục ngữ nầy mà nói cùng ta rằng: Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lấy mình; mọi điều chúng ta nghe người đã làm tại Ca-bê-na-um, thì cũng hãy làm tại đây, là quê hương người. ²⁴ Ngài lại phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, không có một đấng tiên tri nào được trọng đãi trong quê hương mình.

²⁵ Ta nói thật cùng các người, về đời Ê-li, khi trời đóng chặt trong ba năm sáu tháng, cả xứ bị đói kém, trong dân Y-sơ-ra-ên có nhiều đàn bà góa; ²⁶ dầu vậy, Ê-li chẳng được sai đến cùng một người nào trong đám họ, nhưng được sai đến cùng một đàn bà góa ở Sa-rép-ta, xứ Si-đôn. ²⁷ Trong đời đấng tiên tri Ê-li-sê, dân Y-sơ-ra-ên cũng có nhiều kẻ mắc tật phong; song không có ai lành sạch được, chỉ Na-a-man, người xứ Sy-ri mà thôi.

²⁸ Ai nấy ở trong nhà hội nghe những điều đó, thì tức giận lắm. ²⁹ Họ đứng dậy kéo Ngài ra ngoài thành, đưa Ngài lên đến chót núi, là nơi họ xây thành ở trên, để quăng Ngài xuống; ³⁰ song Ngài qua giữa bọn họ và đi khỏi.

Những sự kiện được ghi chép trong *Giăng* 1:19-4:45 xảy ra ở thời điểm này, nhưng Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca đã không ghi lại. Các tác giả này đi ngay vào chức vụ của Chúa ở Ga-li-lê, riêng Lu-ca tường thuật việc Chúa Giê-xu trở về quê hương Ngài ở Na-xa-rét. Giờ đây quyền năng của Chúa đã đồn ra khắp nơi. Gia đình, bạn hữu và người lân cận cũng nôn nóng

muốn gặp Ngài để nghe tận tai, thấy tận mắt.

Chúa Giê-xu có thói quen dự lễ thờ phượng chung. Đây là thói quen chúng ta hôm nay nên học theo (*Hê-bơ-rơ* 10:24,25). Ngài có thể viện lẽ rằng hệ thống tôn giáo đang sa sút, hoặc Ngài không cần ai chỉ dẫn để đi thờ phượng một mình, nhưng Ngài vẫn tìm đến nơi cầu nguyện.

Một buổi thờ phượng tiêu biểu ở nhà hội mở đầu bằng sự cầu xin ơn phước Đức Chúa Trời, sau đó đến phần đọc bài tín điều truyền thống Hê-bơ-rơ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:4-9; 11:13-21). Tiếp theo là cầu nguyện và đọc những đoạn quy định trong sách Luật Pháp và sách Các Tiên Tri. Người đọc sẽ dẫn giải Kinh Thánh Hê-bơ-rơ bằng tiếng A-ram.

Tiếp theo là bài giảng luận ngắn do một người trong hội chúng hoặc một ra-bi được mời (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:14-16). Nếu có mặt thầy tế lễ, buổi thờ phượng sẽ chấm dứt bằng lời chúc phước. Nếu không, một trong những thuộc viên sẽ cầu nguyện và buổi thờ phượng chấm dứt.

Chúa Giê-xu được yêu cầu đọc Kinh Thánh và giảng luận. Ngài đọc *Ê-sai* 61:1,2 và chọn phân đoạn này cho bài giảng của Ngài. Đoạn Kinh Thánh này được các thầy dạy luật Do Thái giải thích có liên quan đến Đấng Mết-si-a và mọi người trong nhà hội đều biết. Bạn tưởng tượng xem họ bàng hoàng biết bao khi Chúa Giê-xu dạn dĩ tuyên bố rằng đoạn Kinh Thánh ấy được chép về Ngài, và Ngài phán rằng Ngài đến để đánh dấu “năm lành” của Chúa. Đây là “Năm Hân Hỉ” được chép trong *Lê-vi Ký* 25:1-12. Mỗi năm thứ bảy là năm Sa-bát của dân tộc, năm để cho đất được nghỉ. Năm thứ 50 (sau 7 kỳ năm Sa-bát) được biệt ra làm “Năm Hân Hỉ”. Mục đích chính của năm đặc biệt này là để điều chỉnh hệ thống kinh tế: tôi tớ được trả tự do để trở về quê quán mình, sản nghiệp bán đi sẽ được trả về cho nguyên chủ, mọi nợ nần được xóa. Đất bị bỏ hoang, người và súc vật nghỉ ngơi và vui mừng trong Chúa.

Chúa Giê-xu đã áp dụng điều trên vào đời sống chức vụ Ngài không theo ý nghĩa chính trị hay kinh tế, nhưng theo ý

nghĩa thuộc thể và thuộc linh. Ngài thực sự đem Phúc Âm cứu rỗi đến cho tội nhân hư mất và rịt lành những tấm lòng tan vỡ cùng những người bị ruồng bỏ. Ngài đã giải phóng nhiều người khỏi bóng tối và xiềng xích của ma quỷ, bệnh tật. Thật vậy, đây chính là “một năm Hân Hỉ” đối với dân tộc Y-sơ-ra-ên theo ý nghĩa thuộc linh.

Vấn đề ở đây là sự vô tín của những người nghe Ngài. Dưới mắt họ, Ngài chỉ là con Ma-ri và Giô-sép, một thanh niên đã lớn lên từ thành phố nơi họ ở. Hơn thế, họ muốn Chúa thực hiện ở Na-xa-rét những phép lạ Ngài từng thực hiện tại Ca-bê-na-um, nhưng Ngài từ chối. Đó là ý nghĩa của câu nói “Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lấy mình!” Hãy làm một phép lạ!

Lúc đầu, họ ca ngợi cách dạy dỗ của Ngài, nhưng không bao lâu lại trở mặt chống đối cùng Ngài. Vì sao? Bởi Ngài bắt đầu nhắc họ rằng ân sủng Đức Chúa Trời cũng dành cho dân ngoại. Tiên tri Ê-li chẳng viếng thăm bất cứ góa phụ Do Thái nào nhưng chỉ giúp cho một góa phụ ngoại bang ở Si-dôn (*I Các Vua* 17:8-16) và người thừa kế ông là Ê-li-sê đã chữa lành bệnh phong cho một người ngoại xứ Sy-ri (*II Các Vua* 5:1-15). Thông điệp ân sủng từ Đức Chúa Trời là một đòn nặng giáng vào tính độc quyền cao ngạo của những người trong hội chúng Do Thái, nên họ không muốn ăn năn tội. Bạn hình dung xem, “Cậu bé” Giê-xu làng quê này đang tuyên bố rằng dân Do Thái cũng phải nhờ ân sủng để được cứu như dân ngoại.

Mọi người rất giận dữ, họ có ý định giết Ngài. Thánh Augustine nói rằng: “Họ thích lẽ thật khi lẽ thật tán tụng họ, nhưng họ căm ghét lẽ thật khi lẽ thật lên án họ!” Đó là suy nghĩ của nhiều người trong giáo hội hôm nay, họ chỉ muốn “các lời đầy ơn lành” (*Lu-ca* 4:22) nhưng không muốn đối diện với lẽ thật (*Giăng* 1:17).

Dù cho dân Na-xa-rét vô tín nhưng Thánh Kinh vẫn tuyên bố rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét là Con Đức Chúa Trời. Những

ai không cần Ngài và khước từ “năm lành của Chúa” sẽ có một ngày phải đối diện với “ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta” (*Ê-sai* 61:2). Thật đầy ý nghĩa khi Chúa Giê-xu ngưng đọc tại chính chỗ này!

5. Ma quỷ

Lu-ca 4: 31-44

³¹ Ngài xuống thành Ca-bê-na-um, thuộc xứ Ga-li-lê, dạy dỗ trong ngày Sa-bát. ³² Mọi người đều cảm động về sự dạy dỗ của Ngài; vì Ngài dùng quyền phép mà phán.

³³ Và, trong nhà hội có một người bị tà ma ám, cất tiếng kêu lớn lên rằng: Hỡi Jê-sus Na-xa-rét! ³⁴ Chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng? Ngài đến để diệt chúng tôi sao? Tôi biết Ngài là ai: Là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời! ³⁵ Song Đức Chúa Jê-sus quở nặng nó, mà rằng: Hãy nín đi, và ra khỏi người nầy. Quỷ bèn vật ngã người giữa đám đông, rồi ra khỏi, không làm hại chi đến người. ³⁶ Mọi người đều sửng sốt, nói cùng nhau rằng: Ấy là đạo gì đó? Người lấy phép và quyền đuổi tà ma, và chúng nó liền ra! ³⁷ Vậy, danh tiếng Ngài đồn khắp các nơi xung quanh.

³⁸ Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nhà hội, vào nhà Si-môn. Bà gia Si-môn đang đau rét nặng lắm. Người ta xin Ngài chữa cho, ³⁹ Ngài bèn nghiêng mình trên người, truyền cho cơn rét, rét liền lìa khỏi. Tức thì người chờ dậy hầu việc.

⁴⁰ Khi mặt trời lặn rồi, ai nấy có người đau, bất kỳ bệnh gì, đều đem đến cùng Ngài; Ngài đặt tay lên từng người mà chữa cho họ. ⁴¹ Cũng có các quỷ ra khỏi nhiều kẻ, mà kêu lên rằng: Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời! Nhưng Ngài quở nặng chúng nó, cấm không cho nói mình biết Ngài là Đấng Christ.

⁴² Vừa rạng ngày, Ngài ra đi đến nơi vắng vẻ, một đoàn dân đông kéo đi tìm Ngài. Họ theo kịp, giữ Ngài ở lại, không muốn để Ngài đi. ⁴³ Nhưng Ngài phán cùng họ rằng: Ta cũng phải rao Tin lành của nước Đức Chúa Trời nơi các thành khác; vì cốt tại việc đó mà ta được sai đến. ⁴⁴ Vậy Ngài giảng dạy trong các nhà hội xứ Ga-li-lê.

Chúa Giê-xu rời Na-xa-rét xuống thành Ca-bê-na-um (*Ma-thi-ơ* 4:13-16), đây là quê quán của Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng. Ngài thường dạy dỗ trong nhà hội và khiến mọi người lấy làm lạ về sự dạy dỗ đầy thẩm quyền của Ngài (xem *Ma-thi-ơ* 7:28-29). Họ càng ngạc nhiên hơn về quyền phép của Ngài đối với tà ma.

Sao một người bị tà ma ám có thể ngồi trong nhà hội? Người

ấy không biết rằng Chúa cũng ở đó sao? Chúa không muốn ma quỷ làm chứng về Ngài, nên Ngài bảo nó yên lặng và đuổi nó ra khỏi người bệnh. Dĩ nhiên, ma quỷ biết Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (*Lu-ca* 4:34, 41) nên nó rất run sợ (*Gia-cơ* 2:19).

Sau đó, Ngài ra khỏi nhà hội, vào nhà Si-môn Phi-e-rơ. Tại đây Ngài đã chữa lành cơn rét cho bà gia Si-môn. Mặt trời lặn là lúc ngày Sa-bát đã qua, nghĩa là có thể chữa bệnh được. Người ta đem đến nhà Phi-e-rơ nhiều bệnh nhân để xin Chúa cứu chữa. Một lần nữa Ngài quở nặng ma quỷ, không cho nó tỏ Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Hắn Chúa rất mệt sau một ngày đầy áp công việc, nhưng Ngài thức dậy rất sớm để cầu nguyện lúc tờ mờ sáng (*Mác* 1:35). Ngài có được sức mạnh và quyền năng trong chức vụ chính bởi sự cầu nguyện. Chúng ta cũng phải cầu nguyện như thế!

Chúa Giê-xu, Đấng Biến Đổi Con Người

Lu-ca 5

Chúa Giê-xu luôn quan tâm đến từng con người. Dù dạy dỗ trước đám đông, nhưng thông điệp của Ngài cốt dành cho từng cá nhân, và Ngài cũng để thì giờ giúp đỡ họ cách riêng tư. Mục đích của Ngài là muốn biến đổi con người họ, hầu họ sẽ có thể ra đi chia sẻ thông điệp “tha thứ” của Ngài cho những người khác. Trong đoạn này, Lu-ca mô tả những cuộc gặp gỡ của Chúa với bốn nhân vật và những đổi thay họ kinh nghiệm được do tin cậy nơi Ngài.

1. Phi-e-rơ : Từ Thất Bại Đến Thành Công

Lu-ca 5:1-11

¹ Khi Đức Chúa Jê-sus ở trên bờ hồ Ghê-nê-xa-rét, đoàn dân đông chen lấn nhau xung quanh Ngài lắng nghe đạo Đức Chúa Trời. ² Ngài thấy hai chiếc thuyền đậu gần bờ, người đánh cá đã xuống khỏi thuyền giặt lưới, ³ thì Ngài lên một chiếc thuyền trong hai chiếc, là chiếc của Si-môn, biểu người đem ra khỏi bờ một chút; rồi Ngài ngồi mà dạy dỗ dân chúng.

⁴ Khi Ngài phán xong thì biểu Si-môn rằng: Hãy chèo ra ngoài sâu, thả lưới mà đánh cá. ⁵ Si-môn thưa rằng: Thưa thầy, chúng tôi đã làm suốt đêm không bắt được chi hết; dầu vậy, tôi cũng theo lời thầy mà thả lưới. ⁶ Họ thả lưới xuống, được nhiều cá lắm, đến nỗi lưới phải đứt ra. ⁷ Họ bèn ra vọi gọi đồng bạn mình

ở thuyền khác đến giúp; bạn kia đến chờ cá đầy hai chiếc thuyền, đến nổi gần chìm. ⁸ Si-môn Phi-e-rô thấy vậy, liền sắp mình xuống ngang đầu gối Đức Chúa Jê-sus, mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin ra khỏi tôi, vì tôi là người có tội. ⁹ Số là, vì đánh cá dường ấy, nên Si-môn cùng mọi người ở với mình đều thất kinh; Gia-cơ và Giăng con Xê-bê-ê, là những kẻ đồng bạn với Si-môn cũng đồng một thể ấy. ¹⁰ Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng Si-môn rằng: Đừng sợ chi, từ nay trở đi, người sẽ nên tay đánh lưới người. ¹¹ Đoạn, họ đem thuyền vào bờ, bỏ hết thảy mà theo Ngài.

Sự kiện này khác với sự kiện mô tả trong *Ma-thi-ơ* 4:18-22 và *Mác* 1:16-20. Theo hai sách đó, Phi-e-rô và Anh-rê đang bận thả lưới. Nhưng theo sách Lu-ca, họ đã đánh cá cả đêm nhưng không được chi nên phải giặt lưới (nếu lưới không giặt và phơi khô, sẽ bị mục và rách). Chúa Giê-xu đã tuyển bốn người này trước đó và, họ đồng hành với Ngài đến Ca-bê-na-um và Ga-li-lê (*Mác* 1:21-39), nhưng rồi họ đã trở lại với nghề cũ. Giờ đây, Chúa muốn gọi họ dành trọn đời sống cho chức vụ môn đệ Ngài.

Có lẽ trong số môn đệ Chúa, có ít nhất bảy người làm nghề chài lưới (*Giăng* 21:1-3). Bạn nên biết rằng những người đánh cá này nói chung có những phẩm chất khiến họ dễ thành công trong sự phục vụ Chúa. Can đảm, dám nghĩ dám làm, kiên trì, dứt khoát với công việc giữa biển cả, họ cũng có thể có một đức tin lớn. Họ phải sẵn sàng làm việc với nhau và giúp đỡ nhau (vì họ dùng lưới chứ không dùng cần câu). Họ phải trau dồi tay nghề, những kỹ năng cần thiết để tiến hành công việc nhanh chóng, hiệu quả.

Nếu tôi thả lưới cả đêm mà không được gì, có lẽ tôi sẽ bán lưới chứ chẳng muốn giặt để rồi phải chuẩn bị lần nữa! Nhưng những người đánh cá chuyên nghiệp này không chịu bỏ cuộc. Phi-e-rô vẫn tiếp tục làm việc trong khi Chúa Giê-xu dùng thuyền ông làm nơi dạy dỗ cho đoàn dân đông trên bờ. Tiến sĩ J. Wernon McGee nói rằng: “Mỗi bụi giảng đều là một thuyền đánh cá, là chỗ ban phát Lời Chúa và để bắt cá!”

Lời yêu cầu của Chúa Giê-xu còn mang một khía cạnh khác: Phi-e-rô là một “thính giả bị bắt buộc” khi ông ngồi

trong thuyền nghe lời Chúa. “Như vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời Đức Chúa Trời được rao giảng” (*Rô-ma* 10:17). Trong một thời gian ngắn nữa, Phi-e-rơ sẽ phải bày tỏ đức tin, và Chúa Giê-xu đang chuẩn bị ông. Trước tiên, Ngài bảo: “Ra khỏi bờ một chút”. Và khi Phi-e-rơ đã sẵn sàng, Ngài ra lệnh: “Hãy chèo ra ngoài sâu, thả lưới mà đánh cá”. Nếu không vâng theo mệnh lệnh đầu tiên dường như vô nghĩa này, Phi-e-rơ chắc không bao giờ hưởng được danh dự, dự phần vào một phép lạ.

Phi-e-rơ chắc rất ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu nắm quyền điều khiển chiếc thuyền và những người trên thuyền. Dù sao thì Chúa Giê-xu cũng chỉ là một người theo nghề thợ mộc (*Mác* 6:3) mà các thợ mộc thì biết gì về nghề đánh cá? Vấn đề mà ai cũng biết là tại biển Ga-li-lê người ta đánh cá vào ban đêm tại vùng nước cạn chứ không phải vào ban ngày ở chỗ nước sâu! Điều Chúa bảo Phi-e-rơ làm thật mâu thuẫn với những gì ông biết và kinh nghiệm, nhưng ông vẫn vâng theo. Chìa khóa vấn đề chính là niềm tin nơi Lời Chúa của Phi-e-rơ: “dẫu vậy, tôi cũng theo lời thầy” (*Lu-ca* 5:5). Từ được dịch là “thầy” (*Lu-ca* 5:5) chỉ có *Lu-ca* dùng và nó có nhiều nghĩa khác nhau. Tất cả đều có liên quan đến quyền lực: vị tổng tư lệnh, quan tòa, thị trưởng, viện trưởng đại học. Phi-e-rơ sẵn sàng phục tùng mệnh lệnh Chúa, dù không hiểu mọi điều Chúa làm. Và bạn nên nhớ rằng, có một đám đông đang dòm ngó quanh bờ!

Cách người ta đáp ứng với sự thành công cho thấy bản chất thật của họ. Thay vì tuyên bố mẽ cá lớn này thuộc về mình, Phi-e-rơ và Anh-rê lại gọi đồng bạn mình đến để cùng dự phần. Chúng ta không phải là những “nguồn tích trữ”, nhưng là những “dòng phước hạnh” chia sẻ cho người khác những gì Đức Chúa Trời đã ban cho ta cách rời rộ.

2. Từ Bệnh Hoạn Đến Lành Mạnh

Lu-ca 5:12-16

¹² Đức Chúa Jê-sus đương ở trong thành kia, có một người mắc bệnh phong đầy mình, thấy Ngài thì sấp mặt xuống đất, mà nài xin rằng: Lạy Chúa, nếu Chúa khứng, chắc có thể làm cho tôi được sạch! ¹³ Đức Chúa Jê-sus giơ tay sờ đến người ấy, mà phán rằng: Ta khứng, hãy sạch đi. Tức thì, bệnh phong liền hết.

¹⁴ Đức Chúa Jê-sus cấm người đó học chuyện lại với ai; nhưng dặn rằng: Hãy đi tỏ mình cùng thầy tế lễ; và dâng của lễ về sự người được sạch, theo như Môi-se dạy, để điều đó làm chứng cho họ.

¹⁵ Danh tiếng Ngài càng ngày càng vang ra, và một đoàn dân đông nhóm họp để nghe Ngài và để được chữa lành bệnh. ¹⁶ Song Ngài lánh đi nơi đồng vắng mà cầu nguyện.

Có một người cần được thay đổi vì anh ta mắc bệnh phong. Đối với người Do Thái, có nhiều chứng bệnh ngoài da bị liệt vào loại bệnh phong, cũng như bệnh Hansen ngày nay. Dù y học ngày nay không ngừng phát triển, vậy mà ước tính có khoảng 10 triệu người trên thế giới mắc bệnh phong. Có một dạng bệnh phong huỷ hoại các dây thần kinh khiến bệnh nhân không hề cảm thấy đau đớn. Sự lây nhiễm bắt đầu hình thành và phát triển cho đến khi các tế bào bị thoái hóa, chân tay bị biến dạng và cuối cùng có thể bị rớt ra.

Nhiệm vụ của thầy tế lễ Do Thái là kiểm tra dân chúng để biết họ có mắc bệnh phong hay không? (*Lê-vi Ký* 13:1-59). Người nào nhiễm bệnh sẽ bị cô lập và không thể hòa nhập với cộng đồng bình thường cho đến khi được định là “tinh sạch”. Ê-sai ví bệnh phong như hình ảnh của tội lỗi (*Ê-sai* 1:4-6). Những chỉ dẫn chi tiết trong *Lê-vi Ký* 13:1-14:57 cho thấy có nhiều điểm liên quan đến nghi thức nhiều hơn là duy trì sức khỏe chung.

Giống như tội lỗi, vết phong (*Lê-vi Ký* 13:3) không thể chữa bằng những phương pháp “bên ngoài” (*Giê-rê-mi* 6:14). Nó ăn lan cũng như tội lỗi (*Lê-vi Ký* 13:7-8) và gây ô uế (*Lê-vi Ký* 13:44-45). Do ô uế, người mắc bệnh phải bị cô lập ngoài “trại quân” (*Lê-vi Ký* 13:46). Ngày kia, những tội nhân hư mất

Chúa Giê-xu, Đấng Biến Đổi Con Người / 59

cũng sẽ bị cô lập nơi địa ngục! Người bị phung giống như “người đã chết” (*Dân Số Ký* 12:12) và áo quần vương vết phung phải bị thiêu trong lửa (*Lê-vi Ký* 13:52). Tội nhân hư mất phải nhờ cậy Chúa Giê-xu để thoát khỏi “những vết phung!”

Người phung này không chỉ “cần” được thay đổi, mà anh ta thực lòng “muốn” được thay đổi. Người phung bị buộc phải cách ly, nhưng lần này anh ta quyết định “phá lệ” và đến với Chúa Giê-xu cách riêng tư. Qua sách Phức Âm, Lu-ca chứng minh rằng Chúa Giê-xu là bạn của những kẻ bị ruồng bỏ, họ có thể đến với Ngài để được cứu giúp. Người phung này đã hạ mình trước Chúa và cầu xin sự thương xót.

Bởi ân sủng và quyền năng Đức Chúa Trời, người bệnh đã được lành! Thực ra, khi Chúa Giê-xu “giơ tay rờ đến người ấy”, nghĩa là chính Ngài bị ô uế! Đây là hình ảnh cao đẹp về điều Chúa Giê-xu đã làm cho tội nhân hư mất: “Đấng vốn chẳng biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời” (*I Phi-e-rơ* 2:24; *II Cô-rinh-tô* 5:21). Ngài không chỉ muốn mọi người được cứu (*I Ti-mô-thê* 2:4; *II Phi-e-rơ* 3:9), nhưng Ngài có thể cứu được mọi người (*Hê-bơ-rơ* 7:25) và ngay bây giờ Ngài có thể làm được điều ấy (*II Cô-rinh-tô* 6:2).

Chúa Giê-xu dặn người được chữa lành đi gặp thầy tế lễ và vâng theo những qui tắc về “lễ làm sạch bệnh phung” được chép trong *Lê-vi Ký* 14:1-32. Lễ này là hình ảnh về công tác của Chúa Giê-xu qua sự thành nhục thể, sự chết và sự sống lại của Ngài. Tất cả điều này đều thực hiện “trên nước chảy,” một biểu tượng về Thánh Linh Đức Chúa Trời. Cửa lễ này nhắc nhở ta rằng chính Chúa Giê-xu đã chết thay chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi.

Chúa Giê-xu cấm người này bày tỏ cho kẻ khác về việc Ngài làm, nhưng anh ta đã làm chứng nhiệt tình về Ngài (Chúa Giê-xu kêu gọi chúng ta làm chứng cho mọi người, vậy mà chúng ta lại nín lặng!). Vì lời chứng này, vô số người đã đến

với Ngài để được cứu giúp, và Ngài đã giúp họ tận tình. Tuy nhiên, Ngài chẳng có cảm xúc gì với đoàn dân đông này, bởi Ngài biết đa số họ chỉ muốn xem quyền năng chữa bệnh của Ngài chứ không cần sự cứu rỗi của Ngài. Ngài thường tách khỏi đám đông và lánh đi nơi yên tĩnh khác để cầu nguyện, xin sự giúp sức của Đức Chúa Cha. Đây thật là một gương mẫu để mọi con cái Đức Chúa Trời noi theo.

3. Từ Tội Lỗi Đến Tha Thứ

Lu-ca 5:17-26

¹⁷ Một ngày kia, Đức Chúa Jê-sus đang dạy dỗ, có người Pha-ri-si và mấy thầy dạy luật từ các làng xứ Ga-li-lê, xứ Giu-đê, và thành Giê-ru-sa-lem đều đến, ngồi tại đó, quyền phép Chúa ở trong Ngài để chữa lành các bệnh. ¹⁸ Bấy giờ, có mấy người khiêng một kẻ đau bại trên giường, kiếm cách đem vào để trước mặt Đức Chúa Jê-sus. ¹⁹ Nhân vì người ta đông lắm, không biết bởi đâu mà qua, họ bèn trèo lên mái nhà, dỡ ngói ra, đồng người và giường nhỏ xuống trước mặt Ngài, giữa đám đông hội. ²⁰ Đức Chúa Jê-sus thấy đức tin của họ, bèn phán rằng: Hỡi người, tội lỗi ngươi đã được tha. ²¹ Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bèn nghị luận rằng: Người nầy là ai mà nói phạm thượng vậy? Ngoài Đức Chúa Trời, há có ai tha tội được sao? ²² Nhưng Đức Chúa Jê-sus biết ý tưởng họ, cất tiếng phán rằng: Các người nghị luận gì trong lòng? ²³ Nay nói rằng: Tội ngươi đã được tha, hoặc rằng: Người hãy đứng dậy mà đi, thì bên nào dễ hơn? ²⁴ Và, hầu cho các người biết Con người ở thế gian có quyền tha tội: Ngài phán cùng kẻ bại rằng: Ta biểu ngươi đứng dậy, vác giường trở về nhà. ²⁵ Tức thì kẻ bại đứng dậy trước mặt chúng, vác giường mình đã nằm, và đi về nhà, ngợi khen Đức Chúa Trời. ²⁶ Ai nấy đều sửng sờ, ngợi khen Đức Chúa Trời; và sợ sệt lắm mà nói rằng: Hôm nay chúng ta đã thấy những việc dị thường.

Chúa Giê-xu trở lại thành Ca-bê-na-um, có lẽ đến nhà Phi-e-rơ. Đoàn dân đông họp lại xem Ngài chữa bệnh và nghe Ngài dạy dỗ. Có một chi tiết mới được nói đến: một số chức sắc tôn giáo từ Giê-ru-sa-lem đến để dò xét điều Chúa làm. Họ có quyền làm vậy, vì nhiệm vụ của các trưởng lão là phải ngăn cản tiên tri giả dẫn dụ dân chúng đi sai lạc (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 13:1-18; 18:15-22*). Họ từng chất vấn Giảng Báp-tít (*Giăng 1:19-34*) và bây giờ họ lại muốn dò xét Chúa Giê-xu

ở Na-xa-rét.

Vì đây là lần đầu tiên các thầy luật và người Pha-ri-si được nhắc đến trong *Phúc Âm Lu-ca*, nên biết về họ cũng là điều có ích cho ta. Từ *Pha-ri-si* theo ngôn ngữ gốc Hê-bơ-rơ nghĩa là “phân cách, tách ra”. Có lẽ các thầy dạy luật và người Pha-ri-si phát triển từ chức vụ của thầy tế lễ E-xơ-ra, người đã dạy dân chúng phải vâng theo luật Môi-se và phân cách khỏi những dân tộc ngoại đạo quanh họ (*Ê-xơ-ra* 9:1-10:44; *Nê-hê-mi* 8:1-9:38). Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si rất khao khát hiểu biết và phát huy luật pháp Đức Chúa Trời và áp dụng vào đời sống thường nhật.

Tuy nhiên, hành động của họ chẳng mấy chốc trở nên quá hình thức. Các chức sắc đã đặt lên vai dân chúng quá nhiều gánh nặng đến nỗi họ khó lòng “hầu việc Đức Giê-hô-va cách vui mừng” (*Thi Thiên* 100:2). Hơn thế, có nhiều người Pha-ri-si là kẻ giả hình, không thực hành những điều họ dạy kẻ khác (*Ma-thi-ơ* 15:1-20; 23:1-36). Qua Bài Giảng Trên Núi (*Ma-thi-ơ* 5:1-7:29), Chúa Giê-xu đã vạch trần sự nông cạn của những người dòng Pha-ri-si. Ngài giải thích rằng “sự công bình thật” là vấn đề thuộc tấm lòng, chứ không chỉ ở hình thức tôn giáo bên ngoài.

Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si đã chọn thì giờ thuận lợi để tham dự một trong những buổi thờ phượng của Chúa Giê-xu, bởi quyền năng Đức Chúa Trời bày tỏ cách lạ lùng khi Chúa Giê-xu chữa lành người đau bại. Nếu chứng bệnh phung mình họa cho sự sa đọa và ô uế của tội lỗi, chứng đau bại này là hình ảnh của sự tê liệt mà chính tội lỗi sản sinh ra trong một đời sống. Nhưng Chúa Giê-xu không chỉ muốn chữa bệnh cho người này nhưng còn muốn tha tội cho anh ta và dạy đám đông một bài học về sự tha tội.

Kẻ bại liệt không thể đến được với Chúa Giê-xu, nhưng anh ta may mắn có bốn người bạn giúp anh đến được với Ngài. Bốn người bạn ấy là những tấm gương về cách phải làm gì cho người khác và giúp những tội nhân khốn khổ đến với

Đấng Christ.

Trước hết, tin họ rằng Chúa Giê-xu sẽ chữa lành người bại (*Lu-ca* 5:20), đó là đức tin được Đức Chúa Trời hài lòng. Tình yêu họ dành cho người bại đã hiệp sức họ lại, hầu cho không gì có thể khiến họ nản lòng, dù có cả một đám đông án ngữ trước cửa. Xa-chê cũng ở trong hoàn cảnh tương tự (*Lu-ca* 19:3). (Thật đáng buồn là đám đông cứ cản đường những người khao khát gặp Chúa!) Không vào nhà được, họ trèo lên mái nhà, dỡ ngói, dồng người bệnh và giường nhỏ xuống ngay trước mặt Chúa!

Lẽ ra Chúa chỉ cần chữa bệnh người bại và cho anh ta về, nhưng Ngài dùng cơ hội này để giảng một bài học về tội lỗi và sự tha thứ. Nói với người bệnh rằng: “Tội người đã được tha” dĩ nhiên dễ hơn câu nói “Người hãy đứng dậy mà đi”. Vì sao? *Bởi không ai có thể chứng minh tội lỗi người ấy thực sự được tha hay chưa!* Chúa Giê-xu đã dùng phương pháp khó hơn để chữa lành người bại, đó là điều mọi người tại nơi đó có thể làm chứng.

Phải chăng bệnh tật của người ấy là kết quả của tội lỗi? Chúng ta không biết chắc, nhưng có thể là vậy (xem *Giăng* 5:1-14). Sự chữa lành thân thể anh ta là bằng chứng về sự chữa lành thuộc linh bên trong. Chúa Giê-xu đã khiến các thầy dạy luật và người Pha-ri-si sửng sốt khi Ngài tuyên bố về quyền chữa bệnh và tha tội. Dân chúng từng biết về quyền năng dạy dỗ và đuổi quỷ của Ngài (*Lu-ca* 4:32,36), nhưng giờ đây Ngài cũng tuyên bố về quyền tha tội. Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si không thể phủ nhận quyền năng chữa bệnh của Ngài, nhưng họ dò xét lời tuyên bố tha tội của Ngài. Lời ấy chẳng khác nào sự lộng ngôn, vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể tha tội. Chúa Giê-xu có thể bị ném đá vì lời tuyên bố này, bởi Ngài muốn nói rằng: chính Ngài là Đức Chúa Trời!

Trong *Lu-ca* 5:24, lần đầu tiên ta thấy *Lu-ca* sử dụng danh hiệu Con Người, từ này được nhắc lại suốt *Phúc Âm Lu-ca* 23 lần. Những người nghe Chúa dạy dỗ đã quen với danh xưng

Chúa Giê-xu, Đấng Biến Đổi Con Người / 63

này. Tiên tri Ê-xê-chi-ên sử dụng từ này hơn 80 lần. Đa-ni-ên cũng dùng danh xưng này để nói về Đấng Mết-si-a (*Đa-ni-ên* 7:13,18). “Con Người” là danh xưng Chúa muốn dùng cho chính Ngài, được nhắc lại ít nhất 82 lần trong các sách Phúc Âm. Đôi lúc Chúa dùng danh xưng “Con Đức Chúa Trời” (*Ma-thi-ơ* 27:43; *Lu-ca* 22:70; *Giăng* 5:25; 9:45; 10:36; 11:4), nhưng “Con Người” được dùng nhiều hơn. Dân Do Thái lẽ đương nhiên đều biết danh hiệu này nói về Đấng Mết-si-a, nhưng danh hiệu ấy còn gắn bó Ngài với những tội nhân Ngài đến cứu vớt (*Lu-ca* 19:10). Giống như Ê-xê-chi-ên, “Con Người” của Cựu Ước, Chúa Giê-xu là Đấng “ngồi tại nơi họ ngồi” (*Ê-xê-chi-ên* 3:15).

Sự lành bệnh xảy ra tức thì khiến mọi người ngợi khen Đức Chúa Trời. Người bệnh không những được chữa lành, anh ta còn kinh nghiệm được sự tha thứ và khởi đầu một cuộc đời mới. Những phép lạ của Chúa không chỉ bày tỏ thần tính và lòng thương xót của Ngài đối với những kẻ khốn khổ, mà còn nêu bật những bài học thuộc linh quan trọng về sự cứu rỗi. Các phép lạ ấy là những “bài học thực tiễn” để dạy cho những người mù loà về tâm linh biết điều Đức Chúa Trời có thể làm cho họ, khi họ tin nơi Con Ngài.

4. Từ Con Người Cũ Trở Thành Con Người Mới

Lu-ca 5:27-39

²⁷ Kế đó, Đức Chúa Jê-sus ra ngoài, thấy một người thu thuế, tên là Lê-vi, đương ngồi tại sở thu thuế. Ngài phán cùng người rằng: Hãy theo ta! ²⁸ Lê-vi bỏ hết mọi sự, đứng dậy đi theo Ngài.

²⁹ Lê-vi dọn tiệc trong nhà mình, có nhiều người thu thuế và kẻ khác cùng ngồi ăn đồng bàn. ³⁰ Các người Pha-ri-si và các thầy thông giáo họ làm bầm, nói cùng môn đồ Ngài rằng: Sao các ngươi ăn uống với người thu thuế và kẻ phạm tội? ³¹ Đức Chúa Jê-sus phán cùng họ rằng: Không phải người khỏe mạnh cần thầy thuốc, song là người đau ốm. ³² Ta không phải đến gọi kẻ công bình hối cải, song gọi kẻ có tội.

³³ Họ thưa Ngài rằng: Môn đồ của Giăng thường kiêng ăn cầu nguyện, cũng như môn đồ của người Pha-ri-si, chẳng như môn đồ của thầy ăn và uống.

³⁴ Ngài đáp rằng: Trong khi chàng rể còn ở cùng bạn mừng cưới mình, các người để bắt họ phải kiêng ăn được sao? ³⁵ Song đến ngày nào chàng rể phải đem đi khỏi họ, thì trong những ngày ấy họ mới kiêng ăn vậy.

³⁶ Ngài lại lấy thí dụ mà phán cùng họ rằng: Không ai xé một miếng áo mới mà vá áo cũ. Nếu vậy, áo mới phải rách, và miếng giẻ mới cũng không xứng với áo cũ. ³⁷ Cũng không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ, nếu vậy, rượu mới làm nứt bầu ra; rượu chảy mất và bầu cũng phải hư đi. ³⁸ Song rượu mới phải đổ vào bầu mới. ³⁹ Lại cũng không ai uống rượu cũ lại đòi rượu mới; vì người nói rằng: Rượu cũ ngon hơn.

Khi Chúa gọi Lê-vi, Ngài đã thực hiện ba điều: cứu một linh hồn hư mất, thu nhận một môn đệ mới, tạo cơ hội để giải thích chức vụ Ngài cho các bạn hữu của Lê-vi, các thầy dạy luật và người Pha-ri-si. Sự kiện này có thể đã xảy ra ngay sau khi Chúa chữa lành người bại vì những người Pha-ri-si và các thầy dạy luật vẫn còn ở đó (*Lu-ca* 5:17). Có thể lúc này Chúa đặt cho Lê-vi một tên mới: “Ma-thi-ơ, tặng phẩm của Đức Chúa Trời” (*Lu-ca* 6:15; *Ma-thi-ơ* 9:9).

Ma-thi-ơ ngồi tại sở thu thuế, có nhiệm vụ đánh thuế các mặt hàng buôn bán. Vì giá thuế luôn thay đổi và không rõ ràng, nên người gian dối dễ dàng biến thủ cho riêng mình. Cho dù nhân viên thuế vụ nào làm việc trung thực đi nữa, anh ta vẫn bị người Do Thái khinh ghét vì đã làm ô uế bản thân khi phục vụ cho ngoại bang. Giảng Báp-tít chứng minh rằng bản chất của sự thu thuế không có gì tội lỗi cả (*Lu-ca* 3:12-13), nên chúng ta cũng không có cơ gì cho rằng Ma-thi-ơ là “kẻ cắp”. Tuy nhiên đối với dân Do Thái, Lê-vi là kẻ có tội. Chúa Giê-xu bị nghi ngờ có liên quan với anh ta và bạn hữu của anh ta. Chúng ta không rõ Ma-thi-ơ biết Chúa ở mức độ nào. Tình bạn giữa Chúa với Phi-e-rơ và đồng bạn giúp Ngài có được mối liên lạc với những thương gia ở Ca-bê-na-um này, và chắc chắn Ma-thi-ơ đã nghe Chúa giảng đạo ở bờ biển. Ma-thi-ơ nhanh chóng vâng theo tiếng gọi của Chúa, bỏ hết mọi sự và theo Ngài. Ông quá đổi vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài đến nỗi gọi nhiều bạn hữu đến để cùng chia sẻ (*Lu-*

ca 15:6, 9, 23).

Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si chỉ trích Chúa Giê-xu vì họ không hiểu thông điệp và chức vụ Ngài. Chúa không dễ rập khuôn theo lối sống đạo truyền thống của họ. Thật là bất hạnh khi các chức sắc tôn giáo bảo thủ đề kháng lại điều đang đổi thay và không chịu hiểu những việc mới mẻ Đức Chúa Trời đang thực hiện. Để giúp họ hiểu rõ điều này, Chúa Giê-xu đưa ra bốn ví dụ minh họa công việc Ngài đang làm:

Thầy thuốc (Lu-ca 5:31,32). Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si xem Ma-thi-ơ và đồng bạn ông như những kẻ tội lỗi đáng bị lên án, nhưng Chúa Giê-xu lại xem họ như các con bệnh thuộc linh cần được thầy thuốc cứu giúp. Thật ra, Chúa đã minh họa điều này khi làm sạch người phong và chữa lành người bại liệt. Tội lỗi giống như một căn bệnh, khởi đầu từ một vết nhỏ khó phát hiện, sau đó nó âm thầm tiến triển, huỷ hoại sức khoẻ, và cuối cùng giết chết chúng ta nếu không kịp thời chữa trị. Thật bi thảm khi bệnh hoạn giết chết thân thể con người, nhưng còn khủng khiếp hơn khi tội lỗi kết án linh hồn nơi hoả ngục!

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si “có tài” chẩn đoán nhu cầu kẻ khác mà không biết mình đang mù loà trong nhu cầu của bản thân, vì họ cũng là tội nhân như bao người khác. Họ “ra dáng” công bình bề ngoài, nhưng bề trong đã sa đoạ (*Ma-thi-ơ 23:25-28*). Có thể họ không phải là những “đứa con hoang đàng” mắc tội về thể xác, nhưng thực sự là những “người anh cả” mắc tội về phần thuộc linh (*Lu-ca 15:11-32; II Cô-rinh-tô 7:1*).

Khi tôi viết đến chỗ này, có cú điện thoại của một phụ nữ từ Canada, người bất đồng với chương trình phát thanh của tôi và không ngừng lên án chúng tôi là những “tên chính thống xét đoán”. Tôi dùng lời Chúa cố giải thích với bà, nhưng bà vẫn phản đối. Bà cho rằng không có địa ngục nào cả và tôi không có quyền rao giảng về điều đó. Khi tôi trưng dẫn Kinh Thánh, bà liền cúp máy. Tất cả mọi điều tôi có thể làm lúc ấy

là ngưng mọi sự để cầu thay cho bà, trong lòng thật buồn bã.

Bước đầu tiên để có thể chữa được căn bệnh tội lỗi là chúng ta phải thừa nhận rằng mình có một nhu cầu và phải làm một điều gì cho nhu cầu đó. Các tiên tri giả chuẩn bệnh sai lầm để rồi dẫn chúng ta đến hy vọng không đúng chỗ (*Giê-rê-mi* 6:14). Nhưng tội tở Đức Chúa Trời đã cho chúng ta biết lẽ thật về tội lỗi, sự chết và hỏa ngục, đồng thời đưa ra một giải pháp duy nhất: niềm tin nơi Chúa Giê-xu. Tôn giáo của các thầy luật và người Pha-ri-si không thể đem đến cho Ma-thi-ơ và đồng bạn ông sự trông cậy, chỉ có Chúa Giê-xu mới làm được điều này! Chúa Giê-xu thật là một thầy thuốc đại tài! Ngài đến với chúng ta bằng tình yêu, kêu gọi và cứu vớt chúng ta khi chúng ta tin cậy nơi Ngài. Chính Ngài sẽ “*thanh toán đơn thuốc*” thay ta. Sự chẩn đoán của Ngài luôn chính xác và sự chữa trị của Ngài thật hoàn hảo, trọn vẹn. Chẳng còn gì nghi ngờ, Ma-thi-ơ quá vui mừng và muốn chia sẻ tin mừng này với đồng bạn!

Chàng rể (*Lu-ca* 5:33-35). Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si không chỉ tức giận các đồng bạn của môn đệ Chúa mà còn vì cố thấy họ vui mừng được theo Chúa và làm bạn với những người khác. Dường như những người Pha-ri-si này chẳng hề vui thỏa trong nếp sống đạo của họ (*Ma-thi-ơ* 6:16; *Lu-ca* 15:25-32). Chúa Giê-xu là người “từng trải sự buồn bực” (*Ê-sai* 53:3) nhưng cũng là Đấng “đầy dẫy sự vui mừng” (*Lu-ca* 10:21; *Giăng* 15:11; 17:13).

Lễ cưới của người Do Thái kéo dài một tuần lễ, đó là thời gian vui mừng và tiệc tùng. Với hình ảnh này Chúa Giê-xu muốn nói với những kẻ phê phán rằng: “Ta đến để biến cuộc đời thành một lễ cưới, chứ không phải một đám tang. Nếu người biết Chàng Rể, người mới có thể dự phần trong niềm vui của Người”. Ngài phán rằng sẽ có ngày Chàng Rể “bị đem đi”, Ngài muốn nói đến sự thương khó và sự chết. Đồng thời, cũng có một cơ để vui mừng, vì sẽ có nhiều tội nhân ăn năn.

Chúa Giê-xu, Đấng Biến Đổi Con Người / 67

Sự kiêng ăn thường được thấy trong Cựu Ước, nhưng không có chỗ nào trong Tân Ước qui định vấn đề đó. Tuy nhiên, gương kiêng ăn của các tiên tri và Hội Thánh đầu tiên thực sự có ý nghĩa đối với tín hữu hôm nay! Lời Chúa trong *Ma-thi-ơ* 6:16-18 và các đoạn như *Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:1-3; 14:23 chứng tỏ kiêng ăn là thói quen của Hội Thánh ban đầu (cũng xem *I Cô-rinh-tô* 7:5; *II Cô-rinh-tô* 6:5; 11:27).

Chiếc áo (*Lu-ca* 5:36). Chúa Giê-xu đến không phải vá lại chiếc áo cũ, Ngài đến để ban phát chiếc áo mới. Người Pha-ri-si thừa nhận rằng Do Thái giáo không thể hoàn hảo mọi đàng, có lẽ họ hy vọng Chúa sẽ cộng tác với họ để khôi phục lại tôn giáo cũ kỹ này. Nhưng Chúa cho họ thấy sự ngu dại của cách suy nghĩ này khi Ngài so sánh chiếc áo cũ với chiếc áo mới. Nếu bạn xé một miếng áo mới vá vào áo cũ, bạn sẽ làm hỏng cả hai chiếc áo. Áo mới bị rách; còn áo cũ có miếng vải mới không xứng với nó, khi đem giặt áo cũng sẽ bị rách trở lại. Trong Kinh Thánh, những chiếc áo đôi khi cũng được dùng để minh họa về tư cách và phẩm chất con người (*Cô-lô-se* 3:8-17). Ê-sai viết về “chiếc áo công bình” (*Ê-sai* 61:10; *II Cô-rinh-tô* 5:21) lên án tư tưởng cho rằng được cứu là do công đức riêng (*Ê-sai* 64:6). Nhiều người đang mang một tôn giáo “chấp vá” do họ tự tạo, chứ không muốn tin cậy nơi Đấng Christ để được chiếc áo cứu rỗi Ngài ban bởi ân sủng!

Bầu rượu (*Lu-ca* 5:37-39). Nếu chứa rượu chưa lên men vào bầu da cũ, hơi men sẽ làm vỡ bầu da, cả rượu và bầu đều sẽ bị hư. Sự sống mới của Đức Thánh Linh không thể bị bức ép trong “bầu da cũ” của Do Thái giáo. Chúa Giê-xu bày tỏ rằng niềm tin cổ xưa của người Do Thái đã “cũ kỹ” và không lâu sẽ được thay thế (*Hê-bơ-rơ* 8:13). Đa số người Do Thái đều thích những điều xưa cũ, và khước từ những gì mới mẻ. Cho đến năm 70 SC, người La Mã đã dày xéo Giê-ru-sa-lem và đền thờ, làm tản lạc dân chúng. Đó là sự kết thúc của nền tôn giáo được mô tả trong sách *Luật*. Ngày nay, người Do Thái không có thầy tế lễ, đền thờ, bàn thờ nên không thể

thực hiện nghi lễ tôn giáo như tổ phụ họ từng làm (*Ô-sê* 3:4).

Mọi điều thuộc về luật lễ nghi đã được Chúa Giê-xu thực hiện. Vì vậy hôm nay chẳng cần phải có của lễ, thầy tế lễ, đền thờ hay lễ nghi. Mọi con cái Đức Chúa Trời là thầy tế lễ dâng của lễ thuộc linh cho Chúa (*I Phi-e-rơ* 2:5, 9). Các điều khoản luật pháp đã được thay thế bởi những tấm lòng, là nơi Thánh Linh Đức Chúa Trời ghi lời Chúa lên và khiến chúng ta trở nên giống Chúa Giê-xu (*II Cô-rinh-tô* 3:1-3,18). Chúa Giê-xu vẫn là Đấng “làm mới lại hết thảy muôn vật” (*Khải Thị* 21:5). Là thầy thuốc, Ngài ban cho tội nhân cuộc sống mới và sức mạnh thuộc linh. Là Chàng Rể, Ngài đem đến tình yêu và sự vui mừng. Ngài ban cho chúng ta chiếc áo công bình và rượy của Thánh Linh (*Ê-phê-sô* 5:18; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:13). Cuộc đời là một lễ hội, không phải là nạn đói hay một đám tang. Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có thể thay đổi mọi sự trong cuộc đời chúng ta.

Mọi Sự Đầu Mới!

Lu-ca 6

Hơn một năm, Chúa Giê-xu dạy dỗ và chữa bệnh khắp nơi được nhiều người biết đến, dân chúng theo Ngài rất đông. Nhưng bây giờ là thời điểm Ngài chuẩn bị cho các môn đệ và tuyên bố về vương quốc. Trong chương này, chúng ta thấy Chúa Giê-xu lập nên ba thể chế thuộc linh mới để thay thế cho những cái đã tàn tạ trong tôn giáo của dân Do Thái: một ngày Sa-bát mới, một dân tộc mới, và một ân phước mới trong vương quốc thuộc linh mới.

1. Một Ngày Sa-bát Mới

Lu-ca 6:1-11

¹ Nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jê-sus đi qua giữa đồng lúa mì, môn đồ bứt bông lúa, lấy tay vò đi và ăn. ² Có mấy người Pha-ri-si nói rằng: Sao các ngươi làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát? ³ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Vậy các ngươi chưa đọc chuyện vua Đa-vít làm trong khi vua cùng kẻ đi theo bị đói sao? ⁴ Thế nào vua vào đền Đức Chúa Trời, lấy bánh bày ra mà ăn, và cho kẻ đi theo ăn nữa, dầu là bánh chỉ các thầy tế lễ mới được phép ăn thôi? ⁵ Ngài lại phán rằng: Con người cũng là Chúa ngày Sa-bát.

⁶ Một ngày Sa-bát khác, Đức Chúa Jê-sus vào nhà hội dạy dỗ. Tại đó, có một người bàn tay hữu bị teo. ⁷ Và, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si chăm chỉ xem Ngài, coi thử Ngài có chữa bệnh trong ngày Sa-bát chẳng, để tìm dịp mà

cáo Ngài. ⁸ Nhưng Ngài biết ý tưởng họ, nên phán cùng người teo tay rằng: Hãy chớ dậy, đứng giữa chúng ta. Người ấy chớ dậy, và đứng lên. ⁹ Đức Chúa Jê-sus liền phán cùng họ rằng: Ta hỏi các người: Trong ngày Sa-bát, nên làm điều lành hay là làm điều dữ, nên cứu người hay là giết người? ¹⁰ Đoạn, Ngài lấy mắt liếc khắp mọi người xung quanh mình, rồi phán cùng người bệnh rằng: Hãy giơ tay ra. Người giơ ra, thì tay được lành. ¹¹ Nhưng họ giận lắm, bèn bàn cùng nhau về việc mình có thể xử với Đức Chúa Jê-sus cách nào.

Tính thiêng liêng của ngày thứ Bảy là nét đặc trưng trong niềm tin của dân Do Thái. Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên luật về ngày Sa-bát tại núi Si-nai (*Nê-hê-mi* 9:13,14) và xem như một dấu đời đời giữa Ngài với dân chúng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:8-11; 31:12-17). Từ “*Sa-bát*” có nghĩa là “nghỉ ngơi” và có liên quan đến việc Đức Chúa Trời tạm nghỉ sau 6 ngày sáng tạo trời đất (*Sáng Thế Ký* 2:2-3). Một số thầy dạy luật giảng rằng Đấng Mết-si-a không thể xuất hiện trước khi dân Y-sơ-ra-ên đã giữ ngày Sa-bát cách trọn vẹn; vì vậy vâng theo luật này là điều rất ý nghĩa đối với cá nhân và quốc gia. Nếu gọi Chủ Nhật là “ngày Sa-bát” tức là đã nhầm lẫn ngày đầu tiên với ngày thứ Bảy cũng như ý nghĩa của mỗi ngày. Ngày Sa-bát là ngày nhắc nhở sự hoàn tất “công việc sáng tạo cũ” của Đức Chúa Trời, còn Ngày của Chúa (Chúa Nhật) nhắc nhở về công tác hoàn tất của Ngài trong “sự sáng tạo mới” (*I Cô-rinh-tô* 5:21; *Ê-phê-sô* 2:10; 4:24). Ngày Sa-bát nói về sự nghỉ ngơi *sau khi* làm việc và có liên hệ với luật pháp, còn Ngày của Chúa nói về sự nghỉ ngơi *trước khi* làm việc và có liên hệ với ân sủng. Chúa Nhật là kỷ niệm ngày Chúa phục sinh từ kẻ chết, cũng như sự giáng lâm của Đức Thánh Linh và “ngày khai sinh” của Hội Thánh đầu tiên (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-47).

Hội Thánh ban đầu nhóm họp vào ngày thứ nhất trong tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:7; *I Cô-rinh-tô* 16:1-2). Tuy nhiên có số tín hữu Do Thái vẫn giữ ngày Sa-bát, điều này dẫn đến sự chia rẽ. Phao-lô đề cập vấn nạn này trong thư tín *Rô-ma* 14:1-15:3, và đưa ra những nguyên tắc thúc đẩy quyền

tự do và sự hiệp một trong Hội Thánh. Phao-lô luôn chứng minh rằng việc *giữ những ngày lễ đặc biệt không liên quan gì đến sự cứu rỗi* (Ga-la-ti 4:1-11; Công Vụ Các Sứ Đồ 2:8-17). Chúng ta được cứu khỏi tội chẳng phải bởi đức tin “kèm theo” việc giữ ngày Sa-bát. Chúng ta được cứu chỉ bởi đức tin trong Đấng Christ mà thôi!

Bởi những luật lệ khắt khe và nặng nề, người Pha-ri-si và các thầy thông giáo đã biến ngày Sa-bát thành một gánh nặng, không còn là một ngày phước hạnh như điều Đức Chúa Trời muốn. Vì thế Chúa Giê-xu đã thách thức cả giáo lý và quyền lực của họ. Ngài từng tuyên bố về “năm hân hỉ” (Lu-ca 4:19), giờ đây Ngài cũng tuyên bố về một ngày Sa-bát mới, Ngài chữa lành người què ngay trong ngày Sa-bát nên các chức sắc tôn giáo quyết định giết Ngài (Giăng 5:16,18). Bây giờ Ngài lại vi phạm luật Sa-bát của họ thêm hai lần nữa.

Trong Đồng lúa (Lu-ca 6:1-5). Theo luật pháp, người Do Thái được phép ăn trong vườn nho, vườn cây hoặc ruộng lúa của người lân cận, miễn sao không bỏ vào giỏ riêng mình và không sử dụng lưỡi hái (Phục Truyền Luật Lệ Ký 23:24-25). Các môn đệ Chúa vì đói nên đã bứt bông lúa mì, vò trong tay và ăn. Theo các thầy dạy luật, họ đã phạm luật Sa-bát bởi hành động nói trên, vì họ đang gặt hái, sấy hạt và chuẩn bị thức ăn! (Lu-ca 6:1).

Luôn “vạch lá tìm sâu” hòng chỉ trích, người Pha-ri-si hỏi Chúa vì sao Ngài cho phép môn đệ vi phạm luật Sa-bát (Lu-ca 6:2). Đây là lần thứ hai họ xúc phạm Ngài, họ chắc rằng có đủ chứng cứ để tố cáo Ngài. Thật đáng thương cho họ! Sự nô lệ cho những nguyên tắc tôn giáo đã khiến họ mù lòa, không thấy bản chất đúng của luật pháp cũng như sự hiện diện của Chúa, Đấng ban luật pháp này cho họ. Chúa không tranh luận với họ (Lu-ca 6:3,4;). Ngài hướng họ về Lời Đức Chúa Trời (I Sa-mu-ên 21:1-6).

Bánh trần thiết gồm mười hai ổ, mỗi ổ tượng trưng cho một chi phái Y-sơ-ra-ên. Bánh được đặt trên bàn trong nơi thánh

của đền tạm (*Xuất Ê-díp-tô Ký 25:23-30; Lê-vi Ký 24:5-9*), vào mỗi ngày Sa-bát và chỉ có các thầy tế lễ mới được phép ăn. Nhưng Đa-vít và những người theo ông đã ăn những ổ bánh này. Dân Do Thái sẽ lên án vị vua vĩ đại của Y-sơ-ra-ên ra sao đây? Có thể họ biện luận rằng: “Ông ấy là người được Đức Chúa Trời xúc dầu” nên được phép ăn. *Nhưng đó chính là điều Chúa Giê-xu tuyên bố về chính Ngài (Lu-ca 4:18)*. Ngài không chỉ là Đấng chịu xúc dầu của Đức Chúa Trời, Ngài còn là Chúa của ngày Sa-bát! Khi phán lời này, Ngài muốn tuyên bố rằng chính Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời, vì chỉ có Chúa mới làm nên ngày Sa-bát. Nếu Chúa Giê-xu là Chúa ngày Sa-bát thì Ngài có quyền làm mọi điều Ngài muốn trong ngày ấy. Người Pha-ri-si chắc phải hiểu điều Chúa muốn nói!

Đức Chúa Trời luôn quan tâm về sự đáp ứng nhu cầu con người hơn là khư khư bảo vệ những nguyên tắc tôn giáo. Đa-vít và những người theo ông thà có sức lực để phục vụ Đức Chúa Trời, còn hơn phải chết vì một luật lệ vớ vẩn! Đức Chúa Trời muốn lòng thương xót hơn của lễ (*Ma-thi-ơ 2:7; Ô-sê 6:6*). Nhưng người Pha-ri-si có cái nhìn về luật pháp thật khác biệt (*Ma-thi-ơ 23:23*).

Trong nhà hội (Lu-ca 6:6-11). Người Pha-ri-si biết Chúa Giê-xu dạy dỗ trong nhà hội vào ngày Sa-bát, nên họ cũng vào đó để xem xét Ngài và tìm dịp cáo Ngài (*Lu-ca 6:6,7*). Họ không biết người teo tay cũng ở đó sao? Phải chăng họ “đặt” anh ta sẵn ở đó? Chúng ta không thể biết và Chúa Giê-xu có lẽ không quan tâm đến điều này. Ngài thoả đáp nhu cầu anh ta bằng tấm lòng thương xót và chữa lành cho anh ta. Thay vì phải chờ đợi vài giờ nữa để ngày Sa-bát trôi qua hoặc có thể chữa bệnh cho người này ở nơi kín đáo, Chúa công khai chữa bệnh nhanh chóng. Đây chính là sự phản đối có chủ ý về những tập tục ngày Sa-bát.

Trong đồng lúa mì, lời biện giải của Chúa dựa trên Kinh Thánh Cựu Ước, nhưng trong nhà hội Ngài biện luận dựa trên bản chất luật Sa-bát của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ban

luật ấy để giúp đỡ dân chúng, chẳng phải để làm khổ họ. “Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chớ chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người” (*Mác 2:27*). Ai trong nhà hội cũng muốn cứu một con chiên trong ngày Sa-bát, vậy tại sao không thể cứu một con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ 12:11-12*)? Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si đã biến sự ban cho của Đức Chúa Trời thành “một ách nặng nề” không ai mang nổi! (*Công Vụ Các Sứ Đồ 15:10; Ga-la-ti 5:1*).

Phép lạ này cho thấy quyền năng của đức tin trong Lời Chúa. Chúa Giê-xu ra lệnh cho người bệnh làm những cử động ngoài khả năng anh ta, nhưng *anh vẫn vâng theo!* “Không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được” (*Lu-ca 1:37*). Những mạng lệnh của Đức Chúa Trời luôn là những điều Ngài có thể giúp con người thực hiện được.

Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si vô cùng tức giận. Chắc rằng việc thờ phượng Đức Chúa Trời trong nhà hội sáng hôm ấy chẳng đem lại ích lợi gì cho họ. Họ giận dữ đến nỗi đã hiệp với phe Hê-rốt (là những người Do Thái ủng hộ Hê-rốt) lập mưu giết Chúa (*Mác 3:6*). Ngài biết ý tưởng họ (c.8, *Ma-thi-ơ 12:15*) nên lánh ra bờ biển Ga-li-lê, dạy dỗ cho đoàn dân và lên núi cầu nguyện một mình.

Chúa Giê-xu là Đấng ban “sự yên nghỉ thuộc linh” bất tận trong lòng người (*Ma-thi-ơ 11:28-30*). Không giống như “ách khó chịu” của luật pháp, ách Chúa Giê-xu thật “dễ chịu và nhẹ nhàng” khi một tội nhân tin nhận *Đấng Christ*, người ấy được làm hòa với Đức Chúa Trời vì tội lỗi đã được tha (*Rô-ma 5:1-11*). Khi đầu phục *Đấng Christ* trong cuộc sống hằng ngày, người ấy vui hưởng “sự bình an của Đức Chúa Trời” trong lòng và trí mình (*Phi-líp 4:6-7*).

chứng của những tín hữu Do Thái bị tản lạc và qua chức vụ của Phao-lô, sứ đồ cho dân ngoại. Trong Hội Thánh, không còn sự phân biệt người Do Thái với người ngoại, vì tất cả đều là một trong Chúa Giê-xu (*Ga-la-ti* 3:28).

Sau khi chọn ra mười hai sứ đồ và trước khi giảng bài giảng quan trọng này, Chúa đã dành thời gian chữa bệnh nhiều người. Điều này thật có ý nghĩa! Nó bày tỏ quyền năng và sự thương xót của Ngài đồng thời nhắc những người vừa được tuyển chọn về công tác chia sẻ tình yêu và quyền năng của Chúa cho một thế giới đang cần đến. Ước tính có khoảng 300 triệu dân trên thế giới vào thời Chúa Giê-xu, nhưng hôm nay đã có hơn 5 tỉ dân, 4/5 là những quốc gia kém phát triển. Đây quả là một thách thức cho Hội Thánh Chúa!

3. Một Ôn Phước Mới

Lu-ca 6:20-49

²⁰ Đức Chúa Jêsus bèn ngược mắt ngó môn đồ, mà phán rằng: Phước cho các người nghèo khó, vì nước Đức Chúa Trời thuộc về các người! ²¹ Phước cho các người hiện đương đói, vì sẽ được no đủ! Phước cho các người hiện đương khóc lóc, vì sẽ được vui mừng! ²² Phước cho các người khi vì cố Con người, thiên hạ sẽ ghét, đuổi, mắng nhiếc các người, bỏ tên các người như đồ ô uế! ²³ Ngày đó, hãy vui vẻ, nhảy nhót và mừng rỡ, vì phần thưởng các người trên trời sẽ lớn lắm: Bởi tổ phụ họ cũng đối đãi các đấng tiên tri dường ấy.

²⁴ Song, khốn cho các người là người giàu có, vì đã được sự yên ủi của mình rồi! ²⁵ Khốn cho các người là kẻ hiện đương no, vì sẽ đói! Khốn cho các người là kẻ hiện đương cười, vì sẽ để tang và khóc lóc! ²⁶ Khốn cho các người, khi mọi người sẽ khen các người, vì tổ phụ họ cũng xử với các tiên tri giả như vậy!

²⁷ Nhưng ta phán cùng các người, là người nghe ta: Hãy yêu kẻ thù mình, làm ơn cho kẻ ghét mình, ²⁸ chúc phước cho kẻ rửa mình, và cầu nguyện cho kẻ sỉ nhục mình. ²⁹ Ai vả người má bên này, hãy đưa luôn má bên kia cho họ; còn nếu ai giựt áo ngoài của người, thì cũng đừng ngăn họ lấy luôn áo trong. ³⁰ Hễ ai xin, hãy cho, và nếu có ai đoạt lấy của các người, thì đừng đòi lại. ³¹ Các người muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người ta thế ấy.

³² Nếu các người yêu kẻ yêu mình, thì có ơn chi? Người có tội cũng yêu kẻ yêu mình. ³³ Nếu các người làm ơn cho kẻ làm ơn mình, thì có ơn chi? Người có tội cũng làm như vậy. ³⁴ Nếu các người cho ai mượn mà mong họ trả, thì có ơn chi? Người có tội cũng cho người có tội mượn, để được thâu lại y số. ³⁵ Song các

người hãy yêu kẻ thù mình; hãy làm ơn, hãy cho mượn, mà đừng ngã lòng. Vậy, phần thưởng của các người sẽ lớn, và các người sẽ làm con của Đấng Rất Cao, vì Ngài lấy nhân từ đối đãi kẻ bạc và kẻ dữ.

³⁶ Hãy thương xót như Cha các người hay thương xót. ³⁷ Đừng đoán xét ai, thì các người khỏi bị đoán xét; đừng lên án ai, thì các người khỏi bị lên án; hãy tha thứ, người sẽ tha thứ mình. ³⁸ Hãy cho, người sẽ cho mình; họ sẽ lấy đấng lớn, nhận, lắc cho đầy tràn, mà nộ trong lòng các người; vì các người lường mực nào, thì họ cũng lường lại cho các người mực ấy.

³⁹ Ngài cũng phán cùng họ một thí dụ rằng: Kẻ mù có thể dắt kẻ mù được chăng? Cả hai há chẳng cùng té xuống hố sao?

⁴⁰ Môn đồ không hơn thầy; nhưng hễ môn đồ được trọn vẹn thì sẽ bằng thầy mình. ⁴¹ Sao người nhìn thấy cái rác trong mắt anh em mình, mà không thấy cây đà trong mắt người? ⁴² Sao người nói được với anh em rằng: Anh ơi, để tôi lấy cái rác trong mắt anh ra, còn người, thì không thấy cây đà trong mắt mình? Hỡi kẻ giả hình, hãy lấy cây đà ra khỏi mắt mình trước đã, rồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em.

⁴³ Cây sanh trái xấu không phải là cây tốt, cây sanh trái tốt không phải là cây xấu; ⁴⁴ vì hễ xem trái thì biết cây. Người ta không hái được trái vả nơi bụi gai, hay là hái trái nho nơi chòm kinh cước. ⁴⁵ Người lành bởi lòng chứa điều thiện mà phát ra điều thiện, kẻ dữ bởi lòng chứa điều ác mà phát ra điều ác; vì do sự đầy dẫy trong lòng mà miệng nói ra.

⁴⁶ Sao các người gọi ta: Chúa, Chúa, mà không làm theo lời ta phán? ⁴⁷ Ta sẽ chỉ cho các người biết kẻ nào đến cùng ta, nghe lời ta, và làm theo, thì giống ai.

⁴⁸ Kẻ ấy giống như một người kia cất nhà, đào đất cho sáu, xây nền trên vầng đá: Nước tràn lan, dòng nước chảy mạnh xô vào nhà đó, nhưng không xô động được, vì đã cất chắc chắn. ⁴⁹ Song kẻ nào nghe lời ta mà không làm theo, thì giống như một người kia cất nhà trên đất không xây nền: Dòng nước chảy mạnh xô vào nhà đó, tức thì nhà sụp xuống, và sự hư hại lớn lao.

Bài giảng này có lẽ là một bản thu gọn “Bài Giảng Trên Núi” (*Ma-thi-ơ* 5:1-7:29), dù có một số học giả cho rằng đây là hai sự kiện khác nhau. Nếu cả hai là cùng một sự kiện thì việc Phi-e-rô cho rằng bài giảng được giảng ở “trên núi” (*Ma-thi-ơ* 5:1), trong khi Lu-ca thì nói ở “đồng bằng” (*Lu-ca* 6:17), vẫn không tạo ra một vấn đề gì. Tiến sĩ P.A.Carson cho biết từ Hy Lạp được dịch là “đồng bằng” có thể có nghĩa là “một vùng đất bằng ở miền núi”.

Chúa Giê-xu vào vùng núi cùng các môn đệ. Sau một đêm cầu nguyện Ngài đi xuống một nơi bằng phẳng, chọn ra mười

Trời (*Ê-sai* 57:15; 66:2; *I Phi-e-rơ* 5:6). Nếu bạn so sánh những phước lớn này với *Ê-sai* 61:1-3 và *Lu-ca* 4:18, bạn sẽ hiểu rằng Chúa muốn nói về tình trạng thuộc linh chứ không phải những hoàn cảnh bên ngoài. Ma-ri đã bày tỏ nhận thức này qua bài ca tụng của bà (*Lu-ca* 1:46-55).

Chính Chúa Giê-xu sẽ trải qua sự bắt bớ (*Lu-ca* 6:22) nên môn đệ Ngài cũng bị bắt bớ như vậy. Làm sao có thể vui mừng khi chúng ta bị kẻ khác bắt bớ? Trong hoàn cảnh ấy, bạn hãy luôn nhớ rằng chịu khổ vì danh Chúa là một đặc ân (*Phi-líp* 3:10). Khi chúng ta bị đối xử giống như Chúa thì đó là bằng chứng chúng ta đang bắt đầu sống như Chúa. Điều đó thật đáng khích lệ! Các thánh đồ của mọi thời đại cũng từng bị đối đãi như thế, nên chúng ta vẫn còn may mắn hơn họ. Đức Chúa Trời hứa ban phần thưởng đặc biệt cho những ai trung tín theo Ngài; vì vậy điều tốt đẹp nhất vẫn chưa đến!

Bốn nỗi bất hạnh ấy nói lên cùng một lẽ thật: Bạn muốn hưởng điều gì trong cuộc sống, bạn phải trả giá cho điều đó. Nếu bạn muốn có ngay của cải, sự no đủ, niềm vui, và danh vọng, bạn có thể đạt được. Nhưng có một giá phải trả! *Đó là tất cả những gì bạn sẽ nhận.* Chúa không nói rằng những điều đó sai quấy, nhưng Ngài nói *chỉ hài lòng với những điều đó là bị chính những điều đó xét đoán.*

H. H. Farmer nói rằng: “Đối với Chúa Giê-xu thì điều đáng sợ trong việc ôm lấy những giá trị sai lầm trong cuộc sống và theo đuổi những mục tiêu vô bổ không phải là bạn sẽ gặt lấy sâu thẳm.” Nhưng khi con người hài lòng với những điều vụn vặt trong cuộc sống, thỏa mãn với những điều thứ yếu mà không đeo đuổi những điều cao cả nhất, khi ấy những thành công của họ chẳng khác chi những thất bại. Họ đã bị phá sản về mặt tâm linh nên không nhận thức được điều này.

Cuộc đời được xây dựng trên tư cách và tư cách được xây dựng trên những quyết định. Nhưng quyết định lập nền trên các giá trị và những *giá trị ấy phải được chấp nhận bằng đức tin.* Môi-se đã tạo những quyết định làm thay đổi cuộc đời

trên căn bản những giá trị mà người đời cho là rồ dại (*Hê-bơ-rơ* 11:24-29), nhưng Đức Chúa Trời hài lòng với đức tin của ông. Cơ Đốc nhân luôn vui mừng với những gì Chúa ban cho (*I Ti-mô-thê* 6:17) vì người ấy sống trong sự nhận biết những giá trị vĩnh cửu.

Đối với con người (*Lu-ca* 6:27-38). Chúa Giê-xu phán rằng những ai sống cho giá trị vĩnh cửu đều sẽ gặp khó khăn rắc rối với những người trong thế gian. Cơ Đốc nhân là “muối của đất” và “ánh sáng của thế gian” (*Ma-thi-ơ* 5:13-16), có lúc muối ấy làm “đau xót” kẻ khác và ánh sáng phô bày tội lỗi người ta. Người đời căm ghét chúng ta, tránh né hoặc xua đuổi ta (*Lu-ca* 6:22), sỉ nhục (*Lu-ca* 6:28), ức hiếp (*Lu-ca* 6:29), và vu cáo chúng ta (*Lu-ca* 6:30). Đây là điều chúng ta phải biết trước (*Phi-líp* 1:29; *II Ti-mô-thê* 3:12).

Vậy ta phải đối xử với kẻ thù ra sao? Chúng ta phải yêu thương, giúp đỡ và cầu nguyện cho họ. Giận dữ chỉ nuôi dưỡng thêm lòng oán ghét mà thôi, “vì cơn giận của người không làm nên sự công bình của Đức Chúa Trời” (*Gia-cơ* 1:20). Chúng ta không thể làm được điều này bằng sức riêng của mình nhưng bằng quyền năng của Thánh Linh (*Rô-ma* 5:5; *Ga-la-ti* 5:22-23).

Chúng ta không nên xem những lời răn này như một “chuỗi luật lệ” buộc phải thi hành. Những lời răn ấy nói lên thái độ của con người được bày tỏ một cách tích cực khi những người khác tiêu cực, rộng rãi khi người khác ích kỷ. Tất cả nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời. Đây là một sự bày tỏ tinh thần chứ không phải một nhiệm vụ bắt buộc. Chúng ta phải có khôn ngoan để biết khi nào cần “đưa má kia cho kẻ khác vả” cũng như khi nào cần phải bày tỏ quyền hạn mình (*Phi-líp* 1:9-11; *Giăng* 18:22-23; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 16:35-40).

Ở đây có hai nguyên tắc rõ rệt: Chúng ta muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người khác thế ấy (*Lu-ca* 6:31). Điều này cho thấy chúng ta muốn nhận được những điều thuộc linh tốt nhất cho mình và chúng ta phải có lòng

thương xót như Cha trên trời (*Lu-ca* 6:36). Điều quan trọng không phải là chúng ta được minh oan trước mặt kẻ thù, nhưng là bản tính chúng ta phải càng trở nên giống Chúa (*Lu-ca* 6:35). Đây là phần thưởng tuyệt vời mà bất cứ ai cũng có thể nhận được. Nó có giá trị lớn lao vượt hẳn của cải vật chất, thú vui, danh vọng (*Lu-ca* 6:24-26). Những điều ấy ngày kia sẽ thành hư vô, nhưng bản chất con người sẽ còn lại đời đời. Chúng ta phải tin *Ma-thi-ơ* 6:33 và làm theo bằng quyền năng của Thánh Linh.

Câu *Lu-ca* 6:37,38 nhắc rằng chúng ta gieo gì gặt nấy và số lượng gặt tùy mức độ gieo. Nếu xét đoán kẻ khác chúng ta sẽ bị xét đoán. Nếu tha thứ chúng ta sẽ được tha thứ. Nếu lên án chúng ta sẽ bị lên án (*Ma-thi-ơ* 18:21-35). Chúa không nói về sự xét đoán đời đời, Ngài chỉ nói đến cách chúng ta được đối xử ở đời này. Nếu sống để “ban phát”, chắc chắn chúng ta được “nhận”. Nhưng nếu sống để “thâu tóm”, chắc rằng ta sẽ “mất hết”. Nguyên tắc này không chỉ đúng với việc chúng ta ban phát tiền bạc vật chất, nhưng cũng đúng với tinh thần chúng ta quên mình phục vụ kẻ khác.

Đối với bản thân (*Lu-ca* 6:39-45). Có bốn hình ảnh nổi bật qua phân đoạn này dạy chúng ta những bài học quan trọng về chức vụ. Trước hết, là môn đệ Chúa Giê-xu, chúng ta phải biết chắc mình đã thấy rõ đủ để có thể hướng dẫn người khác trên bước đường thuộc linh. Có những người mù lại có một cảm quan về phương hướng rất bén nhạy, nhưng dĩ nhiên chẳng có một ai sử dụng họ làm phi công hay hướng dẫn viên vùng hoang dã! Chúa muốn nói đến những người Pha-ri-si, là kẻ dẫn dân chúng đi sai đường (*Ma-thi-ơ* 15:14; 23:16). Nếu ta xem mình là người hướng dẫn “tài ba” nhưng không nhận ra sự mù lòa của mình, chúng ta chỉ có thể đưa kẻ khác xuống hố mà thôi (*Rô-ma* 2:17-22).

Câu 40 nhắc nhở rằng chúng ta không thể dẫn dắt kẻ khác đến nơi ta chưa từng qua, và chúng ta cũng không trọn vẹn như Chúa được. Thực ra, càng rèn luyện để trở nên giống

Chúa, ta càng nhận ra sự khiếm khuyết của mình. Đây là lời cảnh tỉnh lòng kiêu ngạo, vì không có điều gì làm mù loà con người như lòng kiêu ngạo.

Tiếp tục hình ảnh về “mắt”, Chúa dạy chúng ta phải thấy rõ đủ mới có thể giúp kẻ khác nhìn rõ hơn. Dĩ nhiên giúp một anh em lấy “cái rác” gây đau nhức ra khỏi mắt không có gì sai trái, miễn sao chúng ta có thể *thấy rõ điều mình đang làm*. Đám đông có lẽ đã cười nhạo khi Chúa mô tả một “bác sĩ nhãn khoa” bị “một cây đũa” vướng trong mắt, lại chữa cho một bệnh nhân chỉ vướng “cái rác” trong mắt!

Điều nhấn mạnh ở đây là sự thực lòng với chính mình và đừng trở thành kẻ giả hình. Thật dễ dàng giúp một anh em mắc lỗi lầm, *chỉ để che giấu tội lỗi chính mình!* Người luôn chỉ trích kẻ khác lại là người luôn phạm điều tệ hại hơn trong cuộc sống.

Hình ảnh minh họa về “cây” nhắc ta rằng “trái” luôn luôn đúng với bản chất của cây. Cây táo sinh trái táo, chứ chẳng thể sinh trái cam! Người tốt cũng bày tỏ sự tốt lành, không phải điều xấu xa. Những người tin nhận Chúa dù phạm tội, nhưng chứng cứ về lời nói và việc làm của họ luôn làm sáng danh Đức Chúa Trời. Trong chức vụ, những tội tở nào trung tín với Chúa sẽ sản sinh được những con người có bản tính giống mình, thành tâm với Chúa (*II Ti-mô-thê 2:2*).

Hình ảnh cuối cùng là “kho chứa” dạy ta rằng điều gì từ môi miệng ra tùy thuộc vào những gì chất chứa trong lòng. Lòng người như một kho chứa, điều chúng ta nói ra bày tỏ những gì đã sẵn có trong lòng. Một người vì phát ngôn sai quấy mà xin lỗi rằng: “Tôi thật sự không nghĩ vậy!”, thì đó là lời xin lỗi giả hình, vì nếu không nghĩ như thế thì làm sao nói ra như thế.

Chúng ta phải thành thực với chính mình, thừa nhận những điểm mù lòa trong đời sống mình. Những trở ngại làm mờ tầm nhìn của ta phải được dẹp bỏ đi. Khi ấy Đức Chúa Trời mới có thể sử dụng ta để giúp đỡ kẻ khác mà không dấn họ đi lầm lạc.

Đối với Đức Chúa Trời (Lu-ca 6:46-49). Ở đoạn này, Chúa nói về sự vâng phục. Nghe lời Chúa và gọi Ngài là “Chúa” như vậy chưa đủ, chúng ta phải vâng theo những gì Ngài truyền. Chúng ta như những “thợ xây nhà”, phải xây cách khôn ngoan, “Xây nên trên vầng đá” nghĩa là vâng theo mệnh lệnh Chúa qua Lời Ngài. “Cất nhà trên cát” thì giống như chỉ phục vụ Đấng Christ bằng môi miệng chứ không làm theo ý muốn Ngài. Giống như chúng ta muốn xây một ngôi nhà chắc chắn, nhưng nếu không có nền, nhà ấy không thể tồn tại lâu. Giông tố ở đây không phải là sự xét đoán sau cùng nhưng là những thử thách trong cuộc sống sẽ đến với mọi Cơ Đốc nhân đã tuyên xưng đức tin. Không phải bất cứ ai tự nhận mình biết Chúa đều có một kinh nghiệm thật về sự cứu rỗi. Có thể họ rất sốt sắng trong Hội Thánh, hoặc trong những tổ chức tôn giáo, nhưng nếu họ chưa được cứu bởi đức tin, thì họ không có nền tảng cho đời sống mình. Khi những khó khăn chợt đến, thay vì ngợi khen Chúa, họ sẽ bỏ Ngài, ngôi nhà chứng cơ của họ bị sụp đổ.

Nếu không bởi Đức Thánh Linh, không ai có thể xưng Chúa Giê-xu là “Chúa” (I Cô-rinh-tô 12:3; Rô-ma 8:16). Nếu Đấng Christ ở trong lòng chúng ta, môi miệng chúng ta sẽ phải xưng nhận Ngài và làm chứng về Ngài cho người khác (Rô-ma 10:9-10). Nếu chúng ta “châm rễ và lập nền trong Ngài” (Cô-lô-se 2:7), chúng ta sẽ sinh những bông trái tốt và ngôi nhà chúng ta cũng sẽ chịu được bão tố. Có thể chúng ta sẽ phạm những lỗi lầm và gặp thất bại, nhưng chứng cơ vững chắc trong cuộc sống chúng ta sẽ bày tỏ Đấng Christ và tôn vinh Ngài.

Đây là “ơn phước mới” Chúa Giê-xu đã ban cho dân Ngài. Hôm nay, Ngài cũng ban các phước mới ấy cho chúng ta. Chúng ta có thể kinh nghiệm được phước hạnh từ trời và những ơn phước thật mà chỉ có Ngài mới có thể ban cho. Nền tảng của mọi sự này là chính mình cảm nhận được đức tin cứu rỗi của Chúa Giê-xu Christ.

Thương Xót Bằng Hành Động

Lu-ca 7

Thương xót là cảm nhận nỗi đau của người khác trong lòng mình. Chúa Giê-xu đã cảm nhận nỗi đau khi Ngài thi hành chức vụ từ nơi này sang nơi khác. Chỉ trong đoạn này thôi Chúa đã đối diện với những nỗi bất hạnh của người đầy tớ sắp chết, bà góa đau khổ, một tiên tri đang hoang mang, một tội nhân ăn năn và Ngài giúp đỡ tất cả. Nếu yêu cầu “Ủy ban cứu trợ” quyết định xem ai cần được cứu giúp, chúng ta chẳng biết sẽ chọn ai!

Chúa Giê-xu giúp tất cả, bởi vì lòng thương xót không có sự cân nhắc mà chỉ có sự phục vụ! Benard Clairvaux nói rằng: “Công lý chỉ chọn những ai đáng được, nhưng lòng thương xót lưu tâm đến nhu cầu”. Chính bởi sự thương xót chứ không phải công lý ấy đã thúc đẩy Vị Thầy Thuốc vĩ đại đến “không phải để gọi kẻ công bình hối cải, nhưng gọi kẻ tội” (*Lu-ca 5:32*). Chúng ta hãy gặp bốn con người đau khổ và xem sự đáp ứng của Chúa đối với nhu cầu của họ.

1. Người Đầy Tớ: Chúa Đáp Ứng Đức Tin

Lu-ca 7:1-10

¹ Khi Đức Chúa Jêsus rao giảng xong mọi lời ấy trước mặt dân chúng nghe rồi, thì Ngài vào thành Ca-bê-na-um.

² Và, một thầy đội kia có đứa đầy tớ rất thiết nghĩa đau gần chết, ³ nghe nói Đức Chúa Jêsus, bèn sai mấy trưởng lão trong dân Giu-đa xin Ngài đến chữa cho đầy tớ mình. ⁴ Mấy người đó đến cùng Đức Chúa Jêsus, mà nài xin rằng: Thầy đội thật đáng cho thầy nhậm điều nầy; ⁵ vì người yêu dân ta, và đã cất nhà hội cho chúng tôi. ⁶ Đức Chúa Jêsus bèn đi với họ. Khi Ngài gần tới nhà, thầy đội sai bạn hữu mình đi thưa Ngài rằng: Lạy Chúa, xin đừng tự phiền đến thế, vì tôi không đáng rước Chúa vào nhà tôi. ⁷ Tôi cũng nghĩ mình không đáng đến cùng Chúa; song xin phán một lời, thì đầy tớ tôi sẽ được lành. ⁸ Vì chính mình tôi là người thuộc dưới quyền kẻ khác, tôi cũng có quân lính dưới quyền tôi; tôi biểu tên nầy rằng: Hãy đi! Thì nó đi; biểu tên khác rằng: Hãy đến! Thì nó đến; và biểu đầy tớ tôi rằng: Hãy làm việc nầy! Thì nó làm. ⁹ Đức Chúa Jêsus nghe những lời ấy, lấy làm lạ cho thầy đội, bèn xây lại cùng đoàn dân theo mình, mà phán rằng: Ta nói cùng các người, dầu trong dân Y-sơ-ra-ên, ta cũng chưa thấy một đức tin lớn dường ấy. ¹⁰ Những kẻ sai đến trở về nhà, thấy đầy tớ lành mạnh.

Qua các sách Phúc Âm và sách Công Vụ, các thầy đội La Mã được nhắc đến như những con người có đạo đức. Thầy đội trong đoạn này là một gương điển hình. Các trưởng lão Do Thái chẳng yêu mến gì người La Mã nói chung cũng như lính La Mã nói riêng. Dầu vậy, họ vẫn giới thiệu thầy đội này với Chúa Giê-xu. Thầy đội này rất mến dân Do Thái ở Ca-bê-na-um, thậm chí còn xây cho họ một nhà hội. Ông yêu người đầy tớ mình và không muốn nó chết. Ông không phải là người khắc kỷ lạnh lùng với nỗi khổ của kẻ khác. Ông quan tâm đến mọi người, cả đến đứa đầy tớ thấp hèn đang hấp hối vì cơn bại liệt (*Ma-thi-ơ* 8:6).

Đoạn kể súc tích ở *Ma-thi-ơ* 8:5-13 không hề mâu thuẫn với phần tường thuật đầy đủ hơn ở sách Lu-ca. Bạn hữu của thầy đội thay ông đến gặp Chúa Giê-xu và thay Chúa trở về báo tin cho ông. Khi một nhà báo tường thuật rằng tổng thống hoặc thủ tướng đã trao đổi ý kiến với quốc hội, điều này không nhất thiết có nghĩa là tổng thống hay thủ tướng đã trực tiếp

Thương Xót Bằng Hành Động / 87

đến nói chuyện tại quốc hội mà có thể là qua trung gian một đại diện.

Chúng ta không chỉ cảm kích về tình yêu cao cả của thầy đội mà còn khâm phục sự khiêm nhường đáng quý của ông. Bạn nghĩ xem, một viên chức La Mã lại thú nhận với vị thầy Do Thái nghèo nàn rằng ông không xứng đáng tiếp người vào nhà mình! Người La Mã vốn không quen bày tỏ lòng khiêm nhường, đặc biệt trước mặt dân Do Thái.

Đặc tính khiến Chúa cảm động nhất chính là đức tin của thầy đội này. Sách *Lu-ca* ghi lại hai trường hợp khiến Chúa ngạc nhiên. Tại Ca-bê-na-um này, Ngài ngạc nhiên về đức tin của một người ngoại. Ở Na-xa-rét, Ngài ngạc nhiên về sự vô tín của dân Do Thái (*Mác 6:6*). Có một người khác được Chúa cho rằng có “đức tin lớn” đó là người đàn bà xứ Ca-na-an có con gái bị quỷ ám đã được Chúa chữa khỏi (*Ma-thi-ơ 15:28*). Đáng chú ý là cả hai trường hợp trên, Chúa đều chữa bệnh từ xa (*Ê-phê-sô 2:11-13; Thi Thiên 107:20*).

Đức tin của thầy đội thật đặc biệt. Xét cho cùng, ông chỉ là một người ngoại vô thần. Ông là quân nhân La Mã, đã học cách tự xoay sở không cần ai giúp đỡ. Ta cũng không có chứng cứ nào nói rằng ông đã nghe qua bài giảng của Chúa. Có lẽ ông biết quyền năng chữa bệnh của Chúa từ quan thị vệ là người có con trai được Chúa chữa bệnh từ xa (*Giăng 4:46-54*). Quân lính ông có thể kể cho ông về những phép lạ Chúa đã làm, vì người La Mã thường để ý đến những sự việc xảy ra trong cuộc sống người Do Thái.

Từ ngữ quan trọng trong *Lu-ca 7:8* là “cũng” (cũng có trong *Ma-thi-ơ 8:9*). Thầy đội đã nhận ra điểm tương tự giữa cách ông ra lệnh cho quân lính với cách Chúa Giê-xu ra lệnh cho bệnh tật. Chúa Giê-xu và thầy đội đều có quyền hạn của mình và có thể thực hiện quyền hạn ấy. *Tất cả những gì họ cần làm là nói một lời thì mọi sự sẽ được thi hành ngay.* Thầy đội bày tỏ một đức tin thật tuyệt vời! và Chúa đã phải ngạc nhiên.

Nếu thầy đội La Mã này là người hiểu biết rất ít về thuộc linh, còn có đức tin nơi Lời Chúa như vậy, đức tin chúng ta càng phải lớn hơn thế! Chúng ta hôm nay có Kinh Thánh trọn bộ để đọc và học hỏi, cũng như lịch sử Hội Thánh suốt 2.000 năm qua đã khích lệ chúng ta. Vậy mà chúng ta lại phạm tội “vô tín” (*Mác 4:40*) hoặc “ít đức tin” (*Ma-thi-ơ 14:31*). Ta phải cầu xin: “Lạy Chúa, xin thêm đức tin cho con!” (*Lu-ca 17:5*).

2. Bà Góa: Chúa Đáp Ứng Trước Nỗi Tuyệt Vọng

Lu-ca 7:11-17

¹¹ Bữa sau, Đức Chúa Jêsus đi đến một thành, gọi là Na-in, có nhiều môn đồ và một đoàn dân đông cùng đi với Ngài. ¹² Khi Ngài đến gần cửa thành, họ vừa khiêng ra một người chết, là con trai một cửa mẹ góa kia; có nhiều người ở thành đó đi đưa với bà góa ấy. ¹³ Chúa thấy, động lòng thương xót người, mà phán rằng: Đứng khóc! ¹⁴ Đoạn, Ngài lại gần, sờ quan tài, thì kẻ khiêng dừng lại. Ngài bèn phán rằng: Hỡi người trẻ kia, ta biểu ngươi chỗi dậy. ¹⁵ Người chỗi vùng ngồi dậy và khởi sự nói. Đức Chúa Jêsus giao người lại cho mẹ. ¹⁶ Ai nấy đều sợ hãi, và ngợi khen Đức Chúa Trời rằng: Có đấng tiên tri lớn đã dấy lên giữa chúng tôi, và Đức Chúa Trời đã thăm viếng dân Ngài. ¹⁷ Tin nầy đồn ra khắp xứ Giu-đê, và khắp xứ xung quanh nơi đó nữa.

Thành Na-in cách Ca-bê-na-um khoảng 25 dặm, phải đi mất một ngày, nhưng Chúa vẫn đến đó dù không có sự yêu cầu. Vì dân Do Thái chôn người chết nội trong ngày (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 21:23; Công Vụ Các Sứ Đồ 5:5-10*), có lẽ Chúa Giê-xu và các môn đệ đến cửa thành vào buổi chiều trong ngày đưa con trai này chết. Hôm ấy, tại cửa thành xảy ra bốn cuộc gặp gỡ đặc biệt.

Trước hết là cuộc gặp gỡ giữa hai đám đông. Chúng ta thật ngạc nhiên về kế hoạch của Đức Chúa Trời khi Chúa Giê-xu gặp đám tang ấy ngay lúc họ đang tiến về nghĩa trang. Chúa đã sống theo một giờ giấc thiêng liêng vì Ngài vâng phục ý muốn Cha Ngài (*Giăng 11:9; 13:1*). *Đấng Christ* giàu lòng thương xót luôn cứu giúp khi chúng ta cần Ngài (*Hê-bơ-rơ 4:16*).

Thật là một sự khác biệt rõ rệt giữa đám đông theo Chúa và đám đông theo bà góa với đứa con trai đã chết, Chúa Giê-xu cùng các môn đệ vui mừng trong ơn phước Đức Chúa Trời, nhưng bà góa và đồng bạn lại than khóc vì đứa con trai đã chết. Chúa Giê-xu đang tiến về cửa thành, trong khi những kẻ than khóc đang tiến đến nghĩa trang!

Về mặt thuộc linh, mỗi người chúng ta cũng đang thuộc một trong hai đám đông này. Nếu tin nhận Chúa Giê-xu, bạn đang tiến đến cửa thành (*Hê-bơ-rơ* 11:10,13-16; 12:22). Nếu đang “chết trong tội lỗi” bạn đang tiến gần nghĩa trang và chịu sự thanh nộ của Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 2:1-3; *Giăng* 3:36). Bạn phải tin nhận Chúa Giê-xu để được tái sinh từ kẻ chết (*Ê-phê-sô* 2:4-10; *Giăng* 5:24).

Kế đến là cuộc gặp gỡ giữa hai con một. Một người đang sống nhưng đã được định trước sẽ chịu chết, người kia đã chết nhưng sẽ được định cho sống. Thuật ngữ “Con Độc Sanh” nói về Chúa Giê-xu nghĩa là “chỉ có một”. Ngài không phải là “con” theo nghĩa bình thường của một người hiện diện trên đời qua sự hoài thai và sinh ra. Vì Chúa Giê-xu chính là Đức Chúa Trời hằng hữu, Ngài mãi mãi tồn tại! Danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” nói lên bản tính thiêng liêng thánh khiết của Đấng Christ và mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Cha, là Đấng Ngài đầu phục và hạ mình xuống từ cõi vĩnh hằng. Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều bình đẳng, nhưng mỗi ngôi có vai trò hành động cụ thể.

Thứ ba, đó là cuộc gặp gỡ giữa hai người chịu khổ. Chúa Giê-xu, Con Người gánh mọi khổ đau của kẻ khác có thể dễ dàng đồng cảm với nỗi đau trong một xã hội không có sự quan tâm đến các góa phụ. Điều gì đã xảy đến với bà? Chúa cảm nhận nỗi đau do tội lỗi và sự chết đem đến cho thế gian, nên Ngài đã xoa dịu nỗi đau ấy.

Cuối cùng là cuộc gặp gỡ giữa hai kẻ thù. Chúa Giê-xu đã đối diện với sự chết là “kẻ thù sau cùng” (*I Cô-rinh-tô* 15:26). Khi nói đến những đau đớn khổ sở dấy đầy trên thế gian, sự

chết thực sự là một kẻ thù. Chỉ có Chúa Giê-xu mới có thể giúp chúng ta đắc thắng sự chết (*I Cô-rinh-tô* 15:51-58; *Hê-bơ-rơ* 2:14-15). Chúa chỉ phán một lời, cậu bé này liền sống lại và khỏe mạnh. Hai bằng chứng cho thấy cậu bé thực sự sống lại: “ngồi dậy và khởi sự nói” (*Lu-ca* 7:5a).

Cậu bé nằm trên cái cồng, không phải trong quan tài đóng kín, nên cậu dễ dàng ngồi dậy. Cậu nói gì, chúng ta không biết, nhưng chắc hẳn cậu rất vui mừng. Thật là một hành động diệu dàng khi Chúa Giê-xu giao cậu bé lại cho người mẹ đang vui sướng. Hình ảnh này nhắc ta về sự kiện sẽ xảy đến khi Chúa tái lâm. Khi ấy, chúng ta sẽ đoàn tụ với những người thân yêu đã khuất trong sự ngợi khen Đức Chúa Trời (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18).

Hưởng ứng của dân chúng là ca ngợi Đức Chúa Trời và xem Chúa như vị tiên tri mà dân Do Thái từng mong đợi (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 18:15; *Giăng* 1:21; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:22-23). Phép lạ này nhanh chóng được đồn ra. Người ta háo hức mong gặp Ngài, người theo Ngài càng đông hơn (*Lu-ca* 8:4,19,40).

3. Giảng Báp-Tít: Chúa Đáp Ứng Cho Nỗi Nghi Ngờ

Lu-ca 7:18-35

¹⁸ Môn đồ của Giảng trình lại hết cả chuyện đó với người. ¹⁹ Người bèn gọi hai môn đồ mình, sai đến thưa cùng Chúa rằng: Thầy có phải là Đấng phải đến, hay chúng tôi còn phải đợi Đấng khác? ²⁰ Hai người đã đến cùng Đức Chúa Jê-sus, thưa rằng: Giảng Báp-tít sai chúng tôi đến hỏi thầy: Thầy có phải là Đấng phải đến, hay chúng tôi còn phải đợi Đấng khác? ²¹ Vả, chính giờ đó, Đức Chúa Jê-sus chữa lành nhiều kẻ bệnh, kẻ tàn tật, kẻ mắc quỷ dữ, và làm cho nhiều người đui được sáng. ²² Đoạn, Ngài đáp rằng: Hãy về báo cho Giảng sự các người đã thấy và đã nghe: Kẻ đui được sáng, kẻ què được đi, kẻ phung được sạch, kẻ điếc được nghe, kẻ chết được sống lại, Tin lành đã rao giảng cho kẻ nghèo. ²³ Phước cho kẻ không vấp phạm vì cơ ta!

²⁴ Hai người của Giảng sai đến đã đi rồi, Đức Chúa Jê-sus mới phán cùng đoàn dân về việc Giảng rằng: Các người đã đi xem chi nơi đồng vắng? Xem cây sậy bị gió rung chẳng?... ²⁵ Lại các người còn đi xem gì? Xem người ăn mặc tốt đẹp

Thương Xót Bằng Hành Động / 91

chăng? Kìa, những người mặc áo sang trọng, và ăn ở sung sướng, thì ở trong đền đài các vua! ²⁶ Song, rốt lại, các người đi xem gì? Xem một đấng tiên tri ư? Phải, ta nói, một đấng trọng hơn tiên tri nữa. ²⁷ Ấy về đấng đó mà có lời chép rằng:

Nầy, ta sẽ sai sứ ta đến trước mặt người,
Người sẽ dọn đường trước người.

²⁸ Ta nói cùng các người, trong những người bởi đàn bà sanh ra, không có ai lớn hơn Giăng Báp-tít đâu; nhưng trong nước Đức Chúa Trời, kẻ rất nhỏ còn lớn hơn Giăng vậy. ²⁹ Cả dân chúng cùng kẻ thu thuế chịu Giăng làm phép báp-têm, đều xưng Đức Chúa Trời là công bình. ³⁰ Song người Pha-ri-si cùng các thầy dạy luật không chịu Giăng làm phép báp-têm, nên chê bỏ ý Đức Chúa Trời định về mình.

³¹ Vậy, ta sẽ sánh người đời nầy với gì, họ giống như ai? ³² Họ giống như con trẻ ngồi ngoài chợ, nói cùng nhau rằng: Ta đã thổi sáo, mà bay không nhảy múa; ta đã than vãn, mà bay không khóc. ³³ Và, Giăng Báp-tít đã đến, không ăn bánh, không uống rượu; thì các người nói rằng: Người mắc quỷ dữ. ³⁴ Con người đến, ăn và uống, thì các người nói rằng: Ấy đó là người ham ăn mê uống, bạn với người thu thuế và kẻ có tội. ³⁵ Song sự khôn ngoan được xưng công bình nhờ những việc làm của nó.

Sự hoang mang (Lu-ca 7:18,20). Giăng đã bị cầm tù vài tháng (3:19,20) nhưng ông biết Chúa đang thi hành chức vụ vì môn đệ ông luôn thông báo cho ông mọi việc. Chắc Giăng rất khó chịu vì vốn quen với cuộc sống hoang dã, nay lại bị giam trong ngục. Dĩ nhiên ông bị căng thẳng về thể xác và tinh thần, bởi những chuỗi ngày chờ đợi dai dẳng. Các nhà cầm quyền Do Thái không can thiệp cho Giăng và dường như Chúa Giê-xu cũng không giúp gì cho ông. Nếu Ngài đến để giải thoát kẻ bị cầm (4:19), thì Giăng phải là đối tượng trước tiên để Ngài giải cứu!

Không có gì lạ khi những người lãnh đạo thuộc linh cũng có lúc ngờ vực và hoang mang. Môi-se muốn thoát khỏi gánh nặng (*Dân Số Ký* 11:10-15) và Ê-li, Giê-rê-mi cũng vậy (*I Các Vua* 19:1-21; *Giê-rê-mi* 20:7-9,14-18). Cả Phao-lô cũng nếm trải sự thất vọng (*II Cô-rinh-tô* 1:8-9).

Có sự khác biệt giữa nghi ngờ và vô tín. Sự nghi ngờ là vấn đề của tâm trí (khả năng lý luận): Chúng ta không thể hiểu

được điều Đức Chúa Trời hành động và lý do Ngài hành động. Sự vô tín là vấn đề thuộc về ý chí: chúng ta khước từ không tin Lời Đức Chúa Trời và không vâng theo những gì Ngài bảo ta làm. Oswald Chambers nói rằng: “Sự nghi ngờ không phải là dấu hiệu chứng tỏ một người đang sai lầm mà có thể là dấu hiệu chứng tỏ người ấy đang suy nghĩ”. Trong hoàn cảnh của Giăng, vấn đề đặt ra không phải là sự vô tín nhưng là sự nghi ngờ phát sinh từ tình trạng căng thẳng về thể chất và tinh thần. Bạn và tôi có thể nhìn lại chức vụ Chúa Giê-xu để hiểu điều Ngài làm, nhưng Giăng không có lợi điểm đó. Giăng rao truyền về sự xét đoán, nhưng Chúa đang thi hành công việc của tình yêu và lòng thương xót. Giăng báo trước về Nước Trời đang đến gần, nhưng không có chứng cứ nào cho điều đó. Ông bày tỏ Chúa Giê-xu là “Chiên Con Đức Chúa Trời” (Giăng 1:29). Như vậy, hẳn Giăng đã hiểu phần nào về sự hy sinh của Chúa, nhưng sự hy sinh ấy có liên quan gì đến vương quốc được hứa ban cho Y-sơ-ra-ên? Ông hoang mang về chương trình Đức Chúa Trời và vai trò của ông trong đó. Tuy vậy, bạn đừng xét đoán Giăng quá gay gắt, vì các tiên tri cũng từng hoang mang về những điều này (1 Phi-e-rơ 1:10-12).

Lời khẳng định (Lu-ca 7:21-23). Chúa không giăng cho hai người này về vấn đề thần học hay lời tiên tri. Ngài chỉ bảo họ xem những gì Ngài đã làm cho mọi kẻ bệnh tật và chữa lành họ ra sao. Chắc chắn đây chính là những bằng chứng về Đấng Mết-si-a đã được hứa (Ê-sai 29:18-19; 35:4-6; 42:1-7). Ngài không lập nên vương quốc chính trị nhưng vương quốc Đức Chúa Trời đã hiện diện tại đó trong quyền năng. Từ Hy Lạp được dịch là “vấp phạm” còn mang nghĩa “xúc phạm”. Nguyên thủy từ này được dùng để chỉ về một “miếng mồi” trong bẫy. Giăng có nguy cơ mắc sai lầm khi quan tâm về điều Chúa không làm. Ông đang vấp ngã vì Chúa mình và chức vụ Ngài. Chúa Giê-xu dịu dàng bảo ông giữ vững đức tin, vì Chúa của ông biết điều Ngài đang làm.

Ngày nay, nhiều người đang chỉ trích Hội Thánh vì đã không

“thay đổi thế giới” và giải quyết các vấn nạn về kinh tế, chính trị, xã hội. Họ quên rằng Đức Chúa Trời đang thay đổi thế giới qua từng cá nhân. Lịch sử chứng minh rằng Hội Thánh thường dẫn đầu về công tác từ thiện. Tuy nhiên, công việc chính của Hội Thánh là đưa dất tội nhân hư mất đến với *Đấng Christ*. Mọi sự khác chỉ là vấn đề phụ mà thôi. Rao giảng Phúc Âm phải luôn là nhiệm vụ hàng đầu của Hội Thánh.

Lời khen ngợi (Lu-ca 7:24-30). Điều chúng ta nghĩ về mình hoặc người khác nghĩ về chúng ta không quan trọng bằng những điều Đức Chúa Trời đang nghĩ. Đợi những người đưa tin đi khuất, Chúa Giê-xu mới đề cao nhiệm vụ của Giảng trước công chúng, đồng thời cáo trách những tấm lòng cứng cổ không tin nơi chức vụ Giảng. Giảng không phải là con người *thỏa hiệp*, cũng không phải là cây sậy bị gió rung” (xem *Ê-phê-sô* 4:14). Ông không phải là người nổi tiếng có nhiều bạn bè giàu sang hoặc hưởng những thú vui của cải. Giảng không phải là con người do dự hay yếu đuối, dù cho gặp nhiều trở lực. Giảng không chỉ là một tiên tri mà là một tiên tri đã được dự báo từ lâu. (*Ê-sai* 40:3; *Ma-la-chi* 3:1). Là vị tiên tri cuối cùng của Cựu Ước, Giảng được đặc quyền làm sứ giả của Đức Chúa Trời rao truyền Đấng Mết-si-a cho dân Y-sơ-ra-ên.

Làm sao mà trong Nước Đức Chúa Trời kẻ rất nhỏ còn lớn hơn Giảng? Ý nghĩa của câu này nói về địa vị chứ không phải bản chất hay chức vụ. Giảng là sứ giả của Vua thiên đàng rao giảng về Nước Trời. Ngày nay những ai tin nhận Chúa đều là công dân Nước Trời và là bạn hữu của Vua Trời (*Giăng* 15:15). Chức vụ của Giảng đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc ông và trong kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời (*Lu-ca* 16:16).

Câu *Lu-ca* 7:29-30 là lời của Chúa Giê-xu, không phải lời giải thích của *Lu-ca (Ma-thi-ơ* 21:32). Đó là giải đáp cho những ai từng hỏi “Nếu là một tiên tri lớn, sao Giảng lại bị cầm tù?” Giảng bị cầm tù bởi chính sự vô tín của các chức sắc tôn giáo.

Những con người đơn sơ đã tiếp nhận thông điệp từ Giảng và chịu phép báp-têm của ông, đó là chứng cứ họ ăn năn tội lỗi mình. Họ nhìn biết Đức Chúa Trời, nghĩa là đồng tình với điều Chúa phán về họ (*Thi Thiên* 51:4). Nhưng các chức sắc tôn giáo chỉ nhìn thấy “cái tôi” thay vì nhìn biết Đức Chúa Trời, vì vậy họ chối từ Giảng và thông điệp của ông.

Lời kết án (*Lu-ca* 7:31-35). Chúa ví thế hệ đó với những người lớn nhưng còn tính chất trẻ con, họ chẳng hài lòng điều gì cả. Có lẽ Ngài muốn nói đến các thầy dạy luật và người Pha-ri-si. Giảng rao giảng về sự xét đoán nghiêm khắc, họ lại cho rằng “người mắc quỉ dữ”. Chúa Giê-xu hòa nhập với quần chúng rao giảng thông điệp vui mừng về sự cứu rỗi, họ cũng cho rằng “Ấy đó là người ham ăn mê uống bạn với người thu thuế và kẻ có tội!” Họ không muốn chơi trò đám tang cũng chẳng muốn chơi trò đám cưới, vì không có gì làm hài lòng họ cả.

Những kẻ muốn trốn tránh sự thật về bản thân mình đều tìm sơ hở để chỉ trích người rao giảng. Đây là một phương cách họ biện hộ cho bản thân. Nhưng sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời chẳng thể bị cản trở bởi những lý luận của “kẻ hiểu biết và người khôn lanh”. Điều đó được bày tỏ qua cuộc đời đổi mới của những ai tin nhận Ngài. Đây là cách sự khôn ngoan thật được chứng minh.

4. Người Đàn Bà Tội Lỗi: Chúa Đáp Ứng Trước Tình Yêu

Lu-ca 7:36-50

³⁶ Có một người Pha-ri-si mời Đức Chúa Jê-sus ăn tại nhà mình. Vậy, khi đã vào nhà người Pha-ri-si thì Ngài ngồi bàn. ³⁷ Và, có một người đàn bà xấu nét ở thành đó, nghe nói Đức Chúa Jê-sus đương ngồi bàn tại nhà người Pha-ri-si, bèn đem đến một bình ngọc trắng đựng đầy dầu thơm. ³⁸ Người đứng đằng sau, nơi chân Đức Chúa Jê-sus, khóc, sa nước mắt trên chân Ngài, rồi lấy tóc mình mà chùi; lại hôn chân Ngài, và xức dầu thơm cho. ³⁹ Người Pha-ri-si đã mời Ngài, thấy vậy, tự nghĩ rằng: Nếu người này là đáng tiên tri, chắc biết người đàn bà rờ đến mình đó là ai, cùng biết ấy là người đàn bà xấu nét. ⁴⁰ Đức Chúa Jê-sus bèn cất tiếng phán cùng người rằng: Hỡi Si-môn, ta có vài lời nói cùng ngươi. Người

thưa rằng: Thưa thầy, xin cứ nói.

⁴¹ Một chủ nợ có hai người mắc nợ: Một người mắc năm trăm đơ-ni-ê, một người mắc năm chục. ⁴² Vì hai người đều không có chi mà trả, nên chủ nợ tha cả hai. Trong hai người đó, ai yêu chủ nợ hơn? ⁴³ Si-môn thưa rằng: Tôi tưởng là người mà chủ nợ đã tha nhiều nợ hơn. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Người đoán phải lắm. ⁴⁴ Đoạn, Ngài xây lại người đàn bà mà phán cùng Si-môn rằng: Người thấy đàn bà nấy không? Ta vào nhà người, người không cho nước rửa chân; nhưng người đã lấy nước mắt thấm ướt chân ta, rồi lấy tóc mình mà chùi. ⁴⁵ Người không hôn ta, nhưng người từ khi vào nhà người, thì hôn chân ta hoài. ⁴⁶ Người không xúc dầu đầu ta; nhưng người lấy dầu thơm xúc chân ta. ⁴⁷ Vậy nên ta nói cùng người, tội lỗi đàn bà nấy nhiều lắm, đã được tha hết, vì người đã yêu mến nhiều; song kẻ được tha ít thì yêu mến ít. ⁴⁸ Ngài bèn phán cùng người đàn bà rằng: Tội lỗi người đã được tha rồi. ⁴⁹ Các người ngồi bàn với Ngài nghĩ thầm rằng: Người nấy là ai, mà cũng tha tội? ⁵⁰ Nhưng Ngài phán cùng người đàn bà rằng: Đức tin của người đã cứu người; hãy đi cho bình an.

Chúa Giê-xu không chỉ hưởng ứng lòng hiếu khách của những người thu thuế và kẻ có tội, nhưng cũng hưởng ứng lời mời của những người Pha-ri-si nữa. Họ cũng cần có lời Đức Chúa Trời, dù họ có nhận thức được điều đó hay không. Chúng ta tin rằng lời mời của Si-môn là lời mời chân thành, không có mục đích nào khác khi mời Chúa vào nhà. Nếu có thì kế hoạch của ông chẳng đem lại kết quả gì mong muốn, vì cuối cùng ông đã được học biết về chính mình nhiều hơn điều muốn biết.

Người đàn bà ăn năn (Lu-ca 7:36-38). Thời bấy giờ những người ngoại cuộc thường lảng vảng quanh những bữa tiệc để xem những “người nổi tiếng” và nghe họ nói chuyện. Người ngoài có thể tự do vào phòng tiệc và nói chuyện với khách. Đây là lý do người đàn bà có thể đến gặp Chúa Giê-xu. Ngài không ẩn mình tránh mặt đám bình dân. Thời đó, phụ nữ không được mời vào buổi tiệc.

Các thầy Do Thái không nói chuyện với phụ nữ công khai, cũng không ăn chung bàn với họ. Người đàn bà này không được tiếp đón tại nhà Si-môn và người Pha-ri-si. Tội lỗi bà không bị kể ra ở đây, nhưng chúng ta có thể hiểu rằng bà là người phụ nữ đầu đường xó chợ và bị mang tiếng xấu.

Bạn đừng lẫn lộn sự việc này với một sự việc tương tự nói về Ma-ri ở thành Bê-tha-ni (*Giăng* 12:1-8), cũng đừng nhầm người đàn bà này với Ma-ri Ma-đơ-len (*Lu-ca* 8:2; *Mác* 16:9) như nhiều người vẫn nghĩ. Người đàn bà này nhận mình là tội nhân, điều đó chứng minh rằng bà đã ăn năn. Nếu bạn xem lại trình tự các sự việc trong các sách Phúc Âm, bạn sẽ thấy trước khi sự kiện này xảy ra, Chúa từng ân cần mời gọi: “Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các người được yên nghỉ” (*Ma-thi-ơ* 11:28). Có lẽ đó là lúc người đàn bà này ăn năn tội và tin nhận Đấng Christ. Những giọt lệ ăn năn, thái độ khiêm cung và món quà quý giá của bà đã bày tỏ một tấm lòng được đổi mới.

Người chủ nhà hay chủ trích (*Lu-ca* 7:39-43). Si-môn thật lo ngại cho bản thân và cho những vị khách mời của mình. Dân chúng cho rằng Chúa Giê-xu là Đấng tiên tri lớn (*Lu-ca* 7:16), nhưng Ngài thật sự không bày tỏ tính chất tiên tri chút nào khi Ngài cho phép một người đàn bà tội lỗi xúc dầu chân mình, vậy chắc Ngài chỉ là kẻ lừa dối.

Nạn đề thật của Si-môn chính là sự mù lòa của ông. Ông không thể hiểu bản thân mình, cũng không hiểu về Chúa Giê-xu và người đàn bà này. Ông dễ dàng nói: “Bà ta là kẻ có tội!”, nhưng khó nói rằng: “Tôi cũng là kẻ có tội!” (*Lu-ca* 18:9-14). Chúa chứng minh rằng Ngài thực sự là một tiên tri khi đọc được tư tưởng Si-môn và cho ông ta biết nhu cầu của chính ông.

Ví dụ Chúa đưa ra không đề cập đến lượng tội lỗi trong đời người, nhưng nói về “nhận thức tội lỗi” trong lòng người. Phạm tội ở mức độ nào mới bị gọi là “tội nhân”? Si-môn và người đàn bà đều là tội nhân. Si-môn phạm tội về thuộc linh đặc biệt là lòng kiêu ngạo, còn người đàn bà phạm tội về thể xác (*II Cô-rinh-tô* 7:1). Tội lỗi người đàn bà được mọi người biết đến, nhưng chẳng ai thấy tội lỗi nơi Si-môn ngoại trừ Đức Chúa Trời. Si-môn bị bại hoại về mặt thuộc linh cũng như người đàn bà tội lỗi này, nhưng bản thân ông không nhận ra

điều đó.

Sự tha tội là món quà ân sủng của Đức Chúa Trời, món nợ tội đã được Chúa Giê-xu gánh thay (*Ê-phê-sô* 1:7; *I Phi-e-rô* 1:18,19). Người đàn bà đã nhận được sự cứu rỗi vô điều kiện của Đức Chúa Trời nên bà tự do bày tỏ tình yêu của mình đối với Ngài. Si-môn khước từ sự ban cho của Đức Chúa Trời nên vẫn chưa được tha thứ. Ông không chỉ mù lòa đối với bản thân nhưng còn mù lòa về người đàn bà này cũng như về vị khách cao trọng của mình!

Đấng Christ đầy lòng tha thứ (Lu-ca 7:44-50). Người đàn bà có tội ôm đồm nhiều việc còn Si-môn có tội thiếu sót nhiệm vụ. Ông không phải là người chủ nhà tiếp đãi Chúa Giê-xu tử tế. (Để so sánh, hãy xem *Áp-ra-ham ở Sáng Thế Ký* 18:1-8). Mọi điều Si-môn bỏ qua lại chính là những gì người đàn bà này thực hiện một cách hoàn hảo!

Có hai điều lầm lẫn ta cần tránh khi giải nghĩa Lời Chúa. Trước hết, ta không nên kết luận rằng người đàn bà được cứu do những giọt nước mắt và món quà của bà. Chúa Giê-xu đã phán rõ, *đức tin bà đã cứu bà (Lu-ca 7:50)*. Không có lượng việc lành nào có thể trả cho sự cứu rỗi (*Tít 3:4-7*). Chúng ta cũng đừng nghĩ rằng tội nhân được cứu bởi tình yêu Đức Chúa Trời dành cho họ, hoặc bởi tình yêu của họ dành cho Ngài. Đức Chúa Trời yêu cả thế gian (*Giăng 3:16*), vậy mà thế gian vẫn chưa được cứu hết thảy. “Vả ấy là nhờ ân sủng, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình” (*Ê-phê-sô 2:8-9*). Ân sủng chính là tình yêu đã trả một giá, giá ấy là sự chết của Con Đức Chúa Trời trên thập tự.

Chúa Giê-xu không chối từ những giọt lệ và bình dầu thơm của người đàn bà, vì việc làm của bà bày tỏ một đức tin. Nếu ai nói mình có đức tin, nhưng không có việc làm, thì ích chi chẳng?” (*Gia-cơ 2:14-26*). Chúng ta được cứu chẳng phải do đức tin “kèm theo” việc làm, nhưng được cứu bởi đức tin “dẫn

đến” việc làm. Người đàn bà vô danh này bày tỏ lễ thật trong *Ga-la-ti* 5:6 “Trong Đức Chúa Giê-xu, điều có giá trị... tại đức tin hay làm ra bởi sự yêu thương vậy”.

Làm sao người đàn bà này biết tội mình đã được tha? *Chính Chúa Giê-xu đã phán với bà như vậy*. Làm sao chúng ta biết hôm nay chúng ta đã được tha tội? *Đức Chúa Trời cho chúng ta biết điều đó qua Lời Ngài*. Mời bạn xem một số câu Kinh Thánh sau đây: *Ê-sai* 1:18; 43:25-26; 55:6-7; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:38-39; *Rô-ma* 4:7-8; *Ê-phê-sô* 4:32; *Hê-bơ-rơ* 8:12. Một khi đã hiểu rõ ý nghĩa ân sủng của Đức Chúa Trời, bạn sẽ dễ dàng đón nhận sự tha thứ trọn vẹn vô điều kiện của Ngài và vui mừng khi nhận được sự tha thứ ấy.

Dĩ nhiên, những người duy luật tại bữa ăn hôm ấy sững sốt khi họ nghe Chúa Giê-xu phán: “Tội lỗi người đàn bà này nhiều lắm, đã được tha hết”. Khi phán lời ấy, Ngài đang tuyên bố chính Ngài là Đức Chúa Trời (xem *Lu-ca* 5:21). Ngài là Đức Chúa Trời, cũng là Đấng chết thay cho tội lỗi của người đàn bà này. Những lời tha thứ Ngài phán ra thật quý báu, bởi Ngài đã trả một giá rất đắt trên thập tự.

Làm thế nào người đàn bà này được cứu? Bà ăn năn tội lỗi mình và đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu. Làm sao bà biết chắc mình đã được tha thứ? Lời Chúa bảo đảm cho bà điều ấy. Chứng cứ nào cho thấy bà được cứu? Tình yêu của bà dành cho Đấng Christ bày tỏ qua lòng sùng kính dâng hiến cho Ngài. Lần đầu tiên trong cuộc đời, bà được làm hòa với Đức Chúa Trời (*Lu-ca* 7:50). Nói theo nghĩa đen là “*hãy đi vào sự bình an*”, vì bà đã rời khỏi phạm vi đối nghịch với Đức Chúa Trời và giờ đây vui hưởng sự bình an với Ngài (*Rô-ma* 8:7-8; 5:1).

Chúa Giê-xu đã thực hiện một phép lạ lớn khi chữa lành người đầy tớ của thầy đội. Ngài còn làm một phép lạ lớn hơn khi khiến đứa con trai của bà góa sống lại. Qua đoạn này Ngài đã thực hiện một phép lạ kỳ diệu nhất khi cứu người đàn bà khỏi tội lỗi và đổi mới bà. Phép lạ của sự cứu rỗi là một phép

lạ kỳ diệu nhất trong mọi phép lạ, vì nó đáp ứng nhu cầu to lớn nhất, đem lại những kết quả kỳ diệu nhất (là những kết quả còn đời đời) và phải trả cái giá đắt nhất.

Si-môn là kẻ “mù lòa” về người đàn bà và về chính mình. Ông biết quá khứ bà, nhưng Chúa biết tương lai bà. Tôi không biết đã có bao nhiêu kẻ có tội bị ruồng bỏ nhưng tìm được sự cứu rỗi qua lời làm chứng của người đàn bà này trong Phúc Âm Lu-ca. Nhưng bà giúp chúng ta tin rằng Chúa có thể chọn bất cứ tội nhân nào và khiến người ấy trở nên con cái Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, sự tha thứ của Đức Chúa Trời không có tính áp đặt: chúng ta có quyền chối bỏ ân sủng Ngài. Vào năm 1830, một người tên George Wilson bị bắt vì tội ăn cắp bưu phẩm và bị xử treo cổ. Sau một thời gian, Tổng thống Andrew Jackson ký lệnh tha anh ta, nhưng phạm nhân này lại *khước từ!* Các nhà chức trách cảm thấy khó xử. “Nên tha bổng hay treo cổ Wilson đây?”

Họ hỏi ý kiến Chánh án John Marshall và được ông quyết định: “lệnh tha chỉ là một mảnh giấy, giá trị của nó tùy thuộc vào sự đón nhận của kẻ được tha. Nếu bị khước từ, đó không phải là lệnh tha nữa. Vậy Wilson phải bị treo cổ”.

Nếu bạn chưa từng đón nhận “lệnh tha” của Đức Chúa Trời, bây giờ chính là lúc bạn phải tin nhận để được tha thứ.

Những Bài Học Về Đức Tin

Lu-ca 8

Một trong những chủ đề chính ở chương 8 là làm thế nào để có đức tin và sử dụng nó trong đời sống hằng ngày. Phần đầu, Chúa dạy dỗ môn đệ nền tảng đức tin do sự tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời vào lòng. Phần kế tiếp, Ngài đưa môn đệ vào những “cuộc trắc nghiệm” để biết mức độ tiếp thu của họ. Chúng ta đều thích học Kinh Thánh, nhưng lại muốn tránh những cuộc thi sau khóa học! Tuy nhiên, chính qua những thử thách của cuộc sống, đức tin sẽ thực sự tăng trưởng và chúng ta càng gần gũi với Đấng Christ hơn.

H. L. Mencken một viên chủ bút hoài nghi người Mỹ định nghĩa niềm tin là “một sự tin tưởng phi lý vào điều không thể xảy ra”. Còn Mark Twain lại cho rằng niềm tin là “sự tin tưởng vào điều bạn biết rõ là không phải như vậy”. Những người này nói về sự “mê tín” chứ không phải niềm tin. Vì niềm tin của Cơ Đốc nhân dựa trên những nền tảng vững chắc.

Bất cứ ai cũng đều sống bởi niềm tin nơi một điều gì đó hay một người nào đó. Sự khác nhau giữa người tin Chúa và người ngoại không phải ở chỗ người này có niềm tin hoặc

người kia không có. *Cả hai* đều có niềm tin, chỉ khác nhau ở *đối tượng của niềm tin*, vì niềm tin chỉ có ý nghĩa khi có đối tượng để tin. Cơ Đốc nhân là người đặt niềm tin mình nơi Chúa Giê-xu trên cơ sở Lời Đức Chúa Trời.

1. Giảng Dạy Và Nghe Lời Chúa

Lu-ca 8:1-21

¹ Kế đó, Đức Chúa Jê-sus đi thành nầy đến thành kia, làng nầy đến làng khác, giảng dạy và rao truyền tin lành của nước Đức Chúa Trời. Có mười hai sứ đồ ở với Ngài. ² Cũng có mấy người đàn bà đi theo Ngài, là những người đã được cứu khỏi quỷ dữ và chữa khỏi bệnh: Ma-ri, gọi là Ma-đơ-len, từ người bảy quỷ dữ đã ra, ³ Gian-nơ vợ Chu-xa, là quan nội vụ của vua Hê-rốt, Su-xan-nơ và nhiều người khác nữa giúp của cải cho Ngài.

⁴ Khi có đoàn dân đông nhóm lại, và người hết thấy các thành đều đến cùng Ngài, thì Ngài lấy thí dụ mà phán cùng họ rằng: ⁵ Người gieo đi ra để gieo giống mình. Khi vãi giống, một phần giống rơi ra dọc đường, bị giày đạp và chim trời xuống ăn hết. ⁶ Một phần khác rơi ra nơi đất đá sỏi, khi mới mọc lên, liền héo đi, vì không có hơi ẩm. ⁷ Một phần khác rơi vào bụi gai, gai mọc lên với hạt giống, làm cho nghẹt ngòi. ⁸ Lại có một phần khác rơi xuống nơi đất tốt, thì mọc lên, và kết quả, một thành trăm. Đương phán mấy lời đó, Ngài kêu lên rằng: Ai có tai mà nghe, hãy nghe!

⁹ Môn đồ hỏi Ngài thí dụ ấy có nghĩa gì. ¹⁰ Ngài đáp rằng: Đã ban cho các người được biết những sự mầu nhiệm nước Đức Chúa Trời; song, với kẻ khác thì dùng thí dụ mà nói, để họ xem mà không thấy, nghe mà không hiểu. ¹¹ Nầy, lời thí dụ đó nghĩa như vậy: Hạt giống là đạo Đức Chúa Trời. ¹² Phần rơi ra dọc đường, là những kẻ đã nghe đạo; nhưng về sau ma quỷ đến, cướp lấy đạo từ trong lòng họ, e rằng họ tin mà được cứu chẳng. ¹³ Phần rơi ra đất đá sỏi là kẻ nghe đạo, bèn vui mừng chịu lấy; nhưng họ không có rễ, chỉ tin tạm mà thôi; nên khi sự thử thách xảy đến, thì họ tháo lui. ¹⁴ Phần rơi vào bụi gai, là những kẻ đã nghe đạo, nhưng rồi đi, để cho sự lo lắng, giàu sang, sung sướng đời nầy làm cho đạo phải nghẹt ngòi, đến nỗi không sanh trái nào được chín. ¹⁵ Song phần rơi vào nơi đất tốt, là kẻ có lấy lòng thật thà tử tế nghe đạo, gìn giữ, và kết quả một cách bền lòng.

¹⁶ Không ai đã thấp đèn lại lấy thùng úp lại, hay là để dưới giường; nhưng để trên chân đèn, hầu cho ai vào nhà đều thấy sáng. ¹⁷ Thật không có điều kín mà không phải lộ ra, không có điều gì giấu mà chẳng bị biết và tỏ ra. ¹⁸ Vậy, hãy coi chừng về cách các người nghe; vì kẻ đã có, sẽ cho thêm; kẻ không có, sẽ cất lấy sự họ tưởng mình có.

¹⁹ Mẹ và anh em Đức Chúa Jê-sus đến tìm Ngài; song vì người ta đông lắm, nên

không đến gần Ngài được. ²⁰ Vậy có kẻ báo cho Ngài biết rằng: Mẹ và anh em thấy ở ngoài, muốn thấy thầy. ²¹ Nhưng Ngài đáp rằng: Mẹ ta và anh em ta là kẻ nghe đạo Đức Chúa Trời và làm theo đạo ấy.

Chúa tiếp tục chức vụ giảng lưu hành của Ngài tại Ga-li-lê, có các môn đệ và những người đàn bà tin kính theo giúp đỡ Ngài. Các thầy dạy luật Do Thái nhận quà của những người tỏ lòng biết ơn là chuyện bình thường. Có lẽ những người đàn bà này đã chịu ơn nhiều từ chức vụ của Chúa Giê-xu. Những người lãnh đạo Hội Thánh thời Tân Ước được sự hỗ trợ vật chất từ bạn hữu và các Hội Thánh khác (*II Ti-mô-thê* 1:16-18; *Phi-líp* 4:15-17). Phao-lô thì tự chu cấp lấy (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 3:6-10).

Từ “nghe” được sử dụng nhiều lần trong phân đoạn này. “Nghe” có nghĩa là hiểu và tiếp nhận về mặt thuộc linh. “Như vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đức Chúa Trời được rao giảng” (*Rô-ma* 10:17). Nhờ điều này, ta có thể hiểu được ba lời khuyên Chúa dạy môn đệ.

Nghe và tiếp nhận đạo (*Lu-ca* 8:4-15). Người gieo giống đầu tiên là Chúa Giê-xu, nhưng người gieo giống cũng tương trưng cho mọi con cái Đức Chúa Trời là người rao ra lời Ngài (*Giăng* 4:35-38). Hạt giống là lời Đức Chúa Trời, vì cũng như hạt giống, lời ấy có sức sống và quyền năng (*Hê-bơ-rơ* 4:12) có thể sinh ra bông trái thuộc linh (*Ga-la-ti* 5:22-23). Tuy vậy, hạt giống ấy chẳng đem lại ích lợi gì nếu không được gieo ra (*Giăng* 12:24). Khi một người nào đó nghe và hiểu Lời Chúa, lúc ấy hạt giống thực sự đã gieo vào lòng người nghe. Kết quả sau đó sẽ phụ thuộc vào tính chất của “đất”.

Chúa Giê-xu gọi ví dụ này là “ví dụ về người gieo giống” (*Ma-thi-ơ* 13:18), hay còn gọi là “ ví dụ về các loại đất”. Hạt giống không có đất sẽ không có kết quả, đất không được gieo giống là đất vô dụng. Lòng người tựa như mảnh đất, nếu được chuẩn bị đúng mức, có thể tiếp thu hạt giống của Lời Đức Chúa Trời và đem lại một mùa thu hoạch dồi dào!

Chúa mô tả bốn loại khác nhau của lòng người, trong đó có ba tấm lòng chẳng sinh kết quả gì. Chứng cứ của sự cứu rỗi là “*bông trái*” chứ không chỉ nghe hoặc tuyên xưng đức tin trong Đấng Christ là đủ. Chúa Giê-xu đã nói rõ điều này trong “*Bài Giảng Trên Núi*” (*Lu-ca* 6:43-49; *Ma-thi-ơ* 7:20).

Đất cứng (*Lu-ca* 8:5,12). Tượng trưng cho người nghe đạo nhưng sau đó bị ma quỷ cướp đi “*hạt giống*”. Lòng người cứng cỏi ra sao? Bên “*lề đường* là con đường tắt dẫn đến cánh đồng lớn chia thành những lô đất nhỏ. Đường bờ ruộng là con đường chạy qua cánh đồng phân chia cánh đồng thành những thửa ruộng. Bước chân người qua lại làm cho đất cứng. Bất cứ điều gì “*tai nghe mắt thấy*” đều được ghi vào lòng, vì vậy hãy cẩn thận kéo có kẻ “*dẫn dụ lòng bạn*”.

Đất mỏng (*Lu-ca* 8:6,13). Tiêu biểu cho người nghe đạo sốt sắng và hưởng ứng nhanh chóng Lời Chúa, nhưng sau đó sự quan tâm của họ giảm sút dần cho đến khi không sống theo Lời Chúa nữa (*Giăng* 8:31-32). Ở nhiều vùng tại xứ Thánh (The Holy Land), bạn sẽ thấy tầng đá vôi bên dưới được phủ lên bởi một lớp đất mỏng, chồi non có thể mọc lên nhưng rễ không đâm sâu và mặt trời làm nó héo khô. Mặt trời tượng trưng cho thử thách đến với mọi người xưng mình là Cơ Đốc nhân để thử nghiệm đức tin họ. Mặt trời có ích cho những cây có rễ. Khó khăn, bất bở có thể khiến rễ của Cơ Đốc nhân thật bám sâu hơn, nhưng cũng phơi bày sự nông cạn của Cơ Đốc nhân giả.

Đất có gai (*Lu-ca* 8:7,14). Là người nghe đạo nhưng không ăn năn và chẳng từ bỏ những điều gây trở ngại cho mùa gặt. Ở đây có đủ đất để cây cắm rễ, nhưng lại không đủ diện tích cho cây phát triển và sinh quả. Cây bị nghẹt ngòi nên không sinh trái. Chính “*sự lo lắng, giàu sang, sung sướng đời này*” như cỏ dại lẫn trong vườn khiến đất không sinh lợi gì cả. Người có “*lòng nghẹt ngòi*” là người đã đến gần sự cứu rỗi nhưng vẫn chưa sinh “*trái của sự trọn lành*”.

Đất tốt (*Lu-ca* 8:8,15). Mới thật sự sinh bông trái. Đó là

người nghe Lời Đức Chúa Trời, hiểu và tiếp nhận vào lòng. Họ được cứu và bày tỏ sự cứu rỗi qua đời sống kết quả (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 2:13; *I Phi-e-rơ* 1:22-25). Không phải ai cũng sinh bông trái giống nhau (*Ma-thi-ơ* 13:8), nhưng mọi người tin Chúa thật sẽ sinh trái như là bằng chứng của đời sống thuộc linh. Trái đó có thể là: đem người khác đến với Đấng Christ (*Rô-ma* 1:13), dâng hiến cho công việc Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 15:25-28), làm việc lành (*Cô-lô-se* 1:10), bày tỏ phẩm chất Cơ Đốc nhân (*Ga-la-ti* 5:22-23) hoặc ca tụng Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ* 13:15).

Ví dụ này chứng tỏ Chúa không xúc động vì có nhiều người theo Ngài. Ngài biết đa số họ không thực sự muốn “nghe” Đạo và tiếp nhận vào lòng. Ngài lấy ví dụ này cốt để khích lệ môn đệ trong chức vụ sắp tới của họ và khích lệ chúng ta hôm nay. Khi xem lại mức độ tiến triển về phương diện bồi linh, truyền giảng, làm chứng theo kế hoạch trong một tháng hay một năm, bạn sẽ thắc mắc không biết vì sao mùa gặt “thất thu” đến thế. Lỗi không do người gieo giống hay hạt giống, vấn đề là do đất gieo. Lòng người sẽ không quy phục Đức Chúa Trời, không muốn ăn năn và tiếp nhận Đạo để được cứu rỗi.

Mục sư A. W. Tozer cho rằng: “Đức tin trước tiên đến với tai người nghe chứ không phải đầu óc cân nhắc”. Đức tin không phải là vấn đề về chỉ số thông minh hay trình độ học vấn, mà là sự dọn lòng khiêm nhường để tiếp nhận lẽ thật từ Đức Chúa Trời (*Gia-cơ* 1:19-21). Người hiểu biết hay kẻ khôn ngoan đều mù loà trước những lẽ thật mà những con trẻ có thể hiểu cách dễ dàng (*Ma-thi-ơ* 11:20-26)!

Nghe và chia sẻ Lời Chúa (Lu-ca 8:16-18). Môn đồ bối rối vì Chúa dùng những ví dụ này để dạy họ, nên đã yêu cầu Ngài giải thích (*Lu-ca* 8:9-10; *Ma-thi-ơ* 13:10-17). Lời đáp của Chúa dường như muốn nói rằng Ngài dùng những ví dụ này để *giấu* đám đông về lẽ thật, nhưng ngược lại, điều Ngài giảng dạy qua các ví dụ ấy cũng là lẽ thật, *Lu-ca* 8:16-18 làm rõ

điều này. Lời dạy dỗ của Ngài là ánh sáng cần phải được thắp lên và soi ra hầu tội nhân có thể được cứu.

Từ “*Ví dụ*” hay “*Dụ ngôn*” có nghĩa là “đặt bên cạnh”. Ví dụ là một câu chuyện nhằm dạy một điều mới bằng cách đặt chân lý bên cạnh một điều quen thuộc. Mọi người đều biết hạt giống và đất, nên “*Bài giảng về người gieo giống*” khiến họ quan tâm. Những ai bàng quan hoặc kiêu ngạo sẽ nhún vai cho rằng không quan trọng. Những ví dụ của Chúa đã thu hút sự chú ý của những kẻ thờ ơ, bàng quan cũng như gợi sự thích thú với những người quan tâm.

Một ví dụ bắt đầu như một *hình ảnh* quen thuộc đối với người nghe. Nhưng khi bạn xem kỹ hình ảnh ấy, nó sẽ trở nên *một chiếc gương* để bạn nhìn thấy chính mình trong đó. Cũng có nhiều kẻ không thích nhìn thấy bản thân mình và điều đó giải thích lý do có một số người nghe Lời Chúa rất tức giận vì những ví dụ này, thậm chí tìm cách giết Ngài. Nếu chúng ta nhìn nhận mình là tội nhân khốn khó muốn được cứu giúp, khi ấy “*chiếc gương*” trở nên *cửa sổ* để ta thấy Đức Chúa Trời và ân sủng Ngài. Để hiểu và áp dụng ví dụ cách có ích đời đời ta phải có sự thành tâm và lòng khiêm nhường, nhưng nhiều người nghe Lời Chúa không có hai phẩm chất này.

Nghe và hiểu Lời Chúa là điều rất cần thiết, vì chúng ta có nhiệm vụ phải chia sẻ Lời Ngài cho kẻ khác. Những ai tiếp nhận hạt giống của Lời Chúa đều sẽ trở nên người gieo giống, người đem ánh sáng, người rao truyền lẽ thật của Đức Chúa Trời (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 1:5-8). Nếu giữ điều ấy cho riêng mình, chúng ta sẽ mất hết, nhưng nếu chia sẻ ra, chúng ta sẽ nhận lãnh nhiều hơn nữa.

Nghe và làm theo Lời Chúa (Lu-ca 8:19-21). Ma-ri mẹ Chúa Giê-xu cùng các anh em Ngài lo lắng về Ngài và rất muốn gặp Ngài (*Ma-thi-ơ* 13:55-56; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:14). Bạn hữu Ngài đều cho rằng Ngài đã “*mất trí khôn*” (*Mác* 3:21), có lẽ gia đình Ngài cũng đồng tình với họ. Nhân cơ hội này Chúa giảng một bài học thuộc linh khác: Làm thành viên trong “*gia*

đình thuộc linh” của Ngài còn quan trọng hơn bất cứ mối liên hệ nào khác, vì nó dựa trên sự vâng theo lời Đức Chúa Trời. “Nghe” Lời Chúa chưa đủ, ta còn phải “gìn giữ” Lời Ngài (*Lu-ca* 8:15).

Trong một loạt bài giảng luận ở đài phát thanh, tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm theo Lời Chúa và áp dụng vào đời sống (*Gia-cơ* 1:22-25). Tôi nhắc nhở các thánh giả rằng chúng ta rất dễ tự hào mình là người “thuộc linh”, vì chúng ta từng nghe hết Mục sư này đến Mục sư khác, ghi chép cẩn thận, *nhưng chẳng bao giờ thực sự áp dụng điều đã học*. Chúng ta đang tự lừa dối mình!

Có một thánh giả nói rằng lời giảng của tôi khiến bà tức giận, nhưng sau đó bà đối diện với sự thật và thấy rằng: bà chỉ là “người nghe” chứ không phải “người làm theo” Lời Chúa. Bà bắt đầu nghe các chương trình giảng trên đài phát thanh ít hơn, nhưng chú tâm hơn mỗi khi nghe và cố gắng áp dụng điều đã nghe. Bà viết: “Phương pháp học Kinh Thánh mới này đã thay đổi tôi. Kinh Thánh trở nên một cuốn sách mới mẻ đối với tôi và đời sống tôi đã đổi mới!”

Là môn đệ Chúa, chúng ta phải lưu tâm đến *điều mình nghe* (*Mác* 4:24) và *cách chúng ta nghe* (*Lu-ca* 8:18) vì chúng ta phải chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời về điều này. Nghe những điều sai quấy hoặc nghe những điều chân thật với thái độ sai quấy, thì lẽ thật và phước hạnh sẽ rời khỏi chúng ta. Nếu ta trung tín nghe và chia sẻ Lời Chúa, Ngài sẽ ban thêm cho chúng ta. Nhưng nếu không soi ra sự sáng, chúng ta sẽ mất những gì mình đang có. Nghe Lời Đức Chúa Trời thật sự là một vấn đề nghiêm túc!

2. Thử Thách Và Ghi Nhớ Lời Chúa

Lu-ca 8:22-56

²² Một ngày kia, Ngài xuống thuyền với môn đồ, mà phán rằng: Hãy qua bên kia hồ; rồi đi. ²³ Khi thuyền đương chạy, thì Ngài ngủ. Có cơn bão nổi lên trong

hồ, nước vào đầy thuyền, đương nguy hiểm lắm. ²⁴ Môn đồ bèn đến thức Ngài dậy, rằng: Thầy ôi, Thầy ôi, chúng ta chết! Nhưng Ngài, vừa thức dậy, khiến gió và sóng phải bình tịnh, thì liền bình tịnh và yên lặng như tờ. ²⁵ Ngài bèn phán cùng môn đồ rằng: Đức tin các người ở đâu? Môn đồ sợ hãi và bỡ ngỡ, nói với nhau rằng: Người này là ai, khiến đến gió và nước, mà cũng phải vâng lời người?

²⁶ Kế đó, ghé vào đất của dân Giê-ra-sê, ngang xứ Ga-li-lê. ²⁷ Khi Đức Chúa Jê-sus lên bờ, có một người ở thành ấy bị nhiều quỷ ám đi gặp Ngài. Đã lâu nay, người không mặc áo, không ở nhà, song ở nơi mồ mả. ²⁸ Người ấy vừa thấy Đức Chúa Jê-sus, thì la lên inh ỏi, và đến gieo mình nơi chân Ngài, nói lớn tiếng rằng: Lạy Đức Chúa Jê-sus, Con Đức Chúa Trời Rất Cao, tôi với Ngài có sự chi chăng? Tôi cầu xin Ngài đừng làm khổ tôi. ²⁹ Vì Đức Chúa Jê-sus đương truyền cho tà ma phải ra khỏi người đó mà nó ám đã lâu; dầu họ giữ người, xiềng và còng chân lại, người cứ bẻ xiềng tháo còng, và bị quỷ dữ đem vào nơi đồng vắng. ³⁰ Đức Chúa Jê-sus hỏi người rằng: Mấy tên gì? Người thưa rằng: Quân đội; vì nhiều quỷ đã ám vào người. ³¹ Chúng nó bèn cầu xin Đức Chúa Jê-sus đừng khiến mình xuống vực sâu.

³² Và, ở đó có một bầy heo đông đương ăn trên núi. Các quỷ xin Đức Chúa Jê-sus cho chúng nó nhập vào những heo ấy, Ngài bèn cho phép. ³³ Vậy, các quỷ ra khỏi người đó, nhập vào bầy heo, bầy heo từ trên vực cao đâm đầu xuống hồ và chết chìm. ³⁴ Các kẻ chăn heo thấy vậy, chạy trốn, đồn tin ấy ra trong thành và trong nhà quê.

³⁵ Thiên hạ bèn đổ ra xem việc mới xảy ra; khi họ đến cùng Đức Chúa Jê-sus, thấy người mà các quỷ mới ra khỏi ngồi dưới chân Đức Chúa Jê-sus, mặc áo quần, bộ tỉnh táo, thì sợ hãi lắm. ³⁶ Những người đã xem thấy sự lạ đó, thuật lại cho thiên hạ biết người bị quỷ ám được cứu khỏi thế nào.

³⁷ Hết thấy dân ở miền người Giê-ra-sê xin Đức Chúa Jê-sus lìa khỏi xứ họ, vì họ sợ hãi lắm. Ngài bèn xuống thuyền trở về. ³⁸ Người đã khỏi những quỷ ám xin phép ở với Ngài, nhưng Đức Chúa Jê-sus biểu về, mà rằng: ³⁹ Hãy về nhà người, thuật lại mọi điều Đức Chúa Trời đã làm cho người. Vậy người ấy đi, đồn khắp cả thành mọi điều Đức Chúa Jê-sus đã làm cho mình.

⁴⁰ Khi trở về, có đoàn dân đông rước Ngài; vì ai nấy cũng trông đợi Ngài. ⁴¹ Có người cai nhà hội tên là Giai-ru đến sắp mình xuống nơi chân Đức Chúa Jê-sus, xin Ngài vào nhà mình. ⁴² Vì người có con gái một mười hai tuổi gần chết.

Khi Đức Chúa Jê-sus đương đi, dân chúng lấn ép Ngài tứ phía. ⁴³ Bấy giờ, có một người đàn bà đau bệnh mất huyết mười hai năm rồi, cũng đã tốn hết tiền của về thầy thuốc, không ai chữa lành được, ⁴⁴ đến đằng sau Ngài rờ tròn áo; tức thì huyết cầm lại. ⁴⁵ Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Ai rờ đến ta? Ai nấy đều chối; Phi-e-rơ và những người đồng bạn thưa rằng: Thưa thầy, đoàn dân vây lấy và ép thầy. ⁴⁶ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Có người đã rờ đến ta, vì ta nhận biết có quyền phép từ ta mà ra. ⁴⁷ Người đàn bà thấy mình không thể giấu được nữa, thì run sợ, đến sắp mình xuống nơi chân Ngài, tỏ thật trước mặt dân chúng vì có

nào mình đã rời đến, và liền được lành làm sao. ⁴⁸ Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hỡi con gái ta, đức tin người đã chữa lành người; hãy đi cho bình an.

⁴⁹ Ngài còn đương phán, có kẻ ở nhà người cai nhà hội đến nói với người rằng: Con gái ông chết rồi; đừng làm phiền thầy chi nữa. ⁵⁰ Song Đức Chúa Jê-sus nghe vậy, phán cùng Giai-ru rằng: Đừng sợ, hãy tin mà thôi, thì con người sẽ được cứu. ⁵¹ Khi đến nhà, Ngài chỉ cho Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng, và cha mẹ con ấy vào cùng Ngài. ⁵² Ai nấy đều khóc lóc than vãn về con đó. Nhưng Ngài phán rằng: Đừng khóc, con nầy không phải chết, song nó ngủ. ⁵³ Họ biết nó thật chết rồi, bèn nhạo báng Ngài. ⁵⁴ Nhưng Đức Chúa Jê-sus cầm lấy tay con ấy, gọi lớn tiếng lên rằng: Con ơi, hãy chỗi dậy! ⁵⁵ Thần linh bèn hoàn lại, con ấy chỗi dậy liền; rồi Ngài truyền cho nó ăn. ⁵⁶ Cha mẹ nó lấy làm lạ; nhưng Ngài cấm nói lại sự xảy ra đó với ai.

Sau khi Chúa đã phán những “ví dụ về Nước Đức Chúa Trời” (*Ma-thi-ơ* 13:1-52) các môn đệ có lẽ cảm thấy mình như những nghiên cứu sinh trong “Trường Đức tin”! Giờ đây, họ hiểu ra những lẽ mầu nhiệm đã ẩn giấu đối với các thầy dạy luật và cả những tiên tri thời Cựu Ước. Điều họ không nhận ra trước kia (và chúng ta cũng vậy) là *đức tin phải được trải nghiệm trước khi có thể được nhìn nhận*. Học về lẽ thật thuộc linh là một việc, nhưng áp dụng lẽ thật vào kinh nghiệm của cuộc sống lại là một vấn đề hoàn toàn khác biệt.

Sa-tan chẳng hề quan tâm đến mức độ học Kinh Thánh của chúng ta khi chúng ta không sống theo lẽ thật đã học. Nếu lẽ thật chỉ nằm trong trí tuệ, lẽ thật đó mới chỉ là lý thuyết và không bao giờ thấm vào lòng trừ khi nó được áp dụng bằng ý chí. “Lấy lòng tốt lành làm theo ý muốn Đức Chúa Trời” (*Ê-phê-sô* 6:6) là điều Đức Chúa Trời mong mỗi ở con cái Ngài. Sa-tan biết rằng lẽ thật có tính chất “lý thuyết” chẳng có gì nguy hiểm cho nó, nhưng nó sẽ sợ khi lẽ thật được *thực hành*.

Bạn hãy nhìn xem Chúa Giê-xu khi Ngài đối diện bốn thách thức đức tin và đắc thắng ra sao. Hôm nay, những người tin theo Ngài cũng đối diện với những thách thức đó và có thể đắc thắng bởi đức tin.

Nghịch cảnh (*Lu-ca* 8:22-25). Chúa Giê-xu đã mỗi một sau một ngày dài giảng đạo, Ngài đi ngủ khi thuyền rời Ca-bê-na-

um sang bờ bên kia. Trước khi ngủ, Ngài ban mệnh lệnh cũng là lời hứa: “Hãy qua bên kia hồ”. Lẽ ra, lời này đã khích lệ và giục lòng mạnh mẽ đối với môn đệ Ngài suốt thời gian bão nổi lên, nhưng đức tin họ thật kém cỏi (*Ma-thi-ơ* 8:26).

Khi đoàn du lịch chúng tôi nhổ neo đi từ Ti-bê-ri-át đến Ca-bê-na-um, tôi hỏi người hướng dẫn rằng có bao giờ anh gặp cơn bão giữa biển Ga-li-lê chưa. Anh trợn mắt đáp: “Ồ, tôi mong chuyện đó chẳng bao giờ xảy đến với mình!” Đó là những cơn gió mạnh đột ngột thổi xoáy vào mặt hồ ở độ sâu 600 bộ dưới mực nước biển! Khi luồng khí lạnh và nóng gặp nhau tại lòng chảo thiên nhiên này cơn bão chắc chắn sẽ nổi lên.

Các môn đệ sợ hãi, *nhưng Chúa Giê-xu thì không!* Ngài vẫn ngủ trong niềm tin rằng Cha trên trời đang nắm trọn quyền kiểm soát (*Thi Thiên* 89:8,9). Quá kinh hãi các môn đệ đánh thức Ngài, xin Ngài cứu họ. Danh hiệu “thầy” được dùng ở đây cũng giống như danh hiệu Phi-e-rơ đã dùng trong *Lu-ca* 5:5. Dĩ nhiên vấn đề của họ không phải là bão tố bên ngoài mà là sự vô tín trong họ. Thật ra sự vô tín của họ nguy hiểm bội phần hơn cơn bão!

Từ *quở* (*trách*) thường được Chúa Giê-xu dùng khi đối phó với ma quỷ (*Lu-ca* 4:35,41; 9:42). Có thể Sa-tan đã núp sau cơn bão dữ dội này với cố gắng hủy diệt Chúa Giê-xu hay ít ra cũng cản bước Ngài đến với những người bị quỷ ám tại Ga-đara. Nhưng chỉ bởi lời phán Chúa đã khiến gió và biển yên lặng. Thường thì sau khi gió lặng biển vẫn còn động trong nhiều giờ. Nhưng trong trường hợp này mọi sự đều yên lặng tức khắc và trở lại như trước (*Thi Thiên* 148:8).

Các môn đệ đã thất bại qua cuộc trắc nghiệm đức tin này vì họ không ghi nhớ Lời Chúa rằng Ngài sẽ qua bờ bên kia. Chúng ta có thể nói rằng đức tin không phải là sự tin tưởng bất chấp mọi hoàn cảnh. Nhưng là sự vâng lời bất chấp mọi cảm xúc và hậu quả. Các môn đệ nhìn quanh chỉ thấy mối nguy hiểm và chăm vào sự sợ hãi mà không hướng niềm tin

để nhìn thấy Đức Chúa Trời. Đức tin và sự sợ hãi không thể cùng ở trong một tấm lòng.

Một phụ nữ đã nói với D. L. Moody rằng: “Tôi đã tìm thấy một lời hứa kỳ diệu!” rồi bà trích dẫn *Thi Thiên* 56:3: “Trong ngày sợ hãi, tôi sẽ để lòng nhờ cậy nơi Chúa”. Moody đáp: “Tôi xin nhắc bà một lời hứa khác” và ông trích dẫn *Ê-sai* 12:2 “Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi tôi; tôi sẽ tin cậy và không sợ hãi”.

Sa-tan (*Lu-ca* 8:26-39). Có hai người bị quỷ ám đến gặp Chúa Giê-xu khi Ngài đến Ga-đa-ra (*Ma-thi-ơ* 8:28), nhưng có một người vừa thấy Ngài đã la inh ỏi. Cả hai đều ở trong tình trạng đáng thương: lỏa lồ, sống nơi mồ mả, dữ tợn, nguy hiểm, là mối đe dọa cho mọi người trong vùng và bị một “quân đoàn quỷ” khống chế. (Quân đoàn La Mã có khoảng 6.000 người!) *Sa-tan* là kẻ trộm chỉ đến để huỷ diệt và cướp đi những gì tốt lành của người thuộc về nó (*Giăng* 10:10). Không có quyền lực nào của con người có thể thay đổi tình trạng khốn khổ của những kẻ nô lệ cho ma quỷ. Trừ khi họ đặt hy vọng nơi Đấng Christ.

Ma quỷ cũng có niềm tin (*Gia-cơ* 2:19) nhưng không phải là đức tin cứu được người khác. Chúng tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời có quyền trên chúng. Chúng tin vào sự đoán phạt trong tương lai (*Ma-thi-ơ* 8:29) và nơi đau đớn đời đời mà chúng sẽ bị Chúa giam (*Lu-ca* 8:31). Ma quỷ cũng tin nơi sự cầu nguyện và chúng xin Chúa đừng khiến chúng xuống vực sâu. Chúng xin được nhập vào bầy heo và được Chúa chấp nhận.

Lẽ nào Chúa Giê-xu lại có quyền để cho quân đoàn quỷ tiêu diệt bầy heo 2000 con, khiến các chủ heo phá sản? Đức Chúa Trời là chủ của muôn vật (*Thi Thiên* 50:10-11) nên Ngài có thể quyết định điều gì theo ý Ngài. Hơn nữa, hai con người này còn đáng giá hơn bầy heo kia (*Ma-thi-ơ* 12:12). Lẽ ra những người ở đây phải cảm ơn Chúa vì Ngài đã trừ khỏi làng họ hai hiểm họa này, nhưng ngược lại, họ xin Ngài lìa khỏi xứ

họ! Thật là một sự thay đổi hoàn toàn ở hai con người này. Có lẽ bạn nghĩ những người chứng kiến phép lạ này sẽ mời Chúa ở lại để chữa lành cho những kẻ khác. Nhưng rõ ràng đồng tiền đối với họ còn quan trọng hơn sự thương xót nên họ đã xin Ngài lìa khỏi đó.

Người được Chúa chữa khỏi quỷ ám xin được đi với Ngài và phục vụ Ngài. Con người vừa mới được đổi mới ấy có một khao khát thật đáng quý biết bao! Anh ta có suy nghĩ thuộc linh sâu sắc hơn mọi người khác. Dù chưa có sự chuẩn bị làm môn đệ Chúa, nhưng anh ta có thể phục vụ Ngài với tư cách là một chứng nhân cho Ngài, khởi đầu từ gia đình cho đến bà con và bằng hữu dân ngoại. Chúa Giê-xu không muốn những người Do Thái được chữa lành rao ra công việc Ngài, nhưng lại bảo dân ngoại thuật cho kẻ khác điều Ngài làm cho họ và đó là ý muốn Ngài.

Bệnh tật (Lu-ca 8:40-48). Khi Chúa trở lại Ca-bê-na-um, dân chúng đều mong đợi Ngài, đặc biệt có một người đàn ông và một đàn bà gặp chuyện đau buồn đến xin Ngài cứu giúp. Sự khác biệt giữa hai người này thật đáng chú ý, vì nó cho thấy những người đến nhờ cậy Chúa ở những tầng lớp xã hội khác nhau. Người đàn ông tên Giai-ru, nhưng người đàn bà lại vô danh. Giai-ru là người thuộc giai cấp thượng lưu giàu có, còn người đàn bà thuộc giai cấp thấp hèn và đã tốn hết tiền của để chạy chữa căn bệnh của bà. Người đàn ông cầu xin Chúa chữa cho con gái mình, người đàn bà hy vọng bản thân mình được chữa lành, cả hai đều sắp mình nơi chân Chúa. Giai-ru sống mười hai năm hạnh phúc với đứa con gái nhỏ của mình, nhưng giờ đây ông sắp phải mất nó. Người đàn bà trải qua mười hai năm khổ sở vì bệnh tật, giờ đây chỉ mong sao được khoẻ mạnh. Bà có một nhu cầu giấu kín, một gánh nặng đeo đuổi bà suốt mười hai năm. Gánh nặng ấy ảnh hưởng đến sức khỏe khiến bà sống vất vả, nó cũng tác động đến tinh thần bà vì bệnh mất huyết khiến bà bị ô uế về mặt hình thức nên không thể dự phần trong sinh hoạt tôn giáo (*Lê-vi Ký*

15:19-22). Bà ở trong tình trạng ô uế, cơ cực, chán nản, tuyệt vọng. Nhưng bà đã đến với Chúa Giê-xu và nhu cầu bà được đáp ứng. Đức tin bà dường như có vẻ “mê tín” nhưng Chúa tôn trọng đức tin đó. Bà biết Chúa từng chữa lành cho kẻ khác nên cũng muốn Ngài chữa cho mình. Bà có thể viện nhiều lý do - đám đông chen lấn quanh Chúa; chữa trị mười hai năm rồi chẳng khá gì, bà không phải là người quan trọng; Chúa đang trên đường đến chữa cho con gái Giai-ru. Nhưng bà quyết không để bất cứ điều gì ngăn cản con đường bà đến với Chúa.

Áo choàng của người đàn ông Do Thái thường có bốn tua màu xanh ở các chéo áo, hình thức này nhắc nhở họ phải vâng theo mệnh lệnh Đức Chúa Trời (*Dân Số Ký* 15:37-40; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:12). Người Pha-ri-si làm theo luật này quá mức, muốn cho người khác thấy sự thánh thiện của họ (*Ma-thi-ơ* 23:5). Chúng ta không biết vì sao người đàn bà quyết định rời trốn áo Chúa Giê-xu, nhưng Ngài biết có ai đó đã dùng niềm tin rời áo Ngài và được lành bởi quyền phép Ngài. Sự lành bệnh xảy ra tức thì và thật hoàn hảo!

Vì sao Chúa muốn người đàn bà làm chứng giữa công chúng? Điều này không khiến bà bối rối sao? Hoàn toàn không. Trước hết sự xưng nhận công khai là có lợi ích cho bà. Đây là dịp để bà xưng nhận Đấng Christ và tôn vinh Đức Chúa Trời. Nếu bà lẩn khuất giữa đám đông, chắc đã không thể gặp Chúa cách riêng tư hoặc nghe những lời đảm bảo và yên ủi của Ngài (*Lu-ca* 8:48). Lời xưng nhận của bà cũng là sự khích lệ đối với Giai-ru, người sắp biết tin về cái chết của con gái mình (có lẽ ông trách cứ người đàn bà này vì đã trì hoãn thời gian). Mười hai năm đau khổ của bà đã chấm dứt. Chúa Giê-xu chữa lành bà, Ngài cũng sẽ giúp Giai-ru. Bà là chứng cứ về quyền năng của đức tin. Thật vậy, bà không bày tỏ một “đức tin vĩ đại” nhưng Chúa vẫn đẹp lòng và chữa lành bệnh tật bà.

Lời chứng của người đàn bà này là một sự quả trách đối với đám đông. Bạn có thể là thành phần thuộc đám đông ấy, và chẳng bao giờ hưởng phước hạnh của sự gần Chúa Giê-xu!

“Lấn ép” Ngài là một việc còn “rờ đến Ngài” bằng đức tin là một việc khác. Đức tin ta có thể chưa mạnh mẽ, nhưng ta có một Đấng Christ quyền năng, Ngài sẽ đáp ứng nhu cầu chúng ta dù chỉ bởi “một cái rờ” tại trôn áo Ngài!

Ông James Simpson - nhà phát minh chất cloroform, lúc hấp hối được một người bạn yên ủi: “Chẳng bao lâu anh sẽ được yên nghỉ nơi lòng Chúa”. Simpson khiêm tốn đáp: “Chẳng biết tôi có thể hay không, nhưng tôi nghĩ, tôi đã nắm được trôn áo Ngài”.

Sự chết (Lu-ca 8:49-56). Người cai nhà hội là người cao niên chịu trách nhiệm trong những lễ thờ phượng và lo về các tiện nghi trong nhà hội. Ông lo về việc sắp xếp người cầu nguyện, đọc Kinh Thánh và giảng luận. Ông là người đứng đầu các trưởng lão nhà hội và là người tiếng tăm, giàu có. Để xin Chúa giúp đỡ, ông đã phải hết sức khiêm nhường hạ mình và dạn dĩ đến với Ngài, vì lúc bấy giờ các chức sắc tôn giáo muốn lập mưu giết Ngài.

Khi Giai-ru ra khỏi nhà, đứa con gái bệnh quá nặng, ở tình trạng hấp hối. Khi Chúa rời đám đông đi cùng với Giai-ru, đứa con gái đã chết. Người nhà Giai-ru nghĩ rằng Chúa chỉ có thể chữa người còn sống, nên họ khuyên Giai-ru từ bỏ ý định xin cứu giúp và về nhà. Nhưng Chúa đã yên ủi người cha quần trí này bằng một lời đầy hy vọng.

Cảnh tượng tại nhà Giai-ru có thể làm nản lòng bất cứ ai. Những kẻ khóc mướn có mặt sẵn tại đó, họ khóc lóc, kể lể đủ điều. Bà con và người lân cận bao quanh. Người Do Thái thời bấy giờ sẵn sàng đóng góp thời gian, công sức để phò bầy hoặc chia xẻ đau khổ của họ. Xác chết sẽ được chôn nội trong một ngày, ngay sau khi được tắm rửa và xức dầu.

Chúa chủ động trong hoàn cảnh này và bảo đám đông thôi than khóc vì đứa con gái chỉ ngủ chớ không chết. Dĩ nhiên, đứa con gái này thật đã chết, vì linh hồn đã lìa khỏi xác (Lu-ca 8:55; Gia-cơ 2:26). Tuy nhiên đối với Chúa, “chết” chỉ là “ngủ”. Hình ảnh này thường được dùng trong Tân Ước để mô

tả sự chết của những người tin Chúa (*Giăng* 11:11-14; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:59-60; *I Cô-rinh-tô* 15:51; *I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18). “Ngủ” là việc bình thường không làm chúng ta sợ, nhưng chúng ta cũng không nên sợ sự chết. Đó là lúc thân xác ngủ chờ không phải linh hồn, vì linh hồn của người tin Chúa sẽ ở cùng *Đấng Christ* (*Phi-líp* 1:20-24; *II Cô-rinh-tô* 5:6-8). Khi sống lại, thân thể sẽ thức dậy và được vinh hiển, con cái Đức Chúa Trời sẽ mang hình ảnh giống *Đấng Christ* (*I Giăng* 3:1-2).

Những kẻ than khóc cười nhạo Chúa Giê-xu vì họ biết đứa con gái đã chết, và chết là chấm dứt tất cả. Nhưng họ không nhận biết Chúa là “sự sống lại và sự sống” (*Giăng* 11:25-26). Ngài chẳng từng khiến con trai bà góa sống lại đó sao? Ngài chẳng kể cho *Giăng Báp-tít* về người chết được sống lại sao? (*Lu-ca* 7:22). Rõ ràng những kẻ than khóc không tin các chứng cứ đó và họ cho rằng Chúa Giê-xu chẳng biết gì!

Chúa bảo tất cả ra ngoài! Đối với Ngài, hoàn cảnh này thật tế nhị và có ý nghĩa nên Ngài không thể để cho những kẻ vô tín chứng kiến. Ngài chỉ cho Phi-e-rơ, Gia-cơ, *Giăng* và cha mẹ đứa con gái cùng Ngài vào phòng nơi đứa con gái nằm. Ngài cầm tay đứa con gái và phán bằng tiếng A-ram: “Ta-bi-tha-cu-mi!” Con ơi, hãy chờ dậy! Đây không phải là câu thần chú, nhưng là mệnh lệnh từ Chúa của sự sống và sự chết (*Khải Thị* 1:17,18). Linh hồn đã hoàn lại nơi thể xác đứa con gái, nó ngồi dậy và bắt đầu đi lại trong phòng. Chúa bảo cha mẹ cho đứa con gái ăn, vì có lẽ suốt thời gian bệnh đứa con gái chẳng ăn được gì. Chúa cũng dặn họ đừng loan tin này ra, nhưng tin đã đồn ra khắp cả xứ (*Ma-thi-ơ* 9:26).

Sự sống lại là bức tranh về phương cách Chúa Giê-xu cứu những tội nhân hư mất và khiến họ sống lại từ sự chết thuộc linh (*Giăng* 5:24; *Ê-phê-sô* 2:1-10). Các sách Phức Âm ghi nhận ba sự sống lại, dù Chúa đã khiến nhiều người khác sống lại. Ở mỗi trường hợp, người được khiến sống lại cho thấy bằng chứng của sự sống: Đứa con trai của bà góa bắt đầu nói

(*Lu-ca* 7:15), con gái Giai-ru đi lại và ăn uống, La-xa-rơ trút bỏ mỡ vãi liệm (*Giăng* 11:44). Khi một tội nhân hư mất được sống lại từ kẻ chết, bạn có thể thấy điều đó qua hành động người ấy nói, đi đứng, ăn uống, trang phục (*Cô-lô-se* 3:1) Bạn không thể che giấu được sự sống!

Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng cùng đi với Chúa Giê-xu và chứng kiến ba trường hợp đặc biệt, và đây là trường hợp thứ nhất. Trường hợp thứ hai xảy ra ở núi Hóá Hình (*Lu-ca* 9:28). Trường hợp thứ ba xảy ra tại vườn Ghết-sê-ma-nê (*Mác* 14:33). Campbell Morgan cho rằng mỗi sự kiện đều có liên quan đến sự chết và qua những kinh nghiệm đó ba môn đệ đã nhận được những bài học quý báu về Chúa Giê-xu và sự chết.

Tại nhà Giai-ru, họ biết rằng Chúa Giê-xu là Đấng đắc thắng sự chết. Trên núi hóa hình, họ khám phá rằng Ngài sẽ được vinh hiển qua sự chết. Và tại vườn Ghết-sê-ma-nê họ hiểu rằng Ngài bị nộp cho sự chết! Gia-cơ là người đầu tiên trong số mười hai môn đệ chịu chết (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:1-2). Giăng chết sau cùng và sự chết của Phi-e-rơ cũng được Chúa Giê-xu nói trước (*Giăng* 21:18-19; *II Phi-e-rơ* 1:13-21). Ba người ấy cần phải học những bài học này, và chúng ta ngày hôm nay cũng vậy.

Chức Vụ Muôn Mặt

Lu-ca 9

Thật là một buổi tối bận rộn! Tôi đang nghiên cứu và viết sách, cứ 30 phút điện thoại lại reo lên. Lẽ ra tôi phải vui mừng nghỉ tay và tán gẫu với bạn bè qua điện thoại, nhưng đêm nay chỉ toàn là những tay chào hàng gọi vào để quảng cáo đủ mọi thứ linh tinh. Lúc lên giường ngủ, tôi nghĩ đến việc phải cắt điện thoại để khỏi bị quấy rầy vì đã quá khuya.

Lúc 11 giờ, có một người gọi điện cho tôi biết có ý định tự tử. Nhờ ơn Chúa, tôi khuyên anh ta bình tĩnh chấp nhận đời sống. Anh ta đã nghe lời tôi. Lúc gác máy tôi cảm tạ Chúa vì tôi chưa cắt điện thoại. Khi trở lại giường ngủ tôi nghĩ đến Chúa Giê-xu và thời giờ Ngài sử dụng. Lúc nào cũng có nhiều người đến với Ngài và Ngài đã không từ chối họ. Có lẽ Ngài không hề “cắt đường dây liên lạc” với họ.

Trong đoạn này, Bác sĩ Lu-ca mô tả một đời sống bận rộn của Con Người có lòng thương xót khi Ngài thi hành bốn nhiệm vụ.

1. Sai Phái Các Sứ Đồ

Lu-ca 9:1-11

¹ Đức Chúa Jê-sus nhóm họp mười hai sứ đồ, ban quyền năng phép tắc để trị quỷ chữa bệnh. ² Rồi Ngài sai đi rao giảng về nước Đức Chúa Trời cùng chữa lành kẻ có bệnh. ³ Ngài dạy rằng: Đi đường chớ đem gì theo hết, hoặc gậy, hoặc bao, hoặc bánh, hoặc tiền bạc; cũng đừng đem hai áo. ⁴ Hễ các người vào nhà nào, hãy ở đó cho đến khi đi. ⁵ Còn ai không tiếp rước các người, hãy ra khỏi thành họ, và phủ bụi chân mình để làm chứng nghịch cùng họ. ⁶ Vậy, các sứ đồ ra đi, từ làng nầy tới làng kia, rao giảng Tin Lành khắp nơi và chữa lành người có bệnh.

⁷ Bấy giờ, Hê-rốt là vua chư hầu, nghe nói về các việc xảy ra, thì không biết nghĩ làm sao; vì kẻ nầy nói rằng: Giảng đã từ kẻ chết sống lại; ⁸ kẻ khác nói rằng: Ê-li đã hiện ra; và kẻ khác nữa thì rằng: Một trong các đấng tiên tri đời xưa đã sống lại. ⁹ Song Hê-rốt thì nói: Ta đã truyền chém Giảng rồi! Vậy người nầy là ai, mà ta nghe làm những việc dường ấy? Vua bèn tìm cách thấy Đức Chúa Jê-sus.

¹⁰ Các sứ đồ trở về trình cùng Đức Chúa Jê-sus mọi việc mình đã làm. Ngài bèn đem các sứ đồ đi tế ra với mình đến gần thành kia gọi là Bết-sai-đa. ¹¹ Nhưng dân chúng nghe vậy, thì đi theo Ngài. Đức Chúa Jê-sus tiếp đãi dân chúng, giảng cho họ về nước Đức Chúa Trời, và chữa cho những kẻ cần được lành bệnh.

Sứ mạng (Lu-ca 9:1-6). Trước đó vài tháng, mười hai môn đệ đã được Chúa chọn ra và đồng hành với Ngài như những người phục vụ. Giờ đây, Chúa sắp sai họ ra đi từng đôi một (*Mác 6:7*) với nhiệm vụ riêng và thực hành điều họ đã học. Đây là “chiến đấu đơn độc” của họ.

Tuy nhiên, trước khi phái họ đi, Chúa đã trang bị cho họ mọi điều cần thiết để thực hiện nhiệm vụ cũng như dặn dò họ kỹ càng. Đoạn Kinh Thánh tương tự ở *Ma-thi-ơ 10:1-42* cho thấy mười hai sứ đồ chỉ được sai đến với dân Y-sơ-ra-ên (*Lu-ca 9:5-6*). *Lu-ca* không nói đến chi tiết này vì ông viết sách Phúc Âm chủ yếu cho người ngoại và muốn nhấn mạnh rằng Phúc Âm đã lan rộng khắp thế giới.

Quyền năng là khả năng để hoàn thành nhiệm vụ, *thẩm quyền* là quyền để thực hiện nhiệm vụ đó. Chúa Giê-xu ban cho các sứ đồ cả quyền năng và thẩm quyền ấy. Họ có thể đuổi quỷ và chữa bệnh nhưng nhiệm vụ quan trọng nhất Chúa

giao họ chính là việc rao giảng Phúc Âm. Từ *rao giảng* ở *Lu-ca* 9:6 gợi lên hình ảnh một sứ giả loan báo thông điệp của Vua, nghĩa là “rao giảng Phúc Âm”. Họ chính là những sứ giả đem Phúc Âm đến!

Khả năng chữa bệnh của các sứ đồ là sự ban cho đặc biệt chứng thực chức vụ họ (*Rô-ma* 15:18-19; *II Cô-rinh-tô* 12:12; *Hê-bơ-rơ* 2:1-4). Các phép lạ là chứng cứ Chúa sai họ đi và hành động qua họ (*Mác* 16:20). Hôm nay chúng ta có thể kiểm nghiệm chức vụ của một người qua lẽ thật của lời Chúa (*I Giăng* 2:18-29; 4:1-6). Chỉ có phép lạ thôi sẽ không đủ chứng minh một người nào đó có thực sự được Chúa sai đi hay không, vì Sa-tan có thể khiến các “sứ đồ giả” làm những dấu kỳ phép lạ (*Ma-thi-ơ* 24:24; *II Cô-rinh-tô* 11:13-15; *II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:9-10).

Chúa dạy các sứ đồ phải mang những gì trên đường đi, đặc biệt Ngài nhấn mạnh về tính khẩn trương và phong cách bình dị họ phải có. Họ không được mang theo bao đựng thực phẩm nhưng phải tin rằng Đức Chúa Trời sẽ mở cửa những gia đình tử tế. *Ma-thi-ơ* 10:11-15 cho biết họ phải chọn những gia đình ra sao, nếu người ta không tiếp, các sứ đồ phải phủ bụi nơi chân họ. Những người Do Thái chính thống cũng hành động như thế mỗi khi họ rời khỏi địa phận người ngoại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:51; *Lu-ca* 10:10-11).

Sự hoang mang (*Lu-ca* 9:7-9). Khi các môn đệ đã ra đi, Chúa Giê-xu cũng thi hành chức vụ tại Ga-li-lê trong một thời gian (*Ma-thi-ơ* 11:1). Công việc của các sứ đồ gây sự chú ý lớn. Thật vậy, những việc họ làm thậm chí đã được bàn luận giữa các nhà cầm quyền cao cấp nhất! Hê-rốt An-ti-ba (*Lu-ca* 3:1) là con vua Hê-rốt Đại đế, người sai giết Giăng Báp-tít (3:19-20; *Ma-thi-ơ* 14:1-12).

Ai đã làm việc lạ lùng dường ấy? Giăng chưa làm một phép lạ nào (*Giăng* 10:41), nhưng mọi sự có thể thay đổi nếu Giăng sống lại! Người Do Thái mong mỗi tiên tri Ê-li xuất hiện, vì vậy có lẽ lời tiên tri ấy đã được ứng nghiệm (*Ma-la-*

chi 4:5; Lu-ca 1:17; Ma-thi-ơ 11:10-14; 17:11-13). Dĩ nhiên lương tâm Hê-rốt đang bị dằn vặt, ông tự hỏi không biết có phải Đức Chúa Trời đã sai Giăng trở lại đoán phạt ông hay không.

Hê-rốt tìm cách gặp Chúa Giê-xu, nhưng Chúa không giống như những kẻ lợi dụng thời cơ trong tôn giáo, Ngài không cho đó là cơ hội để từ bỏ chức vụ và hòa nhập với tầng lớp quyền cao chức trọng. Ngài gọi nhà vua gian ác đó là “con chồn cáo” và không dễ bị những lời dọa dẫm của vua làm cho khiếp sợ (Lu-ca 13:31-32). Khi Hê-rốt gặp Chúa Giê-xu lần sau cùng, ông ta hy vọng Chúa sẽ làm phép lạ, nhưng Con Đức Chúa Trời không nói gì và không làm gì. Bạo Chúa Hê-rốt đã dập tắt tiếng nói của Đức Chúa Trời phán với ông.

Kết thúc (Lu-ca 9:10-11). Các sứ đồ trở về tường thuật sôi nổi nhiệm vụ họ cho Chúa nghe. Ngài khuyên họ tẽ ra để nghỉ ngơi (Mác 6:30-32). Diễn giả nổi tiếng Vance Harner có lần đã nói: “Nếu không tẽ ra và nghỉ ngơi, chúng ta sẽ rã rời”. Nhiệm vụ rao giảng và chữa bệnh của các sứ đồ đòi hỏi nhiều nỗ lực, vì vậy họ cần có thời gian tịnh dưỡng về thể chất và tinh thần. Những tín hữu hầu việc Chúa bận rộn hoặc quá sức nên xem đây là gương để noi theo.

Bị thu hút bởi những phép lạ Chúa làm, đoàn dân không rời Chúa nhưng cứ đi theo Ngài qua các thành. Khi Chúa cùng mười hai sứ đồ cập thuyền vào bờ, đoàn dân đã có mặt tại đó để gặp Ngài. Chúa động lòng thương xót họ và cứu giúp họ (Ma-thi-ơ 14:13-14). Con Người không có một ngày nghỉ ngơi!

2. Nuôi Đoàn Dân Đông

Lu-ca 9:12-17

¹² Khi gần tối, mười hai sứ đồ đến gần Ngài mà thưa rằng: Xin truyền cho dân chúng về, để họ đến các làng các ấp xung quanh mà trọ và kiếm chi ăn; vì chúng ta ở đây là nơi vắng vẻ. ¹³ Song Ngài phán rằng: Chính các ngươi hãy cho họ ăn. Các sứ đồ thưa rằng: Ví thử chính mình chúng tôi không đi mua đồ ăn cho hết thấy dân này, thì chỉ có năm cái bánh và hai con cá mà thôi. ¹⁴ Và, bấy giờ có

độ năm ngàn người nam ở đó. Ngài bèn phán cùng môn đồ rằng: Hãy biểu chúng ngồi từng hàng năm mươi người. ¹⁵ Môn đồ làm theo lời; chúng ngồi xuống hết thảy. ¹⁶ Đoạn, Đức Chúa Jê-sus lấy năm cái bánh và hai con cá, ngược mặt lên trời, chúc tạ, rồi bẻ ra trao cho môn đồ, đặng phát cho đoàn dân. ¹⁷ Ai nấy ăn no rồi, người ta thâu được mười hai giỏ đầy những miếng thừa.

Chúa chúng ta không thuộc loại người chỉ biết giảng đạo và nói suông với kẻ đói khát rằng “hãy đi cho bình an, hãy sưởi cho ấm và ăn cho no” (*Gia-cơ* 2:16). Các môn đệ quá sốt ruột nên chỉ muốn thấy đoàn dân đông tản đi (*Lu-ca* 18:15; *Ma-thi-ơ* 15:23), họ chưa hiểu được sự thương xót của Chúa Giê-xu và trách nhiệm Ngài đối với đoàn dân. Nhưng sẽ có một ngày họ thấu hiểu tường tận về Ngài.

Nếu bạn xem phép lạ này ở các sách Phức Âm, bạn sẽ thấy Chúa hỏi Phi-líp trước tiên về nơi mua thức ăn cho đoàn dân đông (*Giăng* 6:5). Ngài chỉ muốn thử đức tin Phi-líp, “Ngài đã biết điều Ngài sẽ làm rồi” (*Giăng* 6:6). Những lúc gặp khủng hoảng trong cuộc sống, khi nguồn “dự trữ” của bạn cạn kiệt nhưng trách nhiệm lại quá lớn, đó là lúc bạn nên biết rằng Đức Chúa Trời sẵn sàng giải quyết nan đề của bạn.

Chúa bắt đầu hành động từ những gì các môn đệ có. Anh-rê phát hiện ra năm cái bánh và hai con cá do một cậu bé trao tặng. Anh-rê có biết cậu bé này không? Có phải cậu bé đã tự ý dâng hết phần ăn trưa nhỏ bé của cậu? Trước khi chúng ta cầu xin Đức Chúa Trời thực hiện những việc ngoài khả năng mình, hãy bắt đầu từ những việc ta có thể làm được và dâng cho Ngài những gì ta có. Có những người mẹ cho con mình những thứ để dâng Chúa. Hãy cảm tạ Chúa vì điều này.

Chúa ngược mặt lên trời, nguồn cung cấp thực phẩm hằng ngày cho chúng ta (*Ma-thi-ơ* 6:11), cảm tạ, chúc phước trên thức ăn và khiến năm cái bánh với hai con cá nhân lên gấp bội. Chúa Giê-xu là “nhà sản xuất”, còn các môn đệ như những “nhà phân phối”. Điều kỳ diệu là *mọi người* đều được phục vụ và thỏa lòng, lại có dư ra mười hai giỏ bánh thừa, mỗi giỏ dành cho từng môn đệ. Chúa Giê-xu chăm lo cho tôi tớ Ngài

thật chu đáo!

Phép lạ này thật ý nghĩa; nhưng nó không chỉ bày tỏ sự thương xót đối với những kẻ đói khát mà còn là dấu hiệu về Đấng Cứu Thế - Chúa chúng ta, bày tỏ sự ban phát nhân từ của Đức Chúa Trời để cứu con người. Ngày hôm sau, Chúa giảng về “bánh của sự sống” và kêu gọi mọi người tin nhận Ngài như họ đã nhận bánh (*Giăng 6:22-59*). Họ quan tâm đến cơm áo hơn linh hồn và hoàn toàn không hiểu ý nghĩa thuộc linh của phép lạ này. Họ muốn tôn Ngài làm vua để Ngài ban bánh nuôi họ trọn đời (*Giăng 6:14-15*).

Sau khi Chúa Giê-xu thăng thiên, có lẽ các môn đệ thường được yên ủi khi nhớ đến phép lạ ấy. Phép lạ Chúa làm dạy họ phải có lòng thương xót, nhìn nan đề như cơ hội để Đức Chúa Trời hành động, dâng cho Ngài những gì họ có và tin rằng Ngài sẽ đáp ứng nhu cầu. Nếu chúng ta làm những việc trong khả năng mình, Chúa sẽ hành động và thực hiện phần còn lại. Corrie Ten Boom nói rằng: “Hãy để những lời hứa của Đức Chúa Trời chiếu rọi trên những nan đề của bạn”. Đó là lời khuyên hữu ích cho chúng ta.

3. Dạy Dỗ

Lu-ca 9:18-36

¹⁸ Một ngày kia, Đức Chúa Jê-sus đang cầu nguyện riêng, môn đồ nhóm lại xung quanh Ngài, Ngài hỏi rằng: Trong dân chúng, họ nói ta là ai? ¹⁹ Thưa rằng: Người nầy nói là Giăng Báp-tít, người kia nói là Ê-li; kẻ khác nói là một trong các đấng tiên tri đời xưa sống lại. ²⁰ Ngài lại hỏi rằng: Còn về phần các người thì nói ta là ai? Phi-e-rô thưa rằng: Thấy là Đấng Christ của Đức Chúa Trời. ²¹ Đức Chúa Jê-sus nghiêm cấm môn đồ nói sự ấy với ai, ²² và phán thêm rằng: Con người phải chịu nhiều điều khốn khổ, phải bị các trưởng lão, các thầy tế lễ cả, và các thầy thông giáo bỏ ra, phải bị giết, ngày thứ ba phải sống lại.

²³ Đoạn, Ngài phán cùng mọi người rằng: Nếu ai muốn theo ta, phải tự bỏ mình đi, mỗi ngày vác thập tự giá mình mà theo ta. ²⁴ Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì cơ ta mất sự sống, thì sẽ cứu. ²⁵ Nếu ai được cả thiên hạ, mà chính mình phải mất hoặc hư đi, thì có ích gì? ²⁶ Vì nếu ai hổ thẹn về ta và lời ta, thì Con người sẽ hổ thẹn về họ, khi Ngài ngự trong sự vinh hiển của mình, của Cha, và của thiên sứ thánh mà đến. ²⁷ Quả thật, ta nói cùng các người, một

vài người trong các người đương đứng đây sẽ không chết trước khi chưa thấy nước Đức Chúa Trời.

²⁸ Đệ tám ngày sau khi phán các lời đó, Đức Chúa Jê-sus đem Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ đi với mình lên trên núi để cầu nguyện. ²⁹ Đương khi cầu nguyện, diện mạo Ngài khác thường, áo Ngài trở nên sắc trắng chói lòa. ³⁰ Và nầy, có hai người nói chuyện cùng Ngài; ấy là Môi-se và Ê-li, ³¹ hiện ra trong sự vinh hiển, và nói về sự Ngài qua đời, là sự sẽ phải ứng nghiệm tại thành Giê-ru-sa-lem. ³² Phi-e-rơ cùng đồng bạn mình buồn ngủ lắm, nhưng vừa tỉnh thức ra, thấy vinh hiển của Đức Chúa Jê-sus và hai đấng ấy đứng gần Ngài. ³³ Lúc hai đấng ấy lìa khỏi Đức Chúa Jê-sus, Phi-e-rơ thưa Ngài rằng: Thưa thầy, chúng ta ở đây tốt lắm, hãy đóng ba trại, một cái cho thầy, một cái cho Môi-se, và một cái cho Ê-li. Vì Phi-e-rơ không biết mình nói chi. ³⁴ Khi người còn đương nói, có một đám mây kéo đến, bao phủ lấy; và khi vào trong đám mây, các môn đồ đều sợ hãi. ³⁵ Bấy giờ, nghe có tiếng từ trong đám mây phán ra rằng: Nầy là Con ta, Người được lựa chọn của ta, hãy nghe Người. ³⁶ Khi tiếng ấy phát ra, thì Đức Chúa Jê-sus ở một mình. Các môn đồ nín lặng, không nói cùng ai về sự mình đã thấy.

Trong *Phúc Âm Lu-ca*, phép lạ Chúa nuôi đoàn dân đông đã kết thúc chức vụ của Ngài tại Ga-li-lê (*Lu-ca* 4:14-9:17). Giờ đây, Chúa Giê-xu bắt đầu cuộc hành trình đến Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca* 9:51; 13:22; 17:11; 18:31; 19:11, 28). Đây có lẽ là thời gian Ngài và các môn đệ nghỉ ngơi vì Ngài muốn chuẩn bị cho họ công việc sắp tới. Ở sách *Công Vụ* cũng có một đoạn tương đương nói về hành trình sau cùng của Pha-ô-lô đến Giê-ru-sa-lem. Cả hai sách, đều có “câu chuyện hai thành phố”, từ Na-xa-rét đến Giê-ru-sa-lem trong *Lu-ca* và từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma trong *Công Vụ*.

Trong phân đoạn này, Chúa dạy các môn đệ ba bài học cơ bản về thân vị, sự hi sinh và vương quốc của Ngài.

Thân vị Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 9:18-21). Khi chúng ta hỏi bạn hữu về những gì người khác nói về mình thì đó có thể là biểu hiện của sự kiêu ngạo, nhưng đối với Chúa Giê-xu thật không phải thế. Mọi người nên biết rõ Chúa Giê-xu là ai, vì những gì chúng ta nghĩ về Chúa sẽ quyết định số phận đời đời của mình (*Giăng* 8:24; *I Giăng* 4:1-3). Không thể nhầm lẫn về Chúa Giê-xu mà vẫn đúng với Đức Chúa Trời được.

Chúa Giê-xu cầu nguyện cả đêm trước khi chọn mười hai sứ đồ (*Lu-ca* 6:12-13) và bây giờ Ngài cũng cầu nguyện trước khi các môn đệ xưng nhận đức tin họ. Đã có những dư luận khác nhau về Chúa (*Lu-ca* 9:7-8), nhưng các môn đệ Chúa phải có những sự xác tín. Phi-e-rơ là người đại diện các môn đệ đưa ra chứng cứ xác thực về thần tính của Chúa Giê-xu Christ. Đây là lần thứ hai Phi-e-rơ công khai xưng nhận *Đấng Christ* (*Giăng* 6:68-69). Ngoại trừ Giu-đa (*Giăng* 6:70-71), tất cả các môn đệ đều có đức tin nơi Chúa Giê-xu.

Chúa nghiêm cấm họ không được đồn đãi ra lẽ thật này. Trước hết sứ điệp về *Đấng Christ* không thể bị tách rời khỏi sự chết và sự phục sinh của Ngài. Ngài sắp cho họ biết sứ điệp này. Họ phải mất nhiều thời gian để hiểu rõ bài học mới mẻ này và sau khi Chúa phục sinh họ mới thật sự hiểu hết ý nghĩa bài học (*Lu-ca* 24:44-48). Người Do Thái bấy giờ chỉ xem Chúa Giê-xu như người chữa bệnh và dạy dỗ đầy ơn. Nếu các sứ đồ bắt đầu rao giảng rằng Chúa thật sự là *Đấng Christ*, có lẽ trong dân chúng sẽ nổi lên cuộc dấy loạn chống lại Rô-ma.

Sự hi sinh (*Lu-ca* 9:22-26). Trước đây Chúa từng nói trước về sự chết hi sinh của Ngài một cách gián tiếp, nhưng giờ đây Ngài dạy môn đệ lẽ thật này cách rõ ràng. Giảng giới thiệu Chúa là “Chiên Con của Đức Chúa Trời” (*Giăng* 2:19). Chúa so sánh chính Ngài với con rắn trong đồng vắng (*Giăng* 3:14) và với tiên tri Giô-na (*Ma-thi-ơ* 12:38-40) để báo trước về sự thương khó và sự chết của Ngài.

Trong *Lu-ca*, có ba lần Chúa báo trước về sự thương khó của Ngài ở thành Giê-ru-sa-lem và đây là lời tuyên bố đầu tiên của Ngài (*Lu-ca* 9:43-45; 18:31-34). Các môn đệ thật sự không hiểu Chúa muốn nói gì, một phần do họ thiếu đức tin và chưa trưởng thành, phần khác do Đức Chúa Trời đã giấu khỏi họ để không hiểu lẽ thật này. Ngài chỉ dạy họ khi nào họ đã đủ sức nhận lấy lẽ thật (*Giăng* 16:12). Có lẽ đây là một cú sốc khi các môn đệ biết rằng các chức sắc tôn giáo của họ sẽ

giết chính Chúa mình.

Chúa không dừng lại ở lời báo trước về sự chết của Ngài, Ngài còn tuyên bố công khai về “thập tự giá” dành cho mỗi môn đệ. *Phúc Âm Ma-thi-ơ* cho ta biết đây là điều rất cần thiết vì Phi-e-rơ có ý muốn ngăn cản Chúa chịu thương khó (*Ma-thi-ơ* 16:22). Hãy nhớ rằng Chúa đang nói về địa vị *môn đệ* chứ không phải địa vị làm *con*. Chúng ta được cứu rỗi không phải vì đã vác thập tự và theo Chúa Giê-xu, nhưng vì chúng ta tin Đấng Christ đã gánh thay tội lỗi ta trên thập tự. Sau khi trở nên con cái Đức Chúa Trời, chúng ta mới có thể trở thành môn đệ Chúa.

Hiện nay, từ tương đương với “môn đệ” có lẽ là “người học việc”. Môn đồ không phải chỉ là người học qua những bài giảng và sách vở, nhưng người ấy phải học bằng cách sống và cộng sự với thầy mình qua kinh nghiệm hằng ngày. Rất nhiều tín hữu chỉ muốn nghe giảng đạo để có thêm hiểu biết chứ không bao giờ thực hành những điều đã nghe.

Đối với dân La Mã, thập tự giá là biểu tượng của sự sỉ nhục, tội lỗi, đau đớn và bị ruồng bỏ. Không có cái chết nào nhục nhã hơn thế. Không ai đề cập đến hình phạt đóng đinh trong những câu chuyện lịch sử. Người ta cũng không nghĩ đến việc mang thập tự giá trên người cũng như chúng ta ngày nay không nghĩ đến việc mang trên người những chiếc “ghế điện” bằng vàng hoặc bằng bạc! Chúa đặt ra những yêu cầu nghiêm túc đối với môn đệ Ngài. Chúng ta trước hết phải biết nói *không* với chính mình, không chỉ đối với những thú vui hoặc của cải vật chất, nhưng còn đối với *cái tôi* của mình - sau đó hãy vác thập tự mình và theo Chúa mỗi ngày. Làm như vậy có nghĩa là chúng ta đồng hóa mình với Ngài trong sự thuận phục, chịu khổ và hy sinh. Bạn không thể “đóng đinh” chính mình, bạn chỉ có thể “dâng thân thể mình” (*Rô-ma* 12:1-2) và để Đức Chúa Trời thực hiện phần còn lại.

Dĩ nhiên, đối với thế gian, cách sống này dường như đại đột nhưng đối với Cơ Đốc nhân, đó là sự khôn ngoan. Cứu sự

sống mình, bạn sẽ mất nó, vậy làm sao có thể tìm lại được sự sống? Nhưng nếu bạn dâng đời sống mình cho *Đấng Christ*, bạn sẽ giữ được sự sống ấy và có thể sống với đầy đủ ý nghĩa của nó. Nếu một người có cả thế gian, anh ta vẫn còn rất nghèo và không thể mua lại sự sống đã mất.

Địa vị môn đệ Chúa là kết quả của sự rèn luyện hằng ngày: theo Chúa từng bước một, từng ngày một. Có một phụ nữ sau khi quét dọn mệt nhọc, đã nói với bạn mình rằng: “Rắc rối của cuộc sống chính ở chỗ nó cứ lặp lại mỗi ngày”. Người phụ nữ này đã suy nghĩ sai lệch. Một trong những điều tốt nhất cho cuộc sống, đó là chúng ta có thể giữ nó từng ngày từng giờ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 33:25*). Động cơ của chúng ta phải hướng về sự tôn vinh Đấng Christ. Nếu ai hổ thẹn về Ngài, sẽ chẳng bao giờ vác nổi thập tự giá và theo Ngài. Nếu chối từ Ngài, chúng ta sẽ bị chối từ trong ngày Chúa trở lại (*Mác 8:38; II Ti-mô-thê 2:11-13*) và bị hổ thẹn trước mặt Ngài (*I Giăng 2:28*).

Vương quốc của Chúa (*Lu-ca 9:27-36*). Theo sự ghi chép của *Phúc Âm Lu-ca* sự hóa hình là sự kiện duy nhất xảy ra trong thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất, nhằm bày tỏ sự vinh hiển của Ngài. Tuy không sử dụng từ “hóa hình”, nhưng *Lu-ca* đã tường thuật lại một diễn biến tương tự (*Ma-thi-ơ 7:12; Mác 9:2*). “Hoá hình” có nghĩa là thay đổi hình dáng, phát sinh từ bên trong.

Có lý do nào phía sau sự kiện này? Trước hết, đây là dấu hiệu Đức Chúa Trời hài lòng khi Phi-e-rơ xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (*Giăng 1:14*). Đó cũng là cách Cha trên trời yên ủi Con Ngài khi Chúa Giê-xu bắt đầu đến Giê-ru-sa-lem. Đức Chúa Trời đã phán xuống khi Chúa Giê-xu chịu phép báp-têm (*Lu-ca 3:22*) và Ngài đã phán lần nữa trong tuần lễ cuối cùng Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất (*Giăng 12:23-28*). Kết quả của thập tự giá khổ nạn là mào triều thiên vinh hiển, đó là bài học mà Phi-e-rơ đã nhấn mạnh trong thư tín đầu tiên của ông (*I Phi-e-rơ 4:12-5:4*).

Lời Chúa Giê-xu phán trong (*Lu-ca* 9:27) cho thấy sự kiện này đã minh chứng cho sự thực hữu của Vương quốc Đức Chúa Trời. Điều này có vẻ hợp lý vì các môn đệ đang hoang mang về vương quốc Đức Chúa Trời vì những lời phán của Chúa Giê-xu về thập tự giá (chúng ta không nên quá khe khắt với họ, vì các tiên tri cũng từng hoang mang bối rối như vậy – *I Phi-e-rơ* 1:10-12). Chúa xác quyết với họ mọi lời hứa trong Cựu Ước sẽ ứng nghiệm, nhưng trước hết Chúa phải chịu đau đớn trước khi Ngài có thể bước vào sự vinh hiển (*II Phi-e-rơ* 1:12-21).

Ở đây cũng có một bài học thực tiễn khác. Chúng ta có thể kinh nghiệm sự “biến hóa” thuộc linh mỗi ngày khi bước đi theo Chúa. *Rô-ma* 12:1-2; và *II Cô-rinh-tô* 3:18 cho ta biết phải làm gì để kinh nghiệm “sự biến hóa” ấy. Khi chúng ta dâng thân thể, tâm trí và ý chí mình cho Chúa, Ngài sẽ biến đổi hầu cho chúng ta không bị lệ thuộc vào thế gian nữa. Khi ngắm xem Chúa qua Lời Ngài (“gương”), chúng ta sẽ được Đức Thánh Linh biến hóa “từ vinh hiển đến vinh hiển”. Theo nghĩa thần học, kinh nghiệm này được gọi là *sự thánh hóa*. Chúng ta sẽ trở nên giống Đức Chúa Giê-xu *Christ* hơn qua kinh nghiệm đó. Sự thánh hóa chính là mục đích Đức Chúa Trời muốn dành cho mỗi con cái Ngài (*Rô-ma* 8:19; *I Giăng* 3:2). Nên nhớ rằng Chúa chúng ta thường xuyên cầu nguyện là một trong những bí quyết để có một đời sống được đổi mới.

Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng đã cùng đi với Chúa Giê-xu khi Ngài khiến con gái Giai-ru sống lại (*Lu-ca* 8:51) và họ cũng theo Ngài khi Ngài cầu nguyện trong vườn Ghết-sê-ma-nê (*Ma-thi-ơ* 26:36-46). Ba sự kiện này nhắc tôi nhớ lại câu Kinh Thánh ở *Phi-líp* 3:10 “... cho đến nỗi tôi được biết Ngài (sự hóa hình), và quyền phép sự sống lại của Ngài (khiến con gái Giai-ru sống lại), và sự thông công thương khó của Ngài (trong vườn Ghết-sê-ma-nê)...”

Có thể nói đây là “cuộc hội thảo Kinh Thánh” lớn nhất trên đất từ trước đến nay! Chưa kể đến sự vinh hiển rực rỡ ấy,

bạn cũng có những “diễn giả” tuyệt vời nhất, đó là: Môi-se đại diện cho luật pháp, Ê-li đại diện cho các tiên tri, và Chúa Giê-xu, Đấng đến thế gian để làm trọn luật pháp và lời tiên tri. Bạn còn có một chủ đề quan trọng nhất: sự ra đi của Chúa Giê-xu tại Giê-ru-sa-lem. Môi-se đã từng giải thoát dân sự khỏi ách nô lệ của Ai Cập, tiên tri Ê-li đã giải phóng họ khỏi xiềng xích trói buộc của tà thần, nhưng chính Chúa Giê-xu sẽ chịu chết để giải thoát một thế giới hư mất khỏi ách tội lỗi và sự chết (*Ga-la-ti* 1:4; *Cô-lô-se* 1:13; *Hê-bơ-rơ* 2:14-15).

Khi mọi điều đang diễn tiến thì ba vị môn đệ có đặc ân kia lại đang say ngủ! (Họ phạm lại lỗi này trong vườn Ghết-sê-ma-nê một lần nữa). Lời đề nghị của Phi-e-rơ nhắc ta nhớ đến “lễ Lều Tạm” của người Do Thái được chép trong Thánh Kinh Cựu Ước nói về Vương Quốc Đức Chúa Trời trong tương lai (*Lê-vi Ký* 23:33-44; *Xa-cha-ri* 14:16-21). Phi-e-rơ chỉ muốn Chúa Giê-xu nhận lấy sự vinh hiển mà không trải qua sự thương khó, nhưng đó không phải là chương trình của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời ngắt lời Phi-e-rơ bằng cách khiến một đám mây vinh hiển bao phủ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 13:21-22; 40:35,38) và tiếng nói từ đám mây (Phi-e-rơ cũng bị ngăn trở bởi Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ* 17:24-27) và Đức Thánh Linh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:44)). Lời phán kỳ diệu từ trời nhắc ta những câu Kinh Thánh ở *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 18:15; *Thi Thiên* 2:7; *Ê-sai* 42:1. Khi đám mây tan đi, Ê-li và Môi-se cũng lìa khỏi đó.

Những sự kiện này thật kỳ diệu, nhưng đó không phải là nền tảng cho một đời sống Cơ Đốc nhân kiên trì. Đời sống ấy chỉ có thể đến từ Lời Đức Chúa Trời. Kinh nghiệm đến rồi đi, nhưng Lời Chúa còn tồn tại mãi mãi. Ký ức của chúng ta về những kinh nghiệm sẽ phai nhạt nhưng Lời Đức Chúa Trời chẳng bao giờ thay đổi. Theo thời gian kinh nghiệm sẽ vơi trong đời sống chúng ta. Đó là lý do Đức Chúa Trời phán “Hãy nghe Người” và cũng là lý do Phi-e-rơ lặp lại lời này trong thư tín của ông (*II Phi-e-rơ* 1:12-21). “Sự hóa hình” của

bản thân chúng ta do sự đổi mới từ bên trong (*Rô-ma* 12:1-2) và sự đổi mới ấy do Lời Đức Chúa Trời (*II Cô-rinh-tô* 3:18).

4. Chịu Đựng

Lu-ca 9: 37-62

³⁷ Bữa sau, khi Chúa cùng môn đồ từ núi xuống, có đoàn dân đông đến đón rước Ngài. ³⁸ Một người trong đám đông kêu lên rằng: Lạy thầy, xin thầy đoái đến con trai tôi, vì là con một tôi. ³⁹ Một quỷ ám nó, thỉnh thoảng kêu la; quỷ vật vã nó dữ tợn, làm cho sôi bọt miếng, mình mẩy nát hết, rồi mới ra khỏi. ⁴⁰ Tôi đã xin môn đồ thầy đuổi quỷ đó, nhưng họ đuổi không được. ⁴¹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hỡi dòng dõi không tin và bội nghịch kia, ta ở với các ngươi và nhìn các ngươi cho đến chừng nào? Hãy đem con của ngươi lại đây. ⁴² Đưa con trai vừa lại gần, quỷ xô nó nhào xuống đất, và vật vã dữ tợn. Song Đức Chúa Jê-sus quở nặng tà ma, chữa lành con trẻ ấy, và giao lại cho cha nó.

⁴³ Ai nấy đều lấy làm lạ về quyền phép cao trọng của Đức Chúa Trời. Khi mọi người đang khen lạ các việc Đức Chúa Jê-sus làm, Ngài phán cùng môn đồ rằng: ⁴⁴ Về phần các ngươi, hãy nghe kỹ điều ta sẽ nói cùng: Con người sẽ bị nộp trong tay người ta. ⁴⁵ Nhưng các môn đồ không hiểu lời ấy, vì đã che khuất cho mình để chẳng rõ nghĩa làm sao; và sợ không dám hỏi Ngài về lời ấy.

⁴⁶ Các môn đồ biện luận cùng nhau cho biết ai là lớn hơn hết trong hàng mình.

⁴⁷ Nhưng Đức Chúa Jê-sus biết ý tưởng trong lòng môn đồ, thì lấy một đứa con trẻ để gần mình, ⁴⁸ mà phán rằng: Hễ ai vì danh ta mà tiếp con trẻ này, tức là tiếp ta; còn ai tiếp ta, tức là tiếp Đấng đã sai ta. Vì kẻ nào hèn mọn hơn hết trong vòng các ngươi, ấy chính người đó là kẻ cao trọng.

⁴⁹ Giăng cất tiếng nói rằng: Thưa thầy, chúng tôi từng thấy có kẻ nhân danh thầy mà trừ quỷ; chúng tôi đã cấm họ, vì không cùng chúng tôi theo thầy.

⁵⁰ Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Đừng cấm họ, vì ai không nghịch cùng các ngươi, là thuận với các ngươi.

⁵¹ Khi gần đến kỳ Đức Chúa Jê-sus được đem lên khỏi thế gian, Ngài quyết định đi thành Giê-ru-sa-lem. ⁵² Ngài sai kẻ đem tin đi trước mình. Họ ra đi, vào một làng của người Sa-ma-ri để sửa soạn nhà trọ cho Ngài; ⁵³ song người Sa-ma-ri không tiếp rước Ngài, vì Ngài đi thẳng lên thành Giê-ru-sa-lem. ⁵⁴ Gia-cơ và Giăng là môn đồ Ngài, thấy vậy, nói rằng: Thưa Chúa, Chúa có muốn chúng tôi khiến lửa từ trên trời xuống thiêu họ chăng? ⁵⁵ Nhưng Đức Chúa Jê-sus xây lại quở hai người, mà rằng: 'Các ngươi không biết tâm thần nào xui giục mình.' (Câu trong hai móc này có mấy bản không có. Có bản lại thêm cả câu này: Con người đã đến không phải để diệt các linh hồn, song để cứu cho.)

⁵⁶ Rồi Ngài cùng môn đồ đi qua làng khác.

⁵⁷ Đang khi đi đường, có kẻ thưa Ngài rằng: Chúa đi đâu tôi sẽ theo đó. ⁵⁸ Đức

Chúa Jêsus đáp rằng: Con cáo có hang, chim trời có ổ; song Con người không có chỗ mà gối đầu.

⁵⁹ Ngài phán cùng kẻ khác rằng: Người hãy theo ta. Kẻ ấy thưa rằng: Xin cho phép tôi đi chôn cha tôi trước đã. ⁶⁰ Nhưng Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy để kẻ chết chôn kẻ chết; còn người, hãy đi rao giảng nước Đức Chúa Trời.

⁶¹ Có kẻ khác nữa thưa rằng: Lạy Chúa, tôi sẽ theo Chúa, song xin cho phép tôi trước về từ giã người trong nhà tôi. ⁶² Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ai đã tra tay cầm cày, còn ngó lại đằng sau, thì không xứng đáng với nước Đức Chúa Trời.

“Ta ở với các người và nhịn các người cho đến chừng nào?” (Lu-ca 9:41). Có thể bạn tưởng đây là lời trách cứ của một ông thầy dạy học quá mệt mỏi hoặc của một sĩ quan huấn luyện thiếu kiên nhẫn, nhưng đây là lời trách của Con Đức Chúa Trời thánh khiết! Chúng ta dễ quên Chúa đã phải chịu thương khó ra sao khi thi hành chức vụ trên đất, đặc biệt Ngài phải chịu đựng các môn đệ mình.

Khi phân tích phân đoạn này, bạn có thể hiểu lý do Chúa phán những lời như vậy: Ngài *buồn bực bởi những yếu đuối thất bại của các môn đệ*. Ngài ban cho họ quyền phép trừ quỷ” (Lu-ca 9:37-45), vậy mà đức tin họ quá yếu đuối đến nỗi chẳng trừ được một quỷ nào. Khi nuôi 5.000 người, Ngài bày tỏ cho họ thấy sự thương xót, nhưng họ lại có thái độ ích kỷ và không có tình yêu thương (Lu-ca 9:46-56). Ngài dạy họ về ý nghĩa của việc theo Ngài, nhưng những kẻ tình nguyện ấy lại trở thành những môn đệ chỉ nghĩ đến bản thân trước tiên (Lu-ca 9:57-62). Lẽ dĩ nhiên Chúa đã phải chịu khổ vì thái độ của họ!

Thiếu quyền năng (Lu-ca 9:37-45). Chúng ta thật chẳng dám ở trên đỉnh núi vinh quang khi ở dưới thung lũng có chiến trận đang xảy ra! Có một “con một” cần được Chúa cứu giúp và còn nhiều con trẻ khác nữa, vì các môn đệ chẳng làm được gì. Họ đã được ban cho quyền phép (Lu-ca 9:1), nhưng không đắc thắng. Vì sao như vậy? Nếu bạn xem sự kiện này ở ba sách Phúc Âm (Ma-thi-ơ 17:1-23; Mác 9:1-32), bạn sẽ khám

phá những điều họ thiếu sót trong cuộc sống. Trước hết, họ *thiếu đức tin* (*Ma-thi-ơ* 17:19-20). Họ vốn sinh ra từ dòng dõi vô tín và đã thiếu niềm tin khi sử dụng quyền năng Chúa ban. Hơn nữa, họ cũng *thiếu sự cầu nguyện và kiêng ăn* (*Mác* 9:29). Điều này chứng tỏ chín môn đệ còn lại đã để mặc cho những thành quả rèn luyện bấy lâu của họ bị sa sút dần trong thời gian ngắn vắng Chúa. Cho dù chúng ta có thể nhận bất cứ ân tứ thuộc linh nào đi nữa, thì những ân tứ đó tự nó chẳng bao giờ tự động phát ra quyền năng mà cần phải do chính ta khởi động trước.

Ma quỷ cố vật ngã người bệnh lần cuối nhưng Chúa Giê-xu quở nặng nó và đuổi nó ra. Chúa dịu dàng trao đứa con trai lại cho cha nó và đem mười hai môn đệ đi với Ngài để dạy họ bài học khác về thập tự giá. Chính tại thập tự giá, Chúa đã khiến Sa-tan thất bại thảm hại (*Giăng* 12:31-32; *Cô-lô-se* 2:15).

Thiếu tình yêu (*Lu-ca* 9:46-56). Các môn đệ thiếu sự yêu thương lẫn nhau. Lẽ ra họ không nên tranh cãi vấn đề ai là người cao trọng nhất (*Lu-ca* 9:46-48). Có lẽ sở dĩ có cuộc tranh luận này là do họ có lòng đố kỵ (khi ba môn đệ được ở cùng Chúa trên núi), hoặc do họ kiêu ngạo (vì chín môn đệ còn lại đã thất bại trong việc đuổi quỷ). Trước đó, Chúa cũng đòi đóng thuế cho Phi-e-rơ (*Ma-thi-ơ* 17:24-27), điều này có thể khơi lên sự ghen tị nào đó. Trong nước thiên đàng, gương mẫu về sự cao trọng chính là con trẻ - yếu đuối, cần được giúp đỡ, cô thế, sống bởi đức tin mà thôi. Con trẻ mà cố gắng hành động như người lớn, đó là điều không hay. Nhưng “người lớn” lại hành động như trẻ con, thì càng tồi tệ hơn (*I Cô-rinh-tô* 13:4-5; 14:20). Hành động như con nít và tính hồn nhiên như con trẻ là hai tính cách khác nhau hoàn toàn.

Các môn đệ bày tỏ sự thiếu yêu thương đối với những người tin Chúa không cùng nhóm họ (*Lu-ca* 9:49-50). Sự yêu thương là điều cần có nơi những “con trai của sấm sét” (*Mác* 3:17)! Có lẽ Giăng cố “chiếm cảm tình” Chúa khi hăng hái bảo vệ danh Chúa, nhưng Chúa không hề cảm động về điều

đó. Những tín hữu nào cho rằng nhóm của họ là nhóm duy nhất được Chúa thừa nhận và ban phước sẽ thấy thất vọng khi vào thiên đàng.

Các môn đệ cũng không yêu thương kẻ thù (*Lu-ca 9:51-56*). Gia-cơ và Giăng đã thấy tiên tri Ê-li trên núi, nên họ cho rằng có thể “bắt chước” Ê-li khiến lửa từ trời giáng xuống (*II Các Vua 1:1-18*)! Dân Sa-ma-ri và dân Do Thái đã thù nhau hằng bao thế kỷ trước (*II Các Vua 17:24-41*), nên có thể hiểu rằng làng của người Sa-ma-ri này không tiếp Chúa Giê-xu khi Ngài trên đường đến Giê-ru-sa-lem (*Giăng 4:9, 20*). Chúa trách mắng lòng thù hận của họ, đoạn Ngài đến một làng khác (*Ma-thi-ơ 5:37-38*). Sau này Phúc Âm đã đến với xứ Sa-ma-ri (*Công Vụ Các Sứ Đồ 8:11-40*).

Thiếu kỷ luật (*Lu-ca 9:57-62*). Lẽ ra đã có ba người trở thành môn đệ Chúa, nhưng họ chẳng đáp ứng được những điều kiện Chúa đưa ra. Người đầu tiên là một thầy thông giáo (*Ma-thi-ơ 8:19*), ông tình nguyện theo Chúa nhưng đã thối lui khi biết cái giá phải trả là sự dấn thân. Hiển nhiên, ông không thể theo Chúa được vì đã quen với những tiện nghi vật chất. Người thứ hai được Chúa Giê-xu gọi (đây là một vinh dự) nhưng đã bị loại bỏ vì không bằng lòng vác thập tự giá và chết với bản ngã. Anh ta lo lắng cho tang lễ kẻ khác trong khi phải quyết định cho chính bản thân mình! Chúa không có ý nói rằng chúng ta không kính yêu cha mẹ, Ngài chỉ muốn nhấn mạnh rằng chúng ta đừng để cho tình yêu gia đình lấn át tình yêu dành cho Chúa. Chúng ta phải yêu mến Chúa nhiều đến mức độ nếu đem so sánh với tình yêu dành cho gia đình, dường như chúng ta không tôn trọng người trong gia đình hơn (*Lu-ca 14:26*)! Người thứ ba cũng tình nguyện theo Chúa nhưng không được, vì anh ta “ngó lại đằng sau” thay vì phải nhìn về phía trước. Lời giã biệt thân thương với người nhà không có gì sai trái (*I Các Vua 19:19-21*) nhưng nếu nó làm “cản trở” sự vâng phục, đó sẽ là tội. Chúa biết tấm lòng người này không dành trọn cho Ngài nhưng còn nhìn lại mọi sự ở phía sau (*Sáng*

Thế Ký 19:17, 26; *Phi-líp* 3:13-14). Đó là lý do chẳng có gì ngạc nhiên khi “người làm công” quá ít! (*Lu-ca* 10:2).

Có lẽ điều Chúa dạy môn đệ và đoàn dân đã ít nhiều gây dựng được họ. Họ thiếu năng lực, thiếu tình yêu, kỷ luật và đã làm Chúa buồn lòng. Nếu chúng ta hôm nay cũng thiếu những đòi hỏi thuộc linh này, chúng ta sẽ chẳng bao giờ trở thành môn đệ thật sự của Chúa Giê-xu cả. Tuy vậy, khi đến với Chúa, chúng ta sẽ được ban cho, “Vì Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tâm thần nhút nhát, bèn là tâm thần mạnh mẽ, có tình thương yêu giề giũ” (*II Ti-mô-thê* 1:7). Chúng ta đang làm Chúa vui lòng hay buồn bực?

Cơ Đốc Nhân Làm Gì Giữa Thế Gian

Lu-ca 10

Ba sự kiện ở đoạn 10 cho ta thấy có ba nhiệm vụ mà mỗi Cơ Đốc nhân phải thực hiện, đó cũng là giải đáp cho câu hỏi “Cơ Đốc nhân phải làm gì giữa thế gian?”

Trước hết, chúng ta là *đại sứ* của Chúa được Ngài sai đi giữa thế gian để đại diện cho Ngài (*Lu-ca 10:1-24*). Chúng ta cũng là *người lân cận* tìm cơ hội bày tỏ sự thương xót trong danh Đấng Christ (*10:25-37*). Tuy vậy, trọng tâm của nhiệm vụ chúng ta là phải sống cho Đấng Christ, nên chúng ta phải là những *người thờ phượng Chúa*, dành thời gian lắng nghe lời Ngài và giao thông với Ngài (*10:38-42*).

Dù đang ở nơi cánh đồng mùa gặt, ngoài đường phố hay tại nhà riêng, đặc quyền lớn lao nhất và niềm vui tuyệt vời nhất của chúng ta là thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời.

1. Sứ Giả: Đại Diện Chúa

Lu-ca 10: 1-24

¹ Kế đó, Chúa chọn bảy mươi môn đồ khác, sai từng đôi đi trước Ngài, đến các thành các chỗ mà chính Ngài sẽ đi.

² Ngài phán cùng môn đồ rằng: Mùa gặt thì trúng, song con gặt thì ít. Vậy, hãy

xin Chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa của mình. ³ Hãy đi; nầy, ta sai các người đi, khác nào như chiên con ở giữa bầy muông sói. ⁴ Đừng đem túi, bao, giày, và đừng chào ai dọc đường. ⁵ Hễ các người vào nhà nào, trước hết hãy nói rằng: Cầu sự bình an cho nhà nầy! ⁶ Nếu nhà đó có người nào đáng được bình an, sự bình an của các người sẽ giáng cho họ; bằng không, sẽ trở về các người. ⁷ Hãy ở nhà đó, ăn uống đồ người ta sẽ cho các người, vì người làm công đáng được tiền lương mình. Đừng đi nhà nầy sang nhà khác. ⁸ Hễ các người vào thành nào, mà người ta tiếp rước, hãy ăn đồ họ sẽ dọn cho. ⁹ Hãy chữa kẻ bệnh ở đó, và nói với họ rằng: Nước Đức Chúa Trời đến gần các người. ¹⁰ Song hễ các người vào thành nào, họ không tiếp rước, hãy đi ra ngoài chợ, mà nói rằng: ¹¹ Đối với các người, chúng ta cũng phủi bụi của thành các người đã dính chân chúng ta; nhưng phải biết nước Đức Chúa Trời đã đến gần các người rồi. ¹² Ta phán cùng các người, đến ngày cuối cùng, thành Sô-đôm sẽ chịu nhẹ hơn thành nầy.

¹³ Khốn cho mấy, thành Cô-ra-xin! Khốn cho mấy, thành Bết-sai-da! Vì nếu các phép lạ đã làm giữa bay, đem làm trong thành Ty-rơ và thành Si-đôn, thì hai thành ấy đã mặc áo gai và đội tro mà ăn năn từ lâu rồi. ¹⁴ Vậy, đến ngày phán xét, thành Ty-rơ và thành Si-đôn sẽ chịu nhẹ hơn bay. ¹⁵ Còn mấy, thành Ca-bê-na-um, mấy sẽ được nhắc lên tận trời sao? Không, sẽ bị hạ xuống tới dưới Âm phủ! ¹⁶ Ai nghe các người, ấy là nghe ta; ai bỏ các người, ấy là bỏ ta; còn ai bỏ ta, ấy là bỏ Đấng đã sai ta.

¹⁷ Bấy mười môn đồ trở về cách vui vẻ, thưa rằng: Lạy Chúa, vì danh Chúa các quỷ cũng phục chúng tôi. ¹⁸ Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Ta đã thấy quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp. ¹⁹ Nầy, ta đã ban quyền cho các người giày đạp rắn, bò cạp, và mọi quyền của kẻ nghịch dưới chân; không gì làm hại các người được. ²⁰ Dầu vậy, chớ mừng vì các quỷ phục các người; nhưng hãy mừng vì tên các người đã ghi trên thiên đàng.

²¹ Cũng giờ đó, Đức Chúa Jêsus nức lòng bởi Đức Thánh Linh, bèn nói rằng: Lạy Cha, là Chúa trời đất, tôi ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu những sự nầy với kẻ khôn ngoan, người sáng dạ, mà tỏ ra cho trẻ nhỏ hay! Thưa Cha, phải, thật như vậy, vì Cha đã thấy điều đó là tốt lành. ²² Cha ta đã giao mọi sự cho ta; ngoài Cha không ai biết Con là ai; ngoài Con, và người nào mà Con muốn tỏ ra cùng, thì cũng không có ai biết Cha là ai.

²³ Đoạn, Ngài xây lại cùng môn đồ mà phán riêng rằng: Phước cho mắt nào được thấy điều các người thấy! ²⁴ Vì ta nói cùng các người, có nhiều đấng thiên tri và vua chúa ước ao thấy điều các người thấy, mà chẳng từng thấy, ước ao nghe điều các người nghe, mà chẳng từng nghe.

Đừng nhầm lẫn sự việc này với sự việc mười hai sứ đồ được Chúa sai đi (*Lu-ca* 9:1-11; *Ma-thi-ơ* 10:1-42). Có những điểm giống nhau trong lời ủy thác, nhưng đây là điều bình thường

vì cả hai nhóm đều được một Chủ sai đi để thi hành cùng một công tác. Mười hai sứ đồ thi hành chức vụ ở Ga-li-lê, nhưng bảy mươi môn đệ này được sai đến xứ Giu-đê. Trong đoạn này, họ không được gọi là “sứ đồ” nhưng là những “môn đệ vô danh”.

Vì sao Lu-ca là người duy nhất chép lại sự kiện này? Vì sao Chúa Giê-xu chọn bảy mươi người chứ không phải một con số khác? (Có một số bản văn ghi là 72 người). Mười hai sứ đồ được chọn lựa ứng với số mười hai con trai Gia-cốp và mười hai chi phái trong Y-sơ-ra-ên. Do đó, có thể bảy mươi môn đệ được chọn ra ứng với bảy mươi bộ tộc được kể tên trong *Sáng Thế Ký* 10:1-32. Lu-ca nhấn mạnh về tính phổ biến của Phúc Âm, vì vậy thật hữu lý khi Đức Thánh Linh dẫn dắt ông trong việc ghi lại sự kiện này. Điều này có ý nghĩa như “Chúa Giê-xu muốn Phúc Âm được rao ra cho mọi dân tộc”.

Giải thích (Lu-ca 10:1-12). Những môn đệ này tuy không được gọi là “các sứ đồ” nhưng họ vẫn được sai đi với nhiệm vụ đại diện Chúa. Họ thật sự là những sứ giả của Vua Thiên Đàng. Ngài không những sai họ đi mà còn giao họ nhiệm vụ “dọn đường” cho Ngài. Thật hân hạnh cho họ khi được Chúa kêu gọi!

Đây cũng là sự kêu gọi khó khăn (*Lu-ca 10:2*). “Gặt” là công việc nặng nhọc, ngay cả khi có nhiều người giúp bạn; huống chi những người này được sai vào một đồng lúa menh mông nhưng quá ít con gặt giúp họ thu hoạch vụ mùa lớn. Thay vì cầu xin một công việc dễ hơn, họ phải xin có nhiều người hơn nữa để cùng cộng tác với họ. Hôm nay, chúng ta cũng cần cầu nguyện như vậy. (Hãy nhớ rằng chính người làm công chứ không phải những người đứng “nhìn” và cầu xin có thêm nhiều người làm công nữa! Rất nhiều tín hữu cũng đang cầu xin có thêm người làm công việc mà bản thân họ không muốn làm).

Sự kêu gọi của họ rất nguy hiểm. Khi “lấn chiếm” lãnh thổ kẻ thù (10:17), họ sẽ như những “chiên con giữa bầy muông

sói” (10:3). Nhưng bao lâu họ còn tin cậy nơi Chúa, họ sẽ đắc thắng. Vance Havner thường chia sẻ rằng: “Bất cứ ai sống cho Chúa Giê-xu cách nghiêm túc đều trở thành mục tiêu tấn công của ma quỷ. Đa số các tín hữu trong Hội Thánh chưa gây rắc rối cho Sa-tan đủ để khơi dậy sự chống trả của nó!”

Các môn đệ cần có kỷ luật bản thân và đức tin để thi hành nhiệm vụ (10:4-8). Họ phải làm việc khẩn trương. Chúa không muốn họ bị vướng bận với những vấn đề hoặc trở ngại trên đường đi bởi những lời chào hỏi quá trau chuốt kiểu đông phương. Họ phải tin rằng Đức Chúa Trời sẽ chu cấp mọi sự cho họ. Họ cũng không nên e ngại khi nhận sự giúp đỡ của kẻ khác. Trái lại, họ đang phục vụ Chúa và đem ơn phước đến từng gia đình, cho nên “người làm công đáng được tiền lương mình” (10:7, xem *I Cô-rinh-tô* 9:14; *I Ti-mô-thê* 5:18).

Họ là những đại sứ hòa bình, đem sự chữa lành đến cho kẻ bệnh hoạn, sự giải thoát cho kẻ bị ma quỷ trói buộc và Phúc Âm cứu rỗi cho tội nhân hư mất. Giống như đoàn quân của Giô-suê khi xưa, họ là những người tiên phong loan báo sự hòa bình cho các thành phố. Nếu thành phố nào khước từ hòa bình, tức là chọn cho mình sự đoán phạt (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 20:10-18). Thật nguy hiểm thay khi khước từ các sứ giả của Đức Chúa Trời!

Chúng ta cần biết rằng quyền năng đặc biệt Chúa Giê-xu ban cho mười sứ đồ (*Lu-ca* 9:1) và bảy mươi môn đệ không phải là những gì chúng ta tuyên bố hôm nay. Nhiệm vụ rao giảng của họ rất đặc biệt, và Chúa cũng không hứa ban cho họ sự sống lâu. Nhiệm vụ Chúa giao mỗi chúng ta chính là rao truyền Phúc Âm chứ không phải làm phép lạ (*Ma-thi-ơ* 28:19-20; *Lu-ca* 24:46-49).

Lời buộc tội (*Lu-ca* 10:13-16). Dường như đây là ngôn ngữ sắc bén từ môi miệng Con Đức Chúa Trời, chúng ta chẳng dám bỏ qua cũng không thể giải thích khác đi. Ngài kể tên ba thành phố cổ đã bị Đức Chúa Trời đoán phạt, đó là thành Sô-đôm (*Sáng Thế Ký* 19:1-38) Ty-rơ và Si-đôn (*Ê-xê-chi-ên* 26-

28; Ê-sai 23:1-18). Ngài dùng ba thành phố đó để cảnh cáo ba thành phố đương thời: Cô-ra-xin, Bết-sai-đa và Ca-bê-na-um. Ba thành phố này đã hưởng nhiều đặc ân hơn ba thành phố xưa nên phải chịu trách nhiệm nhiều hơn. Nếu Sô-đôm, Ty-rơ và Si-đôn từng bị phá hủy, lẽ nào Cô-ra-xin, Bết-sai-đa và Ca-bê-na-um có thể thoát được?

Nghe lời sứ giả của Đấng Christ nghĩa là nghe Lời Ngài, khước từ những người Ngài sai đi cũng đồng nghĩa với việc khước từ Ngài. “Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các người thế ấy” (Giăng 20:21; cũng xem II Cô-rinh-tô 5:18-21). Một quốc gia đối xử với một vị đại sứ như thế nào sẽ nói lên cách quốc gia đó đối xử ra sao với chính quyền được vị đại sứ đại diện. Để có thêm một ví dụ minh họa đầy thú vị cho lẽ thật này, mời bạn đọc sách II Sa-mu-ên 10:1-19.

Sự vui mừng (Lu-ca 10:17-24). Niềm vui ở đây gồm ba khía cạnh: niềm vui trong sự phục vụ (10:17-19), niềm vui trong sự cứu rỗi (10:20) và niềm vui trong đặc ân (10:21-24).

Chúng ta có thể hiểu các môn đệ vui mừng biết bao khi trở về thuật lại những thành quả của họ cho Chúa nghe. Ngài đã ban cho họ quyền phép để chữa bệnh, đuổi quỷ và rao giảng lời Chúa. Họ đã thành công! Nhưng trong sự vui mừng, họ không quên tôn vinh danh Đức Chúa Trời (“vì danh Chúa” (10:17). Các môn đệ thành công trong chức vụ họ từ thành này đến thành khác. Đối với Chúa, những thành quả này là một phần của cuộc chiến đánh bại Sa-tan (Ê-sai 14:4-23; Giăng 12:31-32; Khải Thị 12:8-9). Là những người tin Chúa, dù bản thân chúng ta yếu đuối, nhưng chúng ta có thể mạnh mẽ nhờ sức toàn năng của Ngài” (Ê-phê-sô 6:10). Mỗi thành quả đạt được đều rất quan trọng đối với Chúa, dù dưới mắt chúng ta đôi khi nó chẳng có ý nghĩa gì. Vào ngày cuối cùng Sa-tan mới bị Chúa Giê-xu quăng vào hồ lửa đời đời (Khải Thị 20:10), nhưng ngay hôm nay con cái Đức Chúa Trời bởi đức tin có thể tuyên bố sự đắc thắng của Đấng Christ tại Gô-gô-tha (Cô-lô-se 2:15).

Tuy vậy, kẻ thù sẽ không chịu đầu hàng! Sa-tan chắc chắn sẽ tấn công các tông đồ Chúa và tìm dịp tiêu diệt họ. Đó là lý do Chúa thêm lời yên ủi trong *Lu-ca* 10:19. Ngài bảo đảm với họ rằng quyền phép họ nhận được sẽ không bị mất đi hầu cho sau khi hoàn thành công tác rao giảng, họ có thể giầy đạp “con rắn xua” mà chẳng hề sợ hãi (*Khải Thị* 12:9; *Sáng Thế Ký* 3:15).

Chúa dặn các môn đệ chờ vui mừng vì những thành tích đạt được, nhưng nên vui mừng vì tên họ đã được “ghi” trên thiên đàng. (Đây là một lời bảo đảm – *Khải Thị* 20:12-15; *Phi-líp* 4:3). Cũng kỳ diệu như các phép lạ môn đệ Chúa thực hiện, phép lạ “vĩ đại hơn hết chính là một linh hồn hư mất được cứu rỗi”. Theo nghĩa tiếng Hy Lạp, từ “ghi” (biên) có nghĩa như “ghi vào biên bản hay trên một vật gì cách chính thức và long trọng”. Nó từng được dùng cho việc ký một chúc thư, hôn thú, hiệp ước hòa bình. Và cũng được dùng cho việc thu nhận một công dân!

Niềm vui mừng lớn lao nhất của chúng ta chẳng thể tìm thấy qua sự phục vụ ngay cả trong sự cứu rỗi chúng ta nhận được, nhưng niềm vui ấy chỉ có thể tìm thấy qua sự vâng theo ý muốn tốt lành của Cha trên trời, vì đó là nền tảng của sự phục vụ và sự cứu rỗi. Chúng ta thấy Chúa Giê-xu vui mừng bởi Đức Thánh Linh theo ý muốn của Đức Chúa Trời là Cha Ngài! “Đức Chúa Trời ôi, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa” (*Thi Thiên* 40:8.)

Chúa Giê-xu không vui mừng khi tội nhân không hiểu lẽ thật của Đức Chúa Trời, vì Ngài “không muốn cho một người nào chết mất” (*II Phi-e-rơ* 3:9). Chúa nức lòng vì sự hiểu biết lẽ thật không tùy thuộc vào khả năng hoặc sự học thức của con người, vì nếu như thế có lẽ hầu hết mọi người sẽ không vào được thiên đàng. Khi mười hai sứ đồ và bảy mươi môn đệ rao giảng Phúc Âm, họ không thấy “những kẻ khôn ngoan, người sáng dạ” hạ mình tiếp nhận lẽ thật và ân sủng Đức Chúa Trời, chỉ thấy những người bình thường trong xã hội tin

nhận đạo (*Lu-ca* 7:29-30; *I Cô-rinh-tô* 26:29). Theo ý muốn tốt lành của Đức Chúa Trời, tội nhân phải hạ mình xuống trước khi họ được cất nhắc lên (*I Phi-e-rơ* 5:6; *Gia-cơ* 4:6).

Các sứ giả của Chúa Giê-xu quả là những người có phước. Họ có thể chứng kiến và nghe mọi điều mà các thánh cao trọng thời Cựu Ước hằng mong mỏi thấy và nghe, nhưng không được. Đáng Christ đã thi hành chức vụ Ngài và các môn đệ là một phần của công việc Ngài!

2. Người Lân Cận: Bất Chước Chúa

Lu-ca 10: 25-37

²⁵ Bấy giờ, một thầy dạy luật đứng dậy hỏi đặng thử Đức Chúa Jê-sus rằng: Thưa thầy, tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời? ²⁶ Ngài phán rằng: Trong luật pháp có chép điều gì? Người đọc gì trong đó? ²⁷ Thưa rằng: Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người; và yêu người lân cận như mình. ²⁸ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Người đáp phải lắm; hãy làm điều đó, thì được sống.

²⁹ Song thầy ấy muốn xưng mình là công bình, nên thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Ai là người lân cận tôi? ³⁰ Đức Chúa Jê-sus lại cất tiếng phán rằng: Có một người từ thành Giê-ru-sa-lem xuống thành Giê-ri-cô, lâm vào tay kẻ cướp, nó giết lột hết, đánh cho mình mẩy bị thương rồi đi, để người đó nửa sống nửa chết.

³¹ Vả, gặp một thầy tế lễ đi xuống đường đó, thấy người ấy, thì đi qua khỏi. ³² Lại có một người Lê-vi cũng đến nơi, lại gần, thấy, rồi đi qua khỏi. ³³ Song có một người Sa-ma-ri đi đường, đến gần người đó, ngó thấy thì động lòng thương; ³⁴ bèn áp lại, lấy dầu và rượu xức chỗ bị thương, rồi rịt lại; đoạn, cho cỡi con vật mình đem đến nhà quán, mà săn sóc cho. ³⁵ Đến bữa sau, lấy hai đơ-ni-ê đưa cho chủ quán, dặn rằng: Hãy săn sóc người này, nếu tốn hơn nữa, khi tôi trở về sẽ trả. ³⁶ Trong ba người đó, người tưởng ai là lân cận với kẻ bị cướp? ³⁷ Thầy dạy luật thưa rằng: Ấy là người đã lấy lòng thương xót đãi người. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy đi, làm theo như vậy.

Các thầy dạy luật thời bấy giờ thường tranh luận những vấn đề thần học giữa công chúng. Câu hỏi được thầy dạy luật này đưa ra cũng là câu hỏi được dân Do Thái quan tâm. Thầy dạy luật đặt ra một câu hỏi chính đáng nhưng với một chủ ý xấu xa mong đưa Chúa Giê-xu vào tình huống khó xử. Thế nhưng, chính Chúa đã đưa thầy dạy luật vào chân tường!

Chúa lưu ý các thầy dạy luật về luật pháp, chẳng phải luật pháp có thể cứu chúng ta (*Ga-la-ti* 2:16, 21; 3:21), nhưng vì luật pháp cho chúng ta thấy mình cần được cứu rỗi. Không có một sự qui đạo thật nào lại thiếu sự xưng tội và Đức Chúa Trời đã dùng luật pháp để thuyết phục tội nhân (*Rô-ma* 3:20).

Thầy dạy luật đã trả lời đúng nhưng không áp dụng câu trả lời cho chính bản thân mình và tự thừa nhận mình thiếu tình yêu đối với Đức Chúa Trời và người lân cận. Thay vì hạ mình xuống nhờ sự thương xót của Đức Chúa Trời để được *xưng công bình* (*Lu-ca* 18:9-14), ông ta cố *bào chữa cho mình* và lẩn tránh sự thật. Ông đưa ra “chiến thuật tranh cãi cũ rích” là đòi giải nghĩa các từ vựng trong câu chuyện. Thầy có ý gì khi nói về “người lân cận? Ai là người lân cận tôi?”

Chúa không nói rằng câu chuyện Ngài kể là một ví dụ, vì vậy có thể đây là câu chuyện thật. Đối với Chúa Giê-xu, thật nguy hiểm và thất sách khi kể một câu chuyện khiến người Do Thái bị xem như kẻ xấu và người Sa-ma-ri như người tốt. Người Do Thái có thể nói rằng: “Thầy chỉ dựng lên câu chuyện ấy mà thôi. Chúng tôi đều biết rằng chuyện đó không thể xảy ra”. Mặt khác có thể những kẻ nghe Chúa kể cả thầy dạy luật này biết rằng câu chuyện ấy có thật. Dù suy diễn ở cách nào, câu chuyện này cũng dựa trên thực tế.

Điều tệ hại nhất chúng ta có thể vấp phải khi sử dụng một ví dụ nào đó, đặc biệt trong câu chuyện này, đó là biến câu chuyện ấy thành một ngụ ngôn và làm cho mỗi sự việc tượng trưng một điều gì đó. Chẳng hạn nạn nhân là hình bóng của tội nhân hư mất dở sống dở chết (chỉ sống về thể xác nhưng chết về thuộc linh). Thầy tế lễ và người Lê-vi tiêu biểu cho luật pháp và của lễ, không ai hoặc điều gì có thể cứu tội nhân ấy. Người Sa-ma-ri là Chúa Giê-xu Christ đã cứu sống nạn nhân, lo tiền thuốc thang và hứa sẽ trở lại. Nhà quán tượng trưng cho Hội Thánh địa phương nơi những tín hữu được chăm sóc, và “hai đơ-ni-ê” là hai thánh lễ báp-têm và tiệc thánh. Nếu bạn tiếp cận Kinh Thánh theo cách này, bạn có thể làm

cho Kinh Thánh diễn giải mọi điều “vừa ý” bạn và chắc chắn bạn sẽ không nhận được những sứ điệp Chúa muốn dành cho bạn.

Con đường từ Giê-ru-sa-lem xuống thành Giê-ri-cô thật nguy hiểm. Vì những người giúp việc trong đền thờ thường đi đường này nên bạn có thể nghĩ rằng người Do Thái hoặc Rô-ma lẽ ra nên có kế hoạch làm cho nó an toàn hơn. Duy trì một hệ thống tôn giáo dễ dàng hơn là cải thiện một khu phố. Chúng ta có thể nghĩ ra những lý do biện hộ cho thầy tế lễ và người Lê-vi khi họ làm ngơ trước nạn nhân. Thầy tế lễ phục vụ Đức Chúa Trời trong đền thờ suốt tuần nên rất nôn nóng trở về nhà. Có lẽ những tên cướp vẫn còn lẫn quất đầu dây và sử dụng nạn nhân này làm “mồi nhử”. Tại sao liều lĩnh như thế? Con đường này từng có người qua lại, nên chắc sẽ có ai đó đến đây giúp người bị nạn. Thầy tế lễ bỏ đi, người Lê-vi đến cũng hành động như thầy tế lễ, nghĩa là chẳng làm gì cho nạn nhân cả! Điều đáng buồn là một người khoác áo tôn giáo lại làm gương xấu như thế!

Khi bày tỏ lòng hào hiệp của người Sa-ma-ri, Chúa Giê-xu đã giải nguôi lòng thù hận của người Do Thái, bởi dân Do Thái và dân Sa-ma-ri thù địch nhau (*Giăng* 4:9; 8:48). Không phải người Do Thái giúp đỡ người Sa-ma-ri, nhưng chính người Sa-ma-ri lại *giúp một người Do Thái bị đồng hương bỏ rơi!* Người Sa-ma-ri này đã yêu những kẻ ghét mình, liều thân giúp kẻ gặp nạn và dùng số tiền anh ta có (đó là tiền công của hai ngày làm việc) để lo việc thuốc thang cho nạn nhân. Vậy mà anh ta chẳng hề được mọi người tán thưởng, kính trọng gì cả. Hành động của người Sa-ma-ri này thực sự giúp chúng ta hiểu nhiều hơn về ý nghĩa của “lòng thương xót” (*Lu-ca* 10:37) và đó cũng là hình ảnh minh họa chức vụ của Chúa Giê-xu. Người Sa-ma-ri đã cảm nhận nhu cầu của người bị nạn nên thương xót anh ta. Không có lý do nào giải thích được vì sao người Sa-ma-ri phải thay đổi kế hoạch mình và sử dụng tiền của chính mình chỉ để giúp một “kẻ thù” đang gặp

nạn. Nhưng lòng thương xót đâu cần có lý do! Là một “chuyên gia” về luật pháp, hẳn thầy thông giáo biết rằng Đức Chúa Trời đòi hỏi dân Ngài phải có lòng thương xót dù đối với khách lạ và kẻ thù (*Lê-vi Ký* 19:33-34; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:4,5; *Mi-chê* 6:8).

Bạn hãy xem, Chúa Giê-xu đã giành lại thế chủ động trước câu hỏi của thầy dạy luật một cách khôn ngoan làm sao! Cố trốn tránh trách nhiệm, thầy dạy luật đặt câu hỏi “ai là người lân cận tôi?” Nhưng Chúa lại hỏi rằng: “Trong ba người đó, người tưởng ai là lân cận với kẻ bị cướp?” Câu hỏi lớn được đặt ra ở đây: “Tôi có thể làm người lân cận đối với ai?” câu hỏi này chẳng liên quan gì đến phương diện địa lý, quyền công dân hay chủng tộc. Bất cứ nơi đâu có người cần đến chúng ta, ở đó chúng ta có thể là người lân cận của họ để bày tỏ lòng thương xót giống Chúa Giê-xu.

Thầy dạy luật muốn bàn luận từ “người lân cận” theo cách tổng quát, nhưng Chúa buộc ông ta phải xem xét một con người cụ thể đang gặp khó khăn. Chúng ta rất dễ bàn luận về những lý tưởng mơ hồ nhưng chẳng giải quyết được những nan đề chính. Ta có thể bàn những vấn đề như “sự nghèo khó” hay “cơ hội kiếm việc” nhưng chẳng bao giờ giúp một gia đình nghèo khó nào hoặc giúp ai kiếm việc làm.

Dĩ nhiên thầy dạy luật muốn làm cho vấn đề có phần phức tạp và triết lý hơn, nhưng Chúa Giê-xu khiến vấn đề trở nên đơn giản và thực tế. Ngài chuyển vấn đề từ “*bổn phận*” sang “*lòng yêu thương*”, từ “*thảo luận*” sang “*thực hành*”. Ngài chỉ muốn dạy chúng ta đừng lấy những điều này làm cơ để không thực hành gì cả.

Một trong những câu chuyện tôi rất thích về ông D. L. Moody đã minh họa cho quan điểm nói trên. Nhân dịp tham dự một hội nghị ở Indianapolis, ông Moody hẹn gặp ca sĩ Ira Sankey lúc 6 giờ chiều tại một góc đường. Khi Sankey đến, ông Moody mời anh ta lên một bục gỗ và hát tại đó. Chẳng mấy chốc, đám đông đã vây quanh. Khi ấy nhà truyền giáo

bắt đầu nói đôi lời và mời mọi người theo ông đến ngôi nhà hát gần đó. Chẳng bao lâu thính đường đầy ắp người và nhà truyền giáo Phúc Âm bắt đầu giảng dạy trước đám người khao khát thuộc linh. Khi các đại biểu hội nghị vừa đến nơi, Moody ngưng giảng và nói, “Bây giờ chúng ta phải kết thúc ở đây vì các vị đại biểu đã đến để thảo luận vấn đề “Làm sao để tiếp cận quần chúng?”

Khi đọc đoạn Kinh Thánh này, có thể chúng ta chỉ nghĩ đến “giá đắt của sự chăm sóc” nhưng cái giá sẽ còn cao hơn nhiều nếu không chăm sóc gì cả. Bởi sự thờ ơ, thầy tế lễ và người Lê-vi đánh mất nhiều điều hơn những gì người Sa-ma-ri bỏ công làm ra. Họ đánh mất cơ hội trở thành con người hữu ích hơn, những quần gia trung tín gìn giữ những gì Đức Chúa Trời ban cho. Lẽ ra họ có thể đem ảnh hưởng tốt vào một thế giới xấu, nhưng họ đã chọn làm gương xấu. *Chính hành động thương xót của người Sa-ma-ri nhân lành đã thôi thúc mạnh mẽ những con người dân thân khắp thế giới.* Bạn đừng bao giờ cho rằng làm một việc như thế là hoài công! Đối với Đức Chúa Trời, không có hành động phục vụ đầy lòng yêu thương nào trong danh Chúa Giê-xu lại bị lãng quên cả! Điều đó tùy vào quan điểm của bạn. Đối với kẻ cướp, người khách Giu-đa này là đối tượng để chúng vợ vét nên chúng tấn công anh ta. Đối với thầy tế lễ và người Lê-vi, anh ta là nỗi phiền cần phải tránh xa, nên họ bỏ mặc anh ở đó. Thế nhưng đối với người Sa-ma-ri nhân lành này, anh ta là người lân cận đáng được yêu thương và giúp đỡ nên đã chăm sóc anh ta. Lời Chúa phán với thầy dạy luật cũng là lời Ngài muốn dạy chúng ta hôm nay: “*Hãy đi, làm theo như vậy.*”

3. Người Thờ Phụng Chúa: Lắng Nghe Lời Ngài

Lu-ca 10: 38-42

³⁸ Khi Đức Chúa Jêsus cùng môn đồ đi đường, đến một làng kia, có người đàn bà, tên là Ma-thê, rước Ngài vào nhà mình. ³⁹ Người có một em gái, tên là Ma-

ri, ngồi dưới chân Chúa mà nghe lời Ngài. ⁴⁰ Và, Ma-thê mắng lo về việc vật, đến thưa Đức Chúa Jêsus rằng: Lạy Chúa, em tôi để một mình tôi hầu việc, Chúa há không nghĩ đến sao? Xin biểu nó giúp tôi. ⁴¹ Chúa đáp rằng: Hỡi Ma-thê, Ma-thê, người chịu khó và bối rối về nhiều việc; ⁴² nhưng có một việc cần mà thôi. Ma-ri đã lựa phần tốt, là phần không có ai cất lấy được.

Thực chất của sự thờ phượng, là những gì ta có thể làm cho Chúa trong đời sống Cơ Đốc nhân. Điều quan trọng cho chúng ta, những sứ giả nhiệt tình của Chúa, là phải đem thông điệp Phúc Âm đến cho những linh hồn hư mất, đặc biệt hãy hành động như người Sa-ma-ri đầy lòng thương xót, tận tâm cứu giúp những kẻ bất hạnh cô thế đang cần sự thương xót của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trước khi có thể rao giảng về Đấng Christ hoặc thi hành công tác chăm sóc, chúng ta phải dành thời gian tương giao với Chúa và học Lời Ngài. Chúng ta hãy “dành thời gian để thánh hóa”.

Ma-ri ở làng Bê-tha-ni là người được nhắc đến ba lần trong Phúc Âm Lu-ca. Trong mỗi trường hợp, bà đều ở một vị trí giống nhau: nơi chân Chúa Giê-xu. Bà ngồi dưới chân Chúa mà nghe lời Ngài (*Lu-ca* 10:39), sắp mình xuống nơi chân Chúa bày tỏ nỗi đau khổ (*Giăng* 11:32) và xúc dầu nơi chân Chúa để thờ phượng Ngài (*Giăng* 12:3). Đáng chú ý, ở mỗi trường hợp đều phảng phất một loại hương vị; ở *Lu-ca* 10:1-42, đó là hương vị thức ăn, ở *Giăng* 11:39 có “mùi” của sự chết và *Giăng* 12:1-11 có mùi dầu thơm.

Ma-ri và Ma-thê có sự khác biệt nhau, dường như mỗi người theo Chúa phải có một sự chọn lựa: hoặc là người phục vụ Chúa như Ma-thê, hoặc là người thờ phượng Chúa như Ma-ri. Dĩ nhiên cá tính và năng khiếu của chúng ta không giống nhau, nhưng không có nghĩa là đời sống Cơ Đốc nhân phải thuộc một trong hai trường hợp trên. Đây cũng là tư tưởng Charles Wesley bày tỏ qua một trong những thánh ca ông sáng tác:

“Trung tín với lời Chúa dạy,
Thì phải chọn phần tốt hơn

phục vụ Ngài bằng đôi tay phục vụ của Ma-thê
Yêu mến Chúa bằng tấm lòng của Ma-ri...”

Dường như Chúa muốn chúng ta noi gương Ma-ri trong sự thờ phượng và Ma-thê trong sự phục vụ. Phước thay cho những người sống quân bình!

Hãy xem trường hợp của Ma-thê. Bà tiếp Chúa vào nhà rồi bỏ mặc Ngài ở đó để chuẩn bị một bữa ăn “thịnh soạn” mà Ngài không cần đến! Chuẩn bị một bữa ăn là công việc không có gì sai trái, nhưng điều chúng ta làm với Chúa quan trọng hơn điều chúng ta làm cho Ngài. Đừng nghĩ bạn phải làm điều này hoặc điều kia vì đây là vấn đề về sự quân bình. Ma-ri đã phụ với Ma-thê làm việc trong bếp và tranh thủ nghe lời Chúa dạy. Sau khi Ma-ri rời khỏi bếp, Ma-thê bắt đầu trách móc với ý nghĩ cả Chúa Giê-xu và Ma-ri đã không quan tâm đến bà!

Thật tai hại đối với đời sống Cơ Đốc nhân khi chỉ cố sức làm việc Chúa nhưng không để thời gian tương giao với Ngài. “Ngoài ta, các người chẳng làm chi được” (Giăng 15:5). Ma-ri đã chọn phần tốt hơn, là phần không ai có thể cất đi được, bà biết mình không thể sống “chỉ nhờ bánh mà thôi” (Ma-thi-ơ 4:4).

Những khi chúng ta trách cứ kẻ khác và tự thương hại mình vì đã đổ nhiều công sức vào việc gì, khi ấy ta hãy tự kiểm điểm lại đời sống mình. Có lẽ trong những bận rộn đó, ta đã thờ ơ với Chúa. Nan đề của Ma-thê không phải ở chỗ bà bận rộn với nhiều công việc, nhưng ở chỗ bà đã để công việc kéo mình đi quá xa và xao lãng lời Chúa. Bà đã phục vụ hai chủ! Nếu vấn đề phục vụ Chúa khiến đời sống ta trở nên khó khăn, có lẽ đã có gì không ổn trong sự phục vụ ấy rồi!

Điều quan trọng là chúng ta phải đặt những ưu tiên rõ ràng cho cuộc sống: Chúa Giê-xu phải là ưu tiên hàng đầu, sau đó là tha nhân rồi mới đến bản thân chúng ta. Dành thời giờ “sắp mình xuống chân Chúa” mỗi ngày là điều tối quan trọng chúng ta phải thực hiện. Hãy để Ngài nói với chúng ta qua lời Ngài. Phần quan trọng nhất trong đời sống Cơ Đốc nhân là phần

chỉ có Chúa Giê-xu mới thấy được. Nếu không gặp Chúa riêng tư mỗi ngày, chẳng bao lâu chúng ta sẽ giống hệt Ma-thê: rất bận rộn nhưng không có phước!

Ở cương vị mục sư, tôi thường hỏi nhiều người về những vấn đề quan trọng như “bạn có thể cho tôi biết đời sống theo Chúa hiện nay của bạn không?” Thay cho câu trả lời thường là cái nhìn bối rối, đầu cúi xuống, hoặc lời thú nhận lí nhí: “Từ lâu tôi đã không đọc Kinh Thánh và cầu nguyện”. Chính họ cũng không biết vì sao bản thân lại rơi vào những nan đề như vậy!

Theo *Giăng* 12:1-2, Ma-thê đã học được bài học cho bà, để sửa soạn bữa tiệc đãi Chúa Giê-xu, mười hai môn đệ, anh và em bà – cả thảy mười lăm người – *đã không có một lời phản nài nào!* Sự bình an của Đức Chúa Trời ngự trong tâm hồn bà vì bà đã học ngồi bên chân Chúa Giê-xu.

Hôm nay chúng ta là những sứ giả, người lân cận và người thờ phượng Chúa. Trong ba điều này thờ phượng Chúa là điều phước hạnh nhất.

Phước thay cho những người sống quân bình!

Những Bài Học Cho Đời Sống

Lu-ca 11

Lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu trong *Lu-ca 11* phát sinh từ một buổi cầu nguyện, một phép lạ và một lời mời dùng bữa. Chúa dùng những trường hợp này để dạy dỗ về bốn đề tài thuộc linh: sự cầu nguyện, Sa-tan, cơ hội thuộc linh và sự giả hình. Hôm nay chúng ta cần hiểu và áp dụng những lẽ thật ấy vào đời sống mình.

1. Sự Cầu Nguyện

Lu-ca 11: 1-13

¹ Có một ngày, Đức Chúa Jê-sus cầu nguyện, ở nơi kia. Khi cầu nguyện xong, một môn đồ thưa Ngài rằng: Lạy Chúa, xin dạy chúng tôi cầu nguyện, cũng như Giảng đã dạy môn đồ mình. ² Ngài phán rằng: Khi các người cầu nguyện, hãy nói: Lạy Cha! Danh Cha được thánh; nước Cha được đến; ³ xin cho chúng tôi ngày nào đủ bánh ngày ấy; ⁴ xin tha tội chúng tôi, vì chúng tôi cũng tha kẻ méch lòng mình; và xin chớ đem chúng tôi vào sự cám dỗ!

⁵ Đoạn, Ngài phán cùng môn đồ rằng: Nếu một người trong các người có bạn hữu, nửa đêm đến nói rằng: Bạn ơi, cho tôi mượn ba cái bánh. ⁶ vì người bạn tôi đi đường mới tới, tôi không có chi đãi người. ⁷ Nếu người kia ở trong nhà trả lời rằng: Đừng khuấy rối tôi, cửa đóng rồi, con cái và tôi đã đi ngủ, không dậy được mà lấy bánh cho anh; – ⁸ ta nói cùng các người, dầu người ấy không chịu dậy

cho bánh vì là bạn mình, nhưng vì cố người kia làm rộn, sẽ dậy và cho người đủ sự cần dùng. ⁹ Ta lại nói cùng các người: Hãy xin, sẽ ban cho; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ cửa, sẽ mở cho. ¹⁰ Vì hễ ai xin thì được, ai tìm thì gặp, và sẽ mở cửa cho ai gõ.

¹¹ Trong các người có ai làm cha, khi con mình xin bánh mà cho đá chăng? Hay là xin cá, mà cho rắn thay vì cá chăng? ¹² Hay là xin trứng, mà cho bò cạp chăng? ¹³ Vậy nếu các người là người xấu, còn biết cho con cái mình vật tốt thay, huống chi Cha các người ở trên trời lại chăng ban Đức Thánh Linh cho người xin Ngài!

Vị trí ưu tiên của sự cầu nguyện (Lu-ca 11:1). Chúng ta thường xem Giảng Báp-tít như một tiên tri, một người tử đạo, nhưng môn đệ Chúa nhớ đến ông như một người cầu nguyện. Giảng là “hài nhi kỳ diệu” được đầy dẫy Đức Thánh Linh từ khi còn trong bụng mẹ, nhưng ông vẫn luôn cầu nguyện. Ông được ban cho đặc ân rao truyền Đấng Cứu Thế cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng ông vẫn phải cầu nguyện. Chúa Giê-xu phán rằng Giảng là tiên tri lớn nhất (*Lu-ca 7:28*), nhưng Giảng vẫn phải sống bằng sự cầu nguyện. Nếu sự cầu nguyện là vấn đề sống còn đối với một con người được ban cho nhiều đặc ân như thế, vậy chúng ta là những kẻ không có những lợi thế ấy, cần phải cầu nguyện nhiều hơn dường nào!

Môn đồ của Giảng đã cầu nguyện, nên môn đệ Chúa Giê-xu cũng muốn học nhiều hơn về cách cầu nguyện. Họ không xin Thầy mình dạy cách giảng đạo hay làm những dấu lạ, họ chỉ xin Ngài dạy họ cách cầu nguyện. Hôm nay, đôi lúc chúng ta nghĩ rằng nếu chỉ sống với Chúa khi Ngài hiện diện trên đất, chúng ta ắt sẽ trở thành những Cơ Đốc nhân mạnh mẽ hơn, nhưng thật không phải thế! Các môn đệ đã ở cùng Chúa nhưng họ không có nhiều thời gian. Họ có thể thực hiện nhiều phép lạ, nhưng vẫn muốn học cách cầu nguyện.

Nhưng lý lẽ mạnh mẽ nhất cho sự ưu tiên trong cầu nguyện là sự kiện Chúa Giê-xu của chúng ta là người cầu nguyện. Chúng ta thấy Ngài cầu nguyện khi chịu phép báp-têm (3:21), trước khi chọn mười hai sứ đồ (6:12), khi đoàn dân đông kéo

đến (5:16), trước khi Chúa yêu cầu mười hai sứ đồ xưng nhận đức tin (9:18) và khi Ngài ở núi hóa hình (9:29). Các môn đệ đều biết Ngài thường cầu nguyện một mình (*Mác* 1: 35) nên họ muốn học nơi Ngài bí quyết để có quyền năng và sự khôn ngoan thuộc linh. Nếu Chúa Giê-xu là Con toàn hảo của Đức Chúa Trời còn cần phải cầu nguyện khi “còn trong xác thịt” (*Hê-bơ-rơ* 5:7) thì bạn và tôi càng cần cầu nguyện nhiều hơn biết bao! Lời cầu nguyện hiệu quả là sự cung ứng cho mỗi nhu cầu và là giải pháp cho mỗi nan đề.

Khuôn mẫu cầu nguyện (*Lu-ca* 11:2-4). Chúng ta gọi bài cầu nguyện này là “bài cầu nguyện của Chúa” không phải vì Ngài đã cầu nguyện như vậy (Ngài chưa bao giờ cầu xin sự tha tội) nhưng vì Ngài đã dạy các môn đệ cách cầu nguyện. Không có gì sai trật nếu sử dụng bài cầu nguyện này cách cá nhân hoặc giữa nhiều người trong Hội Thánh, miễn là chúng ta cầu nguyện với một tấm lòng tin cậy, chân thật và thuận phục. Thật dễ dàng đọc thuộc lòng những lời cầu nguyện ấy nhưng thật sự hiểu ý nghĩa của bài cầu nguyện thì khó. Sự sai trật hoàn toàn về phía chúng ta chứ không phải nơi bài cầu nguyện.

Đây là “bài cầu nguyện mẫu” dùng để hướng dẫn chúng ta cách cầu nguyện riêng (tương tự *Ma-thi-ơ* 6:9-15). Qua đó, chúng ta biết rằng lời cầu nguyện thật xuất phát từ mối liên hệ thuộc linh với Đức Chúa Trời hầu cho chúng ta có thể gọi Ngài là “Cha” bằng đức tin nơi Chúa Giê-xu (*Rô-ma* 8:14-17; *Ga-la-ti* 4:1-7).

Bill Moyers thư ký báo chí của tổng thống Lyndon Johnson đang cầu nguyện tạ ơn Chúa trong một bữa ăn của nhân viên. Tổng thống Johnson quát: “Nói lớn lên, tôi không nghe được gì cả!” Moyers nhẹ nhàng đáp: “Thưa Tổng thống, tôi đâu có nói với ông”. Đó cũng là điều nhắc nhở chúng ta rằng: cầu nguyện là lúc ta thưa chuyện với Đức Chúa Trời.

Lời cầu nguyện đích thực cũng bày tỏ hai *trách nhiệm*: ca ngợi Nước Đức Chúa Trời và làm theo ý muốn Ngài (*Lu-ca*

11:2). Mục đích của sự cầu nguyện không phải để ý riêng của con người được thực hiện trên trời, nhưng để ý muốn Đức Chúa Trời được thực thi trên đất. Cầu nguyện không phải là kể lể với Đức Chúa Trời những điều chúng ta muốn và hưởng thụ những điều ấy một cách ích kỷ. Cầu nguyện là cầu xin Đức Chúa Trời sử dụng chúng ta để hoàn thành *điều Ngài muốn* để danh Ngài được vinh hiển, vương quốc Ngài được mở mang và củng cố, ý muốn Ngài được thành tựu. Những khi tôi mong Đức Chúa Trời lắng nghe và nhận lời cầu nguyện của mình, tôi phải kiểm lại những lời cầu xin của riêng mình dựa trên những mối quan tâm này.

Cơ Đốc nhân cần phải biết Lời Đức Chúa Trời vì qua đó chúng ta khám phá được ý muốn Ngài. Đừng bao giờ tách rời sự cầu nguyện với Lời Đức Chúa Trời (*Giăng 15:7*). Khi thi hành chức vụ, tôi từng chứng kiến những người tự xưng là Cơ Đốc nhân nhưng không vâng lời Chúa, họ tự biện hộ rằng: “Tôi đã cầu nguyện về vấn đề đó và được Chúa đồng ý!” Đó là trường hợp một cô gái lập gia đình với một thanh niên ngoại đạo (*II Cô-rinh-tô 6:14-18*), một thanh niên sống với một cô gái không phải là vợ mình (*I Tê-sa-lô-ni-ca 4:1-8*) và một Mục sư lập ra nhà thờ riêng, vì cho rằng mọi Hội Thánh khác đều đi sai đường, chỉ mình anh ta mới có “sự khôn ngoan thuộc linh” (*Phi-líp 2:1-16*).

Khi đã có được sự đảm bảo trong mối thông công với Đức Chúa Trời và ý chỉ của Ngài, chúng ta có thể trình bày những *lời cầu xin* cho Ngài. Chúng ta có thể xin Ngài cung ứng nhu cầu mỗi ngày, tha thứ những gì chúng ta đã làm trong ngày qua và dẫn dắt chúng ta trong tương lai. Mọi nhu cầu của chúng ta có thể bao gồm trong ba lãnh vực cầu xin sau đây: sự cung ứng nhu cầu vật chất và thể xác, sự toàn vẹn đạo đức và thuộc linh, sự bảo vệ và hướng dẫn thiên thượng. Nếu cầu nguyện theo cách này, chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta đang cầu nguyện theo ý Đức Chúa Trời.

Kiên trì cầu nguyện (Lu-ca 11:5-8). Qua thí dụ này, Chúa

Giê-xu không nói rằng Đức Chúa Trời giống như người láng giềng cau có. Thực sự, Chúa chỉ muốn nói điều ngược lại. Nếu một kẻ láng giềng mệt mỏi, ích kỷ kia cuối cùng đã đáp ứng mọi nhu cầu của người bạn gây phiền phức cho anh ta, vậy Cha yêu thương trên trời sẽ đáp ứng nhu cầu của con cái yêu dấu Ngài nhiều hơn dường nào! Chúa muốn diễn giải từ những sự việc nhỏ đến sự việc lớn hơn.

Chúng ta đều biết lời cầu nguyện dựa trên cơ sở của *địa vị làm con* (“Lạy Cha...”) chứ không phải tình bạn, nhưng Chúa Giê-xu lại dùng tình bạn để minh họa sự kiên trì trong cầu nguyện. Đức Chúa Cha không giống như người láng giềng này, vì Ngài chẳng bao giờ “ngủ” cũng không bao giờ thiếu kiên nhẫn hay cáu gắt. Ngài luôn rộng rãi và vui mừng khi chu cấp cho con cái mình. Người bạn đứng chờ nơi cửa cứ tiếp tục gõ cửa cốt để đạt được điều anh muốn, nhưng Đức Chúa Trời là Đấng nhanh chóng đáp ứng mọi lời kêu xin của con cái Ngài (*Lu-ca* 18:1-8).

Lập luận thật rõ ràng: nếu sự kiên trì cuối cùng cũng đem lại kết quả cho người gõ cửa nhà người bạn thiếu thiện chí thì sự kiên trì sẽ đem lại phước hạnh cho những ai cầu xin Cha yêu thương trên trời bội phần hơn dường nào. Chúng ta là con cái của Ngài kia mà!

Từ “làm rộn” (11:8) còn có nghĩa là “không biết xấu hổ”, có lẽ muốn nói đến người đứng ngoài cửa đã không ngại đánh thức bạn mình, cũng có thể từ này muốn ám chỉ người trong nhà. Tiếp đãi khách phương xa đã trở thành tập tục cơ bản ở đông phương (*Sáng Thế Ký* 18:1-2). Người nào chối từ tiếp khách lạ là bôi nhọ danh dự cả làng và người ấy sẽ bị mọi kẻ lân cận xa lánh. Người bạn trong nhà biết luật lệ này nên không muốn gây bất lợi cho bản thân và gia đình, vì vậy anh ta phải trở dậy để chu cấp cho bạn mình.

Vì sao Cha trên trời nhậm lời cầu nguyện của chúng ta? Ngài nhậm lời cầu nguyện không phải chỉ để đáp ứng nhu cầu của con cái Ngài, nhưng còn để danh Ngài được vinh

hiển, “Danh Ngài được tôn thánh”. *Khi con cái Đức Chúa Trời cầu nguyện thì Ngài được sáng danh*. Cách Đức Chúa Trời chăm sóc con cái Ngài là một chứng cứ cho thế giới biết rằng Ngài là Đấng đáng tin cậy. Philip Brooks nói rằng: cầu nguyện không phải là hành động “khắc phục” sự miễn cưỡng của Đức Chúa Trời, nhưng là cách làm Đức Chúa Trời vui lòng ở mức độ cao nhất. Kiên trì cầu nguyện không phải là “nỗ lực làm Đức Chúa Trời đổi ý” (“ý Cha được nên”) nhưng để đưa chúng ta đến chỗ được Đức Chúa Trời tin cậy và đáp lời.

Những lời hứa dành cho người cầu nguyện (Lu-ca 11:9-13). Điều quan trọng ở đây chính là: “Hãy xin... hãy tin... hãy gõ cửa...” *Xin bạn đừng đến với Chúa chỉ trong những lúc khẩn cấp “giữa đêm khuya”, nhưng hãy giữ mối tương giao liên tục (Giăng 15:1)*. Phao-lô kêu gọi: “Hãy cầu nguyện không thôi” (*I Tê-sa-lô-ni-ca 5:17*). Khi chúng ta cầu nguyện, Đức Chúa Trời hoặc sẽ nhậm lời, hoặc sẽ cho chúng ta biết vì sao Ngài không thể nhậm lời. Như vậy, tuy chúng ta có thể làm bất cứ điều gì cần thiết trong cuộc sống để Đức Chúa Trời tin cậy và trả lời cầu nguyện cho chúng ta.

Bạn hãy chú ý rằng bài học này kết thúc với sự xác quyết Đức Chúa Trời là Cha (*Lu-ca 11:11-13*). Vì Ngài biết chúng ta và yêu thương chúng ta, bạn không cần phải lo lắng về cách Ngài nhậm lời cầu nguyện của bạn. Một lần nữa, Chúa Giê-xu lại dẫn chứng từ việc nhỏ đến việc lớn hơn: Nếu một người cha trên đất biết cho con mình những gì tốt nhất, chắc chắn Cha trên trời sẽ còn làm nhiều điều hơn thế, thậm chí Ngài còn ban ơn “Đức Thánh Linh” cho người xin Ngài (*11:13; Ma-thi-ơ 7:11*), điều mà chỉ một số ít người đặc biệt trong thời Cựu Ước được nhận lãnh.

2. Sa-tan

Lu-ca 11:14-28

¹⁴ Đức Chúa Jêsus đuổi một quỷ câm; khi quỷ ra khỏi, người câm liền nói được. Dân chúng đều lấy làm lạ; ¹⁵ song có mấy kẻ nói rằng: Người này nhờ Bê-ên-xê-bun là chúa quỷ mà trừ quỷ. ¹⁶ Kẻ khác muốn thử Ngài, thì xin Ngài một dấu lạ từ trời xuống.

¹⁷ Đức Chúa Jêsus biết ý tưởng họ, bèn phán rằng: Nước nào tự chia rẽ nhau thì tan hoang, nhà nào tự chia rẽ nhau thì đổ xuống. ¹⁸ Vậy, nếu quỷ Sa-tan tự chia rẽ nhau, thì nước nó còn sao được, vì các người nói ta nhờ Bê-ên-xê-bun mà trừ quỷ? ¹⁹ Nếu ta nhờ Bê-ên-xê-bun mà trừ quỷ, thì con các người nhờ ai mà trừ quỷ? Bởi vậy, chính con các người sẽ làm quan án các người. ²⁰ Nhưng nếu ta cậy ngón tay Đức Chúa Trời mà trừ quỷ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến nơi các người rồi. ²¹ Khi một người mạnh sức cầm khí giới giữ cửa nhà mình, thì của cải nó vững vàng. ²² Nhưng có người khác mạnh hơn đến thắng được, thì cướp lấy khí giới người kia đã nhờ cậy, và phân phát sạch cửa cải.

²³ Phàm ai không theo ta, thì nghịch cùng ta, ai không thấu hiệp với ta, thì tan lạc. ²⁴ Khi tà ma đã ra khỏi một người, thì đi đông dài các nơi khô khan để kiếm chỗ nghỉ. Kiếm không được, thì nó nói rằng: Ta sẽ trở về nhà ta là nơi ta mới ra khỏi. ²⁵ Nó trở về, thấy nhà quét sạch và dọn dẹp tử tế, ²⁶ bèn đi rủ bảy quỷ khác dữ hơn mình vào nhà mà ở; vậy, số phận người này lại khốn khổ hơn phen trước.

²⁷ Đức Chúa Jêsus đương phán những điều ấy, có một người đàn bà ở giữa dân chúng cất tiếng thưa rằng: Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú!

²⁸ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Những kẻ nghe và giữ lời Đức Chúa Trời còn có phước hơn!

Lời vu cáo (Lu-ca 11:14-16). Đây là phép lạ đuổi quỷ lần thứ ba Chúa thực hiện để rồi bị kẻ thù vu cáo Ngài nhờ chúa quỷ để đuổi quỷ! (*Ma-thi-ơ* 9:32-34; 12:22-37). Thay vì vui mừng bởi Đức Chúa Trời đã ban một *Đấng Christ*, các chức sắc tôn giáo lại chống đối lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời và tìm phương làm cho người ta không tin nơi công việc của Chúa Giê-xu cũng như phẩm cách Ngài. Bạn hình dung xem, những kẻ này “mù loà” đến nỗi không phân biệt được công việc của Đức Chúa Trời và công việc của Sa-tan!

Bê-ên-xê-bun là một trong những tên của thần Ba-anh của người Phi-li-tin (*II Các Vua* 1:1-3) có nghĩa là “Thần ruồi”. Một nghĩa khác, Bê-ên-xê-bun là “thần coi nhà”, có liên quan

đến lời giải thích của Chúa Giê-xu ở câu 18-26. Người Do Thái thường dùng tên này khi nhắc đến Sa-tan.

Lời yêu cầu trong câu 16 cũng là phần của lời vu cáo. Họ muốn nói rằng: “Nếu Thầy đang phục vụ Đức Chúa Trời, hãy chứng minh bằng cách cho chúng tôi một dấu lạ từ trời, chứ không chỉ là một phép lạ trên đất”. Họ đang thử Đức Chúa Trời, thật là một điều nguy hiểm!

Lời phản bác (Lu-ca 11:17-22). Đáp lại lời vu cáo của họ, Chúa Giê-xu đưa ra ba lý lẽ. Trước tiên, lời vu cáo của họ vô căn cứ. Vì sao Sa-tan lại có thể chống lại chính nó và phân rẽ nước nó? (Hãy nhớ rằng Chúa Giê-xu tin ma quỷ cũng có vương quốc hùng mạnh của nó) (*Ê-phê-sô* 2:1-3; 6:10). Thứ hai lời vu cáo của họ tự lên án họ: Vậy người Do Thái đuổi quỷ nhờ quyền phép nào? Công việc họ làm khác với công việc của Chúa Giê-xu như thế nào? Ngược lại, những phép lạ của Chúa Giê-xu chứng minh rằng Vương quốc Đức Chúa Trời đang hiện diện tại đây, chứ không phải vương quốc Sa-tan!

Cuối cùng, lời buộc tội của họ thực sự đã thừa nhận quyền năng của Chúa, vì Ngài không thể đánh bại Sa-tan nếu Ngài không mạnh hơn nó. Chúa minh họa Sa-tan như một kẻ cầm khí giới giữ cửa nhà và cửa cải nó. Nhưng Ngài đã tấn công lãnh địa nó, huỷ diệt khí giới nó và thu chiến lợi phẩm của nó (xem *Cô-lô-se* 2:15; *Giăng* 12:31-33; *I Giăng* 3:8). Chúa chúng ta đã dẫn dắt những kẻ phu tù (*Ê-phê-sô* 4:8) và giải thoát những kẻ bị giam cầm (*Lu-ca* 4:18). Sa-tan vẫn là một kẻ thù bại trận dù nó có được một số quyền hạn.

Ứng dụng (Lu-ca 11:23-28). Trong cuộc chiến thuộc linh không thể có thái độ trung lập (11:23; 9:50), vì thái độ đó cũng đồng nghĩa với sự chống đối Chúa. Có hai thế lực thuộc linh ở thế gian, và ta phải chọn một trong hai. Sa-tan là đấng luôn phân rẽ và huỷ diệt, nhưng Chúa Giê-xu là Đấng xây dựng và củng cố. Ta phải có một quyết định. Không chọn lựa gì cả nghĩa là chúng ta đã chọn con đường nghịch cùng Chúa. Ngài cho ta thấy hiểm họa của thái độ trung lập khi kể câu

chuyện về một người và tà ma. Thân thể con người là “nhà của ma quỷ (11:24, 17, 21). Có lẽ vì lý do nào đó, con quỷ này quyết định bỏ “nhà” đi nơi khác. Tình trạng của người này lập tức trở nên khá hơn, *nhưng anh ta không mời Chúa ngự vào đời sống mình*. Hay nói cách khác, anh ta vẫn giữ thái độ trung lập. Điều gì xảy ra sau đó? Con quỷ kia bèn trở về dẫn theo bảy quỷ khác mạnh hơn nó và khiến tình trạng người này tồi tệ hơn trước. Oswald Chambers nói rằng: “Thái độ trung lập trong niềm tin tôn giáo luôn luôn là tính hèn nhát. Chúa sẽ biến thái độ hèn nhát ấy ra nỗi kinh hoàng”. Người theo Chúa Giê-xu không phải là người chỉ nói những lời hợp lý giống như người đàn bà đã cất tiếng rằng: “Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú” (11:27). Bà ta rất thành thực, nhưng như thế chưa đủ. *Theo Chúa Giê-xu là khi chúng ta lắng nghe lời Ngài và vâng theo ý muốn Ngài* (6:46-49; 8:19-21).

3. Cơ Hội

Lu-ca 11:29-36

²⁹ Khi dân chúng nhóm lại đông lắm, Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Dòng dõi này là dòng dõi độc ác; họ xin một dấu lạ, song sẽ không cho dấu lạ nào khác hơn dấu lạ của Giô-na. ³⁰ Vì Giô-na là dấu lạ cho dân thành Ni-ni-ve, thì cũng một thể ấy, Con người sẽ là dấu lạ cho dòng dõi này. ³¹ Đến ngày phán xét, nữ hoàng Nam phương sẽ đứng dậy với người của dòng dõi này và lên án họ, vì người từ nơi đâu cùng đất đến nghe lời khôn ngoan vua Sa-lô-môn, mà này, ở đây có Đấng hơn vua Sa-lô-môn! ³² Đến ngày phán xét, dân thành Ni-ni-ve sẽ đứng dậy với người của dòng dõi này và lên án họ, vì dân ấy đã nghe lời Giô-na giảng dạy và ăn năn; mà này, ở đây có Đấng hơn Giô-na!

³³ Không ai thấp đèn mà để chỗ khuất hay là dưới thùng, nhưng để trên chân đèn, hầu cho kẻ vào được thấy sáng. ³⁴ Mắt là đèn của thân thể; nếu mắt người sỏi sàng, cả thân thể người được sáng láng; song nếu mắt người xấu, thân thể người phải tối tăm. ³⁵ Ấy vậy, hãy coi chừng kẻo sự sáng trong mình người hóa ra sự tối chẳng. ³⁶ Nếu cả thân thể người sáng láng, không có phần nào tối tăm, thì sẽ được sáng hết thấy, cũng như khi có cái đèn soi sáng cho người vậy.

Các môn đệ xúc động vì đám đông theo Chúa, nhưng Ngài

biết rõ lòng người nên chẳng tỏ ra xúc động gì cả. Để giữ cho các sứ đồ không bị chao đảo trước “thành quả” của họ, Chúa dùng những câu chuyện Kinh Thánh để dạy dỗ họ. Ngài dùng ba ví dụ minh họa để cho thấy tính nghiêm túc của những cơ hội thuộc linh.

Giô-na (Lu-ca 11:29-30,32). Các chức sắc tôn giáo luôn yêu cầu Chúa Giê-xu làm dấu lạ để chứng tỏ Ngài là Đấng Mết-si-a. Dấu lạ duy nhất Ngài hứa bày tỏ là “dấu lạ của Giô-na”: *sự chết, chôn và phục sinh*. Sự phục sinh của Chúa chứng tỏ Ngài là *Đấng Christ* - Con Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 1:4), đây cũng là điều Phi-e-rơ rao giảng cho dân Y-sơ-ra-ên vào Ngày Lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:22). Lời chứng của Hội Thánh đầu tiên là bằng cứ về sự phục sinh của *Đấng Christ* (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:22; 3:15; 5:30-32; 13:32-33). Giô-na là một phép lạ sống động. Chúa Giê-xu của chúng ta cũng vậy.

Sa-lô-môn (Lu-ca 11:31). Ở đây Chúa nhấn mạnh về sự khôn ngoan của một vị vua chứ không nói đến công trình của một tiên tri. Nữ hoàng của vương quốc Sê-ba từ nơi xa xôi đã đến chỉ để nghe sự khôn ngoan của vua Sa-lô-môn (*I Các Vua* 10:1-29). Nhưng giờ đây Chúa Giê-xu - *Con Đức Chúa Trời đang ở giữa đám đông*, vậy mà dân Do Thái không tin Lời Ngài. Cho dù Chúa làm dấu lạ cũng không thể thay đổi lòng họ. Họ muốn thấy sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, nhưng lại hài lòng với nếp sống tôn giáo cũ rích của mình.

Điều quan trọng của những ví dụ minh họa này là chúng có *liên quan đến dân ngoại*. Khi tiên tri Giô-na rao giảng cho dân ngoại thành Ni-ni-ve, họ ăn năn và được tha thứ. Khi nữ hoàng ngoại bang nghe nói về sự khôn ngoan của vua Sa-lô-môn, bà kinh ngạc và tin ngay. Nếu dân Do Thái được hưởng mọi đặc ân Đức Chúa Trời ban cho nhưng không ăn năn tội thì chính dân thành Ni-ni-ve và cả nữ hoàng xứ Sê-ba sẽ làm chứng nghịch cùng họ trong ngày xét đoán của Đức Chúa Trời. Chúa đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên quá nhiều cơ hội thuộc

linh, tiếc thay, họ vẫn không tin (*Lu-ca* 13:34-35; *Giăng* 12:35-41).

Minh họa thứ ba được rút ra từ nếp sống hằng ngày chứ không phải từ lịch sử đã qua, và đó cũng là điều Chúa từng dạy trước (*Ma-thi-ơ* 6:22-23). Lời Chúa là ánh sáng soi giữa thế gian tối tăm (*Thi Thiên* 119:105; *Châm Ngôn* 6:23). Ánh sáng soi “bên ngoài” vẫn chưa đủ, nó phải bước vào soi sáng đời sống chúng ta trước khi chúng ta có thể làm bất cứ điều ích lợi nào. “Sự bày giải lời Chúa soi sáng cho, ban sự thông hiểu cho người thật thà” (*Thi Thiên* 119:130). Ánh mặt trời rực rỡ nhất cũng không thể làm cho kẻ mù lòa thấy được.

Khi tin nhận Chúa Giê-xu, mắt chúng ta được mở ra, ánh sáng thuộc linh soi rọi trong lòng và chúng ta trở nên con cái sáng láng (*Giăng* 8:12; *II Cô-rinh-tô* 4:3-6; *Ê-phê-sô* 5:8-14). Điều quan trọng, chúng ta phải sử dụng ánh sáng ấy một cách đúng đắn để có một *nhận thức riêng về đức tin*. Nếu chúng ta để con mắt này hướng đến những điều thuộc về Đức Chúa Trời, còn mắt kia hướng về thế gian (*I Giăng* 2:16), thì sự sáng sẽ trở nên tối tăm! Đối với Cơ Đốc nhân, không có đời sống “tranh tối tranh sáng” như vậy, vì Đức Chúa Trời muốn chúng ta phải đầu phục và vâng lời Ngài (*Lu-ca* 11:23).

Có ba nhân vật trong Kinh Thánh minh họa cho lẽ thật này. Họ đều bắt đầu bước đi trong ánh sáng và kết thúc cuộc đời trong sự tối tăm vì họ là những người “đi hai hàng”. Tên Sam-sôn có nghĩa như “ánh sáng mặt trời” thế nhưng ông ta lại kết thúc cuộc đời như một nô lệ mù lòa trong ngục tối vì không vượt qua nổi “sự mê tham của xác thịt” (*Các Quan Xét* 16:1-32). Lót bắt đầu cuộc sống như người hành hương cùng với ông chú Áp-ra-ham của mình. Ông kết thúc cuộc đời như một kẻ say sưa trong hang động và phạm tội loạn luân (*Sáng Thế Ký* 19:30-38) vì đã không vượt qua “sự mê tham của mắt” (*Sáng Thế Ký* 13:10-11). Ông muốn hầu việc hai chủ nên nhìn về hai hướng!

Vua Sau-lơ bắt đầu cai trị như một nhà lãnh đạo quốc gia

khhiêm nhường nhưng lòng kiêu ngạo đã đưa ông đến “động” của một bà bóng (*I Sa-mu-ên* 28:1-25) và tự sát giữa sa trường (*I Sa-mu-ên* 31:1-13). Tội của ông là “sự kiêu ngạo của đời”, nó khiến ông không thể đầu phục và vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời.

Mỗi chúng ta đều đang ở trong ánh sáng hoặc bóng tối. Thật đáng sợ khi có một số người cứng lòng chống nghịch cùng Đức Chúa Trời, đến nỗi họ không thể phân biệt đúng sai! Họ cho rằng mình đang sống trong sự sáng, nhưng thực ra đang đi trong sự tối tăm. Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si tuyên bố họ đã “thấy sự sáng” khi học về luật pháp, nhưng ngược lại, họ đang sống trong sự tối tăm (*Giăng* 12:35-50).

4. Sự Giả Hình

Lu-ca 11:37-54

³⁷ Đức Chúa Jêsus đương phán, có một người Pha-ri-si mời Ngài về nhà dùng bữa. Ngài vào ngồi bàn. ³⁸ Người Pha-ri-si thấy Ngài không rửa trước bữa ăn, thì lấy làm lạ. ³⁹ Nhưng Chúa phán rằng: Hỡi các người là người Pha-ri-si, các người rửa sạch bề ngoài chén và mâm, song bề trong đầy sự trộm cướp và điều dữ. ⁴⁰ Hỡi kẻ đại dột! Đấng đã làm nên bề ngoài, há không làm nên bề trong nữa sao? ⁴¹ Thà các người lấy của mình có mà bố thí, thì mọi điều sẽ sạch cho các người. ⁴² Song khốn cho các người, người Pha-ri-si, vì các người, nộp một phần mười về bạc hà, hồi hương, cùng mọi thứ rau, còn sự công bình và sự kính mến Đức Chúa Trời, thì các người bỏ qua! Ấy là các việc phải làm, mà cũng không nên bỏ qua các việc khác. ⁴³ Khốn cho các người, người Pha-ri-si, vì các người ưa ngôi cao nhất trong nhà hội, và thích người ta chào mình giữa chợ!

⁴⁴ Khốn cho các người, vì các người giống như mả loạn, người ta bước lên trên mà không biết!

⁴⁵ Một thầy dạy luật bền cất tiếng nói rằng: Thưa thầy, thầy nói vậy cũng làm sỉ nhục chúng tôi. ⁴⁶ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Khốn cho các người nữa, là thầy dạy luật, vì các người chất cho người ta gánh nặng khó mang, mà tự mình thì không động ngón tay đến! ⁴⁷ Khốn cho các người, vì các người xây mồ mả các đấng tiên tri mà tổ phụ mình đã giết! ⁴⁸ Như vậy, các người làm chứng và ưng thuận việc tổ phụ mình đã làm; vì họ đã giết các đấng tiên tri, còn các người lại xây mồ cho. ⁴⁹ Vậy nên, sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời đã phán rằng: Ta sẽ sai đấng tiên tri và sứ đồ đến cùng chúng nó; chúng nó sẽ giết kẻ này, bắt bỏ kẻ kia, ⁵⁰ hầu cho huyết mọi đấng tiên tri đổ ra từ khi sáng thế, cứ dòng dõi này

mà đòi, ⁵¹ là từ huyết A-bên cho đến huyết Xa-cha-ri đã bị giết giữa khoảng bàn thờ và đền thờ; phải, ta nói cùng các người, sẽ cứ dòng dõi này mà đòi huyết ấy. ⁵² Khốn cho các người, là thầy dạy luật, vì các người đã đoạt lấy chìa khóa của sự biết, chính mình không vào, mà người khác muốn vào, lại ngăn cấm không cho!

⁵³ Khi Đức Chúa Jêsus ra khỏi đó rồi, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bèn ra sức ép Ngài dữ tợn, lấy nhiều câu hỏi khêu chọc Ngài, ⁵⁴ và lập mưu để bắt bẻ lời nào từ miệng Ngài nói ra.

Khi Chúa thi hành chức vụ ở giai đoạn này, các chức sắc tôn giáo tìm phương diệt Ngài. Vì sao một người Pha-ri-si mời Ngài về nhà dùng bữa? Nếu ông ta thực lòng tìm kiếm lẽ thật, ông phải nói với Chúa cách riêng tư. Rõ ràng là ông ta cố tìm một cơ hội kiện cáo Ngài và nghĩ rằng ông có thể thực hiện được ý đồ ấy khi Chúa không rửa tay trước bữa ăn (*Mác 7:2-3*). Biết rõ ý nghĩ của chủ nhà, Chúa phân tích đời sống thuộc linh của người Pha-ri-si để trả lời họ.

Chúa phơi bày ý nghĩ rồ dại của họ (Lu-ca 11:37-41). Lầm lẫn cơ bản của người Pha-ri-si là suy nghĩ rằng sự công bình chỉ là những hành động bên ngoài và họ đánh giá thấp những thái độ trong lòng. Họ cẩn thận giữ cho bên ngoài tinh sạch nhưng bỏ qua “sự dữ” bên trong. Dường như họ quên rằng chính Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người bề ngoài cũng tạo dựng con người bên trong, “con người bên trong” cũng cần sự tinh sạch nữa (*Thi Thiên 51:6, 10*).

Người Pha-ri-si khoe khoang về sự dâng hiến và công đức mình (*Ma-thi-ơ 6:1-4; Lu-ca 18:11-12*) nhưng không dâng lên Đức Chúa Trời *những gì thuộc tấm lòng bên trong*. Làm tinh sạch con người *bên trong* mới là cách làm sạch con người bên ngoài (11:41). Kenneth Wuest đã dịch câu này theo một cách khác: “Thà những điều bên trong dâng như của bố thí thì mọi điều sẽ sạch cho người”. Muốn cho ngôn ngữ trong sạch không phải nhờ đến đánh răng, nhưng do tẩy uế lòng mình.

Chúa lên án tội lỗi họ (Lu-ca 11:42-52). Sáu chữ “khốn thay” dùng ở đây cũng giống như những “khốn thay” trong

Ma-thi-ơ 23:1-39. Chúa bắt đầu lên án tội lỗi của người Pha-ri-si (*Lu-ca* 11:42) và chuyển sang tội lỗi của các thầy dạy luật, vì chính sự “diễn giải” luật pháp của họ đã hình thành cơ sở cho cả hệ thống tôn giáo của người Pha-ri-si (11:45-52).

Ba “khốn thay” đầu tiên đã lên án chính những người Pha-ri-si vì họ không biết những ưu tiên nào đáng thực hiện trước. Quá chú trọng việc dâng phần mười thậm chí đến những chiếc lá nhỏ xiu hoặc các hạt ngũ cốc, họ đã quên đi những điều quan trọng như sự công bình và sự nhơn từ (*Mi-chê* 6:7-8). Họ chỉ là con trẻ thuộc linh! Chúa Giê-xu không nói họ phải ngưng việc dâng phần mười, nhưng Ngài muốn họ đặt hoạt động tôn giáo trong cái nhìn đúng đắn.

Họ cũng đặt *danh vọng* lên trên *phẩm cách*. Họ cho rằng nếu ngồi ở ngôi cao sang và được những kẻ danh giá chào hỏi, sẽ khiến họ có vẻ “thuộc linh”. Danh tiếng chỉ là những gì con người biết về chúng ta ở bề ngoài, nhưng phẩm cách là điều chỉ có Đức Chúa Trời mới biết.

Sự so sánh ở *Lu-ca* 11:44 có lẽ đã gây bức tức dữ dội cho nhiều người cùng những người Pha-ri-si có mặt ở đó. Người Do Thái khi xưa rất thận trọng tránh xa xác chết (*Dân Số Ký* 19:11-22), vì thế họ đánh dấu mồ mả cẩn thận. Nhưng người Pha-ri-si giống như mả không được đánh dấu nên không ai biết. Do đó họ đã vô tình làm kẻ khác bị ô uế khi nghĩ rằng mình có thể giúp kẻ khác “thánh khiết” hơn! Thay vì giúp kẻ khác, người Pha-ri-si đang tự làm hại mình.

Các thầy dạy luật cảm thấy “khó chịu” khi nghe lời Chúa và cố sức biện hộ cho bản thân. Đáp lại Chúa dùng ba minh họa sống động: gánh nặng, mồ mả, và chìa khóa.

Các thầy dạy luật chỉ luôn chất thêm gánh nặng cho kẻ khác, nhưng không hề muốn giúp họ mang lấy những gánh nặng ấy. Bì thảm thay, những kẻ “rao giảng” lời Đức Chúa Trời lại tạo thêm nan đề cho kẻ khác, vốn đã mang quá nhiều gánh nặng rồi! Một mục sư bạn tôi, mỗi ngày ông cầu nguyện rằng: “Lạy Chúa, xin giúp con hôm nay đừng chất thêm cho ai

những gánh nặng.” Chúa Giê-xu đã biết những “gánh nặng tôn giáo” này, nên Ngài đã ân cần mời gọi kẻ mệt mỏi đến với Ngài (*Ma-thi-ơ* 11:28-30).

Các thầy dạy luật rất giỏi trong việc tô điểm quá khứ và ca ngợi các tiên tri là những người bị giết bởi tổ chức giáo hội của họ. Lịch sử Kinh Thánh và cả lịch sử Hội Thánh đã chứng minh rằng tội tở thật của Đức Chúa Trời luôn bị chối từ bởi những con người cần nghe họ giảng nhất. Nhưng dòng dõi tiếp theo lại tôn trọng những người tử đạo này. Người Pha-ri-si giống như “mồ mả giấu kín”, còn các thầy thông giáo lại xây lên những mồ mả công phu!

Sự tử đạo được chép đầu tiên trong Kinh Thánh Cựu Ước là sự chết của A-bên, người sau cùng là Xa-cha-ri (xem *Sáng Thế Ký* 4:1-15; *II Sử Ký* 24:20-27 và xin nhớ rằng *II Sử Ký* là sách sau cùng trong Kinh Thánh của người Hê-bơ-rơ) Chúa Giê-xu không nói rằng các thầy dạy luật và người Pha-ri-si phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các tiên tri thời Cựu Ước bị giết hại. Đúng hơn, Ngài nhấn mạnh rằng con người giống như các thầy dạy luật và người Pha-ri-si đã đối xử tệ hại với tội tở của Đức Chúa Trời. Tội lỗi cuối cùng của họ là việc đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự.

Tóm lại, các thầy dạy luật đã cướp khỏi kẻ khác sự hiểu biết về Lời Đức Chúa Trời. Thật tệ hại khi họ không những không thể được vào nước thiên đàng, mà còn ngăn trở kẻ khác bước vào Thiên Đàng! Giảng dạy lời Đức Chúa Trời là điều rất quan trọng và không phải ai cũng có thể làm được (*Gia-cơ* 3:1). Tiếc thay, những kẻ xưng là người “hiểu biết Kinh Thánh” lại là những con người chẳng được trang bị gì cả nên họ không thể thay đổi được tình trạng dốt nát của mình.

Tuy nhiên, cũng có một khía cạnh khác: các thầy dạy luật thuyết phục kẻ khác rằng không ai có thể hiểu rõ và giải thích được luật pháp ngoại trừ các giáo sư lỗi lạc đầy hiểu biết. Ngày hôm nay, đôi lúc chúng ta cũng bày tỏ thái độ kiêu căng như thế. Giáo sư nào diễn giải Kinh Thánh quá cao siêu

đều khiến người ta có cảm giác Đức Thánh Linh không thể dạy dỗ những người không biết ngôn ngữ Hy Lạp và Hê-bơ-rơ. Hiện nay, có nhiều loại nghiên cứu Kinh Thánh (một số rất có ích) khiến bạn không biết liệu người học có thể học và hiểu được điều gì bổ ích không. Chúng ta không nên coi thường những nghiên cứu bác học, nhưng cũng có trường hợp cần phải giải thích Kinh Thánh cách đơn sơ.

Đức Chúa Giê-xu là “chìa khoá” của Lời Đức Chúa Trời (*Lu-ca* 24:44-48). Nếu cất đi chìa khoá này, bạn không thể hiểu những điều Đức Chúa Trời đã viết. Cũng bổ ích và cần thiết như việc học thần đạo, việc học Kinh Thánh đòi hỏi một điều kiện cao nhất đó là một tấm lòng hạ mình và một ý chí vâng phục. Một số giáo viên Kinh Thánh giỏi nhất tôi từng biết trong cuộc đời phục vụ, họ là những người học lễ thật từ Lời Đức Chúa Trời bằng “đầu gối” mình và giữa thử thách của cuộc sống. Họ được chính Đức Thánh Linh dạy dỗ chứ không do con người.

Chúa gây tức giận cho họ (Lu-ca 11:53-54). Những kẻ giả hình không muốn tội lỗi mình bị phơi bày, vì sẽ làm tổn hại danh tiếng họ. Thay vì chống đối Đức Chúa Trời, lẽ ra những con người này phải hạ mình trước Chúa để tìm kiếm sự thương xót của Ngài. Họ ngang nhiên tấn công Chúa bằng những “câu hỏi mẹo” hòng gài bẫy và vu cáo Ngài là tà giáo để bắt Ngài. Con Đức Chúa Trời lại bị đối xử một cách vô ơn như thế!

Ngày nay cũng có những quy lệ tôn giáo rất giống những quy lệ được các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bảo vệ. Những người lãnh đạo trong tôn giáo diễn giải và áp dụng Lời Kinh Thánh cho các tín hữu, tín hữu không được phép đặt những câu hỏi hoặc đưa ra ý kiến phản bác. Những lãnh đạo này lợi dụng con người và chẳng hề nghĩ đến việc làm nhẹ đi gánh nặng của kẻ khác.

Tệ hại hơn hết, họ đã dùng quy lệ tôn giáo để che đậy tội lỗi mình. Lễ thật từ Đức Chúa Trời khiến chúng ta được tự do,

nhưng những nhà lãnh đạo này chỉ dẫn người vào xiềng xích trời buộc càng thêm.

Đức Chúa Trời đã ban cho Hội Thánh Ngài những giáo sư (*Ê-phê-sô* 4:11), nên chúng ta phải lắng nghe họ. Tuy nhiên, ta cũng nên xem xét lại những gì mình nghe bằng cách đối chiếu với Kinh Thánh để biết chắc rằng các giáo sư ấy đang giảng dạy lẽ thật (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:19-21). Chúng ta không nên cho phép bất cứ ai đưa chúng ta vào vòng trời buộc và lợi dụng chúng ta (*II Cô-rinh-tô* 11:20).

Có ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời và đặc quyền được cầu nguyện là một ơn phước kỳ diệu Chúa dành cho chúng ta. Kẻ thù muốn cướp khỏi chúng ta những phước hạnh của sự tăng trưởng thuộc linh và sự tự do trong Chúa. Kế hoạch của ma quỷ là thay thế lẽ thật bằng sự giả hình để khiến chúng ta quan tâm con người bề ngoài hơn con người bề trong: chăm về danh lợi hơn là phẩm cách.

Hiểm họa này nghiêm trọng đến nỗi Chúa Giê-xu phải nói thêm ở *Lu-ca* 12. Vậy chúng ta hãy cẩn thận!

Hỡi Anh Em, Hãy Coi Chừng

Lu-ca 12

Các môn đệ Chúa có lẽ không nhận biết họ đang gặp nhiều nguy hiểm. Một mặt hàng ngàn người vây quanh họ là những người chỉ muốn xem Chúa Giê-xu làm phép lạ hoặc đáp ứng nhu cầu riêng của họ, chẳng hề muốn nghe lẽ thật thuộc linh. Mặt khác, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si lại lập mưu chống nghịch cùng Chúa. Muốn được tiếng tăm và sự sợ hãi loài người là nguyên nhân thất bại của nhiều tông đồ Chúa.

Lu-ca 12 ghi lại năm lời cảnh cáo của Chúa Giê-xu. Ngày nay dân Chúa phải lưu tâm đến bốn lời cảnh cáo nếu muốn trở thành môn đệ trung tín của Ngài, còn thế giới hư mất phải chú ý đến lời cảnh cáo thứ năm.

1. Coi Chừng Sự Giả Hình

Lu-ca 12: 1-12

¹ Khi ấy, dân chúng nhóm lại kể hàng ngàn người, đến nỗi giày đạp nhau, Đức Chúa Jê-sus mới trước hết phán cùng môn đồ rằng: Hãy giữ mình về men của người Pha-ri-si, là sự giả hình. ² Chẳng có sự gì giấu mà không phải lộ ra, chẳng có sự gì kín mà không được biết. ³ Vậy nên mọi điều mà các người đã nói nơi

tối, sẽ nghe ra nơi sáng; mọi điều mà các người đã nói vào lỗ tai trong buồng kín, sẽ giảng ra trên mái nhà. ⁴ Ta nói cùng các người, là bạn hữu ta: Đừng sợ kẻ giết xác rồi sau không làm gì được nữa. ⁵ Song ta chỉ cho các người biết phải sợ ai: Phải sợ Đấng khi đã giết rồi, có quyền bỏ xuống địa ngục; phải, ta nói cùng các người, ấy là Đấng các người phải sợ! ⁶ Người ta há chẳng bán năm con chim sẽ giá hai đồng tiền sao? Nhưng Đức Chúa Trời không quên một con nào hết. ⁷ Dầu đến tóc trên đầu các người cũng đã đếm cả rồi. Đừng sợ chi, vì các người trọng hơn nhiều chim sẽ.

⁸ Ta nói cùng các người, ai sẽ xưng ta trước mặt thiên hạ, thì Con người cũng sẽ xưng họ trước mặt thiên sử của Đức Chúa Trời. ⁹ Nhưng ai chối ta trước mặt thiên hạ, thì họ sẽ bị chối trước mặt thiên sử của Đức Chúa Trời. ¹⁰ Ai nói nghịch cùng Con người, thì sẽ được tha; song kẻ nói lộng ngôn phạm đến Đức Thánh Linh, thì không được tha đâu. ¹¹ Khi người ta đem các người đến nhà hội, trước mặt quan án và quan cai trị, thì chớ lo về nói cách nào để bình vực mình, hoặc nói lời gì; ¹² bởi vì chính giờ đó Đức Thánh Linh sẽ dạy các người những lời phải nói.

Từ “kẻ giả hình” theo ngôn ngữ Hy Lạp có nghĩa là “kẻ đóng kịch”. Trong mọi tầng lớp xã hội đều có những kẻ giả hình, những người cố làm cho kẻ khác khâm phục và kính trọng mình, giấu kỹ con người thật bên trong. Kẻ giả hình trong đời sống Cơ Đốc là người cố tạo ra vẻ “thuộc linh quá mức” so với thực chất của họ. Họ biết rằng chính họ đang đóng kịch và mong không ai phát hiện ra thực trạng của họ. Đời sống theo Chúa của họ chỉ là một “chiếc mặt nạ” mà thôi.

Có thể hiểu vì sao Chúa Giê-xu đưa ra lời khuyên này trong giờ phút riêng tư với môn đệ. Có thể các môn đệ đã bị cám dỗ khi hài lòng với sự hâm mộ của đám đông, hoặc có thể họ muốn tránh những phiền phức khi đồng tình với các thầy dạy luật và người Pha-ri-si. Chúng ta đều muốn kẻ khác thích mình và như vậy chúng ta có khuynh hướng đóng cái vai mà người khác muốn xem. Làm sao chúng ta có thể tránh được sự giả hình trong đời sống?

Trước tiên, chúng ta phải hiểu rõ *sự giả hình là gì* (Lu-ca 12:1). Chúa so sánh sự giả hình với chất “men”, điều mà mọi người Do Thái đều cho rằng có liên hệ với điều xấu (*Xuất Ê-díp-tô Ký 12:15-20*) Phao-lô cũng dùng “men” để nói về tội

lỗi (Xem *I Cô-rinh-tô* 5:6-8; *Ga-la-ti* 5:9). Giống như chất men, sự giả hình khởi đầu rất “ít” nhưng phát triển nhanh chóng và âm ỉ. Khi hình thành, sự giả hình tiêm nhiễm vào cả con người. Sự giả hình phục vụ cho cái tôi cũng như chất men giúp cho bột nhào bánh: “men” ấy sẽ dậy lên! (Xem *I Cô-rinh-tô* 4:6, 18-19; 5:2). Chẳng bao lâu, lòng kiêu ngạo sẽ thao túng và khiến nhân cách nhanh chóng bị hủy hoại!

Nếu muốn tránh sự giả hình trong đời sống, chúng ta phải tránh xa chất “men” đó, dù là “một chút”. Bước đầu, chúng ta chỉ “giả vờ” và sau đó, sự giả hình thành thói quen khó chữa. Càng giữ lâu sự giả dối, tình trạng giả hình càng trở nên tệ hại hơn. Ông Walter Scott nói: “Chỉ khởi đầu từ sự lừa dối, chúng ta dẹt thành một ‘mớ bòng bong’ rối tung!”

Sự giả hình là điều ngu xuẩn và không đem ích lợi gì (Lu-ca 12:2-3). Vì sao? Vì không có điều gì giấu kín mãi. Chúa dạy điều này để môn đệ sẽ áp dụng vào những lãnh vực khác nhau của đời sống. Có lẽ mười hai sứ đồ đã cố che đậy hoặc diễn giải lẽ thật sao cho đám đông các thầy dạy luật và người Pha-ri-si không phản đối họ (*Lu-ca* 8:16-18; 11:33). Lẽ thật của Đức Chúa Trời là sự sáng, không phải là “men” vậy không nên giấu kín. Lời giả dối của kẻ giả hình sẽ có ngày bị lộ ra, vậy sao chúng ta cứ tiếp tục giả dối? Hãy để sự sáng trong bạn được soi ra!

Chúng ta phải hiểu nguyên nhân của sự giả hình (Lu-ca 12:4-7). Chúa Giê-xu nhắc đến từ “sợ” năm lần trong phân đoạn này, Ngài muốn cho chúng ta biết nguyên nhân gây ra sự giả hình là do lòng sợ con người. Khi chúng ta sợ dư luận của kẻ khác nói về chúng ta hoặc cách họ đối xử với mình, chúng ta cũng có thể nói dối để được họ chấp nhận. Nếu cần, chúng ta cũng có thể nói dối để đạt mục đích của mình. Đây chính là sự giả hình. Tiếc thay, nhiều thầy dạy luật và người Pha-ri-si chỉ quan tâm về danh tiếng hơn phẩm cách, quan tâm những gì người ta nghĩ về mình hơn những gì Đức Chúa Trời biết về họ. Lòng sợ con người luôn tạo ra một cái bẫy (*Châm*

Ngôn 29:25) nên Chúa Giê-xu muốn các môn đệ Ngài phải tránh phạm bẫy đó.

Để khắc phục sự giả hình, chúng ta phải bỏ ngoài tai những điều con người có thể nói và hành động, mà *chỉ sợ Đức Chúa Trời mà thôi*. Sự kính sợ Đức Chúa Trời đắc thắng mọi nỗi sợ hãi khác, vì kẻ thật sự kính sợ Đức Chúa Trời chẳng phải sợ điều gì. Con người chỉ có thể giết thân thể, nhưng Đức Chúa Trời có thể đoán phạt linh hồn! Ngài là Đấng đoán xét cuối cùng nên chúng ta phải để lòng kính sợ Ngài lên trên hết mọi sự. Đức Chúa Trời biết rõ và luôn chăm sóc chúng ta. Loài chim sẻ còn được Đức Chúa Trời quan tâm đến, huống chi chúng ta có giá trị hơn chúng nhiều. Vậy điều gì để chúng ta sợ loài người?

Mặt khác, điều *chúng ta phải làm là công khai xưng nhận Đấng Christ (Lu-ca 12:8-9)*. Nếu đã làm được như vậy, chúng ta sẽ thoải mái sống trong lẽ thật, và tránh được sự giả hình. Làm sao chúng ta có thể sợ loài người khi biết rằng Chúa Giê-xu sẽ xưng chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời ở thiên đàng? Điều quan trọng không phải tên chúng ta được loài người đề cao trên đất, nhưng là Đức Chúa Trời biết chúng ta nơi Thiên Đàng (*II Ti-mô-thê 2:8-14*)

Sau cùng, *chúng ta phải nhờ cậy Đức Thánh Linh (Lu-ca 12:10-12)*. Chúa Giê-xu có vẻ mâu thuẫn với chính Ngài. Trong *Lu-ca 12:8-9*, Ngài bảo chúng ta phải xưng Ngài ra trước thiên hạ. Tuy vậy ở *Lu-ca 12:10*, Ngài nói rằng, nếu nói nghịch với Ngài, chúng ta có thể được tha, nhưng nói nghịch với Đức Thánh Linh, sẽ chẳng được tha! Phải chăng điều đó có nghĩa là Đức Thánh Linh quan trọng hơn Con Đức Chúa Trời?

Hãy chú ý rằng câu nói này có liên quan đến công việc Đức Thánh Linh qua các sứ đồ (*Lu-ca 12:11-12*). Dân tộc Do Thái từ chối *Đức Chúa Cha* khi họ không nghe lời Giảng Báp-tít để ăn năn tội, vì chính Đức Chúa Cha đã sai Giảng đến. Họ từ chối *Con Đức Chúa Trời* khi yêu cầu tòa Phi-lát đóng đinh Ngài. Tuy nhiên, tội lỗi đó có thể được tha thứ bởi vì vẫn

còn có công tác của Đức Thánh Linh. Đức Chúa Trời không đoán phạt dân tộc Do Thái ngay lúc đó, ngược lại, Chúa Giê-xu đã cầu nguyện cho họ khi Ngài bị treo trên thập tự (*Lu-ca* 23:34; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:17). Sau đó, Đức Chúa Trời ban Thánh Linh hành động qua các sứ đồ và tín hữu trong Hội Thánh. Đây là cơ hội cuối cùng dành cho dân tộc này, nhưng họ đã chối từ cơ hội Đức Chúa Trời ban khi bác bỏ lời chứng của Đức Thánh Linh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:51). *Lu-ca* 12:11-12 được ứng nghiệm qua suốt những đoạn đầu của sách *Công vụ* khi thông điệp này đến với dân Do Thái trước tiên (*Rô-ma* 1:16; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:26; 13:46). Tội lỗi thứ ba của dân Y-sơ-ra-ên là ném đá Ê-tiên (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:54-60). Sau đó thông điệp Đức Chúa Trời đến với dân Sa-ma-ri (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:1-40) và người ngoại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:1-48). Bạn hãy để ý câu nói của Ê-tiên “Các người cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:51).

Tôi không tin rằng ngày nay con người có thể phạm tội nghịch với Đức Thánh Linh như dân Y-sơ-ra-ên nhiều thế kỷ trước. Tôi cho rằng tội lỗi không thể tha thứ ngày hôm nay chính là “chối bỏ Chúa Giê-xu” (*Giăng* 3:36). Thánh Linh Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua Lời Ngài và tội nhân có thể không tin chứng cứ ấy và nghịch cùng Đức Thánh Linh. Nhưng Đức Thánh Linh đã làm chứng về Đấng Christ (*Giăng* 16:7-15). Vì thế, thái độ con người đối với Đức Thánh Linh là thái độ họ đối cùng Con Đức Chúa Trời.

2. Coi Chừng Sự Tham Lam

Lu-ca 12: 13-21

¹³ Bấy giờ, một người giữa dân chúng thưa rằng: Thưa thầy, xin biểu anh tôi chia gia tài cho tôi. ¹⁴ Nhưng Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hỡi người kia, ai đặt ta làm quan xử kiện hay là chia của cho các người? ¹⁵ Đoạn, Ngài phán cùng chúng rằng: Hãy giữ cẩn thận chớ hà tiện gì hết; vì sự sống của người ta không phải cốt tại của cải mình dự đặt đâu.

¹⁶ Ngài lại phán cùng chúng lời ví dụ nầy: Ruộng của một người giàu kia sinh

lợi nhiều lắm, ¹⁷ người bèn tự nghĩ rằng: Ta phải làm thế nào? Vì không có đủ chỗ chứa hết sản vật. ¹⁸ Lại nói: Này, việc ta sẽ làm: Ta phá cả kho tàng và cất cái khác lớn hơn, thâu trữ sản vật và gia tài vào đó; ¹⁹ rồi sẽ nói với linh hồn ta rằng: Linh hồn ơi, mày đã được nhiều của để dành dùng lâu năm; thôi, hãy nghỉ, ăn uống, và vui vẻ. ²⁰ Song Đức Chúa Trời phán cùng người rằng: Hỡi kẻ dại! Chính đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị đòi lại; vậy những của cải ngươi đã sắm sẵn sẽ thuộc về ai? ²¹ Hễ ai thâu trữ của cho mình mà không giàu có nơi Đức Chúa Trời thì cũng như vậy.

Bấy giờ, một người trong đám đông lên tiếng xin Chúa giúp giải quyết vấn nạn gia đình anh. Người ta thường mong đợi các Ra-bi giúp giải quyết những vấn đề pháp lý, nhưng Chúa không muốn can dự vào. Tại sao? Vì Ngài biết rằng sẽ không có giải đáp nào cho nan đề *thật* của họ, đó là sự tham lam trong lòng hai anh em này. Bao lâu họ còn *tham lam*, sẽ không có sự giải quyết nào khiến họ thỏa mãn. Tấm lòng họ cần được thay đổi, đó mới là nhu cầu lớn nhất. Ngày hôm nay, có biết bao con người chỉ muốn được Chúa giúp đỡ chứ không muốn được cứu rỗi.

Tham lam là sự khao khát muốn có thêm càng nhiều hơn những gì ta nghĩ rằng mình cần để thật được thỏa mãn. Đó có thể là sự tham tiền hoặc những gì đồng tiền có thể mua được, thậm chí có thể là sự khao khát địa vị và quyền lực. Chúa Giê-xu nói rõ: Đời sống đích thực không dựa trên sự giàu có về của cải vật chất. Chúa cũng không phủ nhận việc chúng ta có những nhu cầu cơ bản trong đời sống (*Ma-thi-ơ* 6:32; *I Ti-mô-thê* 6:17). Ngài chỉ nhấn mạnh rằng chúng ta không thể khiến đời sống mình phong phú hơn nếu chỉ đòi hỏi những điều kể trên.

Mark Twain có lần đã định nghĩa “văn minh là sự gia tăng vô giới hạn của những đòi hỏi không cần thiết”, và ông ta có lý. Thực tế, có nhiều tín hữu bị tiêm nhiễm tính tham lam mà không biết. Họ nghĩ rằng lời khuyên của Phao-lô ở *I Ti-mô-thê* chương 6 chỉ áp dụng cho những người “giàu có tiếng tăm!” Chúa Giê-xu dùng ví dụ về người giàu có này cho ta

thấy những hiểm họa tiềm ẩn trong một tấm lòng hà tiện. Khi đọc ví dụ đó, bạn hãy kiểm lại những phản ứng của mình đối với hiện trạng của người giàu này. Bạn phản ứng ra sao đối với *tình trạng khó xử* của phú nông ấy? Ông ta có quá nhiều của cải. Nếu chúng ta nói “Tôi ước chi mình cũng có nan đề giống như vậy!”, lời nói ấy chẳng khác nào chúng ta đang để lộ sự tham lam trong lòng mình. Nếu đột nhiên bạn thừa hưởng một gia tài “kết sù”, liệu điều đó có gây khó xử cho bạn không? Liệu bạn có tôn vinh Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài tỏ cho bạn biết những điều Ngài muốn bạn thực hiện?

Giàu có cũng đem đến những hiểm họa (*Châm Ngôn* 30:7-9). Của cải làm cho Lời Đức Chúa Trời bị nghẹt ngòi (*Ma-thi-ơ* 13:22), khiến người ta bị mắc bẫy và sa vào sự cám dỗ (*I Ti-mô-thê* 6:6-10, 17-19). Sự giàu sang khiến bạn có cảm giác an toàn giả tạo. Người đời có câu: Tiền bạc không thể làm con người thỏa mãn trừ khi bạn *muốn sống theo tiêu chuẩn của nó*. Những ai chỉ hài lòng với những gì tiền bạc có thể mua được sẽ có nguy cơ đánh mất những điều không thể mua bằng tiền. Người phú nông này xem của cải như một cơ hội để thỏa mãn chính mình. Ông chẳng nghĩ về Đức Chúa Trời hay điều nào khác hơn của cải.

Bạn phản ứng ra sao trước những *quyết định* của phú gia này? Có phải bạn sẽ nói: “Đó là sự đầu tư khôn ngoan! Hãy đầu tư và chuẩn bị cho tương lai”. Tuy nhiên, Chúa Giê-xu đã nhìn thấy sự ích kỷ trong mọi hành động của người giàu kia, Ngài phán rằng đó là kẻ đại. Triết lý sống của thế gian là “hãy quan tâm đến bản thân trước hết”, Chúa Giê-xu không tán đồng triết lý đó.

Không có gì sai trái đối với việc áp dụng những nguyên tắc đầu tư có lợi, thậm chí dự phòng cho tương lai (*I Ti-mô-thê* 5:8). Chúa Giê-xu không muốn con người lãng phí (*Giăng* 6:12), nhưng Ngài cũng không muốn con người có lòng ích kỷ, bị thôi thúc bởi tính tham lam.

Bạn phản ứng ra sao trước những *tham muốn* của người

giàu này? Có phải bạn sẽ nói: “Đây mới đúng là cuộc sống! Ông ta đã thành công, được thỏa mãn và an tâm. Vậy ông ta còn cần gì hơn?” Tuy nhiên Chúa nhìn thấy ông ta đang đối diện cái chết. Của cải vật chất không thể giữ mạng sống chúng ta khi giờ chết đến gần. Của cải cũng không thể mua lại những cơ hội chúng ta đã đánh mất khi chỉ nghĩ đến cái tôi và làm ngơ đối với Đức Chúa Trời hay những người khác.

Chúa Giê-xu chứng minh rằng đời sống đích thực không xuất phát từ của cải vật chất, và sự thành công đích thực hay sự an toàn cũng không đến từ của cải. Người giàu này có quan niệm sai lầm về sự sống và sự chết. Ông nghĩ rằng sống thì phải lo “tích trữ” của cải, cái chết hãy còn quá xa! Ngày 11.3.1856 ông Henry David Thoreau ghi trong nhật ký rằng: “Người giàu có nhất là người có những thú vui ít tốn kém nhất”. Ông cũng cho rằng càng vứt bỏ bớt các nhu cầu thì càng giàu.

Cuối cùng, bạn phản ứng ra sao trước *cái chết* của người giàu có kiêu ngạo này? Chúng ta thường nói: “Thật rủi quá! Ông ta chết ngay khi đời đang lên! Bi thảm thật, ông ta không thể hoàn thành những kế hoạch lớn lao đã dự tính!” Nhưng bị kịch *lớn nhất* không phải là những gì người ấy bỏ lại phía sau, đó là những gì *phía trước* ông ta: cõi vĩnh hằng không có Đức Chúa Trời! Người này đã sống không có Đức Chúa Trời, chết không có Đức Chúa Trời, và của cải ông ta có chỉ gây rắc rối cho đời sống ông. Đức Chúa Trời chẳng hề nhờ tới tiền bạc chúng ta có.

“Giàu có nơi Đức Chúa Trời” nghĩa là gì? Đó là sự thông biết về Đức Chúa Trời, hiểu rằng mọi sự chúng ta có bởi ơn Đức Chúa Trời và cố gắng sử dụng những gì Ngài ban cho để đem ích lợi đến cho người khác cũng như tôn vinh Đức Chúa Trời. Của cải có thể *phục vụ* con người và khiến con người *vui mừng* nếu mục đích của con người là để tôn vinh Đức Chúa Trời (*I Ti-mô-thê* 6:10). “Giàu có nơi Đức Chúa Trời” là sự giàu có thuộc linh, không phải sự hưởng thụ của bản thân.

Thật đáng thương cho những ai chỉ giàu có ở đời này nhưng nghèo nàn ở đời sau! (*Ma-thi-ơ* 6:19-34).

3. Coi Chờng Sự Lo Lắng

Lu-ca 12: 22-34

²² Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng môn đồ rằng: Ấy vậy, ta nói cùng các người, đừng vì sự sống mà lo đồ mình ăn, cũng đừng vì thân thể mà lo đồ mình mặc.

²³ Sự sống trọng hơn đồ ăn, thân thể trọng hơn đồ mặc. ²⁴ Hãy xem con quạ: Nó không gieo, không gặt, cũng không có hầm vựa kho tàng chi, mà Đức Chúa Trời còn nuôi nó; huống chi các người quý hơn chim chóc là dường nào! ²⁵ Có ai trong các người lo lắng mà làm cho đời mình dài thêm một khắc không?

²⁶ Vậy nếu đến việc rất nhỏ các người cũng không có thể được, sao các người lo việc khác? ²⁷ Hãy xem hoa huệ mọc lên thế nào: Nó chẳng làm khó nhọc, cũng không kéo chỉ; song ta phán cùng các người, dầu vua Sa-lô-môn sang trọng đến đâu, cũng không được mặc áo như một hoa nào trong giống ấy. ²⁸ Hỡi kẻ ít đức tin, nếu loài cỏ ngoài đồng là loài nay sống mai bỏ vào lò, mà Đức Chúa Trời còn cho mặc thể ấy, huống chi là các người! ²⁹ Vậy các người đừng kiếm đồ ăn đồ uống, cũng đừng có lòng lo lắng. ³⁰ Vì mọi sự đó, các dân ngoại ở thế gian vẫn thường tìm, và Cha các người biết các người cần dùng mọi sự đó rồi.

³¹ Nhưng thà các người hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời, rồi mọi sự đó sẽ được cho thêm.

³² Hỡi bấy nhỏ, đừng sợ chi; vì Cha các người đã bằng lòng cho các người nước thiên đàng. ³³ Hãy bán gia tài mình mà bố thí. Hãy sắm cho mình túi không hư, và của báu không hề hao kém ở trên trời, là nơi kẻ trộm không đến gần, sâu mọt không làm hư nát. ³⁴ Vì của báu các người ở đâu, thì lòng cũng ở đó.

Người giàu lo lắng vì có nhiều của cải, còn môn đệ Chúa có thể lo lắng vì họ thiếu thốn. Đã từ bỏ mọi sự theo Chúa Giê-xu Christ, sống bởi đức tin, và đức tin thì luôn phải chịu thử thách.

Sự lo lắng có *tính chất tiêu cực*. Ở *Lu-ca* 12:22, từ “lo” có nghĩa “không có hy vọng” và ở 12:29, “có lòng lo lắng” có nghĩa “ở trong tình trạng chờ đợi hồi hộp”. Đây là hình ảnh một con thuyền chao đảo giữa sóng gió. Corrie Ten Boom nói rằng: “Lo lắng không làm cho sâu muện của ngày mai vơi đi, nhưng khiến sức lực hôm nay bị cạn kiệt”.

Sự lo lắng cũng *lừa dối* con người. Nó khiến chúng ta quan

niệm sai lệch về sự sống và về Đức Chúa Trời. Lo lắng khiến chúng ta tin rằng cuộc sống chỉ tồn tại do “ăn” và “mặc”. Quá lo lắng về những tiện nghi cuộc sống, chúng ta hầu như quên đi *mục đích cuối cùng* để tôn vinh Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ 6:33*). “Sống” và “tồn tại” là hai ý niệm khác nhau hoàn toàn!

Lo lắng làm chúng ta “mù loà” về thế giới chung quanh và về cách Đức Chúa Trời chăm sóc tạo vật của Ngài. Ngài khiến muôn hoa khoe sắc rực rỡ, nuôi sống loài quạ ô ếch không có khả năng gieo gặt, chăm sóc cả những người *được ban cho khả năng làm việc*. Chúa Giê-xu không bảo chúng ta cứ ngồi đó chờ Đức Chúa Trời nuôi mình, vì cả loài chim cũng phải chăm chỉ lao động để tồn tại. Đúng hơn, Ngài khuyên chúng ta đặt lòng tin cậy nơi Ngài và đồng công với Ngài trong việc sử dụng những khả năng và cơ hội Ngài ban (*II Tê-sa-lô-ni-ca 3:6-15*). *Lu-ca 12:25* cho biết lo lắng không thể khiến đời chúng ta dài thêm một khắc nào (*Thi Thiên 39:5*). Nỗi lo lắng của người phú nông thật sự chẳng khiến đời ông dài thêm! Sự lo lắng chỉ làm cho ta giảm thọ.

Nếu Đức Chúa Trời chăm sóc đến loài chim, Ngài không quan tâm đến con cái mình sao? Nếu muôn hoa xinh đẹp kia nay nở mai héo tàn còn được Ngài làm đẹp, vậy Ngài chắc sẽ “mặc” cho con cái mình những gì đẹp hơn thế. Vấn đề không phải Ngài thiếu quyền năng, vì Ngài là Đấng làm được mọi sự. Vấn đề chính là chúng ta thiếu đức tin.

Lo lắng khiến con người bị *biến chất*. Lo lắng khiến chúng ta không tăng trưởng thuộc linh và trở nên giống kẻ vô tín ở thế gian (*Lu-ca 12:30*). Tóm lại lo lắng chính là sự vô tín, là tội lỗi. Làm sao chúng ta có thể làm chứng cho một thế giới hư mất, khuyên kẻ khác đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu trong khi bản thân ta nghi ngờ Đức Chúa Trời và lo lắng về đời này? Rao giảng những điều ta chưa thực hành được thì có ích gì? Ông Peter Marshall, cố Mục sư Tuyên úy của Thượng Viện Hoa Kỳ có lần đã cầu nguyện: “Nguyện những ung nhọt đó không xâm nhập vào đức tin chúng con”.

Chúng ta phải làm sao để đắc thắng sự lo lắng? Trước tiên chúng ta phải hiểu rằng *Đức Chúa Trời biết mọi nhu cầu chúng ta*, nhờ đó chúng ta có thể tin chắc Ngài sẽ đáp ứng cho chúng ta mọi sự. Chúng ta là chiên trong ràn của Ngài, con cái trong gia đình Ngài và thần dân trong vương quốc Ngài, nên Ngài biết nhu cầu của chúng ta đáng được đáp ứng trọn vẹn. Ngài vui lòng ban vương quốc Ngài cho chúng ta, lẽ nào Ngài không ban cho chúng ta mọi sự cần dùng? (xem *Rô-ma* 8:32).

Tuy nhiên, sự vui mừng của Đức Chúa Trời và của cả chúng ta có phải đi đôi với nhau. Chúng ta phải nhìn thế gian từ góc độ thiên đàng và tự hỏi đã đặt Nước Đức Chúa Trời lên trên mọi sự hay chưa. Câu hỏi trọng tâm dành cho chúng ta: “Lòng bạn ở đâu?” Nếu lòng chúng ta hướng về những điều ở thế gian, chúng ta sẽ mắc vào sự lo lắng không dứt. Nếu lòng hướng về sự vĩnh cửu, sự bình an của Đức Chúa Trời sẽ giữ gìn lòng và ý tưởng chúng ta (*Phi-líp* 4:6-9). Chúng ta phải “quên” bản thân mình hầu cho lòng không hướng về vật chất đời này, thậm chí có thể bán hết những gì mình có để giúp kẻ khác (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:44-45; 4:34-35). Không có gì sai phạm nếu giữ của cải, miễn sao những vật chất ấy không “làm chủ” chúng ta.

4. Coi Chừng Sự Thờ Ơ

Lu-ca 12: 35-53

³⁵ Lưng các người phải thắt lại, đèn các người phải thắp lên. ³⁶ Hãy làm như người chờ đợi chủ mình ở tiệc cưới về, để lúc chủ đến gõ cửa thì liền mở.

³⁷ Phước cho những đầy tớ ấy, khi chủ về thấy họ thức canh! Quả thật, ta nói cùng các người, chủ sẽ thắt lưng mình, cho đầy tớ ngồi bàn mình, và đến hầu việc họ. ³⁸ Hoặc canh hai, canh ba, chủ trở về, nếu thấy đầy tớ như vậy thì phước cho họ! ³⁹ Hãy biết rõ, nếu chủ nhà hay kẻ trộm đến giờ nào, thì sẽ tỉnh thức, chẳng để cho nó đào ngạch nhà đâu. ⁴⁰ Các người cũng vậy, hãy चुợc cho sẵn sàng, vì Con người sẽ đến trong giờ các người không ngờ.

⁴¹ Phi-e-rơ bèn thưa Ngài rằng: Lạy Chúa, thí dụ nầy Chúa phán cho chúng tôi, hay là cũng cho mọi người? ⁴² Chúa đáp rằng: Ai là người quản gia ngay thật khôn ngoan, chủ nhà đặt coi cả người nhà mình, để đến dịp tiện, phát lương

phận cho họ? ⁴³ Phước cho đầy tớ ấy khi chủ nhà về, thấy làm như vậy! ⁴⁴ Quả thật, ta nói cùng các người, chủ sẽ cho nó quản lý cả gia tài mình. ⁴⁵ Nhưng nếu đầy tớ ấy tự nghĩ rằng: Chủ ta chậm đến; rồi cứ đánh đập đầy tớ trai và gái, ăn uống say sưa, ⁴⁶ thì chủ nó sẽ đến trong ngày nó không dè, và giờ nó không biết; lấy roi đánh xé da nó, và để cho nó đồng số phận với kẻ bất trung. ⁴⁷ Đầy tớ nấy đã biết ý chủ mình, mà không sửa soạn sẵn và không theo ý ấy, thì sẽ bị đòn nhiều. ⁴⁸ Song đầy tớ không biết ý chủ, mà làm việc đáng phạt, thì bị đòn ít. Vì ai đã được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều; và ai đã được giao cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều hơn.

⁴⁹ Ta đã đến quãng lửa xuống đất; nếu cháy lên rồi, ta còn ước ao chi nữa!

⁵⁰ Có một phép báp-têm mà ta phải chịu, ta đau đớn biết bao cho đến chừng nào phép ấy được hoàn thành! ⁵¹ Các người tưởng ta đến đem sự bình an cho thế gian sao? Ta nói cùng các người, không, nhưng thà đem sự phân rẽ. ⁵² Vì từ nay về sau, nếu năm người ở chung một nhà, thì sẽ phân ly nhau, ba người nghịch cùng hai, hai người nghịch cùng ba; ⁵³ cha nghịch cùng con trai, con trai nghịch cùng cha; mẹ nghịch cùng con gái, con gái nghịch cùng mẹ; bà gia nghịch cùng dâu, dâu nghịch cùng bà gia.

Chúa Giê-xu chuyển đề tài từ sự lo lắng trong hiện tại đến việc tỉnh thức trong ngày sau rốt. Những chủ đề trong *Lu-ca* 12 nối tiếp nhau, vì chờ đợi Chúa trở lại là một trong những phương cách tốt nhất để đắc thắng sự giả hình, tính tham lam, lòng lo lắng. Khi sống trong sự suy nghĩ về tương lai, mọi sự thuộc về thế gian khó có thể vương bận chúng ta. Qua phân đoạn này, Chúa dạy chúng ta phải làm gì để sẵn sàng tiếp Chúa tái lâm.

Chờ đợi và tỉnh thức (Lu-ca 12:35-40). Lễ cưới của người Do Thái được tổ chức về đêm. Tội tớ của chú rể phải chờ chủ mình trở về cùng với cô dâu. Chàng rể không muốn phải chờ lâu ngoài cửa cùng với cô dâu! Nhưng các tội tớ cần phải sẵn sàng làm việc, thắt lưng gọn gàng để dễ dàng đi lại (*I Phi-e-rô* 1:13).

Điều đáng chú ý trong câu chuyện này là chính người chủ *phục vụ* tội tớ mình! Trong lễ cưới của người Do Thái, cô dâu được đối đãi như một nữ hoàng và chú rể giống như vị vua, vì vậy bạn không nghĩ rằng “vua” ấy sẽ *phục vụ* tội tớ mình. Vua của chúng ta sẽ *phục vụ* những tội tớ trung tín của Ngài

khi tiếp chúng ta trong ngày tái lâm đồng thời Ngài sẽ ban thưởng cho sự trung tín của chúng ta: “Tỉnh thức” nghĩa là “sẵn sàng”, “cảnh giác” không bị hụt hẫng vì ngạc nhiên. Đó là thái độ chúng ta cần có đối với sự tái lâm của Chúa Giê-xu. Sự tái lâm của Ngài sẽ giống như “kẻ trộm”, âm thầm và bất ngờ (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:2; *Ma-thi-ơ* 24:43; *Khải Thị* 16:15). Chúng ta phải sẵn sàng!

Robert Murry Mc Cheyne, mục sư khả kính thuộc Hội Trưởng Lão đôi lúc hỏi nhiều người: “Bạn có tin rằng Chúa sẽ trở lại hôm nay không?” Nếu họ nói “không” ông sẽ tiếp: “Vậy bạn nên sẵn sàng vì Ngài sẽ đến vào giờ bạn không ngờ”.

Làm việc (*Lu-ca* 12:41-48). Để chúng ta không nghĩ rằng Chúa chỉ yêu cầu chúng ta tỉnh thức và chờ đợi, Ngài thêm ví dụ này khuyên chúng ta phải làm việc trong lúc chờ đợi Ngài đến. Các sứ đồ có nhiệm vụ nuôi nấng người thuộc về Đức Chúa Trời - đó là Hội Thánh. Nhưng mỗi chúng ta cũng phải làm nhiệm vụ Chúa giao cho cá nhân mình. Chúng ta có nhiệm vụ trung tín cho đến kỳ Chúa tái lâm. Có thể chúng ta không thành công dưới mắt mình hoặc đối với kẻ khác nhưng điều đó không quan trọng. Điều Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi chúng ta là sự trung tín (*I Cô-rinh-tô* 4:2).

Khi đây tớ nghĩ rằng chủ mình sẽ không trở về, đời sống người ấy sẽ tệ hơn. Mối liên hệ của chúng ta đối với người khác tùy thuộc vào mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. Vì vậy nếu không tìm kiếm Đức Chúa Trời chúng ta khó lòng yêu thương kẻ khác. Động cơ khiến Cơ Đốc nhân sống và phục vụ tha nhân phải xuất phát từ lòng khao khát làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và giữ lòng trung tín khi Chúa tái lâm.

Tôi không nghĩ rằng *Lu-ca* 12:46 muốn nói: những tín hữu bất trung sẽ không được cứu, vì chúng ta hưởng thiên đàng là do đức tin nơi Chúa Giê-xu chứ không phải do việc làm (*Ê-phê-sô* 2:8-10; *II Ti-mô-thê* 2:11-13). Chúa sẽ biệt riêng những Cơ Đốc nhân trung tín với Cơ Đốc nhân bất trung. Ngài sẽ thưởng cho người trung tín và cất đi phần thưởng khỏi kẻ bất

trung (*I Cô-rinh-tô* 3:13-15). Sự xét đoán của Đức Chúa Trời rất công bình, dựa trên thái độ của Cơ Đốc nhân đối với ý muốn Ngài. Điều đó không có nghĩa nếu chúng ta càng hiểu biết về Chúa, chúng ta sẽ cảm thấy “dễ chịu” hơn trước ngài phán xét của *Đấng Christ*! Chúng ta phải hiểu biết ý muốn Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 12:2; *Cô-lô-se* 1:9) và tấn tới trong sự thông hiểu về Chúa Giê-xu (*II Phi-e-rơ* 3:18). Chúa Giê-xu muốn đưa ra một nguyên tắc chung: càng được Đức Chúa Trời ban cho nhiều chúng ta càng có trách nhiệm trước Chúa nhiều hơn.

Xung đột (*Lu-ca* 12:49-53). Khi chờ đợi Chúa, chúng ta hãy tỉnh thức và làm việc. Sẽ có thời kỳ khốn khó, vì chúng ta như những “khách lạ” trong lãnh địa của kẻ thù. Hình ảnh Chúa dùng để nói đến sự xung đột như lửa, phép báp-têm, sự phân rẽ. Đối với dân Do Thái, lửa là biểu hiện của sự xét đoán. Khi Chúa Giê-xu đến thế gian, Ngài đã đem đến sự xét đoán này (*Giăng* 9:39-41).

Phép báp-têm Chúa Giê-xu chịu ở câu 50 nói về sự thương khó và sự chết của Ngài, khởi đầu bởi phép báp-têm của Ngài tại sông Giô-đanh (*Thi Thiên* 42:7; *Giô-na* 2:3; *Lu-ca* 11:29-30). Các sứ đồ chắc đã nhận phép báp-têm của sự thương khó khi họ làm chứng về *Đấng Christ* sau lễ Ngũ Tuần.

Lu-ca mở đầu sách bằng lời công bố “Bình an dưới đất” (2:14) nhưng giờ đây Chúa dường như mâu thuẫn với lời hứa này. Chúa thực sự đã ban bình an cho những ai tin nơi Ngài (*Rô-ma* 5:1), tuy nhiên lời tuyên xưng đức tin của họ thường trở thành một lời “tuyên chiến” giữa vòng gia đình và bạn hữu của họ. Chúa Giê-xu chính là nguyên nhân của sự chia rẽ này (xem *Giăng* 7:12, 43; 9:16; 10:19). Dù không có “bình an dưới đất”, vẫn có “bình an trên trời” (*Lu-ca* 19:38) vì Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác Ngài trên thập tự giá.

Sau khi dạy dỗ môn đệ, Chúa xoay qua đoàn dân đông với lời khuyên sau cùng.

5. Coi Chừng Sự Tối Tầm Thuộc Linh

Lu-ca 12:54-59

⁵⁴ Ngài lại phán cùng đoàn dân rằng: Khi các người thấy đám mây nổi lên phương tây, liền nói rằng: Sẽ có mưa; thì quả có vậy. ⁵⁵ Lại khi gió nam thổi, các người nói rằng: Sẽ nóng nực; thì quả có vậy. ⁵⁶ Hỡi kẻ giả hình! Các người biết phân biệt khí sắc của trời đất; vậy sao không biết phân biệt thời nầy? ⁵⁷ Lại sao các người cũng không tự mình xét đoán điều gì là công bình?

⁵⁸ Vậy, khi người đi với kẻ kiện mình đến trước mặt quan tòa, dọc đường hãy gắng sức giải hòa cùng họ, e họ kéo người đến trước mặt quan án, quan án giao cho thầy đội, rồi bỏ tù người chẳng. ⁵⁹ Ta nói cùng người, người trả còn thiếu một đồng tiền, thì không ra khỏi tù được.

Chúa dùng hai minh họa để gây ấn tượng cho đám đông về tầm quan trọng của khả năng phân biệt và kiên nhẫn trong những vấn đề thuộc linh. Trước hết, Ngài nói về thời tiết và kể đến Ngài nói về sự kiện tụng.

Biết phân biện (Lu-ca 12:54-57). Nếu con người biết phân biện những vấn đề thuộc linh như họ hiểu về thời tiết, họ đúng là kẻ khôn ngoan hơn hết. Đám đông có thể biết trước một cơn giông, nhưng không thể thấy trước ngày xét đoán của Đức Chúa Trời. Họ biết nhiệt độ sẽ thay đổi nhưng không hiểu ý nghĩa các dấu lạ qua các thời đại. Dân Do Thái biết những lời tiên tri từ Đức Chúa Trời qua các thế kỷ, vậy lẽ ra họ phải biết công việc Đức Chúa Trời đang làm, nhưng các chức sắc tôn giáo đã dẫn họ đi sai đường.

Thật bi thảm, khi con người hôm nay có thể đoán trước sự dịch chuyển của các thiên thể, phân tích các nguyên tử, thậm chí đưa con người lên mặt trăng, nhưng “mù lòa” về những điều Đức Chúa Trời đang thực hiện giữa thế giới này. Họ biết cách đếm các vì sao, nhưng không biết làm sao để đến được thiên đàng! Thế giới văn minh của chúng ta có sự hiểu biết khoa học rộng lớn, nhưng thiếu sự khôn ngoan thuộc linh.

Kiên nhẫn (Lu-ca 12:58-59). Ai cũng muốn làm bất cứ điều gì để khỏi bị tù, nhưng mấy ai đủ khôn ngoan để thoát khỏi địa ngục? Nếu các luật sư và quan tòa nghiên cứu lời Đức

Chúa Trời kiên nhẫn như họ xem sách luật, họ chắc sẽ đạt đến sự khôn ngoan không thể tìm thấy trong luật pháp. Dân Y-sơ-ra-ên đang tiến gần đến sự phán xét và Đấng xét đoán là Đức Chúa Trời toàn năng, nhưng họ không muốn tìm kiếm thời kỳ bình an (*Lu-ca* 13:34-35). Chúa Giê-xu biết quân đội La Mã sẽ đến phá đổ đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem (19:41-44), tuy vậy Ngài vẫn không thể thuyết phục họ ăn năn tội: Tội lỗi họ ngày càng chồng chất, họ chắc chắn sẽ bị “tính sổ” không thiếu một điều nhỏ nhặt nào.

Chúng ta phải áp dụng những lẽ thật kể trên vào đời sống cá nhân hằng ngày. Nếu biết cơn bão sắp kéo đến, chúng ta phải chuẩn bị mọi thứ để đương đầu với nó. Nếu có lệnh phải ra hầu tòa chúng ta phải tìm một luật sư để bào chữa cho ta trước tòa án. Cơn bão “thịnh nộ” của Đức Chúa Trời đang đến gần, và Đấng xét đoán đang đứng trước cửa! (*Gia-cơ* 5:9).

“Kìa, hiện nay là thì thuận tiện, kìa hiện nay là ngày cứu rỗi (*II Cô-rinh-tô* 6:2).

Hỏi và Đáp

Lu-ca 13

Một sinh viên Do Thái hỏi thầy mình: “Thưa thầy, vì sao mỗi khi con hỏi thầy một câu hỏi, thầy luôn trả lời bằng cách hỏi lại con một câu khác?” Người thầy đáp: “Tại sao ta không làm như vậy?”

Khi tiếp tục hành trình đến Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-xu đã đối diện với bốn hoàn cảnh liên quan đến việc giải đáp những câu hỏi của kẻ khác. Một châm ngôn của người Đức nói rằng: “Đặt câu hỏi với một người khôn ngoan là khởi đầu của sự khôn ngoan”. Không phải ai đặt câu hỏi với Chúa đều do động cơ tốt lành. Tuy nhiên, điều đó cũng không gây trở ngại cho Chúa Giê-xu khi Ngài dạy dỗ họ những điều cần thiết. Tìm hiểu những lời giải đáp của Chúa qua *Lu-ca 13:1-35*, bạn có thể biết nhiều hơn về chính Ngài và chức vụ Ngài cũng như cách sống đạo đẹp lòng Ngài.

1. Câu hỏi Mang Tính Cách Chính Trị: Vấn Đề Công Chính

Lu-ca 13: 1-9

¹ Cũng lúc ấy, có mấy người ở đó thuật cho Đức Chúa Jê-sus nghe về việc Phi-lát giết mấy người Ga-li-lê, lấy huyết trộn lộn với của lễ họ. ² Đức Chúa Jê-sus cất tiếng đáp rằng: Các ngươi tưởng mấy người đó vì chịu khốn nạn đường ấy, có tội lỗi trọng hơn mọi người Ga-li-lê khác sao? ³ Ta nói cùng các ngươi, không

phải; song nếu các người chẳng ăn năn, thì hết thấy sẽ bị hư mất như vậy. ⁴ Hay là mười tám người bị tháp Si-lô-ê ngã xuống đè chết kia, các người tưởng họ có tội lỗi trọng hơn mọi kẻ khác ở thành Giê-ru-sa-lem sao? ⁵ Ta nói cùng các người, không phải; nhưng nếu các người chẳng ăn năn, thì hết thấy cũng sẽ bị hư mất như vậy.

⁶ Ngài lại phán thí dụ nầy: Người kia có một cây vả trồng trong vườn nho mình, đến hái trái mà không thấy; ⁷ bèn nói cùng kẻ trồng nho rằng: Kia đã ba năm nay ta đến hái trái nơi cây vả nầy mà không thấy: Hãy đốn nó đi; cớ sao nó choán đất vô ích? ⁸ Kẻ trồng nho rằng: Thưa chúa, xin để lại năm nầy nữa, tôi sẽ đào đất xung quanh nó rồi đổ phân vào. ⁹ Có lẽ về sau nó sẽ ra trái; bằng không, chúa sẽ đốn.

Thống đốc La Mã Phi-lát không thuận với người Do Thái vì ông thiếu nhạy cảm với những niềm tin tôn giáo của họ. Chẳng hạn như ông đã đem cờ hiệu chính thức của La Mã vào thành Giê-ru-sa-lem gây phẫn nộ cho những người Do Thái vốn không muốn thấy hình ảnh Sê-sa trong Thành Thánh này. Phi-lát doạ sẽ giết những kẻ chống đối, nhưng dân *Do Thái chấp nhận cái chết!* Thấy họ quá cương quyết, Phi-lát bắt gây khó khăn và đem các cờ hiệu đến Sê-sa-rê, dầu vậy sự thù địch vẫn không chấm dứt.

Hành động tàn bạo được nói đến ở *Lu-ca* 13:1 có lẽ xảy ra khi Phi-lát “chiếm đoạt” tiền bạc trong ngân quỹ đền thờ để xây hệ thống dẫn nước. Rất nhiều người Do Thái biểu tình phản đối. Vì vậy Phi-lát sai quân lính *cải trang thường dân* trà trộn vào dân chúng. Với vũ khí bí mật, quân lính đã giết hại nhiều người dân Do Thái vô tội. Hành động đó càng chất thêm lòng căm thù của người Do Thái đối với Thống đốc Phi-lát.

Vì Chúa sắp lên thành Giê-ru-sa-lem, mọi điều Ngài nói về Phi-lát chắc chắn đã được đồn ra. Nếu Ngài làm ngơ trước vấn đề này, dân chúng sẽ tố cáo Ngài đứng về phe La Mã và phản bội dân tộc. Nếu bảo vệ dân Do Thái và tố cáo Phi-lát, Ngài sẽ bị người La Mã gây rắc rối, đồng thời các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ có cơ bắt bớ Ngài. Chúa chuyển vấn đề này sang một mức độ cao hơn và hoàn toàn không quan tâm đến

vấn đề chính trị. Thay vì bàn về tội lỗi *Phi-lát*, Ngài giải quyết tội lỗi của những người đang chất vấn Ngài. Ngài trả lời họ bằng cách hỏi họ một câu khác!

Trước tiên, Ngài chứng minh rằng những bất hạnh của con người không phải luôn luôn là kết quả của sự đoán phạt từ Đức Chúa Trời. Thật sai lầm khi chúng ta thay Đức Chúa Trời và công bố án phạt. Bạn hữu của Gióp cũng phạm sai lầm này khi cho rằng những đau khổ của Gióp là bằng chứng về tội lỗi ông. Nếu nhìn hoạn nạn theo suy nghĩ như vậy, hẳn chúng ta khó lòng giải thích những khổ nạn của các tiên tri và sứ đồ Chúa, ngay cả sự thương khó của Chúa Giê-xu.

Ngài muốn hỏi rằng: “Các người giải thích thế nào về những người bị tháp Si-lô-ê ngã xuống đè chết kia?” Đó không phải là lỗi của Phi-lát, vậy lỗi nơi Đức Chúa Trời chăng? Chúng ta sẽ trách cứ Ngài? Mười tám người bị chết khi họ đang làm việc. Họ không hề chống đối hay làm loạn.

Thi sĩ khiêm thị người Anh tên John Milton khi về già không ai biết đến. Một hôm ông được vua Charles đệ nhị, con trai của vị hoàng đế bị những người Thanh giáo chém đầu, đến thăm. Vua Charles II nói rằng: “Ông bị mù là do Đức Chúa Trời đoán phạt vì đã chống lại cha tôi”. Milton đáp: “Nếu tôi mất đi *ánh sáng* là do Đức Chúa Trời, vậy ngài sẽ nói sao về việc cha ngài bị mất *đầu*?”

Chúa Giê-xu tiếp tục cho thấy kết luận hợp lý của lập luận của họ: Nếu Đức Chúa Trời đoán phạt tội nhân theo cách họ nghĩ, vậy chính họ phải ăn năn vì mọi người đều là tội nhân! Câu hỏi đưa ra không phải là “vì sao những người này chết?” nhưng là “chúng ta phải sống cách nào cho phải lẽ?” Không ai trong chúng ta vô tội, vì vậy tất cả phải dọn lòng mình.

Bàn về cái chết của kẻ khác thật dễ hơn là phải đối diện với tội lỗi chính mình và cái chết có thể xảy ra. Nhà xuất bản tỷ phú William Randolph Hearst không cho phép ai nói đến sự chết khi có mặt ông, thế nhưng *ông cũng đã chết*. Tôi hỏi một người bạn về tỉ lệ tử vong ở thành phố nơi anh sống, anh đáp:

“mỗi người một lần” rồi nói thêm: “Những người chưa chết đang chết.”

Theo sách *Lê-vi Ký* 19:23-25, không được ăn quả của cây mới trồng ba năm, nhưng đến năm thứ tư, trái nó sẽ thuộc về Đức Chúa Trời. Người làm vườn không được sử dụng quả vả cho riêng mình đến năm thứ năm. Nhưng giờ đây anh ta đã chờ *bảy năm* rồi! Dĩ nhiên anh ta muốn đốn bỏ cây không sinh quả này!

Ví dụ trên có ý nghĩa thực tế đối với mỗi cá nhân và đối với dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời là Đấng nhân từ có lòng kiên nhẫn đối với con người (*II Phi-e-rơ* 3:9), muốn chúng ta ăn năn để kết quả trong Ngài (*Ma-thi-ơ* 3:7-10). Ngài có quyền “đốn bỏ” chúng ta, nhưng bởi lòng thương xót, Ngài tha thứ chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta đừng ỷ lại sự nhân từ nhẫn nhục của Ngài, vì ngày xét đoán cuối cùng chắc chắn sẽ đến.

Cây vả này cũng nhắc chúng ta về sự nhân từ của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên (*Ê-sai* 5:1-7; *Rô-ma* 9:1-5) cũng như lòng kiên nhẫn của Ngài đối với họ. Đức Chúa Trời chờ đợi ba năm trong thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ, nhưng dân tộc này không “kết quả”. Sau đó, Ngài chờ bốn mươi năm kế tiếp trước khi cho phép quân đội La Mã dày xéo đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem. Suốt những năm tháng đó, Hội Thánh Chúa đã cho cả dân tộc Y-sơ-ra-ên thấy chứng cứ mạnh mẽ về thông điệp Phúc Âm của Đức Chúa Trời. Cuối cùng, “cây vả này” đã bị đốn bỏ!

Ví dụ này không có kết thúc rõ ràng, nhường cho người nghe tự tìm lấy câu kết luận. Cây vả ấy có sinh trái không? Sự quan tâm đặc biệt ấy có đem lại kết quả gì không? Cây vả ấy được giữ lại hay bị đốn bỏ? Chúng ta không thể trả lời những câu hỏi trên, nhưng *chúng ta có thể trả lời được qua chính đời sống mình!* Một lần nữa, câu hỏi đặt ra không phải là “Điều gì đã xảy đến cho cây vả?” nhưng là “Điều gì sẽ xảy đến cho *tôi?*”

Đức Chúa Trời đang tìm kiếm “quả”. Ngài không chấp nhận

bất cứ sự tránh né nào, nên thời kỳ ăn năn là CHÍNH HỒM NAY. Trong những ngày sắp tới, nếu nghe về một bất hạnh nào trong cuộc sống của người khác, hãy tự hỏi chính mình “Có phải tôi đang choán chỗ vô ích, hay tôi đang kết quả cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời?”

2. Câu Hỏi Liên Quan Đến Luật Pháp: Ngày Sa-bát

Lu-ca 13: 10-21

¹⁰ Một ngày Sa-bát, Đức Chúa Jêsus giảng dạy trong nhà hội kia. ¹¹ Vả, tại đó, có người đàn bà mắc quỷ ám, phải đau liệt đã mười tám năm; cong lưng chẳng đứng thẳng được. ¹² Đức Chúa Jêsus vừa thấy, gọi mà phán rằng: Hỡi đàn bà kia, ngươi đã được cứu khỏi bệnh; ¹³ Ngài bèn đặt tay trên mình người. Tức thì, người đứng thẳng lên được, và ngợi khen Đức Chúa Trời. ¹⁴ Bấy giờ người cai nhà hội nhân Đức Chúa Jêsus đã chữa bệnh trong ngày Sa-bát, thì giận mà cất tiếng nói cùng đoàn dân rằng: Có sáu ngày phải làm việc, vậy hãy đến trong những ngày ấy để được chữa cho, đừng đến trong ngày Sa-bát. ¹⁵ Nhưng Chúa đáp rằng: Hỡi kẻ giả hình, mỗi người trong các người đang ngày Sa-bát, há không mở bò hoặc lừa mình ra khỏi máng cỏ, dắt đi uống nước hay sao? ¹⁶ Con gái của Áp-ra-ham này, quỷ Sa-tan đã cầm buộc mười tám năm, há chẳng nên mở trí cho nó trong ngày Sa-bát sao? ¹⁷ Ngài phán như vậy, thì các kẻ thù nghịch cùng Ngài đều hổ thẹn, và cả dân chúng vui mừng về mọi việc vinh hiển Ngài đã làm.

¹⁸ Vậy, Đức Chúa Jêsus phán rằng: Nước Đức Chúa Trời giống như gì, ta lấy chi mà sánh với? ¹⁹ Nước ấy giống như một hạt cải, người kia lấy gieo trong vườn; nó mọc lên trở nên cây cối, và chim trời làm ổ trên nhà n.

²⁰ Ngài lại phán rằng: Ta sẽ sánh nước Đức Chúa Trời với gì? ²¹ Nước ấy giống như men, người đàn bà kia lấy trộn vào ba đấu bột, cho đến chừng bột dậy cả lên.

Sự chữa bệnh (Lu-ca 13:10-13). Nếu bị bại suốt mười tám năm, tôi không biết mình sẽ trung tín thờ phượng Đức Chúa Trời hằng tuần nơi nhà hội hay không? Có lẽ người đàn bà này cầu nguyện nhiều với Đức Chúa Trời nhưng chưa được chữa lành. Có vẻ như Đức Chúa Trời không quan tâm đến bà, nhưng điều này không làm cho bà trở nên cay đắng hay oán giận! Bà vẫn ở trong nhà hội.

Là người từng cảm thông với nhu cầu kẻ khác, Chúa Giê-

xu nhìn thấy người đàn bà này và gọi bà đến gần. Có lẽ những người trong nhà hội dường như xem việc Chúa gọi người đàn bà bại liệt này vào là thiếu tế nhị nhưng Ngài phải làm việc của Ngài. Một lý do khác, Sa-tan đã có mặt trong nhà hội nên Chúa muốn chỉ nó ra và đánh bại nó. Ngài cũng muốn người đàn bà giúp Ngài dạy những người trong nhà hội một bài học ý nghĩa về sự tự do.

Không chỉ Sa-tan khiến con người cúi đầu khuất phục nó nhưng tội lỗi (*Thi Thiên* 38:6), buồn rầu (*Thi-Thiên* 42:5) và hoạn nạn (*Thi Thiên* 44:25) cũng chất thêm gánh nặng trên họ. Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có thể giải thoát những kẻ bị “giam cầm”. Ngài phán một lời, đặt tay trên người đàn bà khiến bà lành bệnh và ngợi khen Đức Chúa Trời! Đó là sự phục vụ trong nhà hội mà mọi người không bao giờ quên.

Sự phẫn nộ (*Lu-ca* 13:14). Thay vì vui mừng và ca ngợi Đức Chúa Trời, người cai nhà hội (xem *Lu-ca* 8:41) rất giận dữ. Ông không có can đảm bày tỏ sự giận dữ với Chúa Giê-xu, nên quát tháo những người trong nhà hội. Càng suy nghĩ về lời chỉ trích của ông ta, bạn sẽ càng cảm thấy nực cười. Giả sử người ta đem đến những người bệnh, ai sẽ chữa lành họ? Ông ta có quyền năng để làm điều đó không? Nếu có thể làm được, tại sao ông ta không sử dụng nó để cứu kẻ khác trước? Thật là kẻ giả hình hèn nhất.

Xiềng xích trói buộc người cai nhà hội này còn tệ hại hơn tình trạng của người đàn bà. Sự trói buộc của bệnh hoạn chỉ ảnh hưởng đến thân thể người đàn bà nhưng người cai nhà hội này đã bị trói buộc lòng và trí bởi truyền thống đến nỗi đã chống nghịch với Con Đức Chúa Trời! Elbert Hubbard đã gọi truyền thống là “chiếc đồng hồ cho ta biết thời giờ”. Người cai nhà hội không thể “phân biệt thời gian này” (12:56) nên đáng bị lên án.

Lời xác minh (*Lu-ca* 13:15-17). Chúa Giê-xu có thể chữa lành người đàn bà này bất cứ ngày nào khác trong tuần. Nói cho cùng, bà đã đau khổ suốt mười tám năm và nếu chịu thêm

một ngày nữa thì cũng chẳng sao nhưng Ngài dứt khoát chọn ngày Sa-bát vì Ngài muốn dạy một bài học về sự tự do. Hãy để ý các từ “cứu”, “mở”, “mở trời” (*Lu-ca* 13:12, 15-16).

Trước tiên, Chúa bảo vệ người đàn bà và quả trách người cai nhà hội. Chúa nhắc ông ta rằng ông đã đối đãi với súc vật còn tử tế hơn đối với người đàn bà nghèo khổ này. Lời cáo ấy cũng dành cho những người có mặt trong nhà hội. Chúa dạy: Nếu Đức Chúa Trời cho phép con người chăm sóc gia súc trong ngày Sa-bát, lẽ nào Ngài không muốn chúng ta chăm sóc những con người khốn khổ được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Bất cứ hình thức nào cản trở chúng ta giúp đỡ kẻ khác, đều không đến từ Đức Chúa Trời. Thật ra, người ta dễ dàng dùng hình thức để viện cớ không quan tâm đến kẻ khác.

Chúa phán rằng người đàn bà này là “con gái của Áp-ra-ham” để chỉ về tình trạng thuộc linh của bà chứ không phải sự sinh ra của thể xác (*Ga-la-ti* 3:7; *Lu-ca* 19:9). Mọi phụ nữ Do Thái có mặt tại nhà hội đều là con gái Áp-ra-ham. Phải chăng điều này muốn nói rằng người đàn bà đã được đổi mới *trước* khi được Chúa chữa lành? Nếu vậy, bà là tín hữu duy nhất thời Tân Ước bị bại liệt vì bị ma quỷ hành hại (chúng ta không biết chắc “cái giằm xóc vào thịt” của Phao-lô là gì, hay nói chính xác hơn, chúng ta không biết Sa-tan sử dụng giằm xóc đó ra sao để tấn công Phao-lô - xem *II Cô-rinh-tô* 12:1-21).

Có lẽ đây là vấn đề về ngữ nghĩa, nhưng tôi muốn nói đến công việc của ma quỷ trong đời sống các tín hữu giống như “sự tấn công của ma quỷ” chứ không phải “sự chiếm hữu” của nó. Thật ra, tiếng Hy Lạp của nhóm từ này có nghĩa là “bị quỷ ám”, vì vậy chúng ta không cần phải nghĩ đến từ “chiếm hữu” theo nghĩa thuộc về không gian. Sa-tan chắc chắn có thể tấn công vào thân thể và tâm trí con cái Đức Chúa Trời. Đôi khi sự tấn công đó có thể kéo dài nhiều năm cho đến khi công việc ma quỷ bị phát hiện ra. Không phải mọi bệnh tật đều do ma quỷ gây ra (*Lu-ca* 6:17-19), nên chúng ta đừng “đổ”

hết lỗi lầm cho Sa-tan.

Có một số người trong nhà hội muốn tố cáo Chúa Giê-xu vì Ngài vi phạm luật Sa-bát, nhưng Ngài khiến họ quá xấu hổ đến nỗi chẳng nói được gì. Bài học Ngài đưa ra thật rõ ràng: Sa-tan đưa con người vào xiềng xích trói buộc, nhưng con người sẽ được tự do thật sự nếu tin cậy nơi Đấng Christ. Đức Chúa Trời muốn ban cho chúng ta là “sự yên nghỉ trong tâm hồn” trong ngày Sa-bát, bởi ân sủng Đức Chúa Trời chứ không bởi làm theo những thủ tục của lễ nghi (*Ma-thi-ơ* 11:28-30).

Ví dụ trong *Lu-ca* 13:18-21 có lẽ được Chúa nói với những người trong nhà hội trước khi Chúa Giê-xu và mười hai sứ đồ rời khỏi nhà hội. Trước đây, Ngài cũng từng dạy về những ví dụ này và các môn đệ đều hiểu (*Ma-thi-ơ* 13:31-33,51). Qua những ví dụ ấy, có thể thấy hình ảnh bên ngoài về sự phát triển của Nước Đức Chúa Trời (hột cải) và ảnh hưởng bên trong của Nước Đức Chúa Trời (men). Khi dùng những ví dụ ấy, Chúa muốn nói: “Các ngươi là những chức sắc tôn giáo Do Thái có thể duy trì những nghi lễ vô nghĩa và chống đối lẽ thật, nhưng vương quốc đời đời của Đức Chúa Trời vẫn đang phát triển. Sa-tan sẽ bị đánh bại!

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nhớ hai vấn đề nữa. Thứ nhất, Chúa đã dùng ví dụ về men như hình ảnh của điều ác (*Lu-ca* 12:1) và Ngài dường như không mâu thuẫn với chính mình. Thứ hai, ý nghĩa của *Ma-thi-ơ* 13 nói về sự chống nghịch và Nước Đức Chúa Trời dường như bị đánh bại chứ không chinh phục được thế gian. Vâng, đúng vậy, sẽ có đắc thắng cuối cùng, nhưng đồng thời nhiều hạt giống gieo ra sẽ không kết quả. Sa-tan sẽ gieo ra mọi điều giả dối, cá tốt và cá xấu sẽ đều ở trong một lưới. Qua lịch sử Hội Thánh và qua những báo cáo mới nhất, tôi không thấy có bằng chứng nào chứng tỏ Nước Đức Chúa Trời đã lan rộng khắp thế giới. So với sự gia tăng dân số, chúng ta đang bị mất đất!

Người Do Thái đều biết Kinh Thánh và hiểu những hình ảnh Chúa dùng. “Men” tiêu biểu cho điều ác (*Xuất Ê-díp-tô*

Ký 12:14-20 và “cây” lớn mạnh tượng trưng cho vương quốc lớn mạnh ở thế gian (*Đa-ni-ên* 4:20-22; *Ê-xê-chi-ên* 17:22-24; 31:3-9). Hạt cải sẽ sinh cây cải nhỏ chứ không phải cây lớn. Nước Đức Chúa Trời sẽ bị ảnh hưởng bởi những lời dạy giả dối (*Ga-la-ti* 5:1-9) Hạt giống nhỏ (“Bầy nhỏ” *Lu-ca* 12:32) sẽ mọc lên trong tình trạng đó và là nơi trú ngụ của Sa-tan (*Ma-thi-ơ* 13:19). Hội Thánh hôm nay có thể rơi vào hai tình trạng trên.

3. Câu Hỏi Mang Tính Cách Thần Học: Sự Cứu Rỗi

Lu-ca 13: 22-30

²² Đức Chúa Jê-sus trải qua các thành các làng, vừa dạy dỗ vừa đi thẳng tới thành Giê-ru-sa-lem. ²³ Có người thưa Ngài rằng: Lạy Chúa, có phải chỉ ít kẻ được cứu chăng? ²⁴ Ngài đáp rằng: Hãy gắng sức vào cửa hẹp, vì, ta nói cùng các người, nhiều người sẽ tìm cách vào mà không vào được. ²⁵ Khi chủ nhà chờ dậy, đóng cửa lại rồi, các người ở ngoài gõ cửa kêu rằng: Lạy Chúa, xin mở cho chúng tôi! Chủ sẽ trả lời rằng: Ta không biết các người đến từ đâu. ²⁶ Bấy giờ các người sẽ thưa rằng: Chúng tôi đã ăn uống trước mặt Chúa, và Chúa đã dạy dỗ trong các chợ chúng tôi. ²⁷ Chủ lại sẽ trả lời rằng: Ta nói cùng các người, không biết các người đến từ đâu; hết thầy những kẻ làm dữ kia, hãy lui ra khỏi ta! ²⁸ Khi ấy, các người thấy Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, cùng hết thầy các đấng tiên tri đều ở trong nước Đức Chúa Trời, còn các người sẽ bị quăng ra ngoài, là nơi có khóc lóc và nghiến răng. ²⁹ Lại từ Đông Tây Nam Bắc, người ta sẽ đến mà ngồi bàn ở trong nước Đức Chúa Trời. ³⁰ Nay, khi ấy có kẻ rốt sẽ nên đầu, kẻ đầu sẽ là rốt.

Những sự kiện được chép ở sách *Giăng* đoạn 9 và 10 rất hợp nghĩa nếu được xen vào giữa các câu 21 và 22 của đoạn 13. Trong *Giăng* 10:40-42, Chúa Giê-xu rời khỏi Giu-đê và qua bên kia sông Giô-đanh. Các sự kiện trong *Lu-ca* 13:22-17:10; xảy ra ở Perea khi Chúa Giê-xu đang trên đường đến thành Giê-ru-sa-lem.

Các thầy dạy luật thường bàn luận về vấn đề bao nhiêu người sẽ được cứu. Có người hỏi ý Chúa Giê-xu về vấn đề này. Giống như câu hỏi về Phi-lát, Chúa chuyển ngay đề tài này thành vấn đề dành cho cá nhân. “Câu hỏi không phải là

có bao nhiêu người được cứu, nhưng là các *người* có được cứu hay không?" Hãy giải quyết vấn đề ấy trước, sau đó chúng ta có thể bàn luận những gì mình có thể làm được để giúp kẻ khác nhận được sự cứu rỗi.

Đôi khi tôi cũng nhận được một số thư từ các thánh giả radio, họ muốn bàn luận về thuyết tiền định, sự chọn lựa và những học thuyết phức tạp khác. Khi trả lời, tôi luôn hỏi họ về đời sống cầu nguyện của họ, sự làm chứng và công việc họ làm nơi Hội Thánh địa phương. Câu hỏi ấy khiến cho quan hệ thư từ thường chấm dứt sau đó! Nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân, muốn bàn luận những học thuyết thâm sâu này nhưng lại không muốn áp dụng vào thực tiễn bằng cách đem người khác đến với Chúa Giê-xu Christ! Ông D. L. Moody cầu nguyện rằng: "Lạy Chúa, xin Ngài hãy cứu những kẻ được chọn và hãy chọn thêm nhiều người!"

"Nhiều người sẽ tìm cách vào mà không vào được" (*Lu-ca* 13:24) Vì sao? Ví dụ này sẽ cho chúng ta biết tại sao và nó tập trung chủ yếu vào người Do Thái thời bấy giờ. Tuy nhiên đó cũng có một ứng dụng cá nhân cho mỗi chúng ta hôm nay.

Chúa Giê-xu phác hoạ hình ảnh Nước Đức Chúa Trời như một yến tiệc lớn, trong đó khách quý là các trưởng lão và tiên tri (*Lu-ca* 13:28). nhiều người được mời nhưng họ do dự quá lâu, khi họ đến bữa tiệc thì đã quá trễ, cửa đã đóng (xem *14:15-24; Ma-thi-ơ* 22:1-14).

Vì sao họ do dự quá lâu? Qua câu chuyện, ta thấy có nhiều lý do. Trước tiên, sự cứu rỗi không phải dễ dàng nhận được. Tội nhân phải bước vào "cửa hẹp" và bước đi trên "con đường hẹp" (*Lu-ca* 13:24; 9:23). Những kẻ sống theo thế gian đều đi trên con đường khoáng khoáng dẫn đến sự hư mất (*Ma-thi-ơ* 7:13-14). Đối với họ, đi con đường rộng này thật dễ chịu.

Một lý do khác về sự trì hoãn của họ chính là "cảm giác an tâm" của họ. Chúa Giê-xu ở giữa họ, thậm chí ăn chung với họ và đồng công với họ, *thế nhưng họ chưa từng tin cậy Ngài*. Đức Chúa Trời đã ban cho dân tộc này nhiều đặc ân và cơ hội,

nhưng họ đã sống cách thờ ơ và lãng phí (*Lu-ca* 10:13-16). Đức Chúa Trời là Đấng nhẫn nhục, nhưng khi “giờ đã điểm”, Ngài buộc phải “đóng cửa”.

Sự kiêu ngạo cũng là một lý do trong sự trì hoãn của họ: họ không muốn hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời. Dưới mắt họ, họ là kẻ đứng đầu, nhưng đối với Đức Chúa Trời họ là kẻ sau rốt. *Dân ngoại sẽ đến thay chỗ họ* (*Ma-thi-ơ* 21:43). Bạn tưởng tượng xem, những “con chó dân ngoại” ô uế ngồi trong yến tiệc cùng Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp trong khi những người Do Thái vô tín bị bỏ ra ngoài!

Những kẻ này bị hư mất vì tin rằng tôn giáo cũ rích kia có thể cứu rỗi họ; nhưng Chúa Giê-xu xem họ như “kẻ làm dữ”, không phải “kẻ làm việc lành” (*Ê-sai* 64:4; *Tít* 1:16). Không phải bởi sự sùng bái những lễ nghi tôn giáo có thể giúp con người bước vào Nước Đức Chúa Trời!

Chúa Giê-xu đưa ra một lý do chính: ...“các người chẳng muốn” (*Lu-ca* 13:34). Tâm trí họ từng được Lời Chúa dạy dỗ (*Lu-ca* 13:26) và tấm lòng họ từng bị khuấy động bởi những công việc quyền năng của Chúa, nhưng họ vẫn “cứng đầu” và không hạ mình trước Ngài. *Đây là hậu quả bi thảm của sự trì hoãn*. Tội nhân càng do dự lâu, tấm lòng họ càng trở nên cứng cõi”. Ngày nay, nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng” (*Hê-bơ-rơ* 4:7).

Nhạc sĩ người Tây Ban Nha Manuel de Falla có tiếng chẳng hồi âm thư từ nhận được. Khi nghe tin một người bạn qua đời, anh ta nói: “Thật tội nghiệp! Anh ta chết trước khi tôi hồi âm bức thư anh ta gửi tôi cách đây năm năm!”

Khi tội nhân khước từ lời mời của *Đức Chúa Trời* đến dự yến tiệc, *họ là những kẻ hư mất*. Họ phải bị gạt ra khỏi niềm vui thiên đàng và bị đoán phạt nơi có “khóc lóc và nghiến răng” (*Lu-ca* 13:28). Đây là hình ảnh của những con người đấng cay hối tiếc vì nhận ra mình đại dột biết bao khi khước từ Đức Chúa Trời. Than ôi, đã quá trễ! Một trong những đau khổ cực độ nơi hỏa ngục sẽ là nhớ lại những cơ hội đã bị bỏ qua!

Vậy, đâu là giải pháp? “Hãy gắng sức vào cửa hẹp” (*Lu-ca* 13:24). Từ “*gắng sức*” trong thể thao mô tả một vận động viên cố hết sức để thắng cuộc tranh tài. Nếu hôm nay con người cũng dồn mọi nỗ lực vào những công việc thuộc linh như trong thể thao, chắc chắn họ sẽ được đổi mới nhiều hơn.

4. Câu Hỏi Cá Nhân Về Sự Nguy Hiểm

Lu-ca 13: 31-35

³¹ Cũng trong lúc đó, có mấy người Pha-ri-si đến thưa Ngài rằng: Thầy nên bỏ chỗ này mà đi, vì vua Hê-rốt muốn giết thầy. ³² Ngài đáp rằng: Hãy đi nói với con chồn cáo ấy rằng: Ngày nay, ngày mai, ta đuổi quỷ chữa bệnh, đến ngày thứ ba, thì đời ta sẽ xong rồi. ³³ Nhưng ngày nay, ngày mai, và ngày kia ta phải đi, vì không có lẽ một đấng tiên tri phải chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem.

³⁴ Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, người giết các tiên tri, và quăng đá các đấng chịu sai đến cùng người, ghe phen ta muốn nhóm họp con cái người, như gà mái túc và ấp con mình dưới cánh, mà các người chẳng muốn! ³⁵ Này, nhà các người sẽ bỏ hoang. Ta nói cùng các người, các người không còn thấy ta nữa cho đến chừng nào sẽ nói rằng: Phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến!

Chúa Giê-xu ở lại Perea nơi Hê-rốt An-ti-pa con trai vua Hê-rốt Đại đế cai trị. Người Pha-ri-si muốn Chúa Giê-xu trở lại xứ Giu-đê nơi các chức sắc tôn giáo có thể dò xét Ngài và gài bẫy Ngài. Vì thế, họ cố dọa dẫm để đẩy Ngài đi.

Vua Hê-rốt bối rối khi nghe những việc Chúa Giê-xu làm và lo sợ rằng Giảng Báp-tít người bị ông giết hại có lẽ đã sống lại (*Lu-ca* 9:7-9). Thật ra Hê-rốt một mặt cũng muốn gặp Chúa Giê-xu để xem Ngài làm phép lạ (23:8). Tuy nhiên, lòng Hê-rốt có lẽ đã trở nên cứng cõi vì giờ đây ông hăm dọa giết Chúa Giê-xu. Lời cảnh cáo của người Pha-ri-si (13:31) chắc chắn là sự thật nếu không Chúa Giê-xu đã không rời đi nơi khác.

Chúa chúng ta không sợ nguy hiểm. Ngài sống theo giờ giấc của Đức Chúa Trời, nên không điều gì có thể làm tổn hại đến Ngài. Ngài đang thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời theo giờ giấc Cha trên trời đã định (*Giăng* 2:4; 7:30; 8:20; 13:1;

17:1). Từ buổi sáng thế, Con Đức Chúa Trời đã được định trước phải chịu đóng đinh trong thành Giê-ru-sa-lem trong lễ Vượt Qua (*I Phi-e-rơ* 1:20; *Khải Thị* 13:8) và cả vua Hê-rốt cũng không thể ngăn trở ý muốn Đức Chúa Trời. Trái lại, kẻ thù của Chúa đã khiến ý muốn Đức Chúa Trời được ứng nghiệm (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:23; 3:13-18).

Chúa Giê-xu so sánh Hê-rốt với con cáo, một con vật mà dân Do Thái rất thù ghét (*Nê-hê-mi* 4:3). Nổi tiếng về sự xảo quyệt, loài cáo là một minh họa thích đáng về vua Hê-rốt - một con người độc ác. Chúa Giê-xu mang một trọng trách và Ngài muốn hoàn thành nhiệm vụ. Tóm lại, Ngài đã bước đi trong sự sáng (*Giăng* 11:9-10; 9:4) và loài chồn cáo săn mồi trong bóng tối!

Chúa Giê-xu cũng nhấn nhủ một lời với dân tộc Ngài: “Không lẽ một đấng tiên tri phải chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem” (*Lu-ca* 13:33). Lời này giống với lời Ngài phán cùng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si trong *Lu-ca* 11:47-51. Dân này không chỉ khước từ lời mời yêu thương của Đức Chúa Trời tại yến tiệc của Ngài, nhưng còn giết hại những tôi tớ được sai đến với mình (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:27).

Lòng Chúa tan vỡ khi thấy sự vô tín và chống đối đầy dẫy quanh Ngài, và Ngài chột biểu lộ cảm xúc mạnh mẽ về tình cảnh bi đát của dân tộc Do Thái. Đây là tiếng kêu nức nở về nỗi thống khổ, không phải là lời phẫn nộ. Lòng Ngài đau đớn vì thương xót dân tộc này.

Con gà mái và đàn gà con gợi lên hình ảnh gia đình đối với nhà nông như dân Do Thái (*Thi Thiên* 91:4). Vài chỗ trong Kinh Thánh Cựu Ước nói về “cánh”, đó là cánh của các chê-ru-bin trong nơi chí thánh ở đền thờ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:20; *Ru-tơ* 2:12; *Thi Thiên* 36:7-8; 61:4). Gà mái tức đàn gà con khi nó thấy nguy hiểm đang đến. Người Pha-ri-si báo cho Chúa rằng Ngài đang gặp nguy hiểm, nhưng thật sự họ mới là những kẻ đang ở trong sự nguy hiểm!

Trong nỗi thống khổ này, Chúa Giê-xu muốn nói với cả

dân tộc Do Thái chứ không chỉ với những người Pha-ri-si muốn khiêu khích Ngài. Dân này đã được ban cho quá nhiều cơ hội để ăn năn tội nhằm hưởng sự cứu rỗi, nhưng họ đã khước từ lời kêu gọi của Ngài. “Nhà” ở đây chỉ về dòng họ của Gia-cốp (nhà Y-sơ-ra-ên) và đền thờ (nhà Đức Chúa Trời), cả hai sẽ bị “bỏ hoang”. Thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ đã bị phá đổ và dân tộc này bị tản lạc khắp nơi trên thế giới.

Sẽ có một ngày mai dành cho dân Y-sơ-ra-ên. Thời giờ ấy sẽ đến khi Đấng Mết-si-a của họ trở lại và mọi người đều chứng kiến. Họ sẽ nói: “Phước cho Đấng nhưn danh Chúa mà đến” (*Lu-ca* 13:35) (*Thi Thiên* 118:26). Một số người đã cất lên lời ca ngợi này khi Chúa tiến vào Giê-ru-sa-lem (*Lu-ca* 19:38). Tuy nhiên, lời ca ngợi này sẽ trọn vẹn khi Chúa trở lại trong sự vinh hiển (*Ma-thi-ơ* 24:30-31; *Xa-cha-ri* 12:10; 14:4).

Nhà Y-sơ-ra-ên đã bị hoang vu. Dân tộc họ không có vua cai trị hoặc thầy tế lễ, không đền thờ, không của lễ (*Ô-sê* 3:4-5). Tuy nhiên Đức Chúa Trời có lời hứa rằng Ngài sẽ không bỏ dân này (*Rô-ma* 11:1). Không thể có sự bình an trên đất cho đến kỳ Vua Bình An ngự trên ngôi Đa-vít (*Ê-sai* 9:6; 11:1).

“Hãy cầu hòa bình cho Giê-ru-sa-lem!” (*Thi Thiên* 122:6)
 Hãy gắng sức vào Cửa Hẹp!

Hãy Có Lòng Thương Xót!

Chúa Cứu Thế Giê-xu tự xưng là “Con Người.” Ngài bày tỏ lòng trắc ẩn đối với mọi hạng người trong xã hội. Người tội lỗi, kẻ bị ruồng bỏ... người tuyệt vọng, kẻ vỡ lòng... phụ nữ, trẻ em... khi tìm gặp Ngài đều được đáp ứng nhu cầu.

Với tập giải nghĩa này, Warren W. Wiersbe giúp chúng ta hiểu rõ hơn lòng thương xót của Đức Chúa Trời và nhờ đó chúng ta được khích lệ bày tỏ lòng thương xót những kẻ khốn cùng bằng những việc làm cụ thể.

Warren W. Wiersbe

Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Trường viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.

văn phẩm nguồn sống

Vietnam Ministries, Inc.

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943